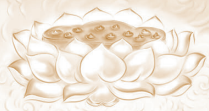


ẤN QUANG
PHÁP SƯ
VĂN SAO



ẨN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO

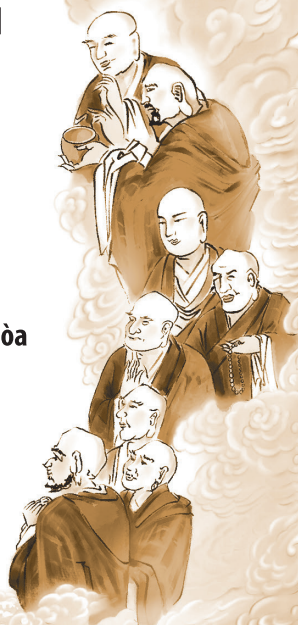
TẶNG QUẢNG CHÁNH BIÊN

QUYỂN I

Hán văn: **Đại sư Ẩn Quang**
Chuyển ngữ: **Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa**
Giáo chánh: **Minh Tiến & Huệ Trang**



Nhà xuất bản Hồng Đức



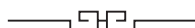
Tất cả kinh sách của Ấn Tạo Kinh Văn đều cúng dường không bán.
Quý vị muốn thỉnh kinh sách xin liên hệ Fanpage: Ấn Tạo Kinh Văn



Ngoài ra có thể nghe pháp âm tại:
Kênh Youtube: Ấn Tạo Kinh Văn / Kênh Spotify: Ấn Tạo Kinh Văn

HOAN NGHÈNH LƯU THÔNG - CÔNG ĐỨC VÔ LƯỢNG

LỜI GIẢI BÀY



Nếu là một liên hữu Việt Nam, có lẽ không ai không biết đến đại sư Ấn Quang qua dịch phẩm Thiền Tịnh Quyết Nghi của hòa thượng Trí Tịnh và Lá Thư Tịnh độ của cố hòa thượng Thiền Tâm. Khi đọc Lá Thư Tịnh Độ, chúng tôi vẫn luôn kỳ vọng sau này có thiện duyên sẽ được đọc toàn bộ Ấn Quang Văn Sao. Khi được quen biết với đạo hữu Vạn Từ, anh nhiều lần khuyên chúng tôi khi nào có dịp hãy cố dịch toàn bộ tác phẩm này sang tiếng Việt, bởi lẽ văn từ của tổ càng đọc càng thấm, càng thấy có lợi ích. Những giáo huấn của tổ rất gần gũi, hữu ích cho thời đại chúng ta, nhất là những giáo huấn về tín hạnh nguyện, xử thế, tu trì... Khi được biết chúng tôi chưa có nguyên bản Ấn Quang Văn Sao, anh đã sốt sắng lái xe đến khắp các chùa người Hoa trong vùng Nam California để tìm cho



được một bản, nhưng cơ duyên chưa tới, vẫn không sao tìm được. Ngay tại một đạo tràng lớn như Phật Quang Sơn Tây Lai Tự vẫn không có một bản Ấn Quang Văn Sao nào. Mãi đến mùa Hạ năm 2001, đạo hữu Minh Lập từ Seattle mới tìm được cho mặt nhân bộ Ấn Quang Văn Sao (do chùa Từ Nguyên ấn tống, không rõ năm in, và được thí tặng bởi chùa Địa Tạng Viên Quang Tự) và Ấn Quang Gia Ngôn Lục (do Phật Quang Viện ở Bản Kiều, Đài Loan, 1982 ấn hành, cũng do chùa Địa Tạng thí tặng). Khi nghe tin đã tìm được Ấn Quang Văn Sao, đạo hữu Vạn Từ mừng rỡ khôn xiết, anh khẩn khoản mặt nhân hãy ráng dịch cho được dấu chỉ vài phần trọng yếu của tác phẩm này, nhưng do tánh ngại khó cũng như do nhiều chướng duyên, mặt nhân đành thoái thác, không đáp ứng ý nguyện của người bạn đạo thân kính.

Mãi đến giữa hè 2003, nhân đạo hữu Vinh Quyền yêu cầu lần nữa, mặt nhân mới đánh bạo tạm dịch thử bản Gia Ngôn Lục. Khi đó, sau khi đọc và sửa lỗi bản dịch, các đạo hữu Huệ Trang và Vạn Từ đã tha thiết yêu cầu hãy dịch toàn bộ Ấn Quang Văn Sao, bởi lẽ nếu không đọc được toàn bộ một lá thư, chỉ đọc một vài đoạn trích thì khó thể cảm nhận trọn vẹn ý tứ. Nhưng nhìn vào kích thước của bộ sách này, mặt nhân thật e ngại sức mình không thể kham nổi, đành khất lần: *“Nếu ba năm sau không ai dịch tác phẩm này, tôi sẽ đánh liều dịch thử.”* Rồi như một nhân duyên ước hẹn, cuối năm 2003, đạo hữu Minh Tiến từ California lại

gởi tặng một bộ Ấn Quang Văn Tập hoàn chỉnh (gồm Ấn Quang Văn Sao, Ấn Quang Văn Sao Tam Biên và Ấn Quang Văn Sao Tục Biên) do Cổ Tấn Báo Ân Niệm Phật Đường ấn hành năm 2002 và bộ Linh Phong Tông Luận (do liên xã Đài Trung ấn hành). Những tác phẩm này do Tịnh tông Học hội Los Angeles lưu thông. Mỗi lần nhìn vào hai bộ sách ấy đặt trên bàn, mặt nhân lại cảm thấy áy náy vì chưa đáp đền những ân tình của các bạn đạo đã dành cho mình. Nay dấu thời hạn ba năm chưa đến, nhưng quang âm trôi qua vùn vụt, lúc này không làm, e vô thường chợt đến, có muốn làm cũng không kịp nữa!

Đã biết mình không đủ sức mà vẫn cố gượng làm, quả thật là dối mình, dối người, tội ương khó tránh khỏi. Thế nhưng, ngẫm lời các đạo hữu đã khuyên: “Cứ cố hết sức mình ngõ hầu pháp nhũ của chư tổ phần nào được thể hiện, như sữa đem pha nước dầu nhạt vẫn còn đôi chút vị sữa”, mặt nhân vẫn thầm mong được tam bảo gia hộ để không phạm lỗi xuyên tạc ý tổ, ý kinh quá đáng đến nỗi lương phương trở thành độc dược. Chỉ e nghiệp chướng sâu dày, kiến văn quả lậu, kiến giải quá lệch lạc đến nỗi thâm ý, bản hoài của tổ bị diễn đạt sai lệch hoàn toàn, không đem lại chút lợi ích còn con nào cho các liên hữu.

Ngưỡng mong, bản dịch nháp này sẽ khiến những bậc đại tâm đại đức, kiến văn quảng bác xót thương, rủ lòng từ bi phủ chính hoặc dịch lại toàn bộ cho chánh xác khiến cho hành nhân Tịnh độ Việt Nam sẽ được lãnh hội



đúng dẫn giáo huấn quý báu của tổ Ấn Quang. Còn nếu như việc làm liễu lĩnh này có chút phần công đức nào, xin hồi hướng đến bốn sư Thượng Tọa^{thượng} Giải^{hạ} Thắng, tọa chủ Bửu Quang Tự, quận 7, Sài Gòn, lịch đại phụ mẫu, sư trưởng, tông thân, cùng các đạo hữu Vạn Từ, Minh Lập, Minh Tiến, Huệ Trang, các liên hữu thuộc Tịnh tông Học hội Đài Loan, cùng hết thầy pháp giới chúng sanh đều được vãng sanh Cực Lạc. Còn như nếu việc làm liễu lĩnh này tạo thành tội nghiệp, xin tự mình gánh chịu tội ương, không dám liên lụy ân sư và những liên hữu đã hỗ trợ, khuyến khích, chịu thương chịu khó cùng mình trong suốt thời gian qua.

Ngày 13 tháng 07 năm 2005
Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa kính bạch



I. THƯ TỪ



1. Thư gửi hòa thượng Thế An chùa Đại Hưng Thiện

(Trong bản cáo năm Mậu Tuất, đối với giáo - hạnh - lý, chỉ luận về giáo, nay dùng giáo lý để phân định giáo, dùng hạnh quả để ước định căn cơ, tức là nương vào giáo lý để khởi hạnh, hạnh viên mãn mới chứng được quả)

Giáo, lý, hạnh, quả là cương tông¹ của Phật pháp. Nhớ Phật niệm Phật thật là đường tắt để đắc đạo. Xưa kia, tu pháp nào cũng đều đủ cả bốn điều này; nhưng trong hiện thời, nếu bỏ Tịnh độ thì chứng quả hoàn toàn không có. Bởi lẽ cách thánh² đã xa, căn tánh con người tệ kém, không cậy vào Phật lực, quyết khó được giải thoát. Như pháp môn Tịnh độ vừa

1 Cương tông: Cương lãnh và tông chỉ.

2 Cách thánh: Ý nói cách Phật, cách Bồ-tát và thánh chúng đã lâu.



nói đó, nhiếp khắp các căn thượng, trung, hạ, cao vượt trời Giới, Giáo, Thiên tông, thật là chư Phật tâm bi triệt để, chỉ cho chúng sanh thể tánh vốn sẵn đủ, gộp tam thừa ngũ tánh³ cùng về Tịnh vực⁴, dạy thượng thánh hạ phàm cùng chứng chân thường. Chúng sanh trong chín pháp giới là khỏi pháp này, trên thì chẳng thể viên thành Phật đạo; mười phương chư Phật bỏ pháp này, dưới thì chẳng thể lợi ích khắp mọi quần sanh. Do vậy, vãng thánh tiền hiền ai nấy đều hướng đến, ngàn kinh muôn luận chốn chốn chỉ quy. Kể từ sau Hoa Nghiêm dẫn về pháp này, các đại Bồ-tát trong tận mười phương thế giới hải không ai chẳng cầu sanh. Kể từ lúc diễn thuyết tại Kỳ Viên đến nay, phàm mọi trước thuật dù Tây Thiên hay Đông Độ, cuối cùng đều kết quy Liên Bang.

Kể từ khi đại giáo truyền sang Đông, Lô Sơn khởi đầu dựng liên xã, một tiếng xướng, trăm giọng hòa, không ai chẳng thuận theo. Nhưng những người có công lớn lao rõ ràng nhất thì đời Bắc Ngụy có ngài Đàm Loan, Đàm Loan là bậc không thể suy lường, do có việc xuống Nam Triều gặp Lương Võ Đế, sau lại trở về đất Bắc, Võ Đế hướng về phương Bắc, cúi lạy nói: “Pháp sư Loan là nhục thân Bồ-tát.” Đời Trần - Tùy thì có Trí Giả, đời Đường có Đạo Xức, noi theo lời dạy của ngài Đàm Loan chuyên

3 Ngũ tánh: Năm tánh khác nhau của chúng sanh do chủng tử vốn có trong a-lại-da thức quyết định. Đây là thuyết do tông Pháp Tướng lập ra, gồm: 1 - định tánh Bồ-tát, 2 - định tánh Duyên giác, 3 - định tánh Thanh văn, 4 - bất định tánh tam thừa, 5 - vô chủng tánh (hữu tính không có tánh).

4 Tịnh vực tức là Tịnh độ.

tu tịnh nghiệp, suốt đời giảng ba kinh tịnh độ hai trăm mấy mươi lần. Từ cửa Đạo Xước, nảy ra ngài Thiện Đạo, cho đến Thừa Viễn, Pháp Chiếu, Thiếu Khang, Đại Hạnh⁵ thì liên phong⁶ đã thối khắp trung ngoại⁷. Do vậy, tri thức các tông không ai chẳng lấy đạo này để mật tu hiển hóa⁸, ngõ hầu tự lợi, lợi tha vậy. Ngay như Thiền tông, nếu chỉ đề khởi hướng thượng thì một pháp chẳng lập, Phật còn không kể đến, huống gì niệm Phật cầu sanh Tịnh độ? Ấy là chân đế: một đã không, hết thảy đều không. Như câu nói: “Thật tế lý địa chẳng nhiễm mây trần”, hiển thị tánh thể. Nếu bàn luận đích xác về mật tu trì thì chẳng bỏ một pháp nào, chẳng làm việc bèn không ăn, hướng chi niệm Phật cầu sanh Tịnh độ! Đấy tức là nơi tực đế, một đã lập thì hết thảy đều lập. Như câu nói: “Trong cửa Phật sự, chẳng bỏ một pháp”, hiển thị tánh vốn đầy đủ.

5 Đại Hạnh là một vị tăng sống vào thời Đường, người xứ Lịch Thành, Sơn Đông, không rõ họ tên. Ngài còn được gọi là Diệu Hạnh. Trong niên hiệu Càn Phù, giặc cướp nổi lên như ong, dân không sống yên được, sư bèn vào Thái Sơn, kết cỏ làm áo, lột vỏ cây để ăn, chuyên hành sám pháp Pháp Hoa, Phổ Hiền suốt cả ba năm, cảm được Phổ Hiền Bồ-tát hiện thân. Do vậy càng thêm tinh tấn, sốt sắng nghĩ tưởng pháp của đức Như Lai, tu hành quên ăn bỏ ngủ. Về sau, nghĩ thân vô thường, lo thân sau không biết sẽ về đâu, bèn rút thăm một bản kinh để lựa pháp môn tu hành tối hậu. Ngài rút được kinh A-di-đà, bèn sớm tối trì tụng, đến giữa đêm ngày thứ 21, thấy cõi đất lưu ly tịnh khiết sáng rực trước mặt, tâm nhãn rộng rang, thấy được Phật A-di-đà và Quán Âm, Thế Chí cùng vô số hóa Phật. Từ đấy, sư chuyên dùng pháp niệm Phật giáo hóa tăng, tục. Đường Hy Tông nghe danh ngài, triệu vào cung giảng pháp yếu, sắc phong là Thường Tinh Tấn Bồ-tát, ban cho tước Khai Quốc Công. Một năm sau, ngài thị hiện mắc bệnh, lại thấy đất lưu ly, bèn thị tịch trong ngày hôm đó, không rõ thọ bao nhiêu tuổi.

6 Liên phong: Gió sen, chỉ pháp môn Tịnh độ.

7 Trung là trong nước, ngoại là ngoài nước. Cũng có nghĩa là tại Trung Hoa và những nước ngoài Trung Hoa.

8 Mật tu hiển hóa: Bản thân ngâm tu Tịnh độ, bề ngoài hoằng dương giáo pháp của tông mình.



Muốn vứt bỏ tục để để bàn chân để sẽ không có chân để. Nếu muốn bỏ tứ đại, ngũ uẩn để tìm tâm tánh thì thân đã không còn, tâm gởi vào đâu? Nếu dùng tục để để sáng tỏ chân đế thì thật có chân đế. Như tại mắt gọi là thấy, nơi tai gọi là nghe, dùng tứ đại, ngũ uẩn để hiển lộ tâm tánh vậy. Đây chính là ý chỉ lớn lao “ngâm tu Tịnh độ” của các tổ từ trước, nhưng chưa truyền thuật rộng rãi, rõ ràng; nếu không hiểu sâu xa ý tổ sẽ chẳng thể biết được. Thế nhưng ngài Bách Trượng lập quy chế cầu đảo cho vị tăng mắc bệnh và hóa tống⁹ vị tăng đã tịch, đều quy về Tịnh độ. Lại nói: “Tu hành thì niệm Phật là ổn thỏa, thích đáng.” Cho đến ngài Chân Hiết Liễu bảo: “Một pháp Tịnh độ nhắm thẳng vào chuyện tiếp dẫn hàng căn khí thượng thượng, kiêm độ hàng căn tánh trung hạ.” Lại nói: “Trong tông Tào Động đều chăm chú ngâm tu, bởi sanh về Tịnh độ thấy Phật giản dị hơn tông môn nhiều lắm.” Lại nói: “Dù Phật, dù tổ, dầu giáo hay thiên đều tu Tịnh độ, cùng về một nguồn.” Có thể thấy sơ lược như thế đó.

Kịp đến đại sư Vĩnh Minh, mang thân cổ Phật, thừa nguyện xuất thế, mới lưu lại ngôn giáo rõ ràng, viết sách truyền dạy, hoàng dương, lại sợ người không hiểu rõ đường lối, lợi hại hỗn loạn, bèn cực lực nói ra bài kệ Tứ Liệu Giản, có thể nói đã nêu được cương tông của Đại tạng, làm bậc dẫn đường nơi ngõ rẽ, khiến cho kẻ học từ 80 chữ ấy đón ngộ đạo trọng yếu xuất sanh tử, chứng Niết-bàn. Tâm đau

9 Hóa tống: Làm đám ma và đưa đi thiêu hay chôn.

đầu cứu thế, thiên cổ chưa hề có. Sau đấy, các tông sư đều lưu lại ngôn giáo rõ ràng, riêng khen ngợi pháp này, như ngài Trường Lô Trách, như Thiên Y Hoàì, Viên Chiếu Bốn, Đại Thông Bốn, Trung Phong Bốn, Thiên Như Tắc, Sở Thạch Kỳ, Không Cốc Long¹⁰ v.v.. Chư đại tổ sư tuy

10 Trường Lô Trách: Pháp sư tên là Tông Trách, người xứ Tương Dương, lúc nhỏ mồ côi, tinh thông sách Nho. Năm 29 tuổi, lễ thiên sư Tú ở chùa Trường Lô tại Chân Châu làm thầy thế độ, hiểu sâu xa lẽ thiên. Sau tham yết ngài Trường Lô Ứng Phu đặc pháp, nối pháp của ngài. Sư đón mẹ về ở phía Đông phương trưởng, khuyên mẹ nên xuống tóc và niệm Phật suốt 7 năm không gián đoạn. Mẹ niệm Phật qua đời. Về già, sư xuất lãnh tứ chúng kết liên xã chuyên tu niệm Phật, sư ngồi niệm Phật qua đời năm 1092, thọ 83 tuổi. Còn để lại hai tác phẩm là lời tựa kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật và Khuyên Người Niệm Phật Kiềm Tu Tịnh Độ.

Thiên Như Hoàì: Húy là Nghĩa Hoàì, người xứ Lạc Thanh, Vĩnh Gia. Cha làm nghề đánh cá, lúc bé, sư ngồi cuối thuyền, cha bắt được con cá nào, bèn lên thả đi. Cha đánh mắng vẫn không thay đổi. Lớn lên, đến kinh đô, xin làm tiểu ở chùa Cảnh Đức. Trong niên hiệu Thiên Thánh (1023-1031), thi kinh trúng tuyển, được thọ cụ túc. Ngài đến tham học với thiên sư Tuyết Đậu Hiến, giữ chức Thủy Đầu (chuyên gánh nước), một bữa đòn gánh gãy, chột ngón, được ấn khả. Sư giáo hóa độ chúng rất nhiều, thường đem pháp môn Tịnh độ dạy người. Ai đến tham học cũng dạy: “Nếu nói ‘bỏ uest lấy tịnh, chán đây ưa kia là tình kiến lấy bỏ’ thì là chúng sanh vọng tưởng. Nếu nói không có Tịnh độ thì là trái lời Phật, nên tu Tịnh độ như thế nào?” Chúng im lặng, sư tự đáp: “Sanh thì quyết định sanh, đi thì chẳng thật đi! Ví như nhận bay qua trên không, bóng chìm nước lạnh, nhận trọn chẳng có ý để lại dấu vết, nước không có tâm giữ bóng hình.” Sư mất năm Trị Bình nguyên niên (1064), thọ 72 tuổi.

Viên Chiếu Bốn: Húy là Tông Bốn, người xứ Vô Tích, Thường Châu. Năm 19 tuổi, xuất gia với ngài Đạo Thăng ở Vĩnh An Viện tại Thừa Thiên, về sau yết kiến ngài Thiên Như Hoàì, được khế ngộ. Sư về trụ trì chùa Thụy Quang, được Tống Triết Tông ban hiệu Thiên Sư Viên Chiếu. Tuy hoàng dương Thiên tông, nhưng sư ngâm tu tịnh nghiệp. Các vị Lôi Phong Tài Công, Tư Phước Hy Công nhập định, thần thức đến chơi Tịnh độ, thấy trên tòa sen vàng có đề tên sư. Mọi người hỏi sư: “Thấy truyền Trúc Chi, sao lại được ghi danh trên đài sen?” Sư đáp: “Ở tại tông môn, kiềm tu Tịnh độ!” Sư mất năm Nguyên Phù thứ hai (1099) đời Tống.

Đại Thông Bốn: Húy là Thiện Bốn, người xứ Khai Phong. Thi kinh Hoa Nghiêm trúng tuyển, được thọ cụ túc, tham yết ngài Viên Chiếu Bốn, thâm lãnh ngộ yếu chỉ nhà thiên, siêng tu suốt 5 năm, khế ngộ. Sư vắng chiếu trụ trì chùa Pháp Vân, được ban hiệu là Đại Thông. Sau ngài về chùa Tượng Ô ở Hàng Châu, chuyên tu tịnh nghiệp. Trong định thấy thân kim sắc của A-di-đà Phật. Năm Đại Quan thứ ba (1109) ngày Giáp Tý tháng Chạp, sư gập ba ngón tay bảo môn nhân: “Chỉ còn ba ngày nữa thôi!” Ba hôm sau,



hoàng Thiên tông, lại riêng khen Tịnh độ. Cho đến đại sư Liên Trì tới tham học với ngài Tiểu Nham đại ngộ rồi, bèn bỏ pháp kia, giữ lấy pháp này: “Nếu tịnh nghiệp mà thành thì Thiên tông tự đắc. Ví như tắm trong biển cả, ắt đã dùng nước của cả trăm sông. Thân đã ở trong điện Hàm Nguyên, còn hỏi Trường An chi nữa!” Sau đấy, Ngẫu Ích, Triệt Lưu, Tỉnh Am, Mộng Đông v.v., chư đại tổ sư không vị nào chẳng vậy. Ấy là bởi do thời thế mà đặt ra nghi tắc,

sư ngồi yên, hướng mặt về Tây, nhập diệt, thọ 75 tuổi.

Trung Phong Bốn: Húy là Minh Bốn, người xứ Tiền Đường. Năm 15 tuổi, quyết chí xuất gia, lễ Phật, đốt cánh tay, thể giữ ngũ giới, hằng ngày tụng Pháp Hoa, Viên Giác, Kim Cang, đêm thường đi kinh hành không ngủ. Sau qua tham với thiền sư Cao Phong Diệu ở núi Thiên Mục. Do nhìn suối chảy được đại ngộ. Năm Đại Đức thứ 10 (1306) thời Nguyên, sư về trụ trì Sư Tử Viện, thường được gọi là hòa thượng Trung Phong. Tuy dạy thiền, ngài vẫn đề cao Tịnh độ. Từng soạn Hoài Tịnh Độ Thi gồm 108 bài, viết Báo Ân Viện Ký xiển minh Tịnh độ. Đến năm Chí Trị thứ ba (1323), sư về Đông Cương núi Thiên Mục, đang viết bèn thị tịch, thọ 61 tuổi. Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư là một sám nghi nổi tiếng của ngài.

Thiên Như Tắc: Húy là Duy Tắc, pháp tự Thiên Như, người xứ Vĩnh Tân, huyện Cát An (Giang Tây), từng tham học với các vị Trung Phong, Đại Thiệt, đắc ngộ, về trụ trì chùa Sư Tử Lâm ở Tô Châu. Ngài soạn Tịnh Độ Hoặc Văn để phá các nghi hoặc, sách tấn tịnh nghiệp và soạn bộ Lăng-nghiêm Kinh Hội Giải rất thịnh hành. Sư mất năm Chí Chánh 14 đời Nguyên (1354).

Sở Thạch Kỳ: Húy là Phạm Kỳ, người xứ Tượng Sơn, Ninh Ba. Lên chín xuất gia tại chùa Vĩnh Tộ, thọ cụ túc năm 18 tuổi. Đọc Lăng-nghiêm có chỗ ngộ, qua tham học với thiền sư Đoan ở Kính Sơn. Một đêm, nghe tiếng trống bèn ngộ. Sư tin pháp môn Tịnh độ từ nhỏ, mỗi sáng tu thập niệm cầu được vãng sanh, chưa hề bỏ sót ngày nào. Khi về trụ trì chùa Thiên Ninh, sư chuyên tu tịnh nghiệp. Ngài dùng hiệu Tây Trai để làm thơ Tịnh độ (được gộp thành Tây Trai Tịnh Độ Thi). Năm Hồng Vũ thứ ba (1370), sư trụ trì chùa Thiên Giới, thị hiện mắc bệnh vào mùa thu, tắm gội thay áo, viết kệ xong, báo với pháp sư Mộng Đường Khương: “Ta đi đây!” Mộng Đường hỏi: “Đi đâu?” Đáp: “Tây Phương!” Mộng Đường hỏi: “Tây Phương có Phật, Đông Phương chẳng có Phật sao?” Sư quát lớn, rồi nghiêm nhiên tịch diệt, thọ 75 tuổi.

Không Cốc Long: Húy là Cảnh Long, hiệu là Không Cốc, người Tô Châu. Từ bé chẳng ăn mặn, ngồi yên như đang nhập thiền. Xuất gia năm 28 tuổi, tham học với hòa thượng Biện Sơn Lân Văn, được ấn khả. Sư kiem tu tịnh nghiệp, có làm 108 bài Tịnh độ thi, mất năm Thành Hóa thứ hai (1466) đời Minh, thọ 79 tuổi.

pháp phải hợp với căn cơ. Nếu không như thế, chúng sanh chẳng thể đắc độ.

Từ đây về sau, Phật pháp suy dần, lại thêm giặc tóc dài¹¹, giặc Hồi, pháp luân gần như ngừng xoay. Dầu có trí thức, nhưng ai lo nghiệp nấy, không rảnh sức lo đến, bỏ qua đạo này không ai hỏi đến. Nếu ai bàn đến chuyện này, người nghe tởm hổ bị vấy bẩn. May có một hai vị tại gia, xuất gia có đại tâm, in khắc lưu truyền, khiến cho giáo huấn của chư tổ không bị diệt mất, khiến đời sau được nghe một phần, thật không gì may mắn lớn lao hơn!

Đệ¹² là kẻ xiển-đề¹³ xuất gia, tự thẹn căn tánh hèn kém, tội nghiệp rộng sâu, nên với hai nẻo tông và giáo, trọn chẳng dám tu bừa, lạm dự; nhưng chỉ khá tin tưởng nơi một pháp cậy vào Phật tử lực, mang nghiệp vãng sanh. Đã mười năm qua, sống uống, sống phí, chẳng được lợi ích mấy may. Nhưng từ Tây qua Đông, từ Bắc xuống Nam, qua lại hơn vạn dặm, gặp gỡ nhiều người. Có kẻ bình thời tự cậy thông tông, thông giáo, coi Tịnh độ như đồ nhơ, sợ bẩn lây mình, lâm chung đa phần tay chân cuống quít, kêu cha gọi mẹ. Có kẻ chất phác trì giới niệm Phật, dầu tín nguyện chưa tốt bậc, tướng lành chưa hiện, nhưng đều an nhiên mạng chung. Là vì lẽ gì vậy? Là do tâm thủy lặng trong vì phân biệt mà sôi động, sóng thức dâng trào, nhờ

11 Chỉ loạn Thái Bình Thiên Quốc của Hồng Tú Toàn.

12 Đệ: lời tố Án Quang tự xưng, coi mình như vai em của hòa thượng Thế An.

13 Xiển-đề: Tức nhất-xiển-đề, kẻ đoạn diệt thiện căn.



Phật hiệu mà lặng dừng. Bởi thế, thượng trí không bằng hạ ngu, khéo quá hóa vụng.

Lại xin hòa thượng phát tâm Bồ-đề hoằng dương pháp này, ví phỏng kinh luận Tịnh độ đều thông triệt hết, may mắn nào hơn? Nếu chưa thể nghiên cứu dùi mài cùng tận, hoặc sợ trái với tông mình, chẳng dám xứng tánh phát huy, hãy tạm ngừng tay công phu nơi hai môn tông và giáo tạm thời. Phàm có ai xiển dương Tịnh độ, hãy bình tâm hòa khí đọc thử, ngô hầu cái tâm “xiển dương thiên, đề nén Tịnh độ” chẳng bị tư hào vướng mắc, ắt thấu suốt lý do Phật, tổ riêng khen ngợi pháp này, thấu suốt sự lợi hại khi tứ chúng tuân thủ hay chống trái pháp này, chẳng bị môn đình gây trở ngại, hòng có thể dám đối trước những người tu thiền, giáo, luật xứng tánh phát huy không còn sợ hãi.

Nhưng sách Tịnh độ rất nhiều, quan trọng nhất chỉ có sách Tịnh Độ Thập Yếu. Trong bộ Thập Yếu, đoạn nghi sanh tín thì các sách Hoặc Vấn, Trực Chỉ, Hợp Luận là những công thần đột phá, tinh nhuệ nhất. Ngoài ra, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục chép đủ sự tích vãng sanh của các Bồ-tát, tổ sư, cư sĩ, phụ nữ và ác nhân, súc sanh, đọc rồi sẽ biết tứ chúng thuộc thiên, giáo, luật các đời cầu sanh Tịnh độ như mọi ngôi sao châu về Bắc Đẩu, như các dòng nước chảy về Đông. Sách Long Thư Tịnh Độ Văn ngôn từ nông cạn, nhưng nghĩa lý hoàn bị, là sách trọng yếu bậc nhất để tiếp dẫn kẻ sơ cơ. Nếu muốn lợi lạc khắp chúng sanh, vạn phần chẳng được coi thường quyển sách này.

Đệ trước kia gặp người giỏi tử bình¹⁴ phê rằng: “Thọ chẳng quá 38 tuổi”, nay sắp mãn số, sợ vô thường xộc tới, nên chuyên trì Phật hiệu, đợi trước lúc lâm chung. Nếu vô thường quả thật xảy đến, không dịp gặp gỡ lần nữa, muốn rửa sạch cái tội hủy báng Phật pháp khi còn tại gia, nên chẳng nề kỵ húy, nhật nhạnh sơ sài món rau dại, dâng dưới tòa bậc đại phú trưởng giả no đầy tiệc vua¹⁵, xin thương xót nhận lấy, phước cho xứ Tần¹⁶ của tôi, nêu chánh lệnh của ngài Vĩnh Minh, tuân di quy của ngài Liên Trì, khiến cho mình lẫn người cùng thoát sanh tử, u - hiển cùng sanh Tây Phương, Tịnh độ hưng, nhưng tông phong chẳng đoạ. Chúng sanh có phước, quốc vận thường tốt đẹp. Đúng là “dời hoa quyến bướm tới, mua đá được mây giăng”. Viết thư này lòng thành như đại hạn mong mưa, mong mọi niềm vui cùng về Liên Bang, mong rủ lòng khoan dung thì may mắn cho pháp môn, may mắn cho chúng sanh lắm.

2. Thư bàn luận cùng bạn hữu về cương yếu của việc giáo chánh kinh điển

Kinh Phật nghĩa lý vô cùng, tùy theo kiến giải của mỗi người mà tự trước thuật. Chỉ là một kinh nhưng phán định thành “biệt, viên, chung, đốn” khác nhau, do duyên

14 Tử bình: Một môn bói toán, còn gọi là bát tự, dựa trên ngày, tháng, năm, giờ sanh để phán định số mạng, gần giống với tử vi, nhưng đơn giản hơn.

15 Cỗ vua (vương thiện): ý nói pháp bảo tối thượng viên mãn. Kinh Pháp Hoa, ngài Ca-chiên-diên ví mình như kẻ được đãi bữa ăn của vua nhưng không dám ăn, dầu nghe Phật nói mình có khả năng thành Phật, nhưng không được thọ ký vẫn chưa dám tin.

16 Tổ Ấn Quang là người tỉnh Thiểm Tây. Thiểm Tây xưa thuộc nước Tần thời Chiến Quốc.



quán tâm nên giải thích sai khác. Huống chi sau này bậc đại hạnh đạo thiên, ai nấy đều thích nghe thuyết trực chỉ, cho là thân thiết, thống khoái, dễ được lợi ích. Do vậy, đa số dùng ý tổ để giải thích ý kinh, ép lời Phật theo lời mình, phớt sạch sự tương, chuyên bàn bốn phận. Hoặc dùng lời cơ phong¹⁷ để phân tích, hoặc giải thích là biểu thị pháp, chỉ có thể chẳng trái nghịch Tâm tông¹⁸ thì đều xem là đáng hỗ trợ lời Phật nói. Dẫu chẳng thể độ khắp ba căn, xứng bốn hoài Phật, cũng có thể lợi ích một loại căn cơ khiến họ theo đường trở về nhà, lại hiển lộ ý nghĩa sâu thẳm, cao xa của kinh. Phật lý viên thông, pháp pháp quy chân, mỗi mỗi hợp đạo. Bởi cái tâm ấy như thái hư không, không ngăn mé, chẳng vì con người sống mỗi nơi khác nhau mà chia thành Nam, Bắc, Đông, Tây. Như châu ma-ni chẳng phải màu xanh, vàng, đỏ, trắng... khi gặp xanh bèn hiện sắc xanh, gặp vàng hiện sắc vàng, nhưng xanh hay vàng không phải là màu sắc vốn có của nó. Màu sắc vốn có của nó chẳng là xanh hay vàng, nếu muốn là xanh hay vàng để tìm màu sắc vốn có của châu, nếu không phải là bậc Đại sĩ “ngũ uẩn đều không” sẽ không thể làm được.

Như Hoa Nghiêm Luận của Lý Trường Giả, như Pháp Hoa Kích Tiết của ngài Hám Sơn, như Tam Tông Thông của ông Tăng Phụng Nghi¹⁹ và Thiền tông lấy niệm Phật làm câu

17 Những câu thiên ngữ giúp cho đương cơ triệt ngộ thiên cơ, còn gọi là chuyển ngữ hay công án.

18 Tâm tông: tức Thiền tông.

19 Tăng Phụng Nghi, tự Thuấn Vi, hiệu Kim Giản, quê ở Hành Dương, Hồ Nam, đậu

thoại đầu để khán, và thuyết coi y báo, chánh báo của Tịnh độ như bốn phận v.v., chẳng được nhất loạt đánh giá những sách ấy theo cách thức thông thường bên giáo, cho những sách đó là lầm lạc rồi bèn sửa đổi đôi chút. Bởi lẽ những thuyết ấy thuộc riêng về một tông, gộp hết thầy pháp để chỉ quy hướng thượng. Nếu sửa đổi thì mạch văn của phần trước phần sau bản chú giải sẽ bị đứt đoạn, và ý nghĩa giáo lý phân trước, phần sau chẳng còn phù hợp nữa. Vừa bị sửa đổi đôi chút thì cả hai đằng đều mất, khoét thịt thành vết thương chỉ tổn hại vô ích, cứ để cho bản lai diện mục của nó được lưu thông hậu thế. Ví như lan mùa xuân, cúc mùa thu, mỗi loại riêng phô sắc, tận trung hành hiếu, cùng chấn hưng cương thường. Sư ở tại Hải Sơn, bảo lời chú giải kinh Pháp Hoa của ngài Hám Sơn có những chỗ chẳng hợp với ý chỉ kinh, đó là vì Hám Sơn đa phần ước theo bốn phận để bàn lẽ trực chỉ.

Hơn nữa, chuyện giáo chánh kinh thật không dễ dàng. Chỉ sợ sư không rảnh rỗi để làm, ủy cho người khác làm. [Người làm chuyện này] cần phải có kiến thức lỗi lạc, mười phần tinh tế, lại phải đòi ba lượt tra xét kỹ càng, thêm siêng tra cứu mới hòng sửa đúng những sai ngoa, khiến cho những lỗi tệ được sạch hết, thiên chân hiển lộ triệt để. Nếu không, thà cứ theo đúng dạng mà vẽ hồ lô, mới khỏi đến nỗi làm mất đi sự chân xác vốn có vậy.

tiền sĩ đời Vạn Lịch nhà Minh. Ông từng gặp một vị tăng, cùng nhau tranh luận ba ngày không dứt. Do vậy tin Phật, trì giới, ăn chay, nghiên cứu kinh luận. Một hôm thấy trăng lặn, mặt trời mọc, hoát nhiên đại ngộ. Ông soạn bộ Tam Tông Thông gồm Thủ-lăng-nghiêm Kinh Tông Thông, Lăng-già Kinh Tông Thông và Kim Cang Kinh Tông Thông.



3. Thư gởi đại sư Dung Minh

Cổ nhân nói: “*Thân người khó được, khó sanh vào chính giữa đất nước, Phật pháp khó nghe, sanh tử khó giải quyết xong.*” Chúng ta may được thân người, sanh chính giữa đất nước, được nghe Phật pháp. Điều bất hạnh là tự thẹn nghiệp chướng sâu nặng, không sức đoạn hoặc để mau thoát tam giới, liễu sanh thoát tử. Nhưng lại may mắn được nghe đức Như Lai ta tâm bi triệt để nói ra pháp môn Tịnh độ đại quyền phương tiện khéo lạ, khiến cho hàng phàm phu sát đất được mang nghiệp vãng sanh. Thật không còn may mắn nào lớn hơn được nữa! Nếu không phải là từ vô lượng kiếp đến nay đã trồng thiện căn sâu dày, há nghe được pháp chẳng thể nghĩ bàn này ư? Chẳng gặp sanh lòng tin chân thật, phát nguyện cầu sanh ư?

Nay thấy tứ chúng xuất gia, tại gia hảo tâm, đa phần chuộng cao ưa xa, chẳng chịu nghiêm túc chuyên tu tịnh nghiệp. Toàn là do thiện căn đời trước cạn mỏng, đời này chưa gặp người thông suốt, tuy ông hơi có niềm tin đối với Tịnh độ, nhưng chẳng hiểu rõ lý Tịnh độ đến nơi đến chốn. Lại ở nơi vắng vẻ Phật pháp không lưu truyền đến, tôi thật ngại ông thường ngày cùng người đời thù tạc, lâu ngày chảy thàng cũng bị đồng hóa, “gần mực thì đen, gần lửa thì cháy”, thế khó tránh khỏi! Phải luôn luôn nỗ lực, nếu có thể hãy niệm niệm nơi đạo, dù bận hay rảnh, chẳng lìa danh hiệu Di-đà. Thuận cảnh, nghịch cảnh, chẳng quên vãng sanh Tây Phương thì có thể tùy duyên thường trụ

nơi quê cha đất mẹ. Nếu không thể như thế, nên đến tịnh nghiệp đạo tràng nơi khác và thân cận tịnh nghiệp tri thức, mới chẳng phụ bạc mọi điều may mắn lớn lao vừa nói ở trên, cũng như niềm may mắn không gì lớn lao hơn là được nghe pháp môn Tịnh độ.

Pháp sư Đế (tức ngài Đế Nhàn) chuyên tu tịnh nghiệp, tôi cho rằng ông ta ắt được lợi ích lớn lao. Bởi lẽ những tâm năm giữ đạo tràng đã đều chết sạch không sót, cái tâm niệm Phật lại càng khẩn thiết đến cùng cực. Chỉ e ông ta đã đạt tam-muội sâu xa, tôi còn chưa thể nhất tâm, ngày sau mặt mũi nào gặp gỡ ông ta. Vì thế, với việc nhân chẳng nhường, tôi lại toan bế quan. Nói chung vẫn ở Phổ Đà, không biết sẽ ở chắc chắn nơi đâu. Sợ ông bỏ lỡ pháp môn Tịnh độ thì đáng tiếc một phen hộ quan²⁰ ba năm nhọc nhằn, nên khôn ngăn đôi co như thế. Mong thấu hiểu sâu xa nỗi lòng thô lậu cạnh cạnh thì may mắn lắm thay.

4. Thư gửi sư Ngộ Khai

Trộm nghe pháp môn Tịnh độ là pháp phơi bày thông suốt rốt ráo bản hoài của chư Phật, vượt trội hết thầy thiên, giáo, luật, thống nhiếp hết thầy thiên, giáo, luật. Nói đại lược thì một chữ, một câu, một sách có thể bao quát không còn sót, nói rộng thì dù những lời huyền diệu thuộc tam tạng mười hai bộ kinh, diệu nghĩa của các tổ sư năm tông²¹ cũng

20 Hộ quan: trông chừng, chăm sóc người đang bế quan tu luyện.

21 Năm tông: năm tông phái nhà Thiền, tức Lâm Tế, Tào Động, Vân Môn, Quy



không thể diễn tả trọn. Dầu cho chúng sanh trọn khắp đại địa cùng thành Chánh giác, hiện tướng lưỡi rộng dài, dùng sức thần thông, sức trí tuệ, vi trần nói, cõi nước nói, sỏi nổi nói, nói không gián đoạn, há có thể nói hết được ư? Ấy là vì Tịnh độ vốn chẳng thể nghĩ bàn. Thử xem bộ kinh lớn Hoa Nghiêm, vua toàn tam tạng, cuối cùng quy trọng nguyện vương. Áo điển Pháp Hoa mẫu nhiệm đứng đầu các kinh, nghe đến liền được vãng sanh, địa vị bằng bậc Đăng giác.

Còn như ngàn kinh vạn luận, đâu đâu cũng chỉ quy là có lý do vậy. Văn-thù phát nguyện, Phổ Hiền khuyến tấn; Như Lai thọ ký trong kinh Đại Tập rằng: “Trong đời mạt pháp, nếu không nhờ pháp này không thể đắc độ.” Trong luận Tỳ-bà-sa, ngài Long Thọ dạy giản dị là “đạo dễ hành, mau thoát sanh tử”, nên vãng thánh tiền hiền ai nấy đều hướng về, há vô ích sao? Đúng là giáo pháp cả một đời đức Phật đều đặt để nơi pháp môn niệm Phật. Không chỉ như thế, phàm hết thảy cảnh giới được tiếp xúc bởi sáu căn như núi, sông, đất đai, sáng, tối, sắc, không, thấy, nghe, hay, biết, sắc, thanh, hương v.v., có pháp nào không phải là văn tự xiển dương Tịnh độ? Lạnh nóng đắp đổi, già bệnh đưa đẩy, lụt hạn, binh đao, dịch bệnh, bè lũ ma, tà kiến, có thứ gì chẳng phải là lời cảnh sách lay tỉnh con người sớm cầu vãng sanh? Nói rộng ra há có thể hết được hay chăng?

Nói một chữ để thống nhiếp trọn hết thì chính là chữ “tịnh”, tịnh đến cực điểm ắt sáng suốt, sao không đạt đến

Điều giác. Một chữ này há dễ đảm đương! Nghiên cứu bài tụng về *lục tức Phật*²² ắt sẽ biết.

Một câu là tín nguyện hạnh. Không có tín sẽ chẳng thể khởi nguyện, không có nguyện sẽ chẳng thể dẫn dắt hạnh. Không có diệu hạnh trì danh sẽ không thể thỏa mãn sở nguyện hòng chứng được tín ấy. Hết thấy kinh luận Tịnh độ đều phát minh ý chỉ này.

Một kệ là *kệ tán Phật*²³, nêu chánh báo để nhiếp y báo, nêu lên hóa chủ để bao gồm đồ chúng. Tuy chỉ có tám câu nhưng đã nêu trọn đại cương của ba kinh Tịnh độ.

Một sách là Tịnh Độ Thập Yếu, mỗi chữ đều là lời hướng dẫn trong đời mật pháp, mỗi lời đều là gương báu của Liên tông. Buồn khóc ứa lệ, mổ tim vấy máu, xứng tánh phát huy, tùy căn cơ mà chỉ bày. Dầu có ví là vớt người chết đuối, cứu kẻ đang bị lửa thiêu cũng không thể sánh ví được nỗi lòng thống thiết của bộ sách ấy. Bỏ cuốn sách này đi thì chánh tín không thể do đâu mà sanh, tà kiến không do đâu mà diệt. Trong cuốn sách ấy, quan trọng nhất là sách Yếu Giải, sách này chính là hướng dẫn tốt lành trên đường hiểm để người sơ tâm nhập môn đoạn nghi sanh tín, chỉ bày nẻo

22 Lục tức Phật: Sáu hạnh vị của Viên giáo do đại sư Thiên Thai Trí Giả lập ra, gồm: lý tức Phật (chưa nghe Phật pháp, nhưng tự tánh chính là Phật), danh tự tức Phật (đã nghe Phật pháp), quán hạnh tức Phật (ngoại phạm, tương đương với Thập tín của Biệt giáo), tương tự tức Phật (nội phạm, thuộc địa vị Thập tín), phần chứng tức Phật (41 địa vị Pháp thân đại sĩ, từ Thập trụ trở lên), cứu cánh tức Phật (quả vị Phật).

23 Tức bài kệ tán “A-di-đà Phật thân kim sắc, tướng hảo quang minh vô đẳng luân...”



ắt phải theo để về được bảo sở²⁴. Sách Tịnh Độ Hoặc Văn của ngài Thiên Như, sách Trục Chi của ngài Diệu Hiệp, thật là những bậc công thần đột phá kiên nhuệ nhất.

Hãy nên biết pháp môn Tịnh độ có đủ bốn pháp giới, tất cả sự tướng đều là pháp giới sự sự vô ngại, đọc rồi tu, chẳng thể chấp lý phế sự. Nếu chấp thì cả lý lẫn sự cùng mất. Giống như người biết ý căn tối thắng nhưng phế bỏ năm căn thì ý căn cũng không có chỗ nào để lập được. Chỉ có dùng sự để rõ lý, dùng lý để dung sự mới hòng không lầm lỗi. Như nói đến yếu chỉ Tịnh độ thì toàn sự chính là lý, lý sự viên dung, liên khế hợp bản thể. Sớm biết sư đã no đầy cỗ vua, vẫn miệt mài hiến món rau cần, chẳng qua là để biểu thị tác dạ đưa con cùng quần²⁵ mong trở về nhà, đồng thời muốn tẩy sạch tội khiên báng pháp trước kia²⁶.

5. Thư trả lời sư Hải Thụ

Bạn bè gởi cho tôi bài văn gợi ý đăng trên tờ Thời Sự Tân Báo, Quang tôi mong tọa hạ phát huy đạo Phật, tổ nhiệm mầu để kết pháp duyên. Tọa hạ nêu lên bảy đề tài:

- 1) Chấp tâm ở bên trong.
- 2) Trục chỉ kiến tánh là tâm, không phải là nhãn.

24 Bảo sở: Nơi chốn có của báu. Kinh Pháp Hoa dùng chữ Bảo Sở để ví cho quả Chánh giác.

25 Kinh Pháp Hoa dùng tỷ dụ con ông trưởng giả cự phú, bỏ cha trốn sang xứ người, phải làm mướn kiếm ăn, không biết mình sẵn có gia tài cự vạn. Cũng như chúng sanh có kho tàng tánh đức trong tự tâm, nhưng mãi chạy theo ngũ dục, lục trần nhỏ nhặt, hư giả, bỏ quên kho báu tánh đức.

26 Khi còn trẻ, do say mê Tống Nho, tổ Ấn Quang từng viết sách công kích đạo Phật.

- 3) Sắc ấm vốn là Như Lai tạng diệu chân như tánh.
- 4) Nhân nhập vốn là Như Lai tạng diệu chân như tánh.
- 5) Mười hai xứ vốn là Như Lai tạng diệu chân như tánh.
- 6) Địa đại châu biến (trộn khắp).
- 7) Nhất tâm nhị môn.

Sai Quang tôi soạn luận, bảo là để làm khuôn mẫu. Quang tôi tuổi nhỏ kém học vấn, lớn lên vô tri, lại thêm túc nghiệp sâu nặng. Vừa sanh ra đã mắc bệnh mắt, hơn 10 năm qua, hết thầy kinh luận đều chẳng thể đọc, chỉ chấp trì Phật hiệu, sám trừ túc nghiệp; mong cậy vào Phật từ lực, mau sanh về Tây Phương mà thôi. Làm sao có thể soạn luận, hướng gì làm khuôn mẫu cho được? Khiêm cung tự chặn giữ mình quả thật còn tốt hơn, chú ý kiến sai lầm, sao có thể trình bày tường tận cho được? Phạm muốn phát huy những chỗ sâu thẳm của kinh Lăng-nghiêm, của luận Khởi Tín, sao không lấy ý Thích-ca Như Lai và Mã Minh Bồ-tát, cùng những chú giải kinh này, luận này của lịch đại cổ đức? Trái lại, còn toan lấy ý Quang tôi làm khuôn phép. Khác nào nhà Nho muốn phát huy học vấn truyền thừa²⁷ của nhị đế tam vương, Khổng, Mạnh, nhưng không lấy Tứ Thư Ngũ Kinh, Thập Tam Kinh làm khuôn mẫu, lại lấy câu ca tiếng hát của tiểu phu, mục đồng làm khuôn mẫu; người dệt vải muốn dệt gấm cổ hời văn chẳng lấy cách thức của người dệt

27 Nguyên văn là “tân truyền”, tức cách nói gọn của thành ngữ “tân tận truyền hóa” (cùi hết lửa còn) ý nói học vấn được truyền thừa từ đời này sang đời khác.



gắm làm mẫu mực, lại lấy cách thức của người bện chiếu cói làm khuôn mẫu. Sao lại điên đảo đến nỗi như thế!

Tuy vậy, con người giao tiếp với nhau, chỉ quý ở chỗ ai nấy tận hết sức mà thôi. Xưa có đứa bé trai ôm cát cúng Phật, Phật liền tán thán thâm nhận, bởi lẽ cát là thứ mà sức đứa trẻ có thể lo liệu được. Lòng thành cúng cát và sự cúng dường trân tu diệu vị bằng nhau chẳng khác. Nay Quang tôi đem cát là thứ mình dễ sắm sửa được để dâng lên tọa hạ. Dẫu biết là vô dụng, giải bày lòng thành, cũng có thể dùng để trải đất, mong diệt được tội cấu của mình, tăng trưởng ruộng phước cho tôi. Do vậy, bèn đem bảy đề tài gộp cả lại, để bàn luận hàm hồ cho xong trách nhiệm, luận rằng: Chấp tâm ở bên trong, bên ngoài, hay trung gian v.v. chính là tình kiến của phàm phu. Chấp tâm nhất định chẳng ở bên trong, bên ngoài, hay trung gian cũng là tình kiến của phàm phu. “Trực chỉ kiến tánh là tâm chứ không phải là thân” không đúng, dùng ngọn để tỏ bày cái gốc, chỉ ra sóng chính là nước, đó là chân trí. Vì sao? Do ngũ ấm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, thất đại, mỗi mỗi đều là Như Lai tạng diệu chân như tánh trọn khắp pháp giới. Nếu có chỗ nào tồn tại và chỗ nào đó không tồn tại thì chẳng phải là Như Lai tạng diệu chân như tánh vì không trọn khắp. Bởi lẽ Như Lai tạng diệu chân như tánh chứa đựng, nuôi dưỡng chúng sanh, bao quát có, không, thế gian, xuất thế gian, không một pháp nào có thể vượt ra ngoài, không ở trong đó được. Dùng phàm tình để nhìn thì chẳng những ngũ ấm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, thất đại đều

thuộc về sanh diệt, đều chẳng phải là chân như, mà ngay cả đoạn hoặc chứng chân, thành Đẳng chánh giác cũng chẳng vượt ra ngoài sanh diệt được.

Nhìn bằng thánh trí thì chẳng những đoạn hoặc chứng chân, thành Đẳng chánh giác cố nhiên thuộc về chân như, mà ngay cả ngũ ấm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, thất đại toàn thể là chân như. Vốn từ trước đến nay, chưa hề có được mảy may tướng sanh diệt nào. Luận cao hơn nữa thì chân cũng chẳng lập vì như vốn vô danh. Nhất tâm còn chẳng có, huống gì có hai môn để luận nữa ư! Đây là chân như rốt ráo, Như Lai tạng diệu chân như tánh rốt ráo. Tâm rốt ráo chính là cái được gọi là “ngũ uẩn đều không, độ các khổ ách; viên mãn Bồ-đề trở về cái không thể đạt được” vậy! Một phen bàn luận như trên chính là do 20 năm trước Quang tôi ngẫu nhiên mộng tưởng viết ra, nay vâng theo nhĩ ý, hiển lên tọa hạ. Còn như nói phải luận từng phần, tỏ tường văn nghĩa, ngữ mạch, chỉ thú thì không phải là chuyện Quang tôi vốn là kẻ tâm mục suy đồi, học vấn hoang đường có thể lo liệu được nổi. Thỉnh cầu chư cổ đức và các vị giảng sư hiện thời thì họ sẽ có thể trình bày thông suốt bản hoài của tọa hạ, hợp với chí vốn có của tọa hạ vậy.

6. Thư gửi sư Căn Kỳ chùa Tứ Minh Quán Tông

Nhận được thư và sách *Hiển Cảm Lợi Minh Lục*²⁸,

28 Theo pháp sư Hội Tánh, *Hiển Cảm Lợi Minh Lục* là bộ sách do môn nhân thuật chuyện Quan Đế đến cầu được khai thị với ngài Đế Nhân. Theo Đế Nhân Niên Phổ



khôn ngăn hoan hỷ, biết Đế Công giảng kinh lần này, so với lần trước càng cảm thấy rạng rỡ hơn nữa. Nhân đó bèn đọc một lượt xong, liền đưa cho người khác. Có nhiều chỗ thấy nghe, thật quá quái lạ; riêng cho rằng: “Đế Công đã chứng thánh quả, Quan Đế còn chưa minh tâm.” Quang tôi nghe vậy, bảo: Chuyện này phải nhìn từ chỗ dụng tâm của họ Bạch và họ Quan mà xét thì cả sự lẫn lý đều thỏa đáng, trọn không mắc lỗi lầm thánh khuất hiền.

Bạch Công hãy để đó không bàn tới. Còn Quan Đế lúc còn sống là bậc đại trượng phu phú quý không dâm, khi nghèo hèn không thay đổi, oai vũ không khuất phục được. Mất đi, quy y với ngài Trí Giả, nguyện vì già-lam hộ trì Phật pháp. Từ ngài Trí Giả đến nay đã hơn 1.300 năm, Quan Đế làm chủ nhân của mọi tùng lâm trong thiên hạ. Có nhiều bậc Pháp thân đại sĩ nương nguyện hoàng pháp, Quan Đế đều thân cận hộ trì từng vị; có lẽ đến nay vẫn còn chưa hết, vậy mà vẫn phải cầu Đế Công khai thị dứt khoát. Chẳng lẽ người thông minh như Đế Quân²⁹ mà lại ngu độn chẳng

ghi: “Năm Dân Quốc thứ bảy (1918), Bắc Kinh mở hội giảng kinh. Sư sai ông Từ Văn Úy chủ trì lo liệu. Ông Từ thỉnh sư giảng kinh Viên Giác, cho nên mùa Xuân năm ấy, ông Từ về Nam, đến chùa Quán Tòng, đón sư lên kinh đô... Lúc sư giảng kinh tại kinh đô, thành hoàng của kinh thành là ông Bạch giảng cơ tại nhà ông Vũ Tấn Trạch tại ngõ Lưu Ly ở phía Tây kinh thành, tự nói mỗi tối đến chỗ sư giảng nghe kinh, nay muốn hỏi pháp, sai [người hầu cơ] đến thương lượng mời sư đến đàn cơ một phen, sư chấp thuận. Trước hết, thần nói bộ hạ toàn là ngạ quỷ rất khổ, cầu xin pháp cứu tế... Tiếp đó, nói Quan Thánh cũng muốn hỏi pháp, hiểm là thần lực quá lớn, sợ người hầu cơ không chịu đựng nổi, nên sai ông Bạch chuyển lời, cho biết: Bất luận sau này sư giảng kinh tại đâu, ắt sẽ đến đạo tràng ấy ủng hộ!”

29 Chỉ Quan Đế, tức Quan Công (húy Quan Vũ, hiệu Văn Trường), thời Minh Thần Tông, ông được phong là Tam Giới Phục Ma Đại Đế Thần Oai Viên Chấn Thiên Tôn

được lợi ích nơi pháp như thế ư?

Rất có thể là nay nhằm thời mạt pháp, tăng đa phần thuộc loại tệ hại, chỉ biết chuyện lãnh thọ đại giới bèn gọi là tăng, chứ còn danh nghĩa, sự nghiệp của tăng đa số trọn chẳng biết gì. Người tại gia có tín tâm, nếu có thể nghiên cứu Phật pháp, cuối cùng đều coi rẻ tăng lữ. Còn những kẻ không tin, thấy các ông tăng du hành trong nhân gian, tạo đủ mọi nghiệp, bèn nói: “Tăng đều như thế, Phật pháp vô ích cho nước, có hại cho đời.” Do có những thứ tri kiến ngã mạn, tà kiến, hèn kém như thế, Quan Đế tâm hộ pháp thiết tha, thấy kinh sư (kinh đô) là chỗ đất trọng yếu trong thiên hạ, cao nhân danh sĩ đều tụ về đó, bèn hiện thân thuyết pháp, thỉnh Đế Công khai thị hồng trần áp phàm tình ngã mạn, tà kiến của hàng tại gia, chấn động ý niệm xấu xa không hổ, không thẹn của những ông tăng hèn kém.

Cổ nhân nói Như Lai chẳng bỏ phước nhỏ nhất như mũi kim đâm, nói: “Như ông già tám mươi mùa may để dạy con cháu.” Quang tôi đối với Quan Đế cũng nghĩ thế. Tuy là suy bậy đoán mò, nếu chất vấn Quan Đế và Đế Công, các ngài đều gật đầu mỉm cười, chẳng hé môi: “Không, không phải như thế!” Luận như trên là ước theo tích mà luận, còn bàn về bốn của Quan Đế và Đế Công thì chỉ có

Quan Thánh Đế Quân (do đó, dân gian thường gọi là Quan Thánh). Theo Phật Tổ Thống Kỷ, quyển 6, khi đại sư Trí Giả nhập định tại Ngọc Tuyền Sơn, thấy Quan Đế hiển linh, biến nơi ấy thành bằng phẳng, dâng cúng cho tổ Trí Giả lập đạo tràng hoàng pháp. Quan Đế lại xin cầu thọ ngũ giới với tổ; từ đó, ông trở thành vị hộ pháp thủ hộ già-lam. Do vậy, người Trung Quốc còn gọi ông là Bồ-tát Già-lam.



Quan Đế và Đế Công tự biết, Quang tôi làm sao suy lường bình luận cho được!

Căn Mẫn tuy đạo tâm khẩn thiết, e là chưa thấu hiểu quy củ, không hiểu cách thức dụng công, xin hãy dạy hần tu hành tùy sức, chớ nên gắng gượng quá đáng đến nỗi thân tâm đều bệnh, sẽ khó tự đạt được lợi ích nơi pháp. Nghe ông X... chẳng khéo dụng tâm, đến nỗi thổ huyết không ngừng, do vậy trở thành bỏ phế, lơ là. Với những người sơ học đều nên bảo cho biết ý này.

7. Thư gửi tòa báo Phật Học *(lược trích)*

Đại Giác Thế Tôn trong vô lượng kiếp lột da làm giấy, chẻ xương làm bút, trích máu làm mực, lấy tuyết làm nước để lưu thông thường trụ pháp bảo hòng phổ độ hết thảy chúng sanh. Một cuốn Phật Học Tùng Báo khiến cho Phật pháp được lưu thông trong nước lẫn ngoài nước, mọi hàm thức cùng chúng nhất thừa. Nhưng thế tục đọc sách trọn chẳng kính dè, sáng dậy chẳng súc miệng, vào nhà xí chẳng rửa ráy, hoặc bỏ sách nơi chỗ ngồi, giường chõng, hoặc dùng gối đầu, đêm nằm xem, bỏ chung với đồ lót. Sách để đọc nơi bàn thì bỏ lẫn lộn cùng tạp vật, coi lời lẽ của thánh hiền giống như giấy tờ cũ nát, trọn chẳng dè dặt, chẳng mảy may kính nể. Thậm chí phụ nữ nhà thư hương, sách để đọc trong khuê phòng toàn là kinh truyện; tôi tớ những nhà giàu có lau chùi đồ đạc toàn dùng giấy in văn chương, đủ mọi nỗi khinh nhờn khó thể kể hết. Thói tệ tích tập lâu ngày, quen

đi chẳng xét. Nếu chẳng riêng nêu họa phước, quyết định khó tránh khinh nhờn, chưa từng được ích, trước hết đã phải chuốc lấy đại tội. Thương kẻ vô tri nên phải chỉ bày ngăn ngừa trước.

Theo ngu kiến, những hình ảnh ngoài bì có thể không cần phải in hoặc ghi tên bên cạnh như các sách in theo cách thức thông thường. Chính giữa trích mấy câu kệ, hoặc ghi mấy câu văn xuôi, ít thì mấy câu, nhiều thì hơn mười câu, nên dùng chữ đơn giản, trong sáng, kích thước chữ phải thô to, răn nhắc cho người xem phải để tâm trân trọng, đừng làm bẩn. Đạo mẫu độ sanh của Đại Giác pháp vương, kính thì được phước, khinh ắt chuốc họa!

Mặt bì trong nên dùng chữ nhỏ, trình bày rõ cuốn sách này tuy gọi là báo, nhưng thật ra giống như kinh Phật. Vả nữa, phần đầu có in tượng Phật, Bồ-tát, những bài văn bên trong hoặc là trích dẫn kinh văn, hoặc nêu bày ý nghĩa kinh, chẳng giống như ngôn ngữ côi tục, đáng nên kính trọng tột bậc. Lại dẫn những đoạn kinh luận, truyện ký nêu chứng cứ tội phước của việc kính trọng hay khinh nhờn kinh điển, ngõ hầu kẻ biết tốt xấu chẳng đến nỗi giữ nguyên thái độ cũ, lầm tạo ác nghiệp. Cứ hai số hoặc mỗi số lại thay đổi, hoặc xen kẽ thay đổi một lần, hoặc vĩnh viễn không đổi chỉ dùng một loại văn tự đều được. Nếu có thay đổi thì chỉ được đổi văn, không được đổi nghĩa, ngõ hầu do thấy nghiêm mà đạo được tôn trọng vậy. Bìa sau cuốn báo đừng in chữ để khỏi bị bôi dơ hòng tỏ lòng kính trọng.



Vị tổ thứ 21 ở Tây Thiên (Ấn Độ) là tôn giả Bà-tu-bàn-đầu (Vasubandhu) tự nói trong kiếp xưa khi sắp chứng Nhị quả, nhân vì lầm lỗi dựa mình vào hình Phật vẽ trên vách nên bị thoái thất hết sạch. Tôi nói: “Bậc Nhị quả còn mất quả vị, nếu là phạm phu ắt vĩnh viễn mất thân người, thường ở trong ác đạo chẳng còn ngờ chi.” Ví như kẻ cự phú phạm phải đại tội, dốc sạch của cải trong nhà để chuộc tội chết, còn kẻ nghèo ắt lập tức bị chém đầu. Chuyện này được chép nơi chương ghi về vị tổ thứ 20 là tôn giả Xà-dạ-đa trong sách Truyền Đăng Lục. Vì thế biết tội khinh mạn chẳng phải nhỏ.

Càn là đại phụ, khôn là đại mẫu³⁰, trong bốn biển cùng là đồng bào, triều Thanh tuy thuộc giống Mãn Châu, rốt cuộc là cùng một cha mẹ. Huống nữa thánh đức của các đời đáng sánh cùng trời cao đất dày, dầu Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang cũng không hơn được thế! Gần đây, chiến tranh, đói kém liên miên, bị lân quốc hùng mạnh áp bức, hiến pháp, chánh trị dầu đổi mới, vẫn có chút sai ngoa, nhưng xét đến lòng nhân của vua thì vẫn y như cũ. Chỉ vì cảnh duyên không tốt đẹp hơn, đến nỗi bị lật đổ. Nay đã thành chế độ cộng hòa, đúng là phải nên coi như cùng một thể.

Luận về chánh thể thì nhiệt liệt khen ngợi chế độ cộng hòa, luận về triều Thanh trước kia thì tán dương lòng

30 Quê càn tượng trưng cho trời, quê khôn tượng trưng cho đất. Câu này ý nói: trong vòng trời đất.

nhân của hoàng đế. Ví như vị tân quan sau khi nhậm chức, chẳng ngại dựng bia lập đền để phô bày cái đức của vị quan cũ. Sau khi chế độ cộng hòa được thành lập, hơn 200 năm vỗ về tài bồi của triều Thanh há có thể quên ngay? Tôi thấy trong số báo thứ ba, có những lời lẽ lên án như độc đoán, chuyên chế, nô lệ v.v., lòng rất ảm ức. Phàm đất nước ta từ khi mở cõi đến nay, bậc đại thánh nhân kế thừa ngôi trời cai quản thiên hạ cũng chưa chắc đã không lo nghĩ đến điều đó; có thể là vì các ngài sợ dân hung bạo, chẳng tuân hành hiệu lệnh, thành ra đến nổi loạn vong. Đây là bản tâm của việc thánh nhân truyền ngôi lại cho con cháu, há phải đâu Phục Hy, Thần Nông, Thang, Vũ muốn hưởng lợi ích riêng! Nếu không như vậy thì chẳng đủ để chấn chỉnh cương thường, dứt bật mầm mống tranh chấp, cũng là do thời thế khiến thành như vậy; chứ không phải là các bậc thánh như Phục Hy, Thần Nông không có đức hổ thẹn. Ngày nay mọi người là của chung, cộng hòa rất mực bình trị cũng là do thời thế khiến thành ra như vậy, phải đâu người đời nay tốt đẹp hơn các vị thánh Phục Hy, Thần Nông v.v..

Hãy nên đề cao cộng hòa, bất tất phải chỉ trích triều Thanh đời trước thì mới phù hợp với bản chất của cộng hòa, tránh khỏi cái tội khinh miệt cổ thánh. Nước Tỳ-da-ly thời Phật áp dụng cách này. Trong các kinh, Như Lai cũng chưa hề chê trách Luân Vương đời đời truyền nhau là sai. Đúng như Khổng tử đã nói: “Quân tử truyền cho thiên hạ là vì không có con nối dõi, không ai là không vậy.” Ý



nghĩa giống như ở đây. Nghĩa giống như ở đây là vì thích nghi với thời thế, mùa hạ mặc áo mỏng, mùa đông mặc áo dày, khát uống, đói ăn, chẳng thể bảo là sai, cũng chẳng thể chấp chặt một pháp. Chỉ cầu sao cho thích nghi thì sẽ có đại lợi, không chút điều tệ nhỏ. Nhưng nhân tâm bất nhất, vẫn còn có những bài đăng chứa đựng ý tứ ấy, mong hãy sửa chữa cho được hoàn thiện, ngõ hầu đời sau đọc đến bội phục tấm lòng đại công vô tư của các vị.

Phật pháp giữ chí nguyện bình đẳng, tất cả ngôn luận chỉ nhằm đề cao lý, trợn chẳng thiên vị. Do vậy, xưa nay những bậc đại thánh đại hiền không ai chẳng dốc lòng đề cao vậy. Lý thể gian lẫn xuất thế gian chẳng vượt ngoài hai chữ “tâm tánh”, chuyện thế gian hay xuất thế gian chẳng ngoài hai chữ “nhân quả”. Chúng sanh chìm đắm trong chín giới, Như Lai chứng nhất thừa, nhưng tâm tánh chẳng tăng giảm mảy may. Sở dĩ thăng trầm thật khác, khổ vui khác biệt vời vợi là do tu đức nơi nhân địa khác nhau, đến nỗi thọ dụng quả địa mỗi người mỗi khác.

Xiển dương Phật pháp thật chẳng phải là chuyện dễ, chỉ bàn về lý tánh thời hàng trung hạ căn chẳng thể được lợi ích, chuyên luận nhân quả thì bậc thượng thượng thường chán nghe đến. Sách này phân ra mười môn cách thức khác biệt, tốt nhất là cùng nêu lên cả sự lẫn lý, theo đuổi cả đốn lẫn tiệm, ngõ hầu hợp cả ba căn, lợi căn lẫn độn căn đều được lợi ích. Nên đăng tải những chuyện do học Phật được đặc lực xưa nay, những sự tích đại trung,

đại hiếu, thuần nhân, thuần nghĩa, và chuyện họa phước do cung kính tam bảo hay hủy báng tam bảo, và những lời lẽ tốt lành yên đời dẫn dắt cõi tục của bậc cao nhân, những lời bàn luận chí lý về kiêng giết, phóng sanh. Những loại sau số báo nào cũng đăng tải thì ngu phu, ngu phụ cũng được lợi lạc, mà hạng thông thạo giỏi giang do ngộ lý cũng muốn thực hiện. Từ đấy chẳng dám lắc đầu, bịt tai, lại còn gấp gáp ưa thích muốn nghe. Nhưng nhân quả và tâm tánh nếu tách rời nhau thì cả hai cùng bị tổn thất, gộp lại thì cả hai cùng tốt đẹp. Vì thế, ngài Mộng Đông nói: “Kẻ khéo bàn tâm tánh chẳng thể bỏ lìa nhân quả, nhưng kẻ tin sâu nhân quả cuối cùng ắt hiểu rõ tâm tánh. Lý này thế tất nhiên phải như vậy.”

Nhưng chúng sanh mật pháp căn cơ hèn tẻ, các pháp thiền, giáo chỉ cậy vào tự lực, khế ngộ còn khó, hướng hồ liễu thoát? Chỉ có pháp môn Tịnh độ cậy vào Phật lực, chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, dầu là ngũ nghịch thập ác cũng có thể vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, cao dự hải hội. Đối với pháp tối thượng thừa chẳng thể nghĩ bàn này nên bàn cả lý lẫn sự, khuyên răn ăn chay, bố thí, rên tiếng hải triều, tưới mưa đại pháp, phá tà chấp của bọn Lỗ Xuyên, nối tiếp pháp mạch của các vị như Liên Trì v.v., ngộ hầu thiên hạ đều cùng được lợi ích nơi Phật pháp, khiến cho đại địa cùng cảm đức của các vị, pháp tràn ngập hoàn vũ. Cõi đời lại trở về thời đại Đường Ngu³¹, đạo

31 Đường Ngu là thời Nghiêu - Thuấn, vua Nghiêu (Y Kỳ Phóng Huân) đặt quốc hiệu là



thông đến cả những loài vô hình trong trời đất, ân thấu tới những dị loại bay, lặn.

Nếu luận về sự suy vi của Phật pháp thì thật ra không phải là vào cuối đời Minh. Vào cuối triều Minh các tông đều suy. Từ thời Vạn Lịch³² trở đi, đột nhiên hưng thịnh, tông Hiền Thủ thì có ngài Liên Trì, Tuyết Lãng chấn hưng mạnh mẽ Viên tông. Tông Thiên Thai thì có ngài U Khê, Ngẫu Ích tận lực hoằng dương Quán đạo³³, Thiền tông thì ngài Huyền Hữu³⁴ có bốn vị đệ tử, nhưng Thiên Đồng, Khánh Sơn pháp khắp thiên hạ. Tông Tào Động thì có Thọ Xương, Bác Sơn, đời nào cũng có cao nhân. Luật tông được ngài Huệ Vân trung hưng, thật đáng là Ưu-ba³⁵, ngài Kiến Nguyệt nổi gót, vốn là Ca-diếp. Nhưng Diệu Phong, Tử Bá, Liên Trì, Hám Sơn, Ngẫu Ích đúng là những bậc siêu quần bạt tụy, đời mạt pháp chẳng dễ thấy. Tuy chẳng bằng thời kỳ hưng thịnh đời Đường, đời Tống, nhưng có thể nói là Phật nhật lại được sáng lòa.

Kịp đến khi nhà Đại Thanh mở nước, tôn sùng, kính trọng càng nhiều, những bậc ẩn dật chốn lâm tuyền đa số

Đường, truyền ngôi cho Thuấn (Diêu Trọng Hoa), vua Thuấn đổi quốc hiệu là Ngụ.

32 Vạn Lịch là niên hiệu của Minh Thần Tông (1574-1619). Sau Thần Tông, nhà Minh chỉ truyền được ba đời nữa, tức là 25 năm sau bèn mất ngôi vào tay nhà Thanh.

33 Gọi là Quán đạo vì tông Thiên Thai đề xướng lối tu chỉ quán.

34 Ngài Long Trì Huyền Hữu (1521-1581), húy là Chánh Truyền, pháp tự Nhất Tâm, pháp hiệu Huyền Hữu, là một thiền sư nổi tiếng của tông Lâm Tế, đặc pháp với sư Tiểu Nham Đức Bảo, bốn người đệ tử đặc pháp nổi tiếng là Mật Vân Viên Ngộ, Tuyết Kiều Viên Tín, Khánh Sơn Viên Tu và Bảo Phác Viên Liên.

35 Tức ngài Ưu-ba-ly, vị đại đệ tử tri giới bậc nhất của Phật.

được lễ kính như ngài Ngọc Lâm, Hám Phác, Mộc Trần v.v.. Thanh Thế tổ (Thuận Trị) tuân phụng Phật chế, mở rộng phương tiện, bỏ lệ thí tăng³⁶, cho được tùy ý xuất gia, nhân đó truyền hoàng giới, chế ra *hộ giới điệp*, từ nay vĩnh viễn miễn *độ điệp*, Phật pháp bị suy thật sự bắt nguồn từ đây. Đương thời cũng có cao nhân đông đảo xuất hiện, trợ hỗ hữu ích. Thanh Thế Tông (Ung Chánh) dùng phương tiện đại quyền nương nguyện, kiến trung lập cực³⁷, phát huy ngôn luận huệ mạng của Phật, tổ, tinh thâm rộng rãi, nhập tạng³⁸, lưu thông không cần phải nói nữa. Ngoài ra, vua còn soạn Ngự Chế Giải Ma Biện Dị Lục, tám quyển, bốn tập; bạn tôi là Nhậm Thị, khát thực ở kinh đô tìm được cuốn này ở một chợ sách, gởi cho ông Dương Nhân Sơn, bảo gởi sang Đông Dương (Nhật Bản), in kèm vào trong bản Đại tạng mới in. Tôi cho rằng khi sách ấy được phát hành, những người hiếu cổ thích lạ đọc thử sách ấy, chẳng những hữu ích cho tánh mạng, mà học thức văn chương đột nhiên cao lên gấp bội. Ôi, hưng thịnh thay!

Thanh Thế Tông thật sự làm cho pháp được lưu truyền nơi Chấn Đán (Trung Hoa), là người độc nhất vô

36 Thí tăng: Các tăng sĩ muốn được thọ giới phải đậu kỳ thi sát hạch về giáo pháp, kinh nghĩa.

37 Từ ngữ này không thể dịch cho gọn nên phải để nguyên. Theo giáo sư Từ Quốc Đống tại Đại học Hạ Môn, trung và cực là hai giá trị tối cao trong Nho học, thể hiện đặc tính hợp lý hài hòa của vũ trụ nhân sinh, tương đương với khái niệm nhất chân pháp giới của Phật giáo. Trung là không thiên lệch, hợp lý, thỏa đáng, cực là cao đẹp tốt bậc. Như vậy, “kiến trung lập cực” có thể hiểu là kiến lập hai mục đích nói trên.

38 Nhập tạng: Đưa những bản kinh Phật đã được chư cao tăng cổ đức công nhận vào Đại tạng.



nhị trong các hoàng đế. Vua đã như vậy thì tể quan, tăng lữ ắt biết được đại khái. Từ đời Cao Tông (Càn Long) trở đi, bậc triết nhân ngày càng hiếm hoi, ngu phu ngày càng lắm, lại thêm binh lửa liên miên, khiến nhiều hạng thô bỉ, bại hoại, vô lại xen lộn vào pháp môn. Tự mình đã không biết gì về Phật pháp, làm sao có thể dạy đồ chúng tu hành! Từ đây mỗi ngày mỗi tệ, đời sau chẳng bằng đời trước; đến nay tăng tuy không ít, nhưng kẻ biết chữ mười người chưa được một, mong chi hoàng dương đại giáo, lợi khắp quần sanh nữa ư? Do vậy, bậc cao thượng, ngoại trừ những vị kiếp trước có đại căn, trông thấy tăng chẳng biết đạo bèn chán ghét, chẳng dự vào tăng chúng.

Phàm lưu truyền Phật pháp chẳng phải là một sáng một chiều mà được; ắt phải thâm mưu viễn lự, tùy cơ đặt bày cách thức, những gì Phật chế định cố nhiên chẳng thể không tuân, nhưng những phương cách chế định theo thời cũng không thể không nghiên cứu cặn kẽ, nhằm dự phòng thời thế biến đổi, mới không đến nỗi nghiêng ngửa chẳng thể có sức như Phật pháp ngày nay vậy. Nếu các vị không thừa dịp nhìn nhận nhạy bén, tôi e lúc này trong nước Chấn Đán không còn nghe tiếng tăm, dấu vết Phật pháp nữa. Ôi chao, nguy hiểm thay! Phật pháp cao sâu, chẳng phải do sự thấy biết nông cạn mà hòng nhìn trộm được. Nếu muốn biết sâu xa, ắt phải từ giáo mà vào, rồi mới đến Thiền tông thì mới khỏi bị tệ hại. Bọn Tống Nho như Chu, Trình, Trương, Chu v.v. đời trước cố nhiên có linh căn, nhưng thoát đầu thân cận toàn những bậc tông sư trực chỉ, đối

với một buổi giảng, một công án tự hồ lãnh hội được sự hư linh bất muội, nhưng đối với ý nghĩa “đầy đủ các lý ứng với vạn sự” thật sự chưa triệt ngộ tự tâm, bèn tự cho là đã đắc, vạch đất làm giới hạn, chẳng chịu tiến lên. Ấy là do đậm chân tại con đường nghĩa lý, trọn chưa từng thật sự tận lực tham cứu. Lại thấy nhà Thiền pháp nào, chuyện nào cũng chỉ quy hướng thượng. Do vậy, dù có xem kinh giáo cũng đem ý nhà Thiền ra để giải thích, để hiểu, bảo Phật pháp chỉ có vậy mà thôi. Với những lý thật, sự thật, nhân quả họa phước cũng dùng ý kiến chỉ quy hướng thượng để lãnh hội, đến nỗi mê muội tự tâm, bác không nhân quả. Cướp lấy vật của người ta cho là gia bảo, nhặt lấy những thứ sót thừa của Phật pháp để chống đỡ môn đình Nho giáo. Lại sợ hậu sinh đề cao họ Thích, bèn khéo bày phương cách, lập kế trộm linh³⁹, ngang ngược bày lời phỉ báng, phô bày họa hại, nhốt kín hậu sinh vĩnh viễn chẳng thoát ra được. Lại còn sợ hậu sinh chưa chết lòng trọn ý tin theo, bèn lấy bản thân để giảng giải: “Ta trước kia cầu đạo, cũng từng thân cận Thích, Lão, nhưng đều không đạt được gì. Sau trở về cầu nơi sáu kinh bèn được. Từ đấy phá vòng Thích, Lão, mỗi mỗi thấy thấu suốt, theo thuyết thành ý chánh tâm của chư tử, dốc sức tu dưỡng, thật đáng làm bậc sư biểu cho cửa Nho!”

Nhưng do ý niệm phù trì môn phái quá nặng, đến

39 Trộm linh ở đây liên quan đến từ ngữ “bịt tai trộm linh” (linh là cái chuông nhỏ có quả lắc). Đi ăn trộm cái linh, bịt tai lại để khỏi nghe tiếng linh kêu, cứ nghĩ người khác không biết.



nổi từ chỗ đáng biểu dương cảm phục, lại thành ra biến sở trường của người ta thành sở đoản, cái mình có được là từ người ta, lại nói ngược người ta không bằng mình, khiến cho thành ý chánh tâm dù dốc lòng thực hiện chẳng thể viên mãn hoàn bị, cắt đầu xén đuôi. Ôi, đáng buồn đến thế! Cư sĩ Nhất Thừa bảo là “khách vào nhà quơ giáo, ồn ào lấn chủ”. Lời ấy thật xác đáng, nhưng nếu không nêu rõ căn nguyên, người trong ải (tức những kẻ chấp vào học thuyết Tống Nho) sẽ chẳng chịu phục. Nên đem chỗ “chư tử học Phật được lợi ích và do dùng ý nhà Thiền hiểu lầm giáo nghĩa, do vậy không tin nhân quả, chẳng tin luân hồi, không những nghịch Phật mà còn trái nghịch cả kinh Nho; lại còn bảo là cầu đạo nơi Thích, Lão đều chẳng được, về sau từ sáu kinh được ích” trình bày, biện luận cặn kẽ, rõ ràng thì chứng cứ ăn cắp đầy đủ, chẳng những kẻ bẽ quan bội phục mà còn ngay lập tức ra khỏi cửa. Dầu cho chư tử sống lại cũng sẽ nhận lỗi tự trách, không thể già hàm cãi bướng; từ đây huệ phong quét sạch mây chướng, Phật nhật lại sáng tỏa vũ trụ.

8. Thư trả lời cư sĩ Bộc Đại Phàm

Xa nhận tờ mây, thật hổ thẹn sâu xa. Bất Huệ⁴⁰ tôi tuổi nhỏ kém học vấn, lớn lên vô tri, lênh đênh nẻo khách, ăn bám Phổ Đà. Không ngờ các hạ xưa đã vâng lời Phật phó chúc, thừa nguyện tái lai, lãnh hội được tâm tông cả Nho lẫn Phật, thấu hiểu tốt cùng bí tạng tánh tướng, tham học

40 Bất Huệ: tổ Ấn Quang tự xưng, ngụ ý mình không có trí tuệ.

khắp kẻ tăng người tục, là bậc hào kiệt lỗi lạc chuyên tu tịnh nghiệp. Bậc đại nhân rộng lượng chẳng hiềm hạ mình hỏi đến. Hỏi tới kẻ cắt cỏ mà khiếm tốn quá sức khiến người không còn chỗ dung thân. Ví thử đại địa có kẻ nứt ắt sẽ triệt để rúc sâu vào, dám đâu ngửa đáp. Thường nghĩ các hạ học vấn rộng như thế, kiến giải cao như thế, mấy câu ngài nêu ra đó nghĩa lý thật thiên cận, há lẽ nào thật sự hoài nghi chẳng quyết đoán được ư? Chắc có lẽ là muốn phát khởi đồng nhân đó thôi. Các hạ liễu tri làm như vô tri, Bất Huệ tôi cũng không ngại gì lấy không biết làm biết. Do vậy bèn căn cứ theo từng khoản mà phê phán, thuận theo lời lẽ mà mổ xẻ. Chẳng dám bắt chước vị quan già đời phán án, bất quá chỉ như khóa sinh nộp quyển đó thôi. Trình bày lời mọn giải bày như trong phần sau có được hay chăng? Mong ngài rủ lòng sửa lại cho đúng.

Niệm Phật tuy quý là tâm niệm, nhưng chẳng thể bỏ miệng tụng. Vì ba thứ thân khẩu ý hỗ trợ cho nhau. Nếu tâm nghĩ nhớ, thân chẳng lễ kính, miệng chẳng trì tụng cũng sẽ khó được lợi ích. Thế gian nâng vật nặng còn phải hò reo để giúp sức, huống hồ muốn nhiếp tâm để chứng tam-muội ư? Do vậy, kinh Đại Tập dạy: *“Niệm lớn thấy Phật lớn, niệm nhỏ thấy Phật nhỏ.”* Cổ đức nói niệm lớn tiếng thì thấy thân Phật lớn, niệm nhỏ tiếng sẽ thấy thân Phật nhỏ. Nhưng phàm phu đầy dẫy phiền não, tâm thường hôn trầm, tán loạn, nếu chẳng nhờ vào sức lễ tụng của thân miệng mà muốn đắc nhất tâm thì không thể được. Nơi thật tế lý địa mới là vô sanh diệt. Trong cửa Phật



sự, có pháp nào không phải là pháp sanh diệt? Đẳng giác Bồ-tát phá 41 phẩm vô minh, chứng 41 phần bí tạng cũng không ra ngoài lẽ sanh diệt. Sanh diệt ấy chính là gốc rễ sanh tử, mà cũng là gốc của Bồ-đề, tùy thuộc người ta sử dụng như thế nào mà thôi. Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối chính là đem cái sanh diệt “trái nghịch với giác, xuôi theo trần lao” chuyển thành sự sanh diệt “trái nghịch trần lao, hiệp với giác” để cầu chứng được chân như Phật tánh bất sanh bất diệt, niệm niệm nơi Tịnh độ mới có thể vắng sanh, mà cũng là thân phận thượng phẩm vắng sanh. Nếu chấp chặt nghĩa này để tự cầu thượng phẩm thì còn gì lành hơn? Còn nếu chấp chặt vào nghĩa này để dạy kẻ trung, hạ căn sẽ trở ngại sự tiến lên của người khác không ít. Vì sao? Bởi họ ắt sẽ nghĩ pháp này quá cao, bèn cam phận hèn kém, chẳng chịu tu trì.

Hơn nữa, việc niệm Phật tuy thuộc về ý thức, nhưng các thức đều đủ, chẳng thấy đoạn kinh văn đã nói “nhiếp trọn sáu căn” trên đây hay sao? Sáu căn đã nhiếp thì sáu thức sẽ làm gì? Những gì sáu thức đưa vào hàm tàng thức (a-lại-da thức) cũng chỉ là chuyện này mà thôi. Đoạn văn “đao chém không vào” vốn không thể nghi, do các hạ chưa phân định giới hạn giữa tự lực và tha lực, giữa Thiên tông và Tịnh tông nên đến nỗi thành một khối nghi lớn. Một pháp niệm Phật là nương Phật lực thoát ra tam giới, sanh về Tịnh độ. Nay đã không phát nguyện, cũng không có lòng tin (có lòng tin chân thật ắt có nguyện thiết tha), tín

lần nguyện hoàn toàn không có, chỉ niệm Phật trì danh thì vẫn thuộc tự lực. Do không tín nguyện nên chẳng cảm ứng đạo giao với Di-đà hoàng thế. Nếu đoạn hết kiến tư hoặc có thể được vãng sanh. Còn nếu hoàn toàn chưa đoạn và đoạn chưa hết thì nghiệp căn vẫn còn, làm sao thoát khỏi luân hồi cho được? Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh ⁴¹ v.v. chính là những bằng chứng xác đáng. Phải biết, nếu bỏ tín nguyện mà niệm Phật thì chẳng khác gì nhà Thiên tham cứu. Nếu được vãng sanh thì nhân quả chẳng khế hợp nhau vậy! Ngài Ngẫu Ích nói: *“Được vãng sanh hay không, hoàn toàn do tín nguyện có hay không? Phẩm vị cao hay thấp hoàn toàn do trì danh sâu hay cạn”*, ấy là lời phán định sắt đá.

Như kinh nói “nhất tâm bất loạn” là tiếp ý đoạn kinh văn giảng về công đức y báo, chánh báo ở tận phía trên, nhằm dạy cho sanh tín; còn nếu thừa tiếp ý của đoạn văn gần đó, tức đoạn “chúng sanh nghe vậy, phải nên phát nguyện, nguyện sanh cõi ấy” thì chính là dạy phải phát nguyện. Đã thế, đoạn văn tiếp theo đó là khuyến tín, khuyến nguyện, không gì chẳng đủ. Các hạ cắt xén những đoạn văn trước,

41 Ngũ Tổ là tên núi, đồng thời là tên chùa. Thiên sư Giới, người thời Tống, thuộc tông Vân Môn, nối pháp của ngài Song Tuyên Sư Khoan, trụ trì chùa Ngũ Tổ núi Ngũ Tổ tại Tô Châu, nên thường gọi là Ngũ Tổ Giới, chấn hưng tông phong mạnh mẽ. Theo Tây Quy Trục Chỉ, quyển ba: *“Thanh Thảo Đường thiên sư khá có giới hạnh, tuổi ngoài chín mươi, thường được nhà họ Tăng cúng dường hậu hĩ, bèn hứa thác sanh vào nhà ấy làm con. Sau họ Tăng sinh được một người con, cho người đến tìm Thảo Đường thì sư đã tọa hóa.”* Theo pháp sư Viên Anh, Thanh Thảo Đường là người đời Tống, là bậc tông tượng trong nhà Thiên, tuổi già, thấy vị tể tướng đã cáo lão hồi hương hết sức vinh diệu, chợt khởi tâm niệm hâm mộ, bèn thác sanh vào nhà ấy. Về sau, trở thành tể tướng Tăng Lỗ Công. Do một tâm niệm tham luyến mà công hạnh tu thiện cả đời bị vứt bỏ!



chỉ chấp một câu nên mới có mối nghi “không trọng phát nguyện”. Lại còn xem “không tín nguyện nhất tâm” và “có tín nguyện nhất tâm” bình đẳng như nhau, nên mới thấy có đoạn kinh đao chém không vào, há phải đâu không thuận nhất; sao lại nghi ngờ chuyện “không tín nguyện trì danh không được vãng sanh”?

Hơn nữa, luận về chuyện ngoài việc niệm Phật có niệm thứ hai xen tạp thì khó thể nêu hết. Chỉ nêu lên những cái chánh thì như cầu đại triệch đại ngộ, cầu được đại tổng trì v.v. [đó chính là xen tạp], chứ không phải phát nguyện là niệm thứ hai xen tạp. Phải biết một pháp Tịnh độ lấy ba pháp tín nguyện hạnh làm tông, hạnh như bò kéo xe, nguyện như người cầm cương, tín như người dẫn đường, người dẫn đường và người đánh xe mới là chánh yếu để quyết định sự tiến bước của con bò kéo xe. Vì thế, sáng chiếu phải hướng về Phật phát nguyện. Hơn nữa, lúc không niệm Phật cũng chớ câu nệ. Dầu cho mỗi lần niệm cả vạn năm cũng chẳng ngại có một ngày tạm ngưng. Nếu bảo “có lúc không niệm, có lúc phát nguyện sẽ thành gián đoạn, xen tạp, sẽ khó thành tựu” thì thử hỏi một tâm niệm ấy cũng từng thấy sắc, nghe tiếng, mặc áo, ăn cơm, giở tay, động chân, có hay không? Nếu có, với những chuyện ấy đã không gián đoạn, xen tạp, sao riêng mình chuyện này (tức chuyện phát nguyện) lại có gián đoạn, xen tạp? Nếu không, trừ khi là bậc Pháp thân đại sĩ. Nhưng bậc Pháp

thân đại sĩ ở yên một chỗ mà hiện thân khắp trần sát⁴²; những gián đoạn, xen tạp ấy còn nhiều không xiết. Tâm có đủ các lý ứng với vạn sự, lẽ nào chỉ tính đến phát nguyện và niệm Phật cùng một lúc mà thôi! Ước theo sự tu trì thường ngày, nên phát nguyện vào lúc sáng tối, cũng có khi niệm Phật xong liền phát nguyện.

Các hạ thông đạt tánh tướng sâu xa, bảo niệm Phật và ý niệm cầu sanh Tịnh độ chẳng thể đầy đủ cả hai, thì tự hồ đối với cái lý tròn đầy “sự sự vô ngại” chưa thể tin triệt để. Lại có đoạn ngài viết niệm này có thể chia thành hai, một nửa quy về Phật, một nửa quy về nguyện. Nếu thế, một người lẽ ra phải thành hai vị Phật! Trong cuộc sống hằng ngày, lúc các hạ mắt thấy sắc thì tai, mũi, lưỡi, ý chẳng thể nghe tiếng, duyên theo pháp ư? Nếu chúng cùng hoạt động chẳng mâu thuẫn nhau, sao lại riêng nghi nơi chuyện này? Phải biết thể của một niệm tâm, tác dụng vô lượng. Tám thức há chẳng phải là dụng của một tâm thể ư? Chúng đã chẳng trở thành tám vị Phật thì sao cái niệm này lại thành ra hai vị Phật được? Kẻ bình sinh trọn không tín nguyện, lúc lâm chung chắc chắn khó thể nhờ vào Phật lực. Đã nói “thiện ác cùng một lúc nhanh chóng hiện ra” thì đừng nói chi bốn chữ A-di-đà Phật không hiện bèn không được vãng sanh, dầu có hiện cũng chẳng được vãng sanh. Vì sao? Do chẳng nguyện sanh vậy. Do chẳng cầu Phật nên chẳng được Phật tiếp dẫn.

42 Trần sát: cõi nước (Phật sát độ) nhiều như vì trần.



Kinh Hoa Nghiêm nói: “Giả sử ác nghiệp có thể tướng thì mười phương hư không chẳng thể chứa đựng nổi.” Cổ đức nói: “Như người mắc nợ, chủ nợ nào mạnh sẽ lôi đi trước.” Tâm tình lắm mối, đặt nặng nơi đâu sẽ rơi về đó. Nay thiện ác đều hiện, do không tín nguyện liền chẳng thể làm gì được ác nghiệp. Phải biết, cậy vào tự lực thì dầu có tí ti ác nghiệp cũng chẳng thể thoát khỏi sanh tử, huống gì là nhiều! Lại nữa, không tín nguyện, dầu niệm đến nhất tâm, trong vô lượng vô biên kẻ, họa may có hai ba kẻ được vãng sanh, quyết chẳng thể lấy đó làm chuẩn để đoạn thiện căn vãng sanh Tịnh độ của hết thầy thiên hạ và người đời sau. Vì sao? Cậy vào tự lực, niệm đến mức nghiệp tận tình không, chứng Vô Sanh Nhãn, cả thế gian ít có một, hai người. Nếu như ai nấy đều hành trì theo đó, bỏ tín nguyện đi không theo đuổi nữa thì biết bao nhiêu chúng sanh vĩnh viễn ở trong biển khổ, không nhờ vào đâu để xuất ly được. Lời nói ấy toàn là ngây ngô, thế mà kẻ ấy còn dương dương đắc ý, cho là lời lẽ thật cao, chẳng biết là đoạn huệ mạng Phật, là lời cuồng vọng khiến chúng sanh bị lầm lạc (thiện nghiệp thế gian chẳng ra khỏi luân hồi, nếu sánh với tín nguyện đầy đủ vãng sanh tịnh nghiệp thì thiện nghiệp kia vẫn là ác nghiệp).

Than ôi, một pháp Tịnh độ phải nhìn bằng con mắt riêng, chớ dùng giáo nghĩa thông thường để so đo. Giả sử Như Lai chẳng mở ra pháp này thì chúng sanh đời mạt không thể nào thấy được cách giải quyết sanh tử. Sách Di-đà Yếu Giải của đại sư Ngẫu Ích lý sự đều đạt đến cùng cực,

kể từ khi có kinh này đến nay, nó là bản chú giải bậc nhất, hành theo sách ấy thì ngày sau phẩm vị vãng sanh của các hạ không ai sánh bằng. Cổ nhân tu hành đều chứng được đạo, người đời nay tu hành ít thấy ai minh tâm. Nào có phải là do căn tánh con người chẳng bình đẳng ư? Cũng chỉ là do kính trọng hay khinh mạn mà ra. Xem khắp truyện ký của cao nhân, đều thấy họ coi kinh tượng như Phật sống. Sự kính nể của họ dầu trung thần thờ thánh chúa, hiếu tử đọc di chúc, há tương tự được một hai phần? Do cung kính đến tột cùng nên có thể đoạn hoặc chứng chân, siêu phàm nhập thánh. Xem Nhị tổ đứng trong tuyết⁴³; Dương, Du đứng trong tuyết ngoài cửa họ Trình⁴⁴ là đủ thấy. Người đời nay coi tượng Phật như đất gỗ, coi kinh Phật như giấy cũ, dầu có tín tâm đọc tụng thọ trì cũng chẳng qua là để nhanh mồm nhay miệng mà thôi, nào có lợi ích thật sự gì để bàn được nữa. Tuy gieo được viên nhân nhưng cái tội khinh nhờn chẳng thể nghĩ tưởng được nổi. Nguyên các hạ dùng học vấn quảng bác, ngôn từ sâu rộng, lúc để xưng Phật pháp thường đem điều này lợi ích khắp hết thấy thì may mắn cho pháp môn lắm, may mắn cho chúng sanh lắm!

43 Nhị tổ Thần Quang cầu đạo với tổ Bồ-đề-đạt-ma, đứng ngoài cửa chờ tổ đáp lời đến nỗi tuyết ngập đến tận đầu gối.

44 Thời Tống, Dương Thời và Du Thố đến cầu học với Trình Di, họ Trình ngồi nhắm mắt trong nhà, Dương và Du hai người đứng chờ ngoài cửa cho đến khi họ Trình nhận ra, kêu vào, tuyết đã xuống dày cả thước. Nho gia thường dùng điển tích “trình môn lập tuyết” này để diễn tả sự cung kính của trò đối với thầy (theo Vương Đồng Úc, Tân Thế Kỷ Hiện Đại Hán Ngữ Từ Điển)



9. Thư trả lời cư sĩ Tạ Dung Thoát ở Thái Thuận (thứ thứ nhất)

“Ngô hữu tri hồ tai, vô tri dã! Hữu bỉ phu vấn vu ngã, không không như dã. Ngã khẩu kỳ lưỡng đoan nhi kiệt yên.”
 (Tạm dịch: Ta biết gì đâu, không biết gì! Có bỉ phu hỏi ta thì là rỗng không như thế; chuyện được hỏi và căn cơ người hỏi phù hợp với nhau vậy⁴⁵). Đây là thánh nhân do tâm chính mình không có niệm lự nên tùy cơ thuyết pháp dạy người, trọn chẳng thể coi đó là lời nói khiêm. Tâm thánh nhân giống như gương sáng rỗng rang, trọn chẳng có một vật, nào có biết gì? “Bỉ phu đến hỏi” là như Hồ đến, Hán đến⁴⁶, “khẩu lưỡng đoan nhi kiệt” là như Hồ hiện, Hán hiện. Chữ “khẩu” có nghĩa là tức (chính là), “lưỡng đoan” (hai bên) là chuyện được hỏi và căn cơ của người hỏi, “nhi kiệt yên” là vừa vặn phù hợp, không thái quá, không bất cập, tức là như nhà Phật gọi là khế lý, khế cơ. Nếu chỉ khế lý mà không khế cơ sẽ không có ích gì cho người ấy, trở thành lời nói thừa thãi. Như ông hỏi về nhân, về hiếu, về chánh v.v. thì câu hỏi giống nhau, nhưng lời đáp khác nhau, tức là thuận theo căn cơ của người hỏi mà đáp cho, như nhìn lỗ tra chốt, đối bệnh phát thuốc, vừa vặn thích nghi, trọn chẳng mảy may có lỗi dạy chẳng phù hợp căn cơ. Nếu tâm chẳng trống không như gương, sao có thể được như vậy?

45 Câu này được dịch dựa theo lời giải thích của tổ Ấn Quang trong lá thư này.

46 Phải đọc cả đoạn này theo mạch văn, ý tổ nói: Tâm thánh nhân như cái gương trong suốt, người Hồ đến hay người Hán đến đều hiện bóng, người nào đến hiện bóng người ấy, gương không phân biệt.

Giải thích “không không” có nghĩa là “bỉ phu” thì có thể nói là uống công độc sách thánh hiền. Tâm Khổng tử chí thành không vọng, nên bảo là “không không như đã”. Nhan tử kém hơn đức thánh một bậc, tuy chưa thể rốt ráo không vọng, mà vọng cũng chẳng còn mấy, nên cũng đã mấy lần đạt được cái không, “ba tháng không trái nghịch” chính là chuyện này. Vì thế, Phu tử bảo Nhan tử “gần như đạt được”. Nếu cho rằng do Nhan tử dầu giỏ cơm, bầu nước mấy lần trống rỗng vẫn vui vẻ không thay đổi nên được coi là “gần như đạt” thì là bỏ gốc theo ngọn, đánh mất lời bàn luận chí lý dựa trên căn cơ để phê bình của thánh nhân vậy. Còn như luận về chuyện Tử Cống buôn bán là tùy loại mà luận, há có thể đem hai người ấy sánh đôi với nhau ư? Thánh nhân do người mà luận người, há nên bắt chước người đời sau làm thơ cử nghiệp, phải đối nhau thật chặt chẽ mới là hợp cách ư?

Thế nhưng các hạ chí mộ Phật pháp nên chẳng ngại đem tâm thánh nhân ra tùy cơ chỉ điểm. Nếu các hạ đến dạy trẻ học vỡ lòng ở thôn Tam Gia hầy nên tuân theo lời chú giải của Chu Hy. Nếu không bọn chấp chặt vào văn chương sẽ gièm báng tứ tung; chẳng những không thể biết cái tâm thánh nhân, mà trái lại còn hủy báng Phật pháp. Do vậy, họ vĩnh viễn chìm trong biển khổ, đánh mất ý chỉ sâu xa “khẩu lưỡng đoạn nhi kiệt yên” vậy!



10. Thư trả lời cư sĩ Tạ Dung Thoát ở Thái Thuận (thư thứ hai)

Nhận được thư, biết các hạ chưa thọ giới cụ túc và tình hình Phật pháp lưu thông tại quê hương ông, vui khôn ngăn nổi. Tuy nhiên, trong lúc vui, tôi không thể không hết sức lo lắng, vì sao nói vậy? Phàm Phật pháp là pháp chung của cả chín pháp giới, không ai không nên tu mà cũng không ai chẳng thể tu. Người trì trai niệm Phật nhiều, xét đến hiệu quả thì người hưng long pháp đạo, phong tục thuần thiện chỉ sợ không nhiều, chứ càng nhiều càng tốt. Còn như kẻ xuất gia làm tăng hòng giữ gìn đạo pháp Như Lai và lập bày cách để lưu thông đạo pháp; nếu người ấy lập chí hướng thượng, phát đại Bồ-đề, nghiên cứu Phật pháp, triệt ngộ tự tánh, rộng học tam học⁴⁷ nhưng riêng khen ngợi Tịnh độ thì trong một đời sẽ mau thoát khỏi khổ luân, người như vậy chỉ sợ không nhiều, chứ càng nhiều càng tốt.

Nếu là kẻ hơi có tín tâm, không có đại chí, muốn dựa vào cái danh làm tăng để ăn không ngồi rồi, sống bám Phật pháp, mang danh Phật tử, chứ thật sự chỉ là gã trọc đầu. Dầu không tạo ác nghiệp nhưng đã là hạt giống hư hoại nơi pháp, là phế nhân của đất nước. Nếu còn phá giới tạo nghiệp, nhục lầy Phật pháp, dầu sống trốn được phép nước, lúc chết quyết định đọa địa ngục. Đối với pháp, đối với bản thân cả hai vô ích. Một kẻ như thế còn chẳng được,

47 Tam học: tức giới, định, tuệ.

huống chi là nhiều!

Cổ nhân nói “xuất gia là chuyện của bậc đại trượng phu, kẻ quan cao lộc cả không thể làm được”⁴⁸ không phải là ức chế kẻ quan cao lộc cả để cao tăng-già đầu! Là vì gánh vác gia nghiệp của Phật, nối tiếp huệ mạng Phật, không phải là kẻ phá vô minh hồng khôi phục bản tánh, hoằng dương đạo pháp hồng lợi lạc chúng sanh sẽ không thể làm được. Nay kẻ làm tăng đa số là hạng bỉ lậu, bại hoại, vô lại, mong sống thanh thoi, nhàn nhã, những kẻ chỉ trì trai niệm Phật còn chưa được mấy, huống gì là những người có thể gánh vác gia nghiệp, nối tiếp huệ mạng?

Phật pháp ngày nay lụn bại sát đất là vì Thanh Thế tổ (Thuận Trị) không xét thời cơ, ngựa tuân theo quy chế nhà Phật, bỏ lệ thí tăng của triều đại trước, vĩnh viễn miễn độ điệp⁴⁹, cho tùy ý xuất gia, gây nên sai lầm. Phàm tùy ý xuất gia đối với người thượng thượng căn thì có lợi ích lớn, nhưng với kẻ hạ căn lại có hại lớn. Nếu như đời toàn là thượng sĩ thì cách thức ấy cố nhiên hữu ích cho đạo pháp. Nhưng bậc thượng sĩ như vậy lân, kẻ hạ căn như lông bò, lợi ích tạm thời khi ấy (trong khoảng đầu nhà Thanh đến thời Càn Long, thiện tri thức như rừng, nên có ích), họa

48 Nguyên văn: “Xuất gia nãi đại trượng phu chi sự, phi tướng tướng sở năng vi.” Trong bài giảng Sa-di Luật Nghi Yếu Lược, hòa thượng Tịnh Không giảng chữ tướng thứ nhất là tướng quân, chữ tướng thứ hai là tế tướng. Ngài nói tướng tướng ở đây có nghĩa là người cao sang, quyền uy tốt bậc.

49 Thời Minh quy định tăng sĩ phải trúng tuyển khoa thi sát hạch về kinh điển, giới luật. Ai trúng tuyển sẽ được cấp giấy chứng nhận gọi là độ điệp. Ai thi hỏng bị đuổi về nhà làm dân.



lan rộng đến hậu thế. Tới nay, sự lạm dụng, xô bồ đến mức cùng cực, đâu có tri thức chính đốn một phen cũng chẳng biết bắt đầu từ đâu, chẳng đáng buồn ư?

Từ rày về sau người cầu xuất gia, thứ nhất phải là thật sự phát tâm đại Bồ-đề lợi mình, lợi người, thứ hai là phải có thiên tư hơn người thì mới được xuống tóc. Nếu không, không được! Nếu là nữ nhân có tín tâm, nên bảo họ tu hành tại gia, muôn vàn chẳng cho xuất gia. E rằng có chuyện sai xảy đến nỗi ô bại Phật môn chẳng nhẹ vậy. Người nam nếu là chân tu, xuất gia càng dễ, vì có thể tham phòng tri thức, y chỉ từng lâm. Nữ dẫu chân tu xuất gia vẫn khó, bởi hành động dễ chuốc lấy miệng đời gièm báng, mọi việc thường khó lòng tùy ý được. Chọn lựa thế độ như trên, chẳng độ ni chúng chính là hộ trì Phật pháp trong đời mạt, là yếu nghĩa bậc nhất để chỉnh lý pháp môn. Mong hãy tha thiết nói với lệnh sư⁵⁰ và hết thầy những vị tăng quen biết thì công đức sẽ vô lượng vô biên. Mong lắm thay, mong lắm thay!

11. Thư trả lời cư sĩ Đặng Bá Thành (thư thứ nhất)

Kể từ khi quen biết đến nay, chớp mắt đã sáu năm, chẳng những tình sương đã mấy lượt thay đổi, mà quốc lịch cũng chẳng còn y như cũ⁵¹. Tướng thế gian vô thường,

50 Lệnh sư: tiếng gọi tỏ vẻ tôn trọng thầy người khác.

51 Tình sương: chỉ thời gian năm tháng. Cả câu ý nói, không những thời gian đã thay đổi mà chế độ cũng khác xưa.

thật đáng than thở. Nhận được thư, biết ông không phế tịnh nghiệp, thật quá tốt đẹp, nhưng ông nói thân tâm đến nỗi chẳng an, vì cảnh ngộ không tốt mà đến nỗi bất an hay sao? Hay là bệnh tật triển miên, nên đến nỗi bất an vậy?

Nếu do cảnh ngộ không tốt thì hãy lùi một bước, suy nghĩ, thử nghĩ coi trong đời kẻ hơn được mình cố nhiên là nhiều, nhưng những người không được như mình cũng chẳng ít. Chỉ cần không đói, không rét, mong chi đại phú, đại quý? Vui theo mạng trời, tùy ngộ nhi an (an vui theo cảnh duyên), như thế sẽ chuyển được phiền não thành Bồ-đề, há chẳng thể chuyển ưu khổ thành an lạc ư?

Nếu bị tật bệnh dây dưa thì hãy đau đáu nghĩ thân này là gốc khổ, sanh lòng nhàm lìa hết mức, ra sức tu tịnh nghiệp, thể cầu vãng sanh. Chư Phật lấy khổ làm thầy, nên thành Phật đạo; chúng ta nên lấy bệnh làm thuốc, mau cầu xuất ly. Phải biết phàm phu đầy dẫy phiền não, nếu không khổ vì bản cùng, tật bệnh v.v., ai có thể sẽ không suốt ngày rong ruổi trong trường thanh sắc, danh lợi, ai chịu trong lúc đắc ý lừng lẫy quay đầu nghĩ đến lúc chìm đắm trong tương lai? Mạnh tử nói: “Trời vì muốn giao phó trách nhiệm lớn lao cho người nào thì trước hết phải làm khổ tâm chí, nhọc nhằn gân cốt người ấy, khiến thân người ấy đói khát, thân thể trống thiếu, gây nên những điều trái ngược với những gì người ấy làm. Do vậy, nảy sanh tánh nhàm, tăng thêm [khả năng làm được] những điều người ấy không thể làm.” Do vậy biết rằng, trời muốn thành tựu



người thường hay tạo ra nghịch cảnh, con người chỉ nên thuận theo mạng trời là được.

Cái gọi là trách nhiệm lớn như Mạnh tử đã nói chính là tước vị thế gian, vậy mà còn phải lo âu, nhọc nhằn như thế mới chẳng phụ lòng trời. Huống chi chúng ta là phàm phu sát đất, muốn trên thì gánh vác gia nghiệp của đấng Pháp Vương, dưới hóa độ pháp giới hữu tình, nếu không bị chút nghèo bệnh vùi dập thì phàm hoặc ngày càng lầy lừng, tịnh nghiệp khó thành, mê muội bản tâm, vĩnh viễn đắm trong ác đạo đến tận đời vị lai, không mong có lúc thoát ra. Cổ đức từng nói: “Chẳng trải một phen lạnh buốt xương, há được hoa mai thơm ngát mũi”, chính là nói về điều này vậy. Hãy nên chí tâm niệm Phật để tiêu nghiệp cũ, trợn chẳng nên khởi lòng bực bội, lo nghĩ, oán trời hận người, cho là nhân quả hư huyền, Phật pháp không linh.

Phải biết rằng, chúng ta từ vô thủy đến nay, ác nghiệp đã tạo vô lượng vô biên, kinh Hoa Nghiêm nói: “Giả sử ác nghiệp có thể tướng thì mười phương hư không chẳng thể chứa đựng nổi”, huống gì tu trì lơ là, hờ hững, há có thể tiêu hết được nổi ư? Do vậy Thích-ca, Di-đà, hai vị giáo chủ hai cõi đau đáu nghĩ chúng sanh không sức đoạn hoặc, riêng mở ra pháp môn cậy vào Phật từ lực, mang nghiệp vãng sanh này. Lòng từ đại bi sâu thẳm, dẫu trời đất, cha mẹ cũng chẳng thể ví bằng một phần Hằng hà sa. Chỉ nên phát lòng hổ thẹn, phát tâm sám hối, sẽ được Phật gia bị, nghiệp tiêu, thân an. Nếu bệnh khổ đến mức dữ dội, chẳng

thể nhẫn chịu được thì ngoài lúc niệm Phật hồi hướng sáng tối ra, hãy chuyên tâm dốc ý, niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát. Quán Âm hiện thân trong sát-na, tâm thanh cứu khổ, người nào trong lúc nguy cấp, nếu có thể trì tụng, lễ bái, không khi nào không thuận theo lòng cảm mà ứng, Bồ-tát liền rủ lòng từ che chở khiến cho thoát khỏi khổ não, được an vui.

Một pháp niệm Phật là pháp giản dị nhất, dễ dàng nhất, rộng nhất, lớn nhất, nhưng phải khẩn thiết, chí thành đến tột cùng mới có thể cảm ứng đạo giao, được lợi ích thật sự ngay trong đời này. Nếu biếng trễ, lười nhác, không mảy may kính sợ, dẫu gieo được viên nhân nhưng cái tội khinh nhờn khó thể tưởng được nổi; dẫu cho được làm người, sanh lên trời, trọn khó thể dự vào hải hội. Đối với tượng Phật nên coi như là Phật thật, chẳng thể xem như đất, gỗ, đồng, sắt v.v.. Kinh điển là thầy của ba đời chư Phật, như xá-lợi của pháp thân Như Lai cũng nên xem như Phật thật, chẳng được coi như giấy, mực v.v.. Lúc đối trước kinh tượng nên như trung thần thờ thánh vương, như con hiếu đọc di chúc. Làm được như thế thì không nghiệp chướng nào chẳng tiêu, không phước tuệ nào chẳng đủ. Nay những sĩ đại phu học Phật thì nhiều nhưng thầy đều là đọc kinh văn, hiểu ý nghĩa, lấy đó để ăn nói, hòng được tiếng là một tay thông gia mà thôi, còn như cung kính chí thành, y giáo tu trì, thật khó được mấy kẻ!

Tôi thường nói: “Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật



pháp thì phải hướng về cung kính mà cầu. Có một phần cung kính thì tiêu tội nghiệp một phần, tăng phước tuệ một phần; có mười phần cung kính thì tiêu tội nghiệp mười phần, tăng phước tuệ mười phần. Nếu không cung kính đến nỗi khinh nhờn thì tội nghiệp càng tăng, phước tuệ càng giảm.” Than ôi, hễ gặp bạn tri giao hãy nên ra rả đem lời này bảo cho họ biết, không còn pháp thí nào lớn hơn. Pháp môn Tịnh độ nếu tin đến nơi, còn tốt chi bằng! Nếu trí mình chưa tỏ hãy nên ngửa tin lời thành thật của chư Phật, chư tổ, trọn đừng có một niệm nghi tâm. Hễ nghi ắt trái nghịch Phật, lâm chung chắc chắn khó thể cảm thông. Cổ nhân nói: “Pháp môn Tịnh độ chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu suốt rốt ráo, Đẳng địa Bồ-tát⁵² còn chẳng thể biết được chút phần.” Ôi, Đẳng địa Bồ-tát còn chẳng thể biết trọn vẹn nữa là phàm phu sát đất vọng sanh ước đoán ư?

Nếu muốn nghiên cứu, nên xem sách Tịnh Độ Thập Yếu, cuốn sách này do đại sư Ngẫu Ích chọn lấy những tinh hoa trong các sách Tịnh độ, khéo léo kế hợp thời tiết và căn cơ, thật là bậc nhất. Mở đầu sách là Di-đà Yếu Giải, kể từ khi đức Phật nói kinh này đến nay, trong Tây Thiên, Đông Độ là bản chú giải có một không hai, nên khéo tuân thủ chớ nên xem thường. Nay người thông minh tuy học Phật pháp, do chưa thân cận bậc thiện tri thức có đủ hai mắt, thấy đều

52 Đẳng địa Bồ-tát: Hàng Bồ-tát từ Sơ địa trở lên.

chuyên trọng lý tánh, bác bỏ sự tu⁵³ và nhân quả. Đã bác sự tu, nhân quả thì lý tánh cũng mất. Do vậy thường có những kẻ tài cao, ngôn từ kinh khiếp quý thần, xét đến hành vi chẳng khác gì gã vô tri vô thức đầu đường xó chợ. Gốc bệnh đều là do phước sự tu, nhân quả mà nên nổi, khiến bậc thượng trí nảy lòng xót thương, kẻ hạ ngu dựa theo đó làm xằng. Đây đúng là dùng thân báng pháp, tội lỗi vô lượng.

Sách Pháp Uyển Châu Lâm (100 quyển, chùa Thiên Ninh ở Thường Châu phân thành 30 tập; Mã Nảo Kinh Phòng ở Tô Châu chia thành 24 tập, bản của Mã Nảo Kinh Phòng hư nát, mờ mịt, bản của chùa Thiên Ninh là khắc mới) bàn luận chi tiết về nhân quả, lý sự cùng nêu, rành mạch phân minh. Đọc đến khiến người không lạnh mà rét buốt, dầu ở trong nhà tối, phòng kín thường như đối trước Phật, trời, chẳng dám chớm một tí ác niệm. Thượng, trung, hạ căn trọn chẳng đến nổi nhận lầm đường nẻo, chấp lý phước sự, xuôi theo cái tệ thiên tà cuồng vọng. Ngài Mộng Đông nói: “Người khéo bàn tâm tánh ắt chẳng lìa nhân quả, người tin sâu nhân quả, cuối cùng ắt hiểu được thấu suốt tâm tánh. Lẽ tất nhiên là phải như vậy.” Mấy lời này của ngài Mộng Đông đúng là lời bàn luận chí lý ngàn đời chẳng thay đổi được, mà cũng là nhất kim đâm xuống đỉnh đầu bọn rông rở cuồng huệ vậy. Sách này các chỗ phát hành kinh sách đều có, hãy nên thỉnh về xem. Lợi ích nên tự biết, cũng nên làm cho hết thầy tri giao đều đọc sách ấy.

53 Sự tu: tu hành nơi mặt sự tướng.



Lệnh đệ⁵⁴ mùa thu năm ngoái lên núi, tôi cũng từng đem thuyết cung kính khuyên lớn, nhưng không biết anh ta có coi lời tôi là đúng hay không?

12. Thư trả lời cư sĩ Đặng Bá Thành (thư thứ hai)

Nhận được thư, đọc thư thấy tinh thần vui sướng. Cừ Bá Ngọc⁵⁵ khi 50 tuổi, biết 49 năm trước sai trái. Khổng tử tuổi gần 70 còn muốn trời cho sống thêm vài năm để học xong kinh Dịch, ngõ hầu khỏi mắc lỗi lớn. Cái học của thánh nhân chưa bao giờ chẳng đặt rốt ráo nơi khởi tâm động niệm. Vào thời gần đây, Nho gia chỉ học từ chương, chánh tâm thành ý gác lại chẳng giảng. Tuy hằng ngày đọc sách thánh hiền nhưng trọn chẳng hiểu cái ý để lại sách răn đời của thánh hiền. Những gì miệng họ nói, những gì thân họ làm cùng với ngôn ngữ, hành vi của hiền thánh khác nào tối sáng chẳng hòa, tròn vuông chẳng khớp vậy. Hiếm hoi thay những ai rảnh rang học hỏi cho thấu suốt những lẽ ẩn vi!

Kinh Phật dạy người thường hành sám hối ngõ hầu đoạn sạch vô minh, viên thành Phật đạo. Tuy địa vị đến bậc Đẳng giác như Di-lặc Bồ-tát vẫn trong mười hai thời lễ mười phương chư Phật để mong hết sạch vô minh, viên chứng pháp thân, hướng gì những kẻ thấp hơn! Thế nhưng phạm phu sát đất khắp thân là nghiệp lực, chẳng sanh hổ

54 Lệnh đệ: tiếng gọi tỏ vẻ tôn trọng em trai người khác.

55 Cừ Bá Ngọc: Người đời Xuân Thu, làm quan đại phu nước Vệ, là đệ tử của Khổng tử (theo tự điển Từ Hải)

thẹn, chẳng tu sám hối; tuy nhất niệm tâm tánh bình đẳng với chư Phật, nhưng do phiền não ác nghiệp chướng lấp nguồn tâm, chẳng thể hiển hiện. Ví như tấm gương báu tròn lớn bao kiếp bụi phủ, chẳng những trọn không có ánh sáng mà chất đồng cũng không hiển hiện được. Nếu biết bản thể cái gương bị bụi lấp ấy có đủ ánh sáng soi trời chiếu đất, ra sức chùi mài, ngày lại qua ngày, đồ công chẳng thôi, chất đồng tự lộ, lại càng gia công, quang minh dần dần lộ ra. Quang minh tuy đã phát nhưng chùi mài càng thêm sốt sắng, lực cực công thuần, chất dơ hết ánh sáng hiện, soi trời chiếu đất, là vật quý nhất trong thế gian. Phải biết quang minh ấy gương vốn sẵn đủ, chẳng phải do mài mà có. Nếu không sẵn có, do mài mà có thì mài gạch mài đá lẽ ra cũng phải tỏa ánh sáng.

Thêm nữa, phải biết: Quang minh ấy gương tuy sẵn có nhưng không chùi sẽ vĩnh viễn chẳng có ngày tỏa sáng. Tâm tánh chúng sanh cũng giống như thế, dầu bình đẳng với Phật, nếu chẳng cải ác tu thiện, trái nghịch trần lao, hiệp theo giác thì tánh có đủ công đức sẽ trọn chẳng thể phát hiện. Dùng tâm thức sẵn đủ Phật tánh để tạo nghiệp khổ trầm luân bao kiếp dài lâu, khác nào chạm phải vật báu trong nhà tối, chẳng những không thể thọ dụng, trái lại còn đến nỗi bị tổn thương, đáng buồn làm sao!

Một pháp niệm Phật chính là trái nghịch trần lao, hiệp với tánh giác, là diệu pháp bậc nhất để phản bốn quy nguyên; đối với thân phận người tại gia lại càng thân thiết.



Do người tại gia thân vướng lưới thế gian, công việc đa đoan, nhiếp tâm tham thiền và tịnh thất tụng kinh v.v. thì hoặc là do tình thế chẳng thể làm, hoặc sức không làm xuể. Chỉ một pháp niệm Phật là thuận tiện nhất, sáng tối đối trước Phật tùy phận, tùy lực, lễ bái trì niệm, hồi hướng phát nguyện. Ngoài ra, đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, im lặng, động tịnh, mặc áo, ăn cơm, hết thảy thời, hết thảy chỗ đều khéo niệm. Nhưng nếu ở nơi sạch sẽ, lúc cung kính thì hoặc niệm ra tiếng, hoặc niệm thầm đều được, nếu đến nơi không sạch sẽ (như vào nhà xí v.v.) hoặc lúc không cung kính (như ngủ nghỉ, tắm rửa v.v.) thì nên niệm thầm, đừng niệm ra tiếng. Không đúng thời, không đúng chỗ chớ nên niệm ra tiếng, lúc ngủ niệm ra tiếng thì chẳng những không cung kính mà lại còn tổn khí, lâu ngày thành bệnh, công đức niệm thầm cũng giống như lúc bình thường. Đó gọi là niệm đầu tâm đó, gấp rút cũng như thế, lúc khốn khổ cũng như thế.

Cư sĩ đã có thể phát lộ sám hối, dễ tương ứng nhất đối với pháp môn Tịnh độ, đây chính là “tâm tịnh cõi nước tịnh”. Nhưng đã biết lỗi, lại chịu phát lộ sám hối, ắt phải cải ác hướng thiện. Nếu chẳng đối ác hướng thiện thì nói đến sám hối chỉ là bàn suông, chẳng được lợi ích thật sự. Còn như nói muốn cho tâm chẳng tham sự bên ngoài, chuyên niệm Phật, nhưng không thể chuyên, cứ muốn chuyên chuyện khác, chẳng thể niệm, cứ niệm chuyện khác, chẳng thể nhất tâm, cứ muốn nhất tâm nơi khác v.v., thì cũng không có pháp tắc áo diệm chi khác, chỉ đem một chữ “chết” dán trên

trán cho rủ xuống tận mày, tâm thường niệm rằng:

- Tôi tên là... từ vô thủy mãi cho đến đời này đã tạo ác nghiệp vô lượng vô biên, nếu như ác nghiệp có thể tướng thì mười phương hư không chẳng thể chứa đựng. Đời trước do may mắn nào nay được thân người, lại nghe Phật pháp, nếu không nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương, một khi hơi thở ra không hít vào thì chắc chắn hướng vào trong địa ngục, vạc sôi, lò than, rừng gươm, núi đao mà thọ khổ chẳng biết bao nhiêu kiếp. Dầu ra khỏi địa ngục, lại đọa vào ngạ quỷ, bụng to như biển, họng bé như kim, bao kiếp dài lâu đói khát, trong họng lửa cháy, chẳng nghe đến tên nước, nước trái ép, khó được tạm no. Dầu thoát khỏi ngạ quỷ lại làm súc sanh để cho người cưỡi, hoặc gieo thân vào nhà bếp của người. Dầu được thân người, ngu si vô tri, lấy tạo nghiệp làm đức năng, coi tu thiện như gông cùm, không biết mấy mươi năm, rồi lại đọa lạc không biết bao nhiêu trần điểm kiếp luân hồi lục đạo. Tuy muốn xuất ly chẳng có cách nào.

Niệm được như thế thì những sở cầu như trên sẽ được thành tựu ngay. Do vậy, Trương Thiện Hòa, Trương Chung Quỳ lâm chung tướng địa ngục hiện, niệm Phật mấy tiếng liền đích thân thấy Phật đến tiếp dẫn vãng sanh. Trong trăm ngàn vạn ức pháp môn khác của giáo pháp suốt một đời đức Phật không hề thấy có lợi ích như thế, tôi thường nói: “Chúng sanh trong chín pháp giới là pháp này thì trên chẳng thể viên thành đạo, mười phương chư Phật bỏ pháp này thì dưới chẳng thể lợi khắp quần sanh”,



là nói về điều này. Nếu tâm sanh tử quá thật khẩn thiết, tin đến nơi, tâm chẳng sanh một niệm nghi hoặc, thì tuy chưa ra khỏi Sa-bà, đã không còn là khách lâu ngày của Sa-bà nữa. Chưa sanh về Cực Lạc, nhưng đã là khách quý chốn Cực Lạc. Thấy người hiền mong được bằng, gặp việc nhân chẳng nhường ai, há chịu lần chần, biếng trễ, coi thường để đến nỗi lâm lõ một phen trở thành lâm lõ vĩnh viễn ư! Trượng phu có huyết tánh trọn chẳng chịu sống làm thịt đi thầy chạy, chết mục nát cùng cỏ cây. Gắng lên, gắng lên!

Thêm nữa, niệm Phật cố nhiên quý ở chuyên nhất, nhưng cư sĩ trên có cha mẹ, dưới có vợ con, những chuyện lo toan ngoài bốn phận vọng động mong được giàu vui, quả thật không nên. Còn những chuyện thuộc bốn phận phải làm, càng nên gắng sức làm, đừng vứt bỏ hết thảy thì mới là tu hành. Nếu vứt bỏ hết thảy mà chẳng khuyết chuyện nuôi nấng cha mẹ, vợ con thì được; nếu không liền thành trái nghịch với hiếu đạo, tuy nói là tu hành nhưng thật sự trái nghịch lời Phật dạy, điều này lại chẳng thể không biết. Lại phải đem lợi ích của pháp môn Tịnh độ khuyên cha mẹ, khiến cho họ niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nếu họ tin nhận vãng làm, lúc lâm chung quyết định vãng sanh. Hễ được vãng sanh thì ngay lúc ấy siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, cao dự hải hội, thân cận Di-đà, mãi cho đến khi thành Phật mới thôi. Cái hiếu của thế gian làm sao sánh bằng được! Nếu lại có thể đem chuyện này bảo khắp đồng nhân, khiến cho cha mẹ của họ đều được vãng sanh thì công đức giáo hóa ấy quy về mình, khiến cho phẩm vị

của mình và của cha mẹ càng cao hơn. Kinh Thi có câu: “Hiếu tử chẳng nghèo, vĩnh viễn ban cho người.” Muốn hiếu với cha mẹ hãy nên suy nghĩ sâu xa, tận lực thực hành.

13. Thư trả lời cư sĩ Đặng Tân An

Mùa xuân năm nay lệnh huynh gửi thư đến, xem ý khẩn khoản thiết tha, do vậy Quang tôi chẳng nề mình bí lậu, trình bày đại lược. Đến khoảng tháng Tư lại gửi một lá thư nêu lỗi tự trách, xin chỉ cho những điều trọng yếu, khá phù hợp hạnh khắc kỷ, giữ lễ, thân cận thầy bạn. Quang tôi đọc xong, vui mừng khôn xiết, nhân đây cũng phân tích trình bày cặn kẽ để trả lời. Nay nhận được thư của cư sĩ, tuy ngôn từ không nhiều nhưng ý tứ cũng chẳng kém gì thư lệnh huynh cho mấy, có thể nói là “anh lẫn em đều hiếm có”. Thiên luận, Phật pháp đều là đồng khí liên cành, nếu không phải là nhiều kiếp cùng trồng thiện căn, đồng tu tịnh hạnh, há được như thế!

Nay cư sĩ có những câu hỏi về lợi ích, Quang tôi thật khó phúc đáp. Vì sao? Do cư sĩ chí lớn, cái biết của Quang tôi lại nhỏ nhoi, lớn nhỏ chẳng phù hợp nhau, căn cơ giáo pháp chẳng khế hợp. Tuy nhiên, trong nhất thừa thật tướng, tìm tướng lớn hay nhỏ trọn chẳng thể được. Trong cái bất khả đắc ấy, nếu nêu ra cái lớn thì lớn là pháp giới, hết thấy pháp hướng về cái lớn, không vượt qua được; nói đến nhỏ thì nhỏ là pháp giới, hết thấy pháp đi về cái nhỏ, không lọt ra được. Quang tôi biết pháp nhỏ, chính là pháp



bao gồm pháp của hết thầy chư Phật trong mười pháp giới.

Hòa thượng Thiện Đạo nói: “Nếu muốn học giải thì từ địa vị phàm phu cho đến địa vị Phật, hết thầy các pháp không pháp nào chẳng nên học. Nếu muốn học hạnh thì nên chọn lấy một pháp khế lý, khế cơ, tinh chuyên ra sức mới mau chứng được lợi ích thật sự. Nếu không, dầu trải kiếp này sang kiếp khác vẫn khó được xuất ly.” Nói đến pháp khế lý khế cơ thì không gì bằng tín nguyện trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương, pháp ấy được giảng đầy đủ trong sách Di-đà Yếu Giải và các sách Tịnh độ. Hãy tìm lấy đầu mối, pháp này không quá rườm rà. Phải biết Phật pháp chính là pháp chung của mười pháp giới, không một ai chẳng nên tu, cũng không một ai chẳng thể tu.

Ai nói Phật giáo vứt bỏ nhân luân, hại thánh đạo thì đều là kẻ chưa thấy màu sắc mà bàn luận mù quáng. Do đâu mà nói như thế? Phật đối với cha dạy từ, đối với con dạy hiếu, đối với vua dạy nhân, đối với bầy tôi dạy trung, phu xướng phụ tùy, anh nhường em kính, mọi lời lẽ tốt đẹp, mọi hạnh tốt lành trong thế đế kinh Phật không gì không trình bày rõ ràng nhân đời trước, quả đời này, nhân đời này, quả đời sau. Những lời dạy về từ, về hiếu v.v. giống với Nho gia, nhưng giảng tường tận về nhân quả ba đời thì trong Nho giáo còn chưa nghe đến, hướng chỉ chuyện đoạn hoặc chứng chân, viên mãn Bồ-đề, quy về pháp vô sở đắc! Tiếc cho kẻ ấy chưa thấy, nếu đọc kỹ, nghĩ sâu ắt sẽ đau buồn trào lệ, tiếng rên cả đại thiên thế giới, buồn tiếc cho tội lỗi báng Phật.

Tuy nhiên, dùng lời lẽ để báng bổ tội ấy còn nhỏ; dùng thân để báng tội ấy lớn lắm. Nay miệng bàn Đại thừa, tự cho mình ngộ đạo: “Ta chính là Phật, cần gì phải niệm Phật nữa; phiền não chính là Bồ-đề, cần gì phải đoạn phiền não! Dâm - nô - si chính là giới - định - tuệ, cần gì phải đoạn dâm - nô - si?” Do vậy, lời nói cao vót chín tầng mây, hạnh thấp tẻ xuống tuốt chín tầng đất. Những hạng như vậy gọi là oán gia của nhà Phật, so với những kẻ không biết gì về Phật pháp mà hủy báng tội càng sâu hơn vạn phần. Kẻ ấy từng nghiên cứu Phật pháp không phải là hoàn toàn vô ích, nhưng chỉ tạo thành cái nhân đắc độ trong tương lai. Cái tội dùng thân để báng pháp không biết trải bao kiếp, trong tam đồ chịu các tội khổ.

Cư sĩ nên lấy việc nghiên cứu kinh luận Đại thừa khai viên đốn giải để dẫn đường, lấy tín nguyện trì danh cầu sanh Tây Phương làm chánh hạnh. Còn nếu chú tâm nơi hành sự, e làm quá mức không biết, phước tiêu không hay. Nên đọc kỹ bộ An Sĩ Toàn Thư và bộ Pháp Uyển Châu Lâm, sẽ tự nhiên với mỗi pháp, mỗi sự biết được pháp tắc, tâm tâm niệm niệm không đến nỗi trái vượt. Nếu như sợ mình xem xét không đến nơi hãy nên thực hành theo “Công quá cách” của Phù Hựu Đế Quân sẽ siêu phàm nhập thánh, đoạn hoặc chứng chân. Tại Chấn Đán Trung Quốc sẽ tôn ông là bậc nhất. Công quá cách là do thiền sư Vân Cốc đời Minh truyền cho ông Viên Liễu Phàm, chớ cho sách ấy vụn vặt rồi coi thường. Lệnh huynh nhiều lần viết thư cho biết sách



ấy đối với thân tâm tánh mạng có lợi ích lớn lao. Không tự oán, tự đoạn như thế, trọn khó thể khắc kỷ, giảm lỗi. Nay gởi kèm sách ấy theo thư này, chỉ mong cư sĩ cũng giống như lệnh huynh tự mình oán thì tự mình đoạn, ngõ hầu sau này đoạn hoặc chứng chân, viên mãn Bồ-đề mà thôi.

14. Thư gởi cư sĩ Lưu Đình Thành ở Phước Kiến

Chư Phật vốn do một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong đời, đại sự nhân duyên vừa nói đây không có gì khác hơn là muốn cho chúng sanh khai thị ngộ nhập tri kiến Phật, ngay đó thành Phật mà thôi. Do vì căn tánh chúng sanh bất nhất, nên giáo pháp của Như Lai muôn vàn sai khác, do vậy giáo pháp cả một đời tùy cơ diễn giảng. Pháp môn tuy rộng nhiều như cát bụi nhưng hành nhân y giáo tu trì, rốt ráo quy nguyên, đều chứng tự tánh chính nơi tâm mình. Nhưng trong trần sa pháp môn, tìm lấy pháp chẳng lìa sự tu, phô bày trọn vẹn tâm tánh, trùm khắp ba căn, lợi độn cùng thân, thượng thượng căn chẳng vượt được ải này, hạ hạ căn cũng đến được nơi ấy, cao trở hết thủy thiền, giáo, luật, thống nhiếp hết thủy thiền, giáo, luật, hạ thủ dễ, thành công cao, dùng sức ít mà được hiệu quả nhanh, thuận lợi nhất trong đời mật pháp, vượt thẳng ngũ trước thì không gì thù thắng siêu tuyệt như pháp trì danh niệm Phật của Tịnh độ. Quả thật có thể nói là chúng sanh trong chín pháp giới là pháp này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo, mười phương chư Phật bỏ pháp này thì dưới chẳng thể lợi khắp quần sanh. Do vậy, ngàn kinh

muôn luận nơi nơi chỉ quy, vãng thánh tiền hiền ai nấy đều hướng về như các ngôi sao châu về Bắc Đẩu, vạn dòng nước chảy về Đông. Cư sĩ đã tin sâu niệm Phật, nhưng nếu chưa tham học với tịnh nghiệp thiện tri thức, lại không đọc rộng các kinh luận Tịnh độ thì lòng tin chân thành, nguyện thiết tha do đâu mà phát sanh cho được? Dầu có thể chấp trì danh hiệu, nhưng vì chẳng cầu xuất ly liên thành cái quả nhân thiên, thọ hưởng si phước. Do phước tạo nghiệp lại chìm trong ác đạo. Nếu đường nẻo vẫn không đúng, lạc vào tà kiến thì thiện nhân lại chiêu ác quả, phước báo nhân thiên còn chưa thể được, bao kiếp khó thoát khỏi sự khổ cùng cực trong A-tỳ. Ví như vào biển đã không có hoa tiêu, lại thiếu la bàn, trôi nổi trong sóng cuồng, sóng lớn, mịt mờ chẳng biết đi về đâu. Dầu có thể chèo chống, lèo lái, khó khỏi bị chìm đắm. Quang thuở nhỏ ít học, lớn lên vô tri, chỉ với pháp Tịnh độ còn hơi rành rẽ, cảm lòng thành của ông, nay đem những điều thiết yếu nhất của kinh luận Tịnh độ giới thiệu sơ lược một hai điều, mỗi điều chỉ nêu đại ý. Nếu có thể quay về mà cầu, tâm lãnh hội, tinh thần thể hội ắt sẽ múa tay giậm chân mà không biết, vượt xa kẻ ngu cứ nói lem lém.

15. Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân (thư thứ nhất)

Ông Tạ Ân Quang lên núi cảm theo thư của các hạ. Mở ra xem thấy tâm mộ đạo khẩn thiết, nguyện lực rộng lớn, thể mong thâm nhập, nhưng chẳng cho chút ít là đủ, tôi mừng vui vô lượng. Còn như quá khen ngợi Bất Huệ



khuyến người hổ thẹn khôn cùng. Các hạ muốn liễu sanh tử đại sự, nhưng tuổi tác đã gần tri mạng⁵⁶, tháng ngày còn lại không nhiều, lại không có tri thức, bạn bè hữu ích để thân cận. Nhưng không chuyên tu tịnh nghiệp, nhất tâm niệm Phật, lại muốn nghiên cứu rộng rãi nghĩa lý áo diệu và điển cú của các kinh, dường như là vì chưa biết sâu xa duyên do của Tịnh độ vậy. Hãy nên đến chùa Hoa Nghiêm mượn đọc bộ Tịnh Độ Thập Yếu và Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, lắng lòng đọc kỹ, ắt tự biết chỗ hướng về.

Hết thầy chúng sanh đều là cha mẹ quá khứ, là vị lai chư Phật. Giết để ăn sao nuốt cho trôi? Nếu biết nghĩa này, dầu táng thân mất mạng cũng chẳng thể ăn hết thầy loại thịt. Nhưng Phật dạy người khéo dẫn dụ dần dần, với bậc thượng căn liền dạy đoạn hoàn toàn, với trung hạ căn bèn dạy giảm dần cho đến khi hoàn toàn đoạn được.

Bài văn Phát Nguyện tuy văn từ rộng sâu nhưng phải chân thật từ tâm mà phát, vậy mới gọi là nguyện. Nếu không, tâm và miệng trái nghịch nhau thì sao gọi là nguyện cho được? Với cái nguyện trong đời này tuy cũng không trở ngại, nhưng muốn sanh con cháu phước tuệ, phải cầu nơi tích tụ âm đức lớn lao, rộng hành phương tiện. Huống chi các hạ năm nay tuổi đã 48, đã cưới ba vợ nhưng chỉ sanh con gái, cho thấy đời trước đời này đều kém tài bồi. Nay muốn chuyển hồi lòng trời ắt phải chân thật sửa lỗi làm lành

56 Tuổi tri mạng: 50 tuổi, do câu nói “ngũ thập tri thiên mạng” nên thường gọi tuổi 50 là tuổi tri mạng.

như tiên sinh Viên Liễu Phàm cuối đời Minh đã dốc sức thực hiện vậy, trọn chưa có ai không được cảm ứng, thỏa mãn điều nguyện. Lại đừng nói nhà mình bản hàn, chẳng thể rộng tích âm đức, rộng hành phương tiện. Phải biết, ba nghiệp thân miệng ý đều ác thì không ác gì lớn hơn, nếu như ba nghiệp đều thiện thì không tốt lành gì lớn lao hơn!

Đối với kẻ ngu không tin nhân quả, chẳng tin tội phước báo ứng, ương bướng cứng đầu, hãy theo những gì An Sĩ Toàn Thư đã giảng mà diễn nói khiến cho họ bắt đầu tin nhân quả dần dần, lần hồi sẽ tin sâu Phật pháp, cuối cùng được vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử. Một người như thế công đức còn vô lượng vô biên, hưởng chi nhiều người. Nhưng chính mình tận lực thực hành không sai sót mới hòng cảm hóa người chung quanh. Vợ con mình nếu tin nhận, phụng hành, người khác nhìn vào thấy là thiện, há có phải vì nhiều của cải ư? Chỉ cầu không đói, không rét, mong chi phát tài cự vạn? Để cho con một ruộng vàng đây không bằng dạy cho con một quyển kinh. Tổ đức bị khuyết, bèn thẹn đến chết; tổ nghiệp dù bị khuyết, nào thương tổn gì?

Nhưng đến giờ đây, thân không còn nhiều ngày tháng nữa, nghĩ muốn nhanh chóng khôi phục tổ nghiệp, uống sanh vọng tưởng, trọn không có lợi ích thật sự gì. Hãy nên tùy duyên qua ngày chính là tri mạng, vui theo lẽ trời. Sống vừa thọ vừa khỏe trong đời, chỉ thuận không nghịch, người đời ai không mong được vậy, nhưng người được như



thế rất ít, người không được thật nhiều. Do đời trước, đời này không vun bồi lớn lao, không nhân chẳng thể có được quả vậy. Nay các hạ muốn sanh Tây Phương liễu sanh tử hãy nên nguyện thân thức của *cao, tăng, tổ phụ mẫu*⁵⁷ v.v. nương vào sức tu trì tịnh nghiệp tự hành, dạy người của chính mình liền được Phật từ tiếp dẫn vãng sanh, như vậy mới đáng gọi là “đại hiếu tôn thân” vậy. Còn như cúng tế tổ tiên chẳng dứt và khôi phục tổ nghiệp v.v. đều là cảnh giới thấy biết thiên cận của khắp phàm tình thế gian.

Hơn nữa, cầu sanh Tây Phương không được sợ chết, nếu chết ngay ngày hôm nay thì hôm nay bèn sanh về Tây Phương, như câu nói: “*Triêu văn đạo, tịch tử khả hỷ*” (buổi sáng nghe đạo, tối chết cũng được), há đâu hôm nay phải chết lại chẳng muốn chết. Đã tham luyến trần cảnh, chẳng thể buông xuống, bèn do tham thành chướng, cảnh Tịnh độ không hiện, cảnh giới theo nghiệp thọ sanh trong đường thiện, nẻo ác bèn hiện, cảnh hiện sẽ theo nghiệp thọ sanh trong đường thiện, nẻo ác vậy. Chuyện vãng sanh Tây Phương bèn thành bánh vẽ! Vì thế, người tu Tây Phương hôm nay chết cũng được, dẫu phải sống tới 120 tuổi mới chết cũng xong, hết thấy phó mặc nghiệp trước, chẳng vọng sanh so đo. Nếu tín nguyện chân thành, thiết tha, khi báo hết mạng tận, thân thức bèn siêu nơi tịnh vực, nghiệp trả lại trần lao, sen nở hoa chín phẩm, trong một đời được Phật thọ ký.

57 Cao, tăng, tổ phụ mẫu: Tổ là đời ông bà, tăng là đời bố mẹ của ông bà, tức cố; cao là bố mẹ của cố, ta thường gọi là ông sơ.

Lại nữa, người đời không con thường lấy thêm nhiều vợ lẽ, chẳng biết vun quén đức, tiết dục. Làm như vậy chính là cách để chết cho mau, chẳng phải là phương cách cầu con. Chuyện này liên quan đến phong hóa và thờ cúng tổ tiên, ai nấy đều mạo muội mà làm, chuyện liên quan mới luân thường lớn lao của con người nên tôi cũng chẳng thẹn mà bàn bạc. Bất Huệ tôi người kém đức mỏng, trăm điều chẳng làm được một, ăn bám Phổ Đà, tạm kéo dài hơi tàn, không dám làm thầy cho người. Vì thế, trước kia ông Tạ Ân Quang cũng nói lời ấy, nhưng đều từ tạ chẳng nhận.

Các hạ quy y tam bảo thì hãy chọn lấy người phẩm hạnh đoan chánh, đang hoàng ở chỗ mình, bái người ấy làm thầy, bèn trở thành đệ tử của Như Lai. Từ đây về sau, trong thư từ chớ nhắc đến chữ “quy y” nữa. Quê ngài đã không có người thông minh, Quang tôi tự thẹn đạo nghiệp chưa thành, chẳng dám làm thầy, nhưng vẫn tùy duyên khai thị. Ví như người không chân, một bước khó dời, ngồi yên giữa ngã ba, có người muốn về thẳng quê nhà nhưng không biết đường lối, bèn chỉ cho người ấy đường đúng, mau về quê nhà. Người muốn về nhà ấy trọn chẳng vì người chỉ đường kia không đi được mà vứt bỏ lời ấy vậy.

16. Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân (thư thứ hai)

Ông gởi thư cho biết đang lễ kinh Pháp Hoa, nhiếp tâm niệm Phật, và muốn bớt lỗi nhưng chưa thể, toan dựa theo *Công quá cách* để thường ngày kiểm điểm. Đủ thấy



gần đây ông siêng năng tu, đáng cho tôi học theo, chẳng như người đời nay chỉ muốn mua danh chuốc dự, dối mình lừa người mới cam. May mắn thay, may mắn thay!

Lễ tụng trì niệm, các thứ tu trì đều phải lấy thành kính làm chủ, nếu thành kính đến cực điểm thì công đức sẽ như trong kinh nói: “Dầu thuộc địa vị phàm phu, tuy chưa thể viên đặc nhưng sở đắc của người ấy đã khó thể nghĩ bàn.” Nếu không thành kính sẽ giống như diễn tuồng, khổ sướng, buồn vui đều là giả vờ, chẳng do nội tâm phát ra. Dầu có công đức cũng chẳng thể vượt khỏi si phước trong nhân thiên mà thôi, nhưng ắt sẽ lại ý vào si phước ấy tạo ác nghiệp, cái khổ tương lai khi nào hết được? Hãy đem ý này bảo khắp bè bạn, ngõ hầu tu thì phải chân tu, hành thì phải thật hành, lợi ấy rộng khắp. Quy củ bái kinh như ông đã lập về lý cố nhiên vô ngại, nhưng nếu luận về sự tướng, nếu lễ bái chung chung thì nên niệm Nam-mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ-tát, lễ xuống, tướng bài kệ lễ kinh như sau:

*Chân không pháp tánh như hư không,
Thường trụ pháp bảo nan tư nghị,
Ngã thân ảnh hiện pháp bảo tiền,
Nhất tâm như pháp quy mạng lễ.*

Tạm dịch:

Chân không pháp tánh như hư không,
Pháp bảo thường trụ khó nghĩ bàn,

Thân con hiện bóng trước pháp bảo,
Nhất tâm như pháp quy mạng lễ.

Tưởng toàn bộ kinh văn phóng quang, và những vị Phật, Bồ-tát đã nói trong kinh đều phóng quang chiếu đến thân mình và pháp giới hữu tình. Nếu lễ từng chữ hỷ niệm: *“Nhất tâm đảnh lễ Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh chữ... pháp bảo”*, lễ chữ nào niệm chữ đó, từ “như thị ngã văn” cho đến hết kinh đều niệm như vậy. Nhưng pháp quán tưởng thật chẳng phải là chuyện dễ. Nếu chẳng rõ thấu lý và tâm thức rối loạn, rất có thể khởi lên các ma sự. Chỉ lấy chí thành cung kính làm chủ, quán được thì quán, nếu không thì cứ dốc cạn lòng thành đến cực điểm, cứ lễ thẳng ngay vào kinh thì cũng được công đức vô lượng.

Như ông lập chương trình lễ kinh là đối trước kinh mà lạy, lạy xuống tưởng bài kệ, ngẩng lên lại niệm Phật, quán Phật thì chẳng bằng thờ kinh trước tượng Phật, chuyên lễ một đức A-di-đà Phật cho chuyên tinh nhất trí. Chớ bảo duyên tưởng một vị Phật công đức chẳng lớn bằng duyên tưởng nhiều vị Phật. Phải biết A-di-đà Phật là pháp giới tạng thân, một mình Phật A-di-đà có đủ toàn thể công đức của tất cả mười phương pháp giới chư Phật, như những hạt châu nơi cái lưới của Thiên đế, ngàn hạt châu in bóng trong một hạt châu, một hạt châu trọn khắp ngàn hạt châu, nêu lên một mà thấu trọn tất cả, chẳng thiếu, chẳng thừa. Nếu là bậc Đại sĩ tu hành đã lâu thì cảnh duyên rộng lớn chẳng ngại, cảnh càng rộng tâm càng chuyên nhất. Nếu là



kẻ sơ tâm mạt học mà duyên cảnh rộng thì tâm thức phân tán, nhưng chướng sâu tuệ cận rất có thể khiến cho các ma sự khởi lên. Vì thế, đức Phật Thế Tôn ta và chư tổ các đời đều dạy nhất tâm chuyên niệm A-di-đà Phật là vì lý do này. Đợi đến khi nào niệm Phật chứng được tam-muội thì trăm ngàn pháp môn, vô lượng diệu nghĩa thấy đều đầy đủ, cổ nhân nói: “Đã tắm trong biển cả ắt dùng nước trăm sông, thân đã đến điện Hàm Nguyên cần gì hỏi Trường An chi nữa!” Có thể nói là hình dung ý này khéo nhất.

Còn như việc dứt ác tu thiện, cật lực kiểm điểm, xét mình thì tuy không gì hay hơn Công quá cách, nhưng nếu tâm chẳng lấy thành kính làm chủ, dấu hăng ngày ghi công, chép tội cũng chỉ là viết suông. Ở nơi đây, chưa có sách Công quá cách. Theo như tôi thấy, chỉ nên trọng lòng kính, giữ lòng thành, trong mười hai thời chẳng có một niệm hư phù lười nhác, coi thường, ứng xử với người đời chỉ giữ lòng trung hậu, khoan thứ thì trong hết thấy thời, hết thấy chỗ ác niệm chẳng thể khởi từ đâu được. Ví như túc nghiệp xui khiến, ngẫu nhiên phát sanh, nhưng luôn giữ lòng thành kính, trung hậu, khoan thứ sẽ tự có thể vừa khởi niệm liền nhận biết, biết rồi liền mất, quyết chẳng đến nỗi phát sanh, nảy nở, khiến cả ba nghiệp phải xuôi theo nó.

Sở dĩ tiểu nhân giả vờ làm thiện mà thật ra làm ác là vì nghĩ rằng người khác không biết mà mình biết, chẳng biết rằng những kẻ không biết chỉ là phạm phu thế gian đó thôi,

nếu là thánh nhân đắc đạo cố nhiên biết rành rẽ, chư thiên quỷ thần tuy chưa đắc đạo nhưng do quả báo đắc tha tâm thông cũng đều biết rõ ràng. Huống hồ Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, chư Phật, tha tâm đạo nhân thấy trọn ba đời như nhìn lòng bàn tay ư? Muốn người khác không biết, chỉ có chính mình không làm mà thôi! Nếu tự mình biết thì thiên địa quỷ thần, Phật, Bồ-tát v.v. không vị nào không biết, không thấy tất cả. Nếu biết nghĩa này thì dầu ở trong nhà tối phòng kín cũng chẳng dám coi thường, biếng nhác, dầu nơi người ta không biết cũng chẳng dám manh nha ác niệm, bởi thiên địa quỷ thần, chư Phật, Bồ-tát v.v. đều cùng biết. Dầu là kẻ không biết hổ thẹn, biết được nghĩa này, cũng sẽ hổ thẹn vô ngần, huống gì bậc chân tu thực tiễn.

Vì thế, muốn giảm bớt lỗi, trước hết phải khởi đầu từ chỗ sợ các thánh phàm đều biết đều thấy. “Thấy tiên triết nơi canh, nơi tường, cẩn thận, dè dặt ngay cả với bóng áo”⁵⁸, vẫn chỉ là lời nói thiển cận ước theo tình kiến thế gian. Thật ra, tâm ta cùng mười phương pháp giới bản thể hợp nhau khít khao, do ta mê nên cái biết bị hạn cuộc nơi một thân; mười phương pháp giới thánh nhân triệt chứng pháp giới tạng tâm sẵn có nơi tự tâm, phàm hết thấy hữu

58 Nguyên văn: “Kiến tiên triết ư canh tường, thận độc tri khâm ảnh.” Canh tường là điển tích nói về vua Ngu Thuấn do hâm mộ đức hạnh của vua Đường Nghiêu nên trong suốt ba năm ăn canh thấy bóng vua Nghiêu hiện trong bát canh, ngồi thấy bóng vua Nghiêu hiện trên tường. Đời sau thường dùng chữ “canh tường” để chỉ lòng cung kính, chí thành đến cực điểm. “Thận độc” là ở một mình, hành vi luôn dè dặt, chẳng cầu thả. “Khâm ảnh” là bóng chiếc áo, lấy từ thành ngữ “khâm ảnh vô quý” (chẳng thẹn với bóng áo). Như vậy “thận độc khâm ảnh” ngụ ý hành vi luôn cẩn thận, nghiêm cung, không hề phải hổ thẹn với ai, dù ngay cả với bóng của chính mình.



tình trong pháp giới khởi tâm động niệm thì các ngài không gì chẳng tự biết, tự thấy. Vì có sao? Vì cùng nắm thọ chân như, ta người không hai. Nếu biết nghĩa này ắt sẽ run sợ, kiêng dè, chú trọng lòng kính, gìn giữ lòng thành, thoát đầu phải ra sức dứt vọng, lâu ngày không vọng nào có thể khởi được. (Ác niệm vốn thuộc vọng tưởng, nếu không giác chiếu sẽ thành ác thật sự; nếu có thể giác chiếu thì vọng tưởng giảm, chân tâm hiện).

17. Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân (thư thứ ba)

Mỗi lời trong thư đều chân thật, muốn được lợi ích nơi Phật pháp, chỉ vì chưa biết duyên do Tịnh độ, tâm nguyện bèn thành trái nghịch Phật nguyện. Trong thế gian, người tu trì cầu liễu sanh tử thì nhiều, nhưng thường là dùng ngu kiến của chính mình để suy lường đại pháp chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai, đến nỗi xoay xe sai hướng⁵⁹, không thể liễu thoát. Đời này còn chưa chánh kiến, hướng chi đời mai sau! Vạn nhất lại được thân người, lại bị si phước đã tu trong đời này làm mê, mong chi lại càng tinh tấn cầu xuất ly nữa ư?

Phật nói hết thấy pháp môn đại, tiểu, quyền, thật đều phải cậy vào công lực của chính mình để đoạn hoặc chứng chân mới thoát được sanh tử. Nếu còn sót mảy may hoặc

59 Nguyên văn “*Bắc viên thích việt*” (càng xe vừa xoay về phương Bắc), theo ý thành ngữ: “*Bắc viên thích Sở*.” Ý nói: muốn đi về nước Sở ở phương Nam mà quay đầu xe về phương Bắc, ý nói chí nguyện và hành động tương phản.

ngiệp, sanh tử quyết định khó ra. Do vậy, từ đời này sang đời khác, từ kiếp này qua kiếp khác, xoay vần tu trì, nếu có sức lực đầy đủ, tiến thẳng chẳng lùi ắt được liễu thoát. Đa phần là đang giấc chột mê, tiến ít lùi nhiều trải kiếp số như bụi trần, chẳng thể xuất ly. Do vậy, ông lần tới đến nay vẫn là phàm phu, đều là vì không biết đến pháp môn Tịnh độ độ khắp ba căn, chí cực viên đốn của Như Lai vậy. Dầu ông chưa thân cận tri thức nhưng đã từng tụng kinh Di-đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Thập Lục Quán, và các bài Tịnh Độ Phát Nguyện Văn, Long Thư Tịnh Độ Văn, Quy Nguyên Trực Chỉ, những sách ấy thầy đều dạy vãng sanh ngay trong đời này, riêng ông lại muốn chuyển sang đời sau.

Phật thương chúng sanh không sức đoạn hoặc, khó liễu sanh tử, vì thế riêng mở pháp môn hoành siêu⁶⁰ cạy vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh. Bất luận đoạn hoặc hay không, nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha trì danh hiệu Phật (đây là chánh hạnh) và tu trì các điều thiện, hồi hướng vãng sanh (đây là trợ hạnh) thì không một ai chẳng được vãng sanh. Dầu kẻ ngu nghịch thập ác, lâm chung tướng địa ngục hiện, nếu tâm thức không mê, nghe thiện tri thức dạy niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nếu niệm được mười tiếng, hoặc chỉ một tiếng, ngay khi đó mạng chung cũng được vãng sanh (điều này

60 Hoành siêu: Siêu việt tam giới theo chiều ngang. Sở dĩ gọi là hoành siêu vì những pháp môn kia phải theo thứ tự vượt từ Dục giới lên Sắc giới rồi mới thoát khỏi tam giới, còn pháp môn Tịnh độ từ nhân gian vượt thẳng sang Tịnh độ.



chép trong kinh Thập Lục Quán, chương Hạ Phẩm Hạ Sanh là lời chân thành từ kim khẩu). Đã vãng sanh liền được cao dự hải hội, vĩnh viễn thoát luân hồi, dần dần tấn tu viên thành Phật quả. Tội nhân nghịch ác như thế nếu chẳng được nghe pháp không thể nghĩ bàn này, trải kiếp số nhiều như vi trần khó thoát khỏi địa ngục. Ngạ quỷ, súc sanh còn khó được sanh vào, huống gì lại được làm thân người để tu hành liễu sanh tử?

Hãy nên phát tâm quyết định, lâm chung nhất định muốn sanh về Tây Phương. Đừng nói chi thân người tầm thường kém cỏi chẳng muốn thọ nữa, ngay cả làm vua trời, người, hay xuất gia làm tăng nghe một hiểu ngàn, đắc đại tổng trì, làm thân cao tăng đại hoằng pháp hóa, lợi khắp chúng sanh cũng xem như cỏ độc, rừng tội, quyết định chẳng sanh một niệm tâm muốn hưởng. Quyết định như thế thì tín nguyện hạnh của chính mình mới có thể cảm được Phật, thệ nguyện của Phật mới nhiếp thọ được mình, cảm ứng đạo giao được Phật tiếp dẫn, lên thẳng chín phẩm, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi. Tam quy ngũ giới là cửa ban đầu để vào Phật pháp, tu các pháp môn khác đều nương vào đây để nhập, huống chi pháp môn Tịnh độ giản dị, dễ dàng nhất, chí viên, chí đốn chẳng thể nghĩ bàn? Chẳng soi xét tam nghiệp, chẳng trì ngũ giới sẽ không có phần được thân người lần nữa, huống gì muốn được thân liên hoa hóa sanh, đầy đủ quang minh tướng hảo!

Ông nói chiều tà đường xa, nên theo đường thẳng

tất thì hãy chuyên đọc tụng ba kinh Tịnh độ và phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, nghiên cứu chú sớ của các kinh Tịnh độ, còn các Ngũ Lục, Kim Cang, Pháp Hoa hãy nên để ra ngoài, vì việc nào cần gấp thì phải làm trước, không chia tâm làm hai vậy.

Còn như chuyện giảm bớt lỗi, quả thật là công phu thiết yếu của cả Nho lẫn Phật, Cừ Bá Ngọc lúc 50 tuổi biết 49 năm trước sai trái, bảo với người khác: “Muốn giảm bớt lỗi nhưng chưa thể.” Chuyện này quả thật là dụng công nơi ý, chứ không phải là thân miệng có lỗi. Cư sĩ tại gia hằng ngày cùng người đời thù tạc, phải nên khẳng khái đề phòng. Nếu không, chẳng những ý nghiệp không tịnh, mà thân miệng cũng có thể ô uế không tịnh. Muốn cho cả mình lẫn người cùng được lợi, không gì bằng biết nhiều về những lời lẽ hành vi của cổ nhân để làm khuôn phép. An Sĩ Toàn Thư quả là kỳ thư bậc nhất xưa nay, dung thông tâm pháp cả Phật lẫn Nho, trình bày rõ nhân quả báo ứng và phương pháp tu trì cho cả đạo lẫn tục, nên thường mở ra xem, ngộ hầu không mỗi nghi nào chẳng được gỡ, không hạnh nào chẳng cẩn thận. Pháp Uyển Châu Lâm lại càng rộng lớn, tuy không phải là kinh điển thậm thâm, nhưng sách ấy giúp kẻ sơ tâm từ cạn vào sâu, không bị phạm lỗi hiểu lầm. Nếu trước hết chẳng hiểu tội phước nhân quả, lại toan dò ngay vào diệu lý đệ nhất nghĩa để thật tướng, chỉ e kiến giải không rõ ràng, hiểu nhầm ý nghĩa, coi mê là ngộ, cầu thăng lên trái lại bị đọa.



Ông đã chuyên tu tịnh nghiệp, nên lấy bài Tàn Định Tịnh Độ Phát Nguyên Văn của đại sư Liên Trì làm chánh (Tĩnh Am Ngữ Lục quyển hạ có chú giải bài phát nguyên này, tự đọc sẽ biết được chỗ hay khéo của nó). Ông tự lập bốn nguyện, hoặc dùng kèm, hoặc không dùng đều được. Bài nguyện văn ấy sự lẫn lý chu đáo, trọn không sót một pháp, một nghĩa nào. Ngài nói bao quát pháp giới không sót; ông lại nói là đại thiên, đem so với lượng của pháp giới khác gì đem một hạt bụi sánh với đại địa, đem một giọt nước sánh với biển cả.

Xem khắp thư ông, tợ hồ chân thật dụng công nơi tâm địa, nhưng kẻ học ngày nay thường hay chuyên nói lời giả, chẳng tu thật hạnh. Ý muốn mua danh chuốc dự để cầu thể diện, trọn chẳng phải là chân thật tự xét, giảm lỗi mà nói lời ấy. Đấy gọi là tự hại, là tự vứt bỏ, là đại vọng ngữ, là không biết hổ thẹn. Nếu không phải vậy thì là bậc thánh hiền; nếu mang cái thói ấy thì là phường hạ lưu, là tội nhân nơi pháp, là nghịch tử của Phật. Có thì hãy sửa, không thì càng cố gắng, trực tâm trực hạnh mới hợp với Phật. Lại tự mình đã tu trì tịnh nghiệp (tức là sửa lỗi hướng thiện và niệm Phật, ngay trong đời này liền nguyện vãng sanh Tây Phương) thì cũng nên dạy hết thấy những người quen biết cũng tu tịnh nghiệp. Hãy nên dựa theo phần Phổ Khuyến trong Long Thư Tịnh Độ Văn, khiến họ tùy phận tùy lực gieo thiện căn chẳng thể nghĩ bàn này.

Nay đã muốn dạy người thì phải từ thân đến sơ, nữ để

thê thiếp con cái chẳng được lợi ích này sao? Văn Vương nêu gương cho vợ mình, gương ấy lan đến anh em, rồi lan ra khắp đất nước, khiến nước nhà yên ổn⁶¹. Tự hành, hóa tha trong thế gian hay xuất thế gian không ai chẳng vậy. Ông chuyên cầu vãng sanh, sáng sớm ngoài mười niệm ra, phàm đi đứng, nằm ngồi, nói năng, im lặng, động tịnh, mặc áo, ăn cơm, đại tiện, tiểu tiện, trong hết thảy lúc, hết thảy chỗ đều nên lấy sáu chữ hồng danh đặt nơi tâm miệng. Nhưng ở chỗ đúng pháp, đúng thời thì niệm ra tiếng hay niệm thầm đều tùy nghi, nếu nhằm lúc đại tiểu tiện, ngủ nghỉ chỉ nên niệm thầm, chớ niệm ra tiếng. Niệm thầm công đức vẫn bằng như niệm ra tiếng. Niệm ra tiếng thì không cung kính, nếu nằm niệm lại còn bị tổn khí, không thể không biết!

Phải biết thế giới Tây Phương Cực Lạc đừng nói là phàm phu không hiểu, ngay cả thánh nhân Tiểu thừa cũng không thể hiểu nổi, bởi pháp này thuộc về cảnh giới Đại thừa chẳng thể nghĩ bàn vậy. Tiểu thánh hồi tâm hướng đại mới hòng đạt tới. Phàm phu nếu không dùng tín nguyện để cảm Phật, dầu có tu hết thảy các hạnh thù thắng khác cùng với hạnh trì danh thù thắng vẫn chẳng thể vãng sanh. Do vậy, tín nguyện là khẩn yếu nhất. Ngài Ngẫu Ích nói:

61 Đây là một câu lấy từ kinh Thi, bài Từ Tế: “Văn Vương hình ư quả thê, chí ư huynh đệ, di ngự ư gia bang.” Sách Mạnh Tử Tập Chú giảng “hình” là nêu gương, làm gương, lấy thân mình làm mẫu mực. “Quả thê” là tiếng Văn Vương gọi vợ (vua xưng là quả nhân), rồi chú thích câu này như sau: Văn Vương lấy thân mình làm gương cho vợ, gương ấy thấu đạt đến anh em ngài, rồi lan ra khắp đất nước, khiến cho nước nhà yên ổn.



“Được vãng sanh hay không toàn là do có tín nguyện hay không, phẩm vị cao hay thấp toàn là do trì danh sâu hay cạn”, đây chính là lời phán định danh thếp dấu ngàn đức Phật xuất thế cũng không thay đổi được. Tín cho tới nơi, đảm bảo ông sẽ có phần nơi Tây Phương (kinh A-di-đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ – còn gọi là kinh Thập Lục Quán, ba kinh này gọi là Tịnh độ tam kinh. Thêm vào phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện gọi là Tịnh độ tứ kinh, hình như chỉ có một bản Tịnh độ tứ kinh. Còn như bản kinh Vô Lượng Thọ do ông Ngụy Thừa Quán khắc in thì lại y theo những kinh khác để tăng bổ thêm. Về lý tuy là hữu ích, nhưng sự thật lại sai lầm nhiều, không thể noi theo đó được).

18. Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân (thư thứ tư)

Nhận được thư, biết gần đây cư sĩ tu trì thân thiết, tự trách, bớt lỗi, mong thành thánh thành hiền, chẳng phải là uổng mang hư danh tu hành mà thôi, mừng vui vô lượng. Phàm muốn học Phật, tổ liễu sanh tử, phải bắt đầu từ hổ thẹn, sám hối, dứt ác tu thiện (hổ thẹn, sám hối, dứt ác tu thiện chính là tự trách, giảm lỗi, khắc kỷ, giữ lễ. Nếu có thể tự trách sẽ tự nhiên ít lỗi, ít lỗi chính là thực hành chuyện khắc kỷ. Đã khắc kỷ sẽ tự nhiên giữ được lễ). Ăn chay, răn nhắc, ý thật chân thành, thiết tha. Nhưng phải thật sự thực hiện, tận lực mà làm. Nếu không sẽ trở thành vọng ngữ bậc nhất trong các vọng ngữ. Biết không khó, làm được mới khó. Thế gian bao kẻ thông minh đều chỉ

nói chứ không làm, hết cả đời này uống công đến núi báu trở về tay không. Đáng đau tiếc thay, đáng đau tiếc lắm!

Còn như vọng niệm đầy dẫy, thấp thoáng qua lại quần quýt nơi ý tưởng là vì chưa thật sự đề khởi chánh niệm vậy. Nếu như chánh niệm chân thành, khẩn thiết tất ý tưởng sẽ xuôi theo chuyên chú chánh niệm một cảnh vậy. Đấy gọi là kiểm chế đúng pháp khiến cho giặc cướp đều thành con đò; kiểm chế sai đường, dẫu chân tay cũng trở thành oán gia. Còn là phạm phu ai không phiền não? Phải đề phòng trước trong lúc bình thời, tự nhiên gặp cảnh chạm duyên, phiền não chẳng đến nổi bộc phát. Dẫu có phát cũng sẽ nhanh chóng giác chiếu khiến phiền não bị tiêu diệt.

Cảnh khởi phiền não, nào phải chỉ một, nhưng gây nên phiền não nhiều nhất chỉ có mấy cảnh như tài sắc và thuận nghịch mà thôi. Nếu biết của cải vô nghĩa, hại quá răn độc, sẽ chẳng lâm vào cảnh phiền não vì lấy của cầu thả. Biết tạo phương tiện cho người, rốt cuộc vẫn là tạo tiền trình cho chính mình, sẽ không bị phiền não khi gặp kẻ cùng quần, cấp bách, hoạn nạn cầu cứu mà do tiếc của chẳng chịu giúp cho. Về sắc thì dẫu đối trước dung mạo như hoa, như ngọc, thường giữ ý tưởng coi như chị, như em. Dẫu nhìn thấy kỹ nữ vẫn nghĩ như thế, sanh lòng thương xót, sanh tâm độ thoát sẽ không bị phiền não thấy sắc đẹp động lòng ham muốn. Vợ chồng kính trọng nhau như khách, coi mê thiếp như ân nhân giúp mình có con nối dõi, chẳng dám coi họ như món đồ thỏa dục hành lạc thì



không bị phiền não do ham sắc dục đến nổi diệt thân, vợ không thể sanh, con không thể thành lập. Dạy dỗ, uốn nắn con cái từ nhỏ sẽ không có phiền não con cái ngỗ nghịch cha mẹ, bại hoại môn phong. Còn như gặp cảnh ngang trái phải sanh lòng thương xót, thương nó vô tri, không biết suy xét. Lại nên nghĩ do mình đời trước từng nào hại nó nên nay mới gặp cảnh này hồng trả nợ xưa, tâm sanh hoan hỷ sẽ không có phiền não ngang trái báo thù. Nhưng những điều vừa nói trên đây là dành dạy cho kẻ sơ cơ.

Nếu là bậc Đại sĩ tu lâu đã rõ ngã không thì vô tận phiền não đều hóa thành đại quang minh tạng. Ví như dao do mài mà bén, vàng do luyện được thuần, sen do bùn lầy bón tưới mới được thanh tịnh sáng sạch. Cảnh không tự tánh, tổn hại hay ích lợi là do người. Tam nghiệp, tứ nghi (tứ nghi là đi, đứng, nằm, ngồi) thường giữ như “bốn điều không” của Nhan Uyên, ngũ giới thập thiện phải học theo “ba lần phản tỉnh” của Tăng Tử. Dầu nhà tối không ai thấy nhưng thiên địa quỷ thần đều biết, niệm vừa mới manh nha ẩn kín, vi tế mà tội phước đã phân định rạch ròi một trời một vực. Nếu có thể tu tỉnh như vậy sẽ thấy mọi cử động đều lành, ác chẳng thể sanh từ đâu cho được. Đây chính là quy củ rộng lớn của việc chánh tâm thành ý, chớ cho là đạo Thích vụn vặt, chẳng giản dị, nhanh chóng như đạo Nho. Nếu luận về pháp môn niệm Phật thì chỉ lấy ba pháp tín nguyện hạnh làm tông yếu, đầy đủ ba pháp quyết định vãng sanh. Nếu không tin thật, nguyện thiết thì dầu có chân hạnh cũng chẳng thể vãng sanh, huống gì tu hành

hời hợt, hờ hững ư? Ngài Ngẫu Ích đã nói: “Được sanh hay không toàn là do có tín nguyện hay không. Phẩm vị cao hay thấp là do trì danh sâu hay cạn.” Đây chính là lời bàn luận thường hằng ba đời chẳng đổi được, là đạo mầu độ khắp ba căn vậy, phải dốc toàn thân dựa theo đó mới hòng chứng được ích lợi thật sự. Ba điều tín nguyện hạnh đều được giải thích tường tận trong sách Thập Yếu, nhưng trọng yếu nhất là phần thứ ba là phần Minh Tông (minh định tông chỉ của một bản kinh) thuộc đoạn *ngũ trùng huyền nghĩa* của sách Yếu Giải đã phát huy ba pháp này đến mức tinh xác, tường tận nhất. Trong những phần sau, đoạn nào, tiết nào cũng đều chỉ bày, hãy nên đọc kỹ, không thể viết đầy đủ hết.

Còn như niệm Phật, tâm khó quy nhất, hãy nên nhiếp tâm khẩn thiết niệm sẽ tự có thể quy nhất. Pháp nhiếp tâm không pháp nào chẳng trước hết phải chí thành khẩn thiết, tâm không chí thành mà muốn nhiếp tâm thì không có cách nào cả. Nếu đã chí thành mà vẫn chưa thuần nhất, hãy nên lắng tai nghe kỹ, bất luận niệm ra tiếng hay niệm thầm đều phải niệm từ tâm khởi, tiếng từ miệng lọt ra, âm thanh lọt vào tai (niệm thầm dấu miệng không động, nhưng trong ý vẫn có tướng miệng niệm), tâm miệng niệm cho rõ ràng rành mạch, tai nghe cho rõ ràng rành mạch. Nhiếp tâm như thế, vọng niệm tự dứt.

Nếu vọng niệm vẫn còn nổi sóng, thì dùng pháp “thập niệm ký số”, tức là đem sức lực toàn tâm đặt nơi một tiếng



Phật hiệu, dầu muốn khởi vọng cũng không có sức. Diệu pháp nhiếp tâm niệm Phật rốt ráo này xưa kia các vị hoàng truyền Tịnh độ chưa đề cập đến là vì căn tánh con người khi ấy còn thông lợi, chẳng cần phải làm như thế mới có thể quy nhất được. Ấn Quang do tâm khó chế phục, mới biết cái hay của pháp này, càng thử càng thấy hay, chẳng phải là nói mò đâu. Nguyên khắp thiên hạ những kẻ độn căn đời sau đều cùng sử dụng, khiến cho vạn người tu vạn người về.

Pháp thập niệm ký số vừa nói đó chính là trong lúc niệm Phật, từ một câu đến mười câu phải niệm cho phân minh, lại phải nhớ phân minh, đến mười câu là thôi. Lại phải niệm từ một câu đến mười câu, chẳng được niệm hai mươi, ba mươi. Niệm đâu nhớ đấy, không được lần chuỗi, chỉ dựa vào tâm để nhớ. Nếu nhớ thẳng vào mười câu thấy khó thì chia thành hai hơi, tức là từ câu thứ nhất đến câu thứ năm và từ câu thứ sáu đến câu thứ mười. Nếu vẫn thấy mệt, nên từ câu một đến câu ba, từ câu bốn đến câu sáu, từ câu bảy đến câu mười, chia làm ba hơi để niệm. Niệm cho rõ ràng, nhớ cho rõ ràng, nghe cho rõ ràng, vọng niệm không chỗ chen chân, nhất tâm bất loạn, niệm lâu ngày sẽ tự được.

Phải biết mười niệm này giống như cách nhiếp vọng bằng pháp thập niệm buổi sáng, nhưng công dụng khác xa. Buổi sáng mười niệm thì hết một hơi là một niệm, chẳng luận số câu niệm Phật nhiều hay ít. Cách này lấy một câu

Phật hiệu làm một niệm, còn cách kia chỉ có thể niệm mười hơi vào buổi sáng, nếu niệm hai mươi, ba mươi hơi sẽ tổn khí thành bệnh. Cách niệm này một niệm là một câu Phật hiệu, tâm biết một câu, niệm mười câu Phật hiệu, tâm biết mười câu. Từ một đến mười, rồi lại từ một đến mười, dẫu cả ngày niệm mấy vạn tiếng cũng đều nhớ như thế, chẳng những trừ vọng lại còn dưỡng thần tốt nhất. Niệm mau hay chậm trọn không trở ngại, từ sáng đến tối không gì không thích hợp.

So với cách lần chuỗi nhớ số, lợi ích khác nhau một trời một vực. Cách kia (tức cách niệm bằng lần chuỗi) thân mệt, thần động, cách này thân nhàn tâm an. Nhưng lúc làm việc nếu khó nhớ số thì cứ khẩn thiết niệm thẳng, làm việc xong thì lại nhiếp tâm nhớ số như cũ, dẫu ý niệm loang loáng đến đi cũng vẫn quán quanh chuyên chú nơi một cảnh Phật hiệu. Đại Thế Chí nói: “Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam-ma-địa, ấy là bậc nhất.” Kẻ lợi căn chẳng cần phải nói nữa, nếu là hạng độn căn như bọn ta, bỏ pháp thập niệm ký số này mà muốn nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối thật khó khăn lắm!

Lại phải biết pháp nhiếp tâm niệm Phật này tuy cạn mà sâu, tuy nhỏ mà lớn, là pháp chẳng thể nghĩ bàn. Chỉ nên thường ngừa tin lời Phật, chớ vì mình thấy không đến nơi đến chốn bèn sanh nghi hoặc, đến nỗi thiện căn nhiều kiếp do đây bị mất, chẳng thể rốt ráo tự đạt được lợi ích thật sự, đáng buồn lắm! Lần chuỗi niệm Phật chỉ nên làm



trong hai lúc đi và đứng, nếu tịnh tọa dưỡng thần, do tay động nên thần chẳng an, lâu ngày thành bệnh. Pháp thập niệm ký số này đi đứng, nằm ngồi không gì chẳng thích hợp; lúc nằm chỉ nên niệm thầm, không được niệm ra tiếng, nếu niệm ra tiếng thì một là bất kính, hai là tổn khí, hãy nhớ kỹ, nhớ kỹ!

Cư sĩ nay đã gần năm mươi, thân bị ràng buộc, chưa tham tầm tri thức, muốn liễu thoát trong đời này hãy chỉ nên chuyên chú một môn Tịnh độ. Kim Cang, Pháp Hoa hãy gác ra ngoài, đợi đến khi thông suốt Tịnh độ, đã đắc nhất tâm rồi mới lại nghiên cứu cũng không muộn. Nếu theo đuổi ngay trong lúc này, e trí lực không đủ, được cái kia mất cái này. Một pháp chưa tinh, hai điều lợi đều mất! Sách Giản Ma Biện Dị Lục thuộc Thiên tông, dầu bậc thông đạt giáo lý sâu xa còn chưa dễ gì biết được, huống là cư sĩ. Phàm những sách vở của Thiên tông, nhất loạt chớ nghiên cứu, bởi Thiên tông “ý tại ngôn ngoại”, nếu dựa theo mặt chữ để hiểu nghĩa sẽ hiểu lầm Phật pháp, do nhân lành chuốc lấy quả ác. Thích Thị Kê Cổ Lược là sách sử truyện, lấy Thiên tông làm chánh, phàm những sách như thế hãy gác lại chớ nghiên cứu thì mới nên.

Tôi thường nói: “Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp thì phải cầu nơi cung kính, có một phần cung kính thì diệt được một phần tội nghiệp, tăng một phần phước tuệ, có mười phần cung kính, diệt mười phần tội nghiệp, tăng mười phần phước tuệ. Nếu trọn chẳng cung kính, dầu

giao được viên nhân nhưng cái tội khinh nhờn chẳng thể tưởng được nổi.” Phàm thấy hết thấy những người tín tâm, đều đem ý này bảo họ. Đây chính là thật nghĩa quyết định từ sơ tâm cho đến rốt ráo. Nếu coi đó là lời bàn cổ hủ của ông tăng hủ bại thì chính là tự hại, tự vứt bỏ, nào phải là cô phụ Ấn Quang, mà là cô phụ chính mình đó thôi!

19. Thư gửi cư sĩ Trần Tích Châu

Như Lai xuất thế, thuyết pháp độ sanh, vốn muốn cho hết thấy chúng sanh ngay đây được liễu sanh thoát tử, tự chứng vô thượng giác đạo mà thôi. Nhưng do căn cơ không bình đẳng, chẳng thể rốt ráo diễn giảng thông suốt bản hoài của Phật, chỉ đành tùy thuận cơ nghi, khéo dẫn dụ dần dần. Với kẻ đại căn bàn thẳng lẽ xứng tánh, giảng cho Phật thừa khiến họ ngay trong đời này viên chứng Phật quả, như Thiện Tài trong kinh Hoa Nghiêm, như Long Nữ trong kinh Pháp Hoa v.v..

Hạng kém hơn thì giảng Bồ-tát thừa, Thanh văn thừa khiến họ dần dần tu tập, dần dần chứng quả. Thấp hơn nữa thì giảng ngũ giới thập thiện, khiến cho họ chẳng đọa ác đạo, được thân trời người, dần dần gieo thiện căn, tùy thiện căn đã gieo lớn hay nhỏ, trong tương lai sẽ nơi pháp tam thừa, tùy thiện lực đời trước phát hiện mà hoặc là nương vào Bồ-tát thừa, tu lục độ vạn hạnh, tự chứng được pháp thân, hoặc nương theo Duyên giác, Thanh văn thừa, ngộ thập nhị nhân duyên và pháp tứ đế để đoạn hoặc chứng



chân hồng có thể siêu xuất luân hồi, liễu sanh thoát tử.

Những pháp môn này tuy lớn nhỏ bất đồng, tiệm đốn đều khác, nhưng mỗi một pháp đều phải do sức chính mình tu tập sâu xa mới hồng đoạn hoặc chứng chân, mới có thể vượt thoát luân hồi, liễu sanh thoát tử. Nếu trong tam giới, hai thứ kiến hoặc, tư hoặc dẫu còn sót lại mảy may chẳng đoạn thì căn bản sanh tử chưa thể cắt đứt, dẫu có sức định tuệ sâu, vẫn cứ y như cũ không nhờ đâu được giải thoát. Ngay như thánh nhân Tam quả còn phải sanh trong trời Ngũ Bát Hoàn⁶², phải qua nhiều kiếp mới chứng Tứ quả. Nếu chứng Tứ quả thì căn bản sanh tử đoạn sạch không sót; nhưng chỉ là tiểu quả Thanh văn, vẫn phải đem tiểu quả mình đã chứng hướng về đại đạo của Như Lai, thừa nguyện thọ sanh trong mười phương thế giới, rộng hành lục độ vạn hạnh. Trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sanh, tùy theo công hạnh của chính mình sâu hay cạn, là tiệm hay đốn sẽ dần dần dự vào các địa vị Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Đẳng giác. Đến Đẳng giác lại phá một phẩm vô minh, chứng một phần tam đức⁶³, liền nhập địa vị Diệu giác thành Phật.

Trong giáo pháp cả một đời Như Lai, những pháp môn đã nói tuy vô lượng vô biên, nhưng địa vị chứng nhập

62 Trời Ngũ Bát Hoàn: Năm tầng trời phía trên của Sắc giới (tức Vô Tướng, Vô Phiền, Vô Nhiệt, Thiện Kiến và Sắc Cứu Cánh), do không còn dục tướng, không đọa trong nhân gian và Dục giới nên gọi là Ngũ Bát Hoàn. Do chư thiên cõi này toàn là thánh nhân Tam quả, không có phàm phu thiên nên còn gọi là Tịnh Cư Thiên.

63 Tam đức: Pháp thân, bát-nhã và giải thoát

rốt ráo chẳng thể vượt ngoài những địa vị như vậy. Tuy Thiên tông chỉ thẳng tâm người, kiến tánh thành Phật, thật là viên đốn thẳng chóng, nhưng kiến tánh thành Phật là ước trên pháp thân vốn có, chứ chẳng luận trên nhân quả tu chứng của phàm thánh. Nếu luận theo địa vị tu chứng thì cũng trọn chẳng khác gì đường lối của bên giáo, nhưng trong đời mạt, căn tánh con người hèn kém, tri thức hiếm hoi còn khó tìm được người ngộ, hướng hồ bậc thật chứng.

Như Lai biết các chúng sanh chỉ cậy vào tự lực khó thể liễu thoát, nên ngoài hết thấy các pháp môn, riêng mở một môn niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Chỉ cần chân tín, nguyện thiết, dầu kẻ ngu nghịch thập ác tội lỗi cực nặng, lúc mạng sắp dứt, tướng địa ngục hiện, có thiện tri thức dạy cho niệm Phật, nếu niệm Phật được mười tiếng, hoặc chỉ mấy tiếng, hoặc chỉ một tiếng cũng được Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh. Hướng hồ những ai tu hành sự thiện thế gian, chẳng tạo các điều ác! Nếu là người tinh tu phạm hạnh, sức thiền định sâu thì phẩm vị vãng sanh càng cao, thấy Phật nghe pháp thật chóng. Dầu là người đại triệt đại ngộ, đoạn hoặc chứng chân cũng cần hồi hướng vãng sanh để mong viên chứng pháp thân, mau thành Phật quả.

Các pháp môn khác, pháp nhỏ thì đại căn chẳng cần tu, pháp lớn thì tiểu căn chẳng thể tu nổi. Chỉ có một môn Tịnh độ này, độ khắp ba căn, lợi độn gồm thâu, trên thì như Quán Âm, Thế Chí, Văn-thù, Phổ Hiền chẳng thể vượt ra ngoài pháp này, dưới thì ngu nghịch thập ác, chúng



tánh địa ngục A-tỳ cũng có thể dự vào. Nếu Như Lai chẳng mở ra pháp này thì chúng sanh đời mạt muốn trong đời này liễu sanh thoát tử trọn chẳng có hy vọng gì. Tuy pháp môn này rộng lớn như thế, nhưng cách tu lại cực giản dị. Do vậy, nếu không phải là kẻ đời trước có thiện căn Tịnh độ sẽ khó thể tin chắc không nghi. Chẳng những phàm phu không tin, Nhị thừa còn đa nghi; chẳng những Nhị thừa không tin, quyền vị Bồ-tát rất có thể còn ngờ. Chỉ có Đại thừa Bồ-tát thuộc những địa vị sâu xa mới có thể triệt để thỏa đáng tin tưởng không nghi.

Có thể sanh lòng tin sâu xa đối với pháp này, dầu là phàm phu đầy dẫy triền phược thì chủng tánh ấy đã trội vượt bậc Nhị thừa. Ví như thái tử rơi xuống đất vẫn cao quý hơn quần thần, tuy tài đức chưa lập nhưng cậy vào sức vua, cảm được báo như thế. Người tu Tịnh độ cũng giống như vậy, do dùng tín nguyện trì danh hiệu Phật bèn có thể đem cái tâm phàm phu gieo vào biển giác của Phật, cho nên ngầm thông Phật trí, thâm hợp đạo mầu. Muốn nói pháp tu Tịnh độ mà không nêu đại lược sự khó khăn của các pháp cậy vào tự lực để liễu thoát, và sự dễ dàng của pháp cậy vào Phật lực vãng sanh này thì nếu không nghi pháp cũng sẽ nghi chính mình. Nếu có may mắn tâm nghi sẽ do nghi mà thành chướng. Đừng nói gì không tu, dầu có tu cũng chẳng thể được lợi ích thật sự rốt ráo. Do vậy phải nói, một pháp tín phải gấp gấp suy cầu, ngõ hầu tạo lòng tin sâu xa đến tột cùng vậy!

Nói đến tín thì phải tín Sa-bà quả thật là khổ, Cực Lạc quả thật là vui. Sa-bà khổ vô lượng vô biên, nói tóm lại chẳng ngoài tám khổ, tức là: sanh, già, bệnh, chết, thương yêu phải xa lìa, oán ghét phải gặp gỡ, cầu không được, ngũ ấm hừng hực. Tám nỗi khổ này dù sang đến cực phẩm hay hèn như ăn mày, ai nấy đều có, bảy nỗi khổ đầu là quả do đời quá khứ cảm thành. Suy nghĩ kỹ ắt tự biết, không cần phải viết tường tận, nói nhiều quá tốn bút mực. Cái khổ thứ tám là ngũ ấm hừng hực chính là hiện tại khởi tâm động niệm và những hành động, nói năng chính là nhân của cái khổ trong vị lai. Nhân quả kéo dặt nhau, nối tiếp không ngừng từ kiếp này sang kiếp khác, không thể giải thoát.

Ngũ ấm chính là *sắc, thọ, tưởng, hành, thức*, sắc chính là cái thân do nghiệp báo cảm thành; thọ, tưởng, hành, thức chính là cái tâm khởi huyễn vọng khi tiếp xúc cảnh. Do những pháp “thân tâm huyễn vọng” này bèn khởi hoặc tạo nghiệp nơi sáu trần cảnh như lửa cháy hừng hực chẳng thể ngưng tắt nên gọi là “xí thịnh” (cháy hừng hực) vậy. Ngoài ra, âm 陰 (bộ phụ) có nghĩa là che kín, đồng nghĩa với chữ âm 蔭 (cũng có nghĩa là che lấp, bộ thảo), do năm pháp này che lấp chân tánh chẳng thể hiển hiện, như mây dày che khuất mặt trời. Tuy mặt trời tỏa sáng rực rỡ, trọn chẳng bị tổn giảm, nhưng vì mây che nên chẳng chiếu sáng được. Phàm phu chưa đoạn hoặc nghiệp, bị năm ấm này chướng ngại, mặt trời trí tuệ nơi bầu trời chân tánh chẳng thể hiển hiện, cũng giống như thế. Sự khổ thứ tám này là gốc của hết thảy các khổ.



Người tu đạo sức thiền định sâu, đối với cảnh giới sáu trần trọn chẳng chấp trước, chẳng khởi yêu ghét. Từ đây gia công dụng hạnh, tiến lên chứng vô sanh, hoặc nghiệp sạch hết, cắt đứt gốc rễ sanh tử, nhưng công phu này thật chẳng dễ dàng, trong đời mạt pháp đạt được thật khó. Vì thế nên chuyên tu tịnh nghiệp, cầu sanh Cực Lạc, nương Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Đã được vãng sanh thì liên hoa hóa sanh, không có các khổ. Thuần là tướng đồng nam (bé trai), thọ như hư không, thân không tai biến. Những cái tên như già, bệnh, chết v.v. chẳng còn nghe đến, hưởng gì thật có. Theo chân thánh chúng, thân cận Di-đà, nước, chim, cây cối đều diễn pháp âm, tùy căn tánh mình do nghe pháp bèn chứng. Thân còn trọn chẳng thể được, hưởng gì có oán! Nghĩ đến áo bèn có áo, nghĩ ăn bèn có ăn; lầu gác, nhà viện đều do bảy báu hợp thành, chẳng nhọc sức người, chỉ là hóa ra, biến bảy sự khổ nơi Sa-bà thành bảy niềm vui. Lại thêm thân có đại thần thông, có đại oai lực, chẳng lìa chỗ mình liền có thể trong một niệm ở khắp trong mười phương thế giới chư Phật làm các Phật sự, thượng cầu hạ hóa. Tâm có đại trí tuệ, có đại biện tài, từ một pháp biết thật tướng các pháp, tùy cơ thuyết pháp không lầm lạc, đâu nói bằng ngôn ngữ thế đế nhưng đều khéo hợp diệu lý thật tướng, không có nổi khổ ngũ ấm hừng hực, hưởng niềm vui thân tâm tịch diệt. Vì thế kinh nói: “Không có các khổ, chỉ hưởng các sự vui nên gọi là Cực Lạc.”

Sa-bà khổ, khổ không nói được; Cực Lạc vui, vui chẳng ví nổi. Tin sâu lời Phật, trọn chẳng nghi hoặc mới

gọi là chân tín. Chớ nên dùng tri kiến phàm phu ngoại đạo lầm sanh suy lường, bảo các thứ thù thắng trang nghiêm mầu nhiệm trong Tịnh độ đều là ngu ngôn, tỷ dụ tâm pháp, chẳng phải là cảnh thật. Nếu có sự thấy biết tà vạy, sai lầm như thế sẽ mất lợi ích thật sự được vãng sanh Tịnh độ, tai hại quá lớn, không thể không biết.

Đã biết Sa-bà là khổ, Cực Lạc là vui, hãy nên phát tín nguyện thiết thực, nguyện lìa Sa-bà khổ, nguyện được Cực Lạc vui. Nguyện khẩn thiết như đang té trong hầm xí mong gặp được thoát ra; lại như đang bị trói buộc trong lao ngục, tha thiết nhớ đến quê nhà, sức mình chẳng thể tự ra, ắt phải cầu người có đại thế lực kéo ra. Hết thấy chúng sanh trong thế giới Sa-bà đối với cảnh thuận hay nghịch, khởi tham sân si, tạo giết trộm dâm, ô uế điều giác minh tâm sẵn có, khác nào hầm xí không đáy. Đã tạo ác nghiệp phải chịu ác báo, trải kiếp dài lâu, luân hồi lục đạo, không được tha khỏi lao ngục.

A-di-đà Phật trong kiếp xưa, phát ra 48 nguyện độ thoát chúng sanh, có một nguyện là: “Nếu có chúng sanh nghe danh hiệu ta, cầu sanh nước ta, dẫu chỉ mười niệm, nếu như chẳng sanh, chẳng lấy Chánh giác.” A-di-đà Phật thệ nguyện độ sanh, nhưng nếu chúng sanh chẳng cầu tiếp dẫn, Phật cũng chẳng làm gì được. Nếu chí tâm xưng danh, thệ cầu xuất ly Sa-bà, không ai chẳng được Phật rủ lòng từ nhiếp thọ. A-di-đà Phật có đại thế lực, cứu được người trong hầm xí không đáy, trong lao ngục không tha, ngay đó



được xuất ly, đều được đặt yên nơi quê nhà Cực Lạc vốn có, khiến được nhập cảnh giới Phật, thọ dụng giống như Phật. Muốn sanh Tây Phương, trước hết phải có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha. Nếu không có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dầu có tu hành nhưng chẳng thể cảm ứng đạo giao cùng Phật, chỉ được phước báo nhân thiên và thành cái nhân đắc độ trong tương lai mà thôi; nếu tín nguyện đầy đủ thì vạn người tu vạn người về, không sót một ai. Tổ Vĩnh Minh nói “vạn người tu, vạn người về” là chỉ những người có đủ tín nguyện. Đã có đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, nên lấy niệm Phật làm chánh hạnh, dùng tín nguyện để dẫn đường, niệm Phật là chánh hạnh, ba thứ tín nguyện hạnh là tông yếu của pháp môn niệm Phật. Có hạnh nhưng không tín nguyện, chẳng thể vãng sanh, có tín nguyện không hạnh cũng chẳng thể vãng sanh, ba thứ tín nguyện hạnh đầy đủ không khuyết thì quyết định vãng sanh. Được vãng sanh hay không hoàn toàn do tín nguyện có hay không, phẩm vị cao hay thấp hoàn toàn do trì danh sâu hay cạn.

Nói đến chánh hạnh niệm Phật thì tùy theo sức mình mà lập, chẳng được chấp cố định một pháp. Nếu như thân không bận việc, cố nhiên phải từ sáng đến tối, từ tối đến sáng, đi đứng, nằm ngồi, nói năng, im lặng, động tịnh, mặc áo, ăn cơm, đại tiện, tiểu tiện, trong hết thủy thời, hết thủy chỗ giữ cho một câu hồng danh thánh hiệu này chẳng lìa tâm miệng. Nếu khi tắm táp, súc miệng thanh tịnh xong, mũ áo tề chỉnh, và ở nơi thanh khiết thì niệm ra tiếng hoặc

niệm thâm đều được. Nếu lúc ngủ nghỉ, lơ đãng, tắm rửa, đại tiểu tiện và lúc đến những nơi ô uế không sạch chỉ nên thâm niệm, chớ nên niệm ra tiếng, công đức niệm thâm cũng giống vậy. Niệm ra tiếng là không cung kính, chứ không phải là ở những nơi, những lúc ấy không được niệm Phật. Phải biết, trong những nơi, những lúc ấy không được niệm ra tiếng. Thêm nữa, lúc nằm nếu niệm ra tiếng, chẳng những không cung kính mà còn đến nỗi bị tổn khí, không thể không biết.

Tuy là trường thời niệm Phật không gián đoạn, nhưng cần phải vào lúc sáng sớm hướng về Phật lễ bái xong, trước hết niệm kinh A-di-đà một biến, niệm chú Vãng Sanh ba biến, liền niệm bài kệ tán Phật: “A-di-đà Phật thân kim sắc...” Niệm xong, niệm Nam-mô thế giới Tây Phương Cực Lạc đại từ đại bi A-di-đà Phật, tiếp đó chỉ niệm sáu chữ Nam-mô A-di-đà Phật, hoặc là một ngàn tiếng, hoặc năm trăm tiếng. Nên vừa đi nhiễu vừa niệm, nếu không tiện nhiễu thì quỳ hoặc ngồi, hoặc đứng niệm đều được. Lúc niệm sắp xong, trở về chỗ quỳ, niệm Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ-tát mỗi danh hiệu ba lần, rồi mới niệm bài Tịnh Độ Văn để phát nguyện hồi hướng vãng sanh. Niệm bài Tịnh Độ Văn thì phải theo văn nghĩa mà phát tâm, nếu chẳng y theo văn nghĩa mà phát sẽ trở thành uống công đọc văn suông, chẳng được lợi ích thật sự. Đọc Tịnh Độ Văn xong, niệm tam quy y, lễ bái lui ra. Đây là công khóa buổi sáng, buổi tối cũng giống như vậy.



Nếu muốn lễ bái nhiều hơn thì trong lúc niệm Phật, lúc trở về chỗ thì ngoài việc lễ Phật bao nhiêu đó, lúc xưng danh hiệu Bồ-tát chín lần, bèn lễ chín lạy. Lễ xong bèn phát nguyện hồi hướng, hoặc sau khi niệm xong công khóa bèn lễ bái, miễn sao thuận tiện cho mình đều được. Nhưng phải khẩn thiết chí thành, chẳng được láo nháo qua loa. Bồ đoàn không được quá cao, nếu cao sẽ thành ra không cung kính.

Nếu công việc đa đoan, hầu như không rảnh rỗi, nên vào lúc sáng sớm, súc miệng xong, nếu có tượng Phật bèn lạy ba lạy, đứng ngay ngẩn chấp tay niệm Nam-mô A-di-đà Phật, hết một hơi là một niệm. Niệm đến mười hơi, bèn niệm bài Tiểu Tịnh Độ Văn, hoặc chỉ niệm bốn câu kệ: “Nguyện sanh Tây Phương Tịnh độ trung...” Niệm xong lễ Phật ba lạy, rồi lui. Nếu không có tượng Phật thì hướng về Tây xá bái, chiếu theo cách trên để niệm. Đây gọi là pháp môn thập niệm do ngài Từ Vân Sám Chủ đời Tống vì hàng vua quan quá bận rộn chánh sự không rảnh rỗi để tu trì mà lập ra.

Vì sao phải niệm hết một hơi? Do chúng sanh tâm tán, lại không rảnh rỗi để chuyên niệm. Lúc niệm như thế, mượn hơi thở nhiếp tâm, tâm tự chẳng tán. Nhưng phải tùy theo hơi thở dài ngắn, chẳng được cưỡng niệm cho nhiều, hễ cưỡng niệm sẽ bị tổn khí. Lại chỉ được niệm mười niệm, chẳng được niệm hai mươi, ba mươi hơi, niệm nhiều cũng tổn khí. Do tán tâm niệm Phật khó được vãng

sanh nên pháp này có thể làm cho tâm quy một chỗ, nhất tâm niệm Phật quyết định vãng sanh. Số câu niệm tuy ít nhưng công đức khá sâu. Kẻ cực nhàn hay cực bận đều có pháp riêng, còn kẻ nửa nhàn nửa bận hãy tự châm chước thời gian để định pháp tắc tu trì.

Lại nữa, người niệm Phật đối với mỗi sự phải giữ lòng trung hậu, khoan thứ, tâm luôn đề phòng lỗi hại. Biết lỗi liền sửa, thấy điều nghĩa ắt làm, mới hợp với Phật, người như thế quyết định vãng sanh. Nếu không như thế là trái nghịch Phật, quyết khó cảm thông. Lại phạm lễ bái đọc tụng kinh điển Đại thừa, và làm hết thảy những chuyện có ích cho đời cho người, đều đem chuyện đó hồi hướng Tây Phương, chẳng nên chỉ đem việc niệm Phật hồi hướng Tây Phương, còn những công đức khác hồi hướng cho phước báo thế gian, làm vậy thì niệm chẳng quy nhất, sẽ khó vãng sanh. Phải biết người thật sự niệm Phật chẳng cầu phước báo thế gian, mà tự được phước báo thế gian (như trường thọ, không bệnh, gia đình yên vui, con cháu phát đạt, các duyên như ý, vạn sự cát tường v.v.). Nếu cầu phước báo thế gian, chẳng chịu hồi hướng vãng sanh thì phước báo thế gian đạt được lại thành hèn kém, do tâm không chuyên nhất, vãng sanh lại càng khó quyết định. Pháp môn niệm Phật này, kinh điển Đại thừa trong cả một đời giáo hóa của đức Phật thầy đều tán dương, còn trong kinh Tiểu thừa tuyệt chẳng nhắc đến. Có kẻ không thông giáo lý, chê pháp này là Tiểu thừa, thật là vô tri tà thuyết, chớ nên nghe theo.



Lại những lời nói trong những đàn cầu cơ, đa phần là những linh quý dựa theo kiến thức của người cầu cơ mà nói ra. Nếu nói về đạo lý thế gian may ra chúng còn biết nhiều, chứ bàn về Phật pháp thì không phải là điều chúng tự biết, bèn đặt ra lời đồn đãi xằng bậy. Như cuối sách Kim Cang Trực Giải, in kèm bảo hiệu của tiên thiên cổ Phật, chính là diệt huệ mạng, làm mù con mắt chánh pháp của người khác, là lời tối tệ cực ác khôn sánh. Dem sách ấy tặng cho người thì tội lỗi vô lượng!

20. Thư gởi cư sĩ Tâm Nguyên (viết thay cho bạn)

Tâm là chủ của thân, là tông của muôn pháp. Thuận theo sẽ mau thành Bồ-đề, trái nghịch ắt phải chìm mãi trong sanh tử. Hết thấy chúng sanh mê trái bốn tâm, đuổi theo vọng cảnh, khởi tham sân si, tạo giết trộm dâm, luân hồi trong lục đạo, ngập lặn trong tam giới, trải kiếp dài lâu không thể xuất ly. Ông đã phát tâm quy y tam bảo, làm đệ tử Phật, hãy nên phát tứ hoằng thệ nguyện của Bồ-tát, tự lợi lợi tha.

Tứ hoằng thệ nguyện là: “Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.” Phải biết tứ hoằng thệ nguyện này chính là thệ nguyện gốc của hết thấy ba đời chư Phật. Hằng ngày, ông khởi tâm động niệm phải hợp với nguyện này. Nếu hợp, hãy mở rộng cho viên mãn; nếu chẳng hợp, hãy đoạn trừ

cho sạch hết. Muốn lợi tha trước hết phải tự lợi. Nếu chính mình không xuất sanh tử trước, sao có thể độ chúng sanh thoát sanh tử? Ví như người đang chết chìm trong biển chẳng thể cứu người khác bị chết đuối trong biển. Như Lai nói ra vô lượng vô biên pháp môn liễu sanh thoát tử, chỉ có mỗi một pháp Tịnh độ hạ thủ dễ dàng, thành công cao, dùng sức ít, đạt hiệu quả nhanh. Nếu muốn thành tựu ngay trong đời này mà bỏ pháp này sẽ chẳng có cách nào cả!

Nói đến pháp Tịnh độ thì phải sanh tín, phát nguyện, niệm A-di-đà Phật, cầu sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Nếu quả thật tín nguyện chân thành khẩn thiết, nhất tâm niệm Phật, đến lúc lâm chung quyết định được Phật tiếp dẫn vãng sanh cõi ấy. Đã được vãng sanh liền tạ từ xác phàm, cao dự dòng thánh, thấy Phật, nghe pháp, chứng vô sanh nhẫn, thần thông trí tuệ chẳng thể nghĩ bàn. Rồi lại nương theo bốn nguyện trở vào Sa-bà, dùng đủ mọi phương tiện độ thoát chúng sanh, như Quán Thế Âm Bồ-tát: Nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy mà thuyết pháp, khiến cho khắp hết thấy chúng sanh đồng thoát sanh tử, cùng thành Phật đạo, rồi mới viên chứng tâm diệu chân như chính mình sẵn đủ. Như thế mới là rốt ráo khế hợp tứ hoằng thệ nguyện của Bồ-tát, với bốn mươi tám nguyện của A-di-đà Phật và mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ-tát. Ý nghĩa của tâm nguyện là như vậy. Nếu có thể nhìn vào danh nghĩ đến ý nghĩa, ra sức thực hành thì có thể gọi là bậc trượng phu lỗi lạc, sen mọc trong



lửa, là con thật sự của đức Như Lai, là đích tôn của Đại sĩ, hãy gắng lên, hãy cố lên!

21. Thư gửi cư sĩ Vệ Cẩm Châu

(Ông này do nhà hàng xóm cháy lan qua nên nhà cửa, của cải mất sạch, vợ kinh hãi thành bệnh, vì thế tâm thần mê loạn, như say, như cuồng.)

Kinh Pháp Hoa dạy: “Ba cõi không yên, ví như nhà lửa. Các khổ đầy đầy, rất đáng kinh sợ.” Do trời muốn thành tựu người nên có khổ, có vui, có nghịch, có thuận, có họa, có phước, vốn không nhất định. Chỉ cần người trong cuộc có con mắt thông suốt, khéo hiểu ý trời thì không khổ, không vui, không nghịch, không thuận, không họa, không phước vậy. Do vậy, quân tử vui theo mạng trời, trên chẳng oán trời, dưới chẳng hận người, tùy ngộ nhi an, không lúc nào không tự tại tiêu dao. Do vậy, “*tổ phú quý hành hồ phú quý*” (tổ có nghĩa là hiện tại, hành có nghĩa là thông dong, nhàn hưởng; hễ giàu thời chu cấp kẻ bản cùng, hễ quý hiển bèn tận trung với vua, yêu dân, tận bốn phận phú quý; ấy gọi là tổ phú quý hành hồ phú quý), “*tổ bản tiện hành hồ bản tiện*” (nếu nhà không dư dật, thân chưa làm quan thì giữ khí tiết thanh bản, chẳng dám làm bậy), “*tổ di địch hành hồ di địch*” (nếu tận trung mà bị sàm tấu, bị biếm ra nơi xa, như các vùng Vân Nam, Quý Châu, Lương Quảng, Hắc Long Giang v.v. thì tâm bình khí hòa, chẳng oán vua, chẳng hận kẻ sàm báng, tự sống như người ở nơi ấy), “*tổ hoạn*

nạn hành hồ hoạn nạn” (hoặc có thể chẳng những bị biếm truất, lại còn bị xử tội, nhẹ thì đánh đập, giam cầm, nặng thì chém đầu, phanh thây, hoặc đến nỗi diệt môn, vãn chẳng oán vua, chẳng hận gian đảng, cũng như chính mình đáng bị như thế. Đối với hoạn nạn do người gây ra còn như thế, huống chi những hoạn nạn do trời giáng xuống, há oán hận ư? Người như vậy được người yêu thương, trời hộ trì, trong đời này hoặc trong đời sau hoặc là đời con cháu quyết định được hưởng phúc báo vô cùng để xứng với đức ấy). Cư sĩ tuy có tư chất ham làm lành nhưng chưa rõ lý tốt cùng của Nho và Phật, vì thế vừa gặp nghịch cảnh bèn đâm ra cuồng loạn. Nay tôi khuyên rằng: Rộng dày, cao minh nhất trong thế gian không gì hơn thiên địa, nhật nguyệt. Mặt trời đứng bóng rồi chên, trăng tròn rồi khuyết, bờ cao thành hang, hang sâu thành vách núi, biển xanh biến thành ruộng dâu, ruộng dâu biến thành biển xanh.

Xưa nay người đạo cao đức trọn vẹn nhất không ai bằng Khổng tử, thế mà còn bị tuyệt lương nơi đất Trần, bị vây nơi đất Khuông, chu du liệt quốc, rốt cuộc không gặp được minh quân, chỉ có một người con, tuổi mới năm mươi liền bị chết mất; may còn một cháu nối dõi. Tính trở xuống thì Nhan Uyên đoản mạng, Nhiễm Bá Ngưu⁶⁴

64 Nhiễm Bá Ngưu (tên thật là Nhiễm Canh), là người được Khổng tử ngợi khen về đức hạnh. Khi Nhiễm Canh bị mù, Khổng tử đến thăm, cầm tay than: “*Là số mạng vậy, người như thế này mà bị mù là vì số mạng vậy!*”



cũng đoán mạng, Tử Hạ⁶⁵ bị mù, Tả Khâu Minh⁶⁶ cũng bị mù, Khuất Nguyên tự trầm dưới sông (Khuất Nguyên tận trung bị gièm, sau Sở Hoài Vương bị vua Tần bắt giữ, khôn ngoan ưu phần, không làm gì được, ngày mồng 5 tháng 5 tự trầm nơi sông Mịch La), Tử Lộ⁶⁷ bị bầm vụn (chữ 醢 đọc là hải, có nghĩa là thịt làm thành mắm. Tử Lộ làm quan nước Vệ, Vệ Khoái Quý và con toan chiếm nước. Tử Lộ bị chết trong nạn ấy, bị quân địch băm vụn ra).

Thiên địa, nhật nguyệt còn chẳng thể thường hằng bất biến, đại thánh đại hiền cũng chẳng thể chỉ có thuận không nghịch; chỉ vui theo mạng trời thì không chuyện gì chẳng an vui, lại được trăm ngàn đời sau, từ thiên tử cho đến thứ dân không ai không ngưỡng mộ. Nếu luận theo tình cảnh khi ấy, tội họ vô phước; nhưng nếu luận trên mức độ được truyền tụng hậu thế thì không ai có phước bằng được họ. Người sống trong thế gian nghĩ ngàn lối, tính muôn bề, đặt bày mọi cách, xét đến rốt ráo chẳng qua là để nuôi thân miệng, để lại của cải cho con cháu mà thôi. Nhưng thân thì vải thô cũng đủ che mình, cần gì phải lụa là, the đoạn?

65 Tử Hạ tên thật là Bốc Thương, tự là Tử Hạ. Sau khi Khổng tử mất, ông lui về Tày Hà dạy học, con chết, ông khóc đến mù mắt.

66 Tả Khâu Minh: Người thời Xuân Thu, làm quan thái sử nước Lỗ. Ông giám định, nhuận sắc tác phẩm Xuân Thu, nên bản ấy được gọi là Tả Thị Xuân Thu (thường gọi tắt là Tả Truyền). Khi về già ông bị mù.

67 Tử Lộ: Tên thật là Trọng Do, tự Tử Lộ, hoặc Quý Lộ, là đệ tử của Khổng tử, tánh hiếu dũng, thờ cha mẹ rất có hiếu, thường đi đội gạo thuê cả trăm dặm để có tiền phụng dưỡng cha mẹ. Ông là một trong số 24 gương hiếu tử trong tác phẩm Nhị Thập Tứ Hiếu Diễn Ca của Lý Văn Phúc. Ông có tài cai trị nên thoát đầu làm quan nước Lỗ, rồi sang làm quan nước Vệ.

Miệng thì canh rau đủ nuốt trôi cơm, cần gì phải cá thịt, hải sản? Con cháu thì hoặc là đọc sách, hoặc cày ruộng, hoặc buôn bán tự nuôi được thân, cần chi phải giàu có trăm vạn?

Vả nữa, từ xưa đến nay những kẻ mưu cầu phú quý muôn đời cho con cháu ai bằng Tần Thủy Hoàng, thôn tính lục quốc, đốt sách, chôn học trò, thâu binh khí thiên hạ đúc thành chuông lớn, không chuyện gì chẳng nhằm làm cho nhân dân ngu yếu chẳng thể nổi dậy. Nào biết Trần Thiệp vừa khởi, quần hùng đua nhau, sau khi nhất thống chưa đầy mười hai, mười ba năm bèn đến nỗi thân chết nước tan, con cháu bị giết sạch hết, khác nào cắt cỏ trừ rễ, nào còn sót gì? Đây là muốn cho con cháu yên vui, lại đến nỗi làm chúng mau chết sạch.

Thời Hán Hiến Đế, Tào Tháo làm Thừa tướng, chuyên đoạt uy quyền, những việc hấn làm không gì chẳng nhằm làm suy yếu quyền thế nhà vua, tăng thêm quyền lực cho bản thân; muốn khi mình chết đi, con mình sẽ làm vua. Kịp đến khi chết đi, Tào Phi bèn soán ngôi, xác cha chưa liệm, Tào Phi đã dời hết cả phi tần đưa sang cung mình. Tháo chết đi mãi mãi đọa trong ác đạo, đến hơn 1.400 năm sau, nhằm đời Càn Long nhà Thanh, tại Tô Châu có người giết heo, moi gan phổi ra thấy đề hai chữ Tào Tháo. Xóm giếng có kẻ trông thấy sợ hãi vô cùng, liền lập tức xuất gia, pháp danh là Phật An, nhất tâm niệm Phật liền được vãng sanh Tây Phương. Chuyện này được ghi trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục.



Ồi, Tào Tháo phí sạch tâm cơ vì con bày mưu, dù làm hoàng đế nhưng chỉ được 45 năm, nước liền diệt vong. Nhưng hằng ngày cùng Tây Thục, Đông Ngô tranh chấp, có ngày nào được an lạc đâu? Sau đó, như hai nhà Tấn⁶⁸, Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy và Lương, Đường, Tấn, Hán, Chu thời Ngũ Đại đều chẳng dài lâu. Tự trung, chỉ có nhà Đông Tấn dài nhất, cũng chỉ được 103 năm, những triều đại khác hoặc hai, ba năm; hoặc tám, chín năm; mười, hai mươi năm; bốn mươi, năm mươi năm liền bị diệt vong. Đây chỉ mới kể những triều đại chánh thống, chứ còn những kẻ chiếm cứ bờ bãi, tiếm xưng ngụy quốc số lượng càng nhiều, thời gian tồn tại càng ngắn hơn nữa. Xét đến cái tâm ban đầu, không ai không muốn cho con cháu được phú quý tôn vinh; nhìn vào hiệu quả thật sự, trái lại khiến cho con cháu gặp phải kiếp nạn tru lạc, diệt môn tuyệt hộ. Dù quý như thiên tử, giàu khắp bốn biển còn chẳng thể khiến cho con cháu đời đời hưởng phước, hưởng hồ kẻ phạm phu hèn mọn. Từ vô lượng kiếp đến nay đã tạo ác nghiệp dày hơn đại địa, sâu quá biển cả, há có thể giữ cho gia đạo thường hưng thịnh, có phước không tai ương được sao?

Phải biết vạn pháp trong thế gian đều là hư giả, trọn

68 Tây Tấn (266-316) do Tư Mã Viêm thành lập. Đến thời Tấn Nguyên Đế (Tư Mã Duệ), chư hầu nổi dậy, phải dời đô sang Đông gọi là nhà Đông Tấn, truyền đến đời Tấn Phế Đế bèn bị diệt vong (năm 369), vừa đúng 103 năm. Nam Triều: Nhà Lưu Tống truyền được 59 năm (420-478), nhà Tiều Tề truyền được 23 năm (479-501), nhà Tiều Lương của Lương Võ Đế truyền được 55 năm (502-556), nhà Trần được 32 năm (557-588), nhà Tùy 29 năm (589-617). Thời Ngũ Đại gồm nhà Hậu Lương truyền được 16 năm (907-922), nhà Hậu Đường 13 năm (923-935), nhà Hậu Tấn 11 năm (936-946) và nhà Hậu Chu 9 năm (951-959).

không chân thật, như mộng như huyễn, như bọt như bóng, như sương như chớp, như ánh trăng trong nước, như hoa đốm trên hư không, như ánh nước gợn khi trời nắng, như thành Càn-thát-bà (Phạn ngữ Càn-thát-bà, Hán dịch là tầm hương, chính là nhạc thần của Thiên đế, thành của họ huyễn hiện, không thật. Thế tục thường gọi là “thần lâu hải thị” (lâu sò chợ biển) chính là nó). Chỉ một niệm tâm tánh của chính mình hằng cổ hằng kim, chẳng biến, chẳng hoại. Dầu không biến hoại nhưng thường tùy duyên. Hễ ngộ tịnh duyên bèn thành Thanh văn, thành Duyên giác, thành Bồ-tát, thành Phật. Do công đức có cạn sâu nên quả vị có cao thấp. Hễ mê nhiễm duyên bèn sanh lên trời, sanh trong nhân gian, đọa vào tu-la, đọa trong súc sanh, đọa vào ngạ quỷ, đọa xuống địa ngục. Do tội phước có nặng nhẹ nên khổ vui có dài ngắn. Nếu là người không biết Phật pháp thì không biết phải nên làm như thế nào.

Ông đã sùng tín Phật pháp, sao chẳng do nghịch cảnh này thấy thấu suốt tướng thế gian, bỏ duyên mê nhiễm, ngộ theo tịnh duyên, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương? Từ đây vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi lục đạo, cao chứng quả vị tứ thánh. Há chẳng phải là nhân họa nhỏ này mà thường hưởng phước to ư? Lại mịt mờ chẳng rõ, như say như cuồng. Nếu như lo nghĩ quá độ, đến nỗi táng thân mất mạng sẽ bao kiếp dài lâu khó thoát khỏi luân hồi, lại còn vợ yếu con cô lấy gì tự lập? Vốn muốn tự lợi, lợi người, lại trở thành tự hại, hại người (chữ “người” ở đây chỉ vợ con). Sao lại ngu si đến nỗi như thế?



Kinh dạy: “Bồ-tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả.” Bồ-tát sợ gặp quả ác nên đoạn trừ sẵn nhân ác. Do vậy tội chướng tiêu diệt, công đức viên mãn, mãi cho đến khi thành Phật mới thôi. Chúng sanh thường gây nhân ác, muốn tránh quả ác, như dưới mặt trời toan trốn bóng, uống công nhọc nhằn rong ruổi. Thường thấy kẻ ngu vô tri vừa làm chút điều lành nhỏ nhoi bèn mong phước to, vừa gặp nghịch cảnh bèn nói làm thiện mắc họa, không có nhân quả. Từ đó, lui hối cái tâm ban đầu, quay ngược lại phỉ báng Phật pháp, nào biết ý chỉ sâu huyền “báo thông ba đời, chuyển biến do tâm”!

“Báo thông ba đời” có nghĩa là đời này làm thiện, làm ác, ngay đời này được phước, mắc họa, đó gọi là hiện báo. Đời này làm thiện, làm ác, ngay trong đời sau hưởng phước, mắc họa, đó gọi là sanh báo. Đời này làm thiện, làm ác, đến đời thứ ba, hoặc đời thứ tư, hoặc mười, trăm, ngàn vạn đời, hoặc đến vô lượng vô biên kiếp sau mới hưởng phước, mắc họa, đó gọi là hậu báo. Hậu báo sớm trễ không nhất định, hễ gây nghiệp quyết định không thể không thọ báo.

“Chuyển biến do tâm” là ví như có người tạo ác nghiệp sẽ vĩnh viễn đọa địa ngục, chịu khổ bao kiếp dài lâu. Về sau, người ấy sanh lòng hối hận lớn lao, phát tâm đại Bồ-đề, cải ác tu thiện, tụng kinh niệm Phật, tự hành dạy người, cầu sanh Tây Phương. Do vậy, đời này hoặc bị người khác khinh rẻ, hoặc bị chút bệnh khổ, hoặc bị bắn cùng đôi chút, hoặc gặp hết thảy chuyện chẳng như ý, cái nghiệp vĩnh viễn đọa địa ngục bao kiếp chịu khổ dài lâu

đã trót tạo trước kia nay liền tiêu diệt, lại còn có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Kinh Kim Cang dạy: “Nếu có người thọ trì kinh này, bị người khác khinh rẻ là do tội nghiệp đời trước của người ấy đáng lẽ đọa ác đạo, vì đời này bị người khác khinh rẻ nên tội nghiệp đời trước bèn tiêu diệt, sẽ đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác.” Đây chính là ý nghĩa “chuyển biến do tâm” vậy.

Người đời vừa gặp chút tai ương, nếu không oán trời thì cũng trách người, trọn chẳng có ý tưởng trả nợ, sanh lòng hối tội. Phải biết: “Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu.” Trồng cỏ dại chẳng thể được hạt thóc ngon, trồng gai góc mong chi thóc nếp. Làm ác mà được phước là do đời trước tài bồi sâu xa, nếu không làm ác thì phước còn lớn hơn nữa. Ví như con cháu nhà giàu có, ăn uống phung phí, xài vàng như đất, nhưng không đến nỗi đói rét là do vàng nhiều. Nếu cứ ngày ngày như thế, dầu giàu có đến trăm vạn thì chẳng mấy năm sẽ nhà tan người chết, hết sạch sành sanh. Làm lành mắc họa là do tội nghiệp đời trước sâu dày, nếu không làm lành thì tai ương càng lớn hơn. Ví như kẻ phạm tội nặng, chưa kịp xử phạt, lại lập công nhỏ, do công nhỏ nên chưa được tha hoàn toàn, đổi tội nặng thành tội nhẹ. Nếu có thể hằng ngày lập công, do công nhiều thành lớn nên tội hết, được tha miễn, lại còn được phong hầu bá tướng, thế tập tước vị⁶⁹, tồn tại mãi cùng đất nước.

69 Tước vị của cha, con trưởng được kế thừa, thường gọi là tập ấm.



Đại trưởng phu sống trong thế gian nên có tri kiến vượt trội, há để vật ngoài thân phiền lụy, hủy hoại thân mình. Ví như vàng ngọc đầy nhà, cường đạo lại cướp, chỉ nên bỏ đó trốn lẹ, há nên giữ của đợi chết ư? Bởi lẽ vàng ngọc tuy quý, nhưng so với thân mạng vẫn hèn kém hơn! Đã chẳng thể toàn vẹn đôi bề, chỉ có thể bỏ vàng ngọc để toàn thân mạng. Tài vật của ông đã cháy hết, buồn suông ích gì? Chỉ nên tùy duyên sống qua ngày, dốc hết sức niệm Phật, cầu sanh Tây Phương thì trong đời vị lai vĩnh viễn lìa khỏi các khổ, chỉ hưởng các sự vui. Như thế thì do nạn lửa này bèn thành đạo vô thượng, phải cảm ân báo đức còn không xuể, há lại oán hận, buồn phiền như thế chẳng?

Xin hãy đem lời tôi suy nghĩ căn kẽ ắt sẽ được gỡ rối giải thoát. Như vén mây mù thấy được mặt trời, từ đây tai ương biến thành người dẫn đường tốt lành, chuyển ngay nóng bức thành mát mẻ. Nếu cứ chấp mê không ngộ ắt sẽ phát điên phát cuồng, bốn tâm bị mất, tà ma dựa thân, dầu ngàn đức Phật xuất thế cũng không cách nào giúp được ông.

22. Thư trả lời cư sĩ Lâm Giới Sanh ở Thái Thuận (thư thứ nhất)

Bất Huệ học Nho không xong, học Phật chẳng thành, lìa quê cũ đã lâu, muốn quay về nhưng chưa được, mỗi phen tự xét, thẹn thùng không biết ẩn vào đâu. Chợt tiếp được thư ông, khác nào gặp lại cố nhân, nhưng trong thư

khen ngợi quá lễ, khiến người như phải chịu búa rìu. Sau này có viết thư, xin chớ dùng lời khách sáo ấy nữa! Được gặp mặt lệnh huynh Chi Phần hôm 14 tháng 7, nhân đấy hỏi thăm chuyện tu trì, gia cảnh cư sĩ. Ông ta cho biết cư sĩ cật lực làm lành, đạo niệm ngày càng tăng trưởng, nhưng gia đình bất hạnh, lệnh lang⁷⁰ mất sớm, hai cháu còn thơ, khá đáng ưu tư.

Tôi nghe xong khôn ngăn thở dài, phải biết: Cảnh nghịch xảy đến hãy thuận theo mới gọi là “vui theo mạng trời”, tu thân trồng đức mới là “tận tánh”. Đời có kẻ ngu, chẳng biết thiện ác đời trước, chỉ nhìn chuyện tốt xấu trước mắt, thấy làm lành mắc họa bèn bảo: “Chẳng nên làm lành, làm ác được phước”, còn nói: “Ác chẳng đáng kiêng”, chẳng biết thiện báo, ác báo chẳng phải một sớm một chiều mà thành, phải do dần dần mà ra. Ví như ba thước băng há do một ngày lạnh bèn có thể ngưng đọng, nước trăm sông ngập tràn há vì trời nóng một bữa liền tiêu được ư? Chớ nên oán trời trách người, do dự, ngã lòng, hối hận. Hãy nên học theo Du Tịnh Ý tu thân, học theo Viên Liễu Phàm lập mạng thì sẽ thấy hai cháu thành đạt, sẽ thấy sanh nhiều con quý⁷¹.

Còn như việc trùng tu chùa Hoa Nghiêm, thật không công đức nào lớn bằng, nhưng ở chốn núi sâu quỳên mộ khó lắm, chỉ nên tùy duyên, chớ nên miễn cưỡng. Có chánh

70 Lệnh lang: tiếng gọi tỏ vẻ tôn trọng con trai người khác.

71 Nguyên văn là “lân nhi” (con kỳ lân) ví cho đứa trẻ thông minh, giỏi giang.



điện để thờ Phật, có liêu phòng để an thân, có chỗ để hành đạo, cư ngụ là đủ rồi, cần gì phải dựng nhiều điện vũ, xây nhiều nhà ngang, chẳng lợi ích gì cho mình lẫn người, chỉ nhằm sướng con mắt tục ư?

Tạ Hữu tài chí tuy cao, đáng tiếc là chưa gặp được người thông hiểu, tự nói đáng tiếc thời đã qua khó học, chuyên theo cử nghiệp. Nào biết chuyện học thánh, học hiền chẳng có thời mà cũng chẳng có chuyện lỡ thời, mà học theo thánh hiền cũng chẳng khó, chẳng dễ. Vì sao nói vậy? Khổng tử bảy mươi tuổi còn muốn sống thêm vài năm để học Dịch, hòng tránh được lỗi lầm lớn. Há vì từ nghĩa tinh thông bèn vùng vẫy bút mực để hòng được tước vị cao ư? Năm mươi tuổi dốc chí nơi học, bảy mươi tuổi vẫn còn học. Ông ta tuổi gần bốn mươi, há phải đâu là đã quá thời chẳng thể học?

Đạo Nghiêu Thuấn chỉ là hiếu để mà thôi! Cả ngày khắc kỷ, giữ lễ, thiên hạ quy về nhân. Thánh nếu mất niệm sẽ thành cuồng, cuồng mà khắc chế được niệm ắt thành thánh. Trong ấy, há có khó dễ gì để luận được ư? Tôi nói: Tạ Hữu mà học thì không gì tốt hơn lúc này, có cha mẹ để tận hiếu, có anh em để hết dạ thương yêu, có con cái để giáo huấn, có thi thư để bắt chước theo, thật hợp với đạo “ở nhà mà tham dự quyền chánh trị”⁷² của Phu tử. Lúc này không học thì đúng là lỡ thời khó học vậy. Dầu cho văn chương quán thế, quan cao nhất phẩm, rốt cuộc vẫn chỉ là

72 Ý nói tuy không ra làm quan, vẫn góp phần giúp vua giữ yên đất nước.

người tài khéo cùng cực vi diệu, há nào phải kẻ sĩ hợp thời tận lực học. Do nghe lời Phật bèn ăn chay trường, đủ biết túc căn sâu dày, nhưng vứt bỏ công sức trước kia, ý muốn xuất gia, đủ thấy đạo nhân còn mê muội.

Như Lai thuyết pháp hằng thuận chúng sanh, gặp cha nói về từ, gặp con nói đến hiếu, ngoài tận hết nhân luân, trong tiêu tịnh lự, ngô hầu khôi phục chân tâm vốn có. Đấy gọi là đệ tử Phật, nào phải luận trên đầu tóc? Huống chi quê ông ở sâu trong núi thẳm, người biết pháp thì ít, kẻ cao minh vì không thông ngôn ngữ không đến nơi ấy. Nương theo tâm lành ấy dốc tận sức học đạo, tu hiếu để để cảm hóa xóm giềng, lập trai giới hồng giết, trộm dâm tiêu, nghiên cứu kinh luận Tịnh độ hồng biết yếu đạo xuất khổ. Thọ trì An Sĩ Toàn Thư sẽ biết khuôn mẫu tốt lành để an cõi đời. Dem pháp môn Tịnh độ khuyến dụ cha mẹ, dem pháp môn Tịnh độ dạy cho con và những người thân quen.

Phải nên vì sanh tử đại sự mà đau đầu xót thương thân sau, bắt tất phải chọn riêng một chỗ, gia đình chính là đạo tràng, lấy toàn bộ cha mẹ, anh em, vợ con, bằng hữu, thân thích làm pháp quyến, tự hành, dạy người, miệng khuyên, thân làm gương, khiến họ cùng về cõi tịnh, cùng thoát vòng khổ, đáng gọi là bậc cao tăng để tóc, là Phật tử tại gia vậy! Nên dùng ý thô tẻ này để bảo với ông ta. Nếu nghe lời này không phỉ báng, vẫn muốn tiến bước nhưng đường nẻo chưa dứt khoát được, mà nếu rảnh rang thì chẳng ngại gì đích thân đến Phổ Đà gặp gỡ một phen. Nếu không, chỉ



xem Tịnh Độ Thập Yếu và Tịnh Độ Thánh Hiền Lục sẽ tự biết đường lối, chẳng cần phải nhọc công hỏi ai khác nữa.

Lệnh huynh trung hậu có thừa, dường như có duyên với đạo này, hãy khuyên ông ta thọ trì An Sĩ Toàn Thư, ngô hầu chẳng uống một phen gặp gỡ. Di-đà Sớ Sao, An Sĩ Toàn Thư mỗi thứ một bộ gởi kèm theo thư để kết tịnh duyên.

23. Thư trả lời cư sĩ Lâm Giới Sanh ở Thái Thuận (thư thứ hai)

Mấy phen chưa gặp gỡ, lòng luôn nghĩ nhớ. Mùa thu năm nay lệnh huynh Chi Phần đi thi Hương, mang thư lên núi mới rõ sự tu trì gần đây của cư sĩ, lại nói gia đình bất hạnh, phải chôn con yêu, sáng tối lo buồn chẳng thể yên dạ. Tôi muốn trình bày rõ sự lý nhân quả nhưng lệnh huynh kẹt khóa thi Lục Di⁷³ buổi sáng, không thể ở lại đêm, cho nên phải nói đại lược. Nay ngày Rằm thanh nhàn, thầy Triệt Quyền đến thăm cho biết tình trạng oán hận của cư sĩ, bảo với vô tri tục nhân rằng: “Làm lành mắc họa, tu hành vô ích” v.v., đủ mọi tà thuyết. Tôi nghe xong đau xót, sợ bậc thượng trí nhân đó biếng nhác tu hành, kẻ hạ ngu dám làm chuyện ác.

Vì thế chẳng nể bỉ lậu, đem lời nói thẳng trình bày.

73 Thời Minh Thanh, trước khi thi Hương, có thêm một khóa thi bổ sung gọi là Lục Di. Ai đỗ khóa ấy mới được vào thi Hương. Mục đích của khóa thi này nhằm loại bớt những sĩ tử kém cỏi.

Như Lai giảng kinh báo thông ba đời, phàm sanh con đại lược có bốn nhân, báo thông tam thế là:

1) Thứ nhất là hiện báo, nghĩa là hiện tại làm lành, làm ác, đời này được phước, mắc họa. Như sĩ tử tập tành cử nghiệp, đời này được công danh. Đây là điều mắt phàm thấy được.

2) Thứ hai là sanh báo, nghĩa là đời này làm thiện, làm ác, ngay đời sau được phước, chịu tội, như tổ phụ trọng học vấn, cháu con mới phát đạt. Mắt phàm chẳng thấy được điều này, thiên nhãn vẫn có thể thấy được (đời này, đời sau là ước theo người ấy mà nói, nhưng chuyện cách đời khó thể dùng thí dụ để chỉ rõ nên mới đành tạm thời dựa vào con cháu, tổ phụ cho người khác dễ hiểu, chẳng được chấp vào từ ngữ, khiến ý nghĩa bị trở ngại).

3) Thứ ba là hậu báo, nghĩa là đời này làm lành, làm ác, đến đời thứ ba, hoặc thứ tư, năm, sáu, bảy, hoặc mười, trăm, ngàn, vạn đời, hoặc một, mười, trăm, ngàn, vạn kiếp, hoặc đến vô lượng vô biên Hằng hà sa kiếp mới chịu báo thiện hay ác. Như vương nghiệp nhà Thương, nhà Chu thật ra bắt đầu nền móng từ lúc ông Tắc, ông Khiết⁷⁴ phù tá vua Thuần, vua Vũ. Nếu là chuyện ba đời, thiên nhãn có thể thấy được. Nếu như trăm ngàn kiếp, thiên nhãn chẳng thể thấy được, nhưng đạo nhãn của Thanh văn còn thấy

74 Tắc là Hậu Tắc, thủy tổ nhà Chu, làm quan coi việc nông thời vua Nghiêu. Ông Khiết là thủy tổ nhà Thương.



được. Nếu là vô lượng vô biên Hằng hà sa kiếp chỉ có ngũ nhân viên minh của Như Lai mới thấy được, còn chẳng phải là cảnh giới của đạo nhân Thanh văn, hưởng gì thiên nhân, nhục nhân!

Biết được ý nghĩa ba thứ báo này thì làm lành sẽ được điều lành giáng xuống, làm điều chẳng lành phải vướng tai ương, thánh ngôn vốn chẳng sai lầm. Giàu sang, nghèo hèn, thọ yếu, cùng thông, mạng trời chưa hề thiên vị. Cảnh duyên xảy tới như gương hiện bóng, người trí biết sửa hình dung ngoài gương, kẻ ngu uống công ghét hình ảnh hiện trong gương. Cảnh nghịch xảy đến bèn thuận chịu mới là vui theo mạng trời, chẳng oán chẳng hờn mới hòng lập mạng. Con có bốn nhân: một là báo ân, hai là báo oán, ba là trả nợ, bốn là đòi nợ.

1) Báo ân là cha mẹ sanh con, đời trước có ân với nó, nên để báo ân bèn sanh vào làm con hồng hầu hạ phụng dưỡng, sống thờ chết chôn, khiến cho lúc sống thì cha mẹ vui vẻ, lúc mất bèn thờ cúng. Thậm chí tận trung với vua, yêu dân, danh lưu sử xanh, khiến thiên hạ hậu thế do kính người ấy bèn kính trọng cả cha mẹ. Như ông Tăng Lỗ Công, Trần Trung Tú, Vương Quy Linh, Sử Đại Thành (ba vị Tăng, Trần, Vương đều là danh thần đời Tống, ông Sử là trạng nguyên đầu đời Thanh; bốn vị đều tin Phật, chỉ mình ông Trung Tú ngộ nhập rất sâu, bởi đời trước từng là cao tăng, nên dầu có địa vị cao vẫn không quên nhân gốc). Con hiếu cháu hiền đời này đều thuộc về loại này.

2) Báo oán là cha mẹ đời trước phụ ơn. Để báo oán bèn sanh vào làm con, nhỏ thì ngộ nghịch mẹ cha, lớn lên gây họa vạ lây cha mẹ, sống chẳng phụng dưỡng ngọt bùi, chết đi mang nhục nơi chín suối. Lại quá mức đến nỗi con giữ ngôi vị oai quyền, mưu mô trái lẽ, diệt môn sát tộc, quật mồ cuốc mả, khiến thiên hạ hậu thế thóa mạ kẻ ấy lẫn cha mẹ. Như Vương Mãng, Tào Tháo, Đổng Trác, Tần Cối v.v. là loại này.

3) Trả nợ là con đời trước đoạt của cha mẹ, nay để đền nợ bèn sanh vào làm con. Nếu mắc nợ nhiều thì có thể sống với cha mẹ suốt đời, nếu nợ ít thì chẳng tránh khỏi giữa đường chết mất. Như học sắp thành danh bèn táng mạng, buôn bán vừa có lời bèn mất thân.

4) Đòi nợ là cha mẹ đời trước mắc nợ tiền tài của con, để đòi nợ ấy nó bèn sanh vào làm con. Nợ nhỏ uống phí lễ vật⁷⁵, tiền sính lễ mời thầy, cưới vợ cùng răn dạy đủ cách, mong con thành tài, nhưng đại hạn đã tới, chột chết mất đi. Nợ nhiều thì chẳng phải chỉ vậy, ắt phải táng gia bại sản, nhà tan người chết mới thôi.

Xét kỹ con ông, e rằng là hạng đến để đòi nợ. May là nợ ít nên vừa qua tuổi nhược quan (20 tuổi) liền mất. Hãy nên sám hối túc nghiệp, nỗ lực siêng tu, trời ắt ban cho ông đứa con tốt lành, rõ ràng nhà cửa. Huống chi Khổng tử

75 Nguyên văn là Thúc Tu (một loại thịt muối), lấy điển tích khi xưa Khổng tử dạy học, học trò đến học bèn biếu thầy một miếng Thúc Tu để xin nhập môn. Cho nên, cổ văn hay dùng chữ Thúc Tu để chỉ quà cáp, lương bổng trả cho thầy để xin cho con theo học.



là bậc thánh nhân, tuổi trung niên chôn con, Nhan Uyên là bậc đại hiền, đang tuổi tráng niên chết yếu. Nguyên Hiến nghèo rớt, Tử Lộ tuần nạn, Di Tề chết đói nơi Thủ Dương⁷⁶, Bá Ngọc cùng quần nơi nước Vệ. Há có thể nói là thánh nhân do tu đức mà bị trời khiển trách ư? Hay là sanh tử hữu mạng, phú quý tại trời ư? Chỉ trách đức mình chẳng chân thành, chớ hỏi trời báo họa phước! Làm được như thế thì tự nhiên ngũ phước lâm môn⁷⁷, lục cực⁷⁸ quyết định tránh khỏi nhà mình. Cho lời tôi nói không đáng tin thì kìa như vầng dương sáng chói: Phải biết người sống trong thế gian có đủ tám khổ, dầu sanh lên trời chưa khỏi ngũ suy⁷⁹, chỉ riêng thế giới Tây Phương Cực Lạc không có các sự khổ, chỉ hưởng những sự vui.

Chẳng phải là do ông để xương, chỉ dạy Tịnh độ mà trời bèn dùng đứa con vô phước, vô thọ làm một nhát kim đâm vào đánh đầu ông khiến cho ông biết ba cõi không yên, khác nào nhà lửa, các khổ đây đây, thật đáng kinh sợ hay sao? Mạng người vô thường, nhanh như ánh chớp, đại hạn xảy tới, ai lo phận nấy, hết thầy pháp hữu vi như mộng

76 Khi Trụ Vương bị Chu Võ Vương hưng binh tru diệt, nhà Thương mất ngôi; Bá Di, Thúc Tề là con cháu nhà Thương không chịu ăn thóc nhà Chu, nhịn đói đến chết.

77 Ngũ phước lâm môn: Năm thứ phước vào cửa, tức là trường thọ (sống lâu), phú quý (giàu sang), Khang ninh (mạnh khỏe yên ổn), hiếu đức (tính lương thiện, nhân hậu), khảo chung (chết an lành).

78 Lục cực: Theo Từ Tĩnh Dân trong bài Nho Học Giải Thuyết thì lục cực là bị vùi dập, bệnh tật, lo buồn, nghèo cùng, bị ghét bỏ và thân thể suy yếu.

79 Ngũ suy: Năm tướng suy hiện ra khi một vị trời sắp hết tuổi thọ, tức là hoa trên mào héo úa, nách rịn mồ hôi, áo quần nhơ nhớp, thân mất vẻ oai nghi có mùi hôi và mất thường hay chớp, không thích chỗ ngồi cũ của mình hoặc làm những việc thô tháo với ngọc nữ.

huyền, bọt bóng. Với điều này còn không tỉnh ngộ, dốc sức tu tịnh nghiệp thì khác gì gỗ đá vô tình cùng sanh trưởng trong vòng trời đất. Là trang nam tử có huyết tánh, há chịu sống làm thân đi thịt chạy, chết mục nát cùng cỏ cây, đề cao thánh cảnh nhưng tự mình lại chịu phạm phàm ngu, gặp lời cảnh sách lớn lao chẳng phát phần, nghe đạo của thánh hiền, Phật, tổ lại chẳng chịu hành, ấy là trời phụ người hay người phụ trời vậy? Xin hãy rũ lòng dùng trí tuệ quán sát.

24. Thư gửi cư sĩ Lâm Chi Phần ở Thái Thuận (thứ nhất)

Lý Cương⁸⁰ là một tác gia thông đạt, ông ta đem kinh Dịch đối chiếu với Hoa Nghiêm để bàn luận, bảo chúng hoàn toàn phù hợp nhau. Ông ta là bậc thiện tri thức không cự tuyệt người đến học, dẫn người vào chỗ thù thắng, mở rộng tâm hiểu biết. Như Mạnh tử do thấy vua Tề bất nhẫn trước cái chết của một con trâu; suy lòng trắc ẩn ấy thì biết vua có thể bảo bọc dân, làm vua thiên hạ, chứ không phải là do yêu thương suông một con trâu mà hồng làm vua thiên hạ. Đây là dẫn dụ, chứ không phải là luận khít khao; phạm đọc văn tự của cổ nhân quý ở chỗ lãnh hội được ý,

80 Lý Cương, tự Bá Kỳ, người xứ Thiệu Vũ, ra làm quan dưới thời Tống Huy Tông. Trong thời Tĩnh Khang, ông thuộc phe chủ chiến nên bị giáng chức. Khi Cao Tông nối ngôi, ông được triệu ra làm tể tướng. Lý Cương rất tin Phật pháp, đặc biệt hâm mộ kinh Hoa Nghiêm. Ông mất năm Thiệu Hưng thứ 10 (1126), thọ 58 tuổi. Trong cuốn Dịch Dữ Hoa Nghiêm Đối Luận (so sánh kinh Dịch và kinh Hoa Nghiêm), ông viết: “Dịch lập ra hình tượng để diễn đạt ý, kinh Hoa Nghiêm mượn sự để biểu thị pháp. Lý vốn không hai, thể gian và xuất thể gian cũng không hai đạo. Vì sao vậy? Thiên địa vạn vật, hữu tình không gì chẳng nhiếp!”



nếu không chỉ là nhai bã hèm mà thôi!

Ôi, Hoa Nghiêm là pháp tự chứng của Như Lai, tất cả các độ, các địa vị đều là sự thật, đều có thể biểu thị pháp. Tứ quả Thanh văn tuy dự pháp hội còn như cầm diếc, nhân thiên thuộc địa vị phàm phu há thấy biết được ư? Dẫu có thiên long bát bộ tham dự pháp hội nhưng đều là những bậc đã đích thân chứng được pháp thân, nhằm thượng cầu hạ hóa lợi ích hữu tình, nên đặc biệt hiện thân tám bộ đó thôi, chứ không phải là phàm phu nghiệp báo thật sự vậy. Còn kinh Dịch lập ra những hình tượng hư giả để đoán định cát hung, thuận thiên lý để hướng dẫn tình cảm con người, là thường pháp để trị thế, không phải là đại đạo xuất thế, là nghi tắc, tiêu chuẩn luân thường, chứ không phải là chuẩn mực của Phật đạo. Nhưng với người thông đạt Phật pháp, không pháp gì, chuyện gì chẳng phải là đạo, nói dọc, nói ngang nào có dấu vết? Nếu chẳng thể hiểu rõ triệt để tự tâm, cũng bắt chước nói theo như gà thầy thuốc dốt chưa biết chẩn mạch đã bắt chước róc xương. Lòng vũ yếu ớt, đậu trên cành còn khó mà đã toan bay cao, chẳng khiến cho cả mình lẫn người cùng mất mạng là chuyện hiểm lắm.

Nay tôi dùng thí dụ để nói rõ: Kinh Dịch gọi cha mẹ là “ng nghiêm quân”, cổ nhân cũng gọi ấp lệnh⁸¹ là quân, há có phải cha mẹ, ấp lệnh bằng vai phải lứa với thánh thiên tử, chẳng có cao thấp hay chẳng? Lại như gọi một bọt nước là biển, nêu một hạt bụi là cõi đất; biết bọt nước và hạt bụi

81 Ấp lệnh: người đứng đầu một ấp.

là chút phần của biển và đất thì được, chứ nói bọt nước và biển cùng sâu rộng như biển cả, cùng rộng dày như cội đất thì chẳng được. Một tia nắng qua kẽ hở chính là mặt trời chiếu trời, soi đất; mảnh trời nhìn qua ống hẹp cũng là cội trời không ngăn, không mé, nhưng phải ra khỏi cửa ngấm mặt trời, bỏ ống hẹp để ngửa trông bầu trời. Há có nên nói ngoài kẽ hở không có mặt trời, ngoài ống chẳng có bầu trời hay chăng?

Cổ nhân gọi Nho là Đạo, đa phần nói như thế. Nếu bảo nói như thế là thật ắt có lẽ thánh thiên tử và áp lệnh cùng tôn quý như nhau, biển cả, cội đất cùng bọt nước, hạt bụi sâu rộng, rộng dày như nhau hay sao? Mặt trời nơi kẽ hở và bầu trời trong ống cùng mặt trời, bầu trời rộng lớn không ngăn mé cùng trọn khắp như nhau hay sao? Ấy là lời luận bàn tệ hại của những kẻ nhà quê vùng Tế Đông⁸², chẳng phải là pháp ngôn của bậc minh tâm kiến tánh. Các hạ nên tự trì giới niệm Phật, lấy sự tu trì của Nho gia làm thường pháp, lấy sự tu trì của Phật giáo làm gia hạnh. Bàn sâu vào lý ắt mất mấy năm, muốn học Phật, tổ, trước hết phải noi theo thánh hiền. Nếu chính mình thực hiện còn có tỳ vết, trái nghịch luân thường thì đáng gọi là tội nhân danh giáo, sao xứng là đệ tử Phật?

Phật giáo tuy là pháp xuất thế, nhưng gặp vua nói

82 Nguyên văn “Tế Đông dã nhân chi bi luận”. Tế Đông Dã Nhân là một thành ngữ, hàm nghĩa những lời đồn đãi không có bằng chứng, toàn là ngoa truyền. Tương truyền, người vùng Tế Đông thường nói những lời không đúng sự thật, thích đồn thổi.



đến nhân, gặp bấy tôi nói trung, gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, do cạn mà vào sâu, học cái thấp thôi nhưng đạt được điều cao cả. Hãy đọc kỹ An Sĩ Toàn Thư ắt biết được đại khái. Phàm phu sửa lỗi hướng thiện và tu tịnh nghiệp chỉ quý nơi chân thành, kỵ nhất hư giả, chẳng được phô trương cái danh hành thiện tu hành bề ngoài, bên trong ôm lòng bất trung, không khoan dung. Cừ Bá Ngọc lúc 50 tuổi biết 49 năm trước là sai. Có như thế mới mong thành thánh, thành hiền, học Phật, học tổ là công thân danh giáo, làm con đích thật của Như Lai. Vì thế chẳng phải do kẻ tăng, người tục cùng quần hay thông đạt mà luận vậy.

Điều Bất Huệ mong mọi nơi các hạ cũng chính là điều mong mọi nơi hết thấy những người thân quen, có vậy mới khỏi bỏ công một phen đến Phổ Đà triều bái Đại sĩ, gặp gỡ Bất Huệ, như thế chính là nghe Phật thừa vậy.

25. Thư gửi cư sĩ Lâm Chi Phần ở Thái Thuận (thư thứ hai)

Phật pháp đến nay suy tàn quá đỗi, chúng sanh mờ mịt như kẻ mù không ai dẫn đường. Dẫu có một hai thiện tri thức khai thị, nhưng do nghiệp sâu chướng nặng, chánh trí chẳng khai, tuy nghe chánh pháp nhưng chẳng sanh tin tưởng. Dẫu sanh tin tưởng cũng vẫn là phù phiếm như say, như mộng, trọn chẳng có định kiến. Vừa gặp tà ma ngoại đạo bèn như nặng bu theo mùi thối, như thiêu thân đâm đầu vào lửa, kiến bu, chim tụ xúm xít muôn ngàn. Vì thế

năm đầu niên hiệu Quang Tự (1875), ở Quan Đông⁸³ có tà phái gọi là Hồn Nguyên⁸⁴, mỗi năm người quy y hơn mười vạn người, đến năm Quang Tự mười một, mười hai do thói tệ đã bộc lộ, người ta thường ghét thấy. Trong vòng một năm, [kẻ theo tà phái ấy vẫn] còn được mấy vạn.

Gần đây có kẻ xuất gia là con cái ma, toan muốn được đại danh lợi, 30 năm trước gã đã cắt xén ngũ lục của cổ

83 Quan Đông: vùng đất ở phía Đông ngoài Sơn Hải Quan, nay thuộc vùng Đông Tam Tỉnh, tức đất Mãn Châu khi xưa.

84 Hồn Nguyên Môn là một thứ tà giáo thời Minh Thanh, vốn là một chi phái của Bạch Liên giáo. Giáo phái này còn có tên là Hồng Dương giáo, Nguyên Thuần giáo, do Hàn Thái Hổ ở Khúc Châu, tỉnh Trực Lệ sáng lập. Giáo này phát triển rầm rộ tại vùng Đông Bắc Trung Hoa. Hàn Thái Hổ sanh năm Long Khánh thứ 4 (1570). Năm Vạn Lịch 16 (1588), ông ta đến núi Thái Hổ ở Lâm Thành thuộc tỉnh Trực Lệ tu hành. Sau ba năm tự xưng đắc đạo sáng lập Hồng Dương giáo, tôn giáo tổ La Thanh của Vô Vi Giáo làm tổ sư, tự xưng mình chính là hậu thân của La Thanh, mô phỏng bộ La Tổ Ngũ Bộ Kinh để soạn ra Hồng Dương Thán Thế Chân Kinh, tạo thành Ngũ Đại Bộ Kinh của giáo phái mình. Rồi trộm lấy những thần chú, Phật hiệu nhà Phật, sửa chữa, cắt xén tạo thành bộ Tòa Thích Hồn Nguyên Vô Thượng Đại Đạo Huyền Diệu Chân Kinh gồm 5 bộ khác nhau, gọi là Tiểu Ngũ Bộ. Năm Vạn Lịch 23, ông ta đến Bắc Kinh truyền giáo. Lúc ấy, triều đình nhà Minh rất sùng bái thuật đồng cốt, họ Hàn bèn kết giao với tổng thái giám. Do vậy, được triều đình phong tặng danh hiệu Hộ Pháp, phong thường tước vị. Năm Vạn Lịch 26 (1598), Hàn Thái Hổ chết, chỉ mới 29 tuổi. Giáo đồ nhân đó thêu dệt rất nhiều chuyện để thần bí hóa họ Hàn. Vị thần được giáo phái này tôn sùng nhất là Hồn Nguyên Lão Tổ (còn gọi là Vô Sanh Lão Mẫu), tất cả các kinh sách của đạo này đều bắt đầu bằng Hồn Nguyên, Hồng Dương hay Hoàng Dương. Giáo nghĩa chủ yếu của họ là thế giới sắp tận thế, ai tu theo Hồng Dương giáo sẽ được cứu độ. Vào những ngày dân sanh của Phật, Quán Âm, Địa Tạng, và sáng tổ của đạo hoặc các dịp ma chay, giáo đồ tụ tập cử hành tế lễ, tuyên niệm những bài kinh Hoàng Dương Khổ Công Ngộ Đạo Kinh, Hồn Nguyên Hồng Dương Lâm Phạm Phiêu Cao Kinh, Hộ Quốc Hộ Dân Phục Ma Bảo Quyển, Thái Sơn Đông Nhạc Thập Vương Bảo Quyển v.v.. Các hình thức trị bệnh bằng bùa chú, ban thánh thủy, thánh được cũng rất thịnh hành. Trong thời vua Gia Khánh, giáo phái này giao tranh khốc liệt với Thiên Lý giáo nên bị nhà Thanh đàn áp, nên suy yếu dần. Hồn Nguyên Môn mạnh mẽ trở lại vào thời Quang Tự rồi lại bị suy yếu. Chính quyền Trung Hoa Dân Quốc liệt giáo phái này vào danh sách những tà giáo. Đến nay, ở Trung Hoa Đại Lục vẫn còn một hai nhóm theo giáo phái này.



nhân hòng lập ngôn, thay đầu đổi mặt, bảo là ngữ lục của chính mình. Nhưng gã ma con ấy một là không thông tông, hai là chẳng thông giáo, ba là không học vấn, sợ người khác nói mình không học vấn, làm sao có thể nói được như thế, bèn đặc biệt dùng rất nhiều chữ sai cho giống thật⁸⁵, khiến người khác bảo hẳn đúng là đại triệt đại ngộ, thuận miệng nói ra, từ ngữ lẫn lý lẽ cao siêu mầu nhiệm. Chuyện không thích đáng nhất là do gã chưa từng đọc sách, chẳng thông hiểu nghĩa chữ nên bợ nguyên xi Vạn Pháp Quy Tâm Lục, Lục tổ Đàn Kinh, thi kệ của Hàn Sơn chỉ đổi dăm ba chữ mà thôi. Tất cả câu chữ đều như thế, bèn lưu truyền gần xa, nhưng cũng không quyến dụ được nhiều.

Gần đây, gã lại khoe đặc “diệu pháp” khiến cho thiện nam, tín nữ bắt chước nhau quy y, lại bảo muốn đắc diệu pháp nào ắt sẽ được như thế. Do gã ma con ấy thoát đầu vờ xưng ngộ đạo, người ta chưa quy phục. Gần đây, hẳn bèn đối xứng đặc đạo, nên xa gần tranh nhau theo về, tự nói: “Pháp của ta nói khiến người dễ đắc đạo!” Vì thế cả một vùng như cuồng cùng nhau sùng phụng. Đối xứng đặc đạo thì phải có sự thật người ta mới chịu tin, vì thế hẳn phóng túng không e dè, thuận miệng nói càn, thường bảo cùng người: “Ta có thể nhập định siêu độ cho vong hồn được sanh lên trời, hoặc sanh về Tịnh độ, có thể biết hết thấy người đã mất sanh lên trên trời hoặc sanh trong nhân

85 Ý nói: Cố ý dùng những chữ không đúng chỗ, không thích hợp để làm ra vẻ như đang thuận miệng giảng nói, chứ không phải là do biên soạn ra nên từ ngữ không được trau chuốt, gây gọn.

gian và ba ác đạo. Lại biết người này thượng phẩm vãng sanh Tây Phương, người kia trung phẩm vãng sanh, người nọ sanh vào hạ phẩm.” Do vậy, chẳng những ngu phu, ngu phụ cố nhiên ngã theo chiều gió, ngay cả những bậc sĩ đại phu không thông Phật lý cũng tưởng hẩn thật sự đắc đạo, bèn quy y tin thờ.

Chuyện như vậy nay thấy nhiều lắm, dầu có người trí chê là cuồng vọng, nhưng vì tà thuyết đó đã ăn sâu vào lòng người nên chẳng ai tin lời bậc trí giả. Từ xưa, cao tăng hoặc Phật tái lai hoặc Bồ-tát thị hiện đều giữ phạm phàm phu, trọn chẳng nói ta là Phật, ta là Bồ-tát. Vì thế, kinh Lăng-nghiêm nói: “Sau khi ta diệt độ, truyền cho các Bồ-tát và A-la-hán ứng thân sanh trong thời mạt pháp, hiện đủ mọi hình, độ những kẻ đang luân chuyển, trọn chẳng được tự nói mình thật là Bồ-tát, thật là A-la-hán, tiết lộ mật nhân của Phật, để dãi nói cùng kẻ chưa học. Chỉ trừ khi mạng chung, ngầm để lại dấu dò.”

Như đại sư Trí Giả thật sự là hóa thân của Phật Thích-ca, đến lúc lâm chung có người hỏi đến địa vị chứng nhập, bèn đáp: “Nếu ta không lãnh chúng, ắt tịnh sáu căn, do tổn mình lợi người nên chỉ dự vào ngũ phẩm”, tức là vẫn còn thuộc địa vị phàm phu. Ngũ phẩm chính là địa vị Quán hạnh trong Viên giáo, sở ngộ ngang với Phật, đã khuất phục trọn vẹn ngũ trụ phiền não nhưng chưa thể đoạn kiến hoặc. Ngài Trí Giả lúc lâm chung còn chẳng hiển bốn, ý muốn cho hàng hậu học dốc chí tu hành tinh ròng,



chẳng đến nỗi được chút ít đã cho là đủ, cũng như chẳng lấy phàm lạm thánh vậy! Nay lũ ma kia bịp xằng đặc đạo chính là hoại loạn Phật pháp, là kẻ đại vọng ngữ lầm lạc chúng sanh. Cái tội đại vọng ngữ ấy thậm chí còn nặng gấp trăm ngàn lần tội ngũ nghịch thập ác. Thấy đó, trò đó sẽ vĩnh viễn đọa trong địa ngục A-tỳ, trải Phật sát vi trần kiếp số⁸⁶ luôn chịu cực khổ còn chưa được xuất ly. Sao lại khổ vì danh lợi hư phù một lúc, cam chịu hình phạt thâm khốc bao kiếp? Danh lợi mê hoặc người đến nỗi như thế ấy!

Gã ma con kia bảo pháp hán đã nói khiến người dễ đặc đạo tức là hiểu cái tâm sanh diệt là thường trụ, tướng “không làm thiện, không đoạn ác” là bất sanh bất diệt, bác không nhân quả, sụp hãm tà kiến. Đây chính thực tế của chuyện gã ma con chèo kéo đồ chúng, khiến họ lầm tưởng đều đã đặc đạo. Vì thế, có kẻ thường ngày trì trai niệm Phật, vừa thân cận bọn chúng liền không trì trai, không niệm Phật nữa. Kỳ dư, hết thấy những chuyện cái ác hướng thiện, biết nhân hiếu quả, vun đức trồng phước v.v. thấy đều bỏ hết.

Chúng chỉ dạy người ta khán một câu thoại đầu, nhưng thật ra chẳng biết khán như thế nào, thế nào là thoại đầu? Bèn đem những lời đối ứng căn cơ của cổ nhân bảo người khác y văn giải nghĩa, suy lường, dò đoán. Như những câu “con chó không có Phật tánh, cây bách trước sân, que cứt khô, ba cân gai, cái áo vải nặng bảy cân” v.v., thấy đều bóc trần từng chữ để giảng nghĩa, cho là tu tham

86 Phật sát vi trần kiếp số: Tức số lượng nhiều như số tất cả hạt vi trần trong một cõi Phật.

thiền, là thấu triệt công án. Vừa mới ngồi yên được một chút và có thể giải nghĩa dựa theo văn tự, bèn ấn chứng: “Người này túc căn sâu dày, người kia hiện đang tu hành tinh thuần, nên dụng công chưa lâu đã thấu triệt.” Chuyện tham thiền nói dễ dàng sao? Cổ nhân như thiền sư Triệu Châu Thấm xuất gia từ nhỏ, đến lúc ngoài tám mươi vẫn còn hành cước⁸⁷. Vì thế có bài tụng rằng:

*Triệu Châu bát thập do hành cước,
Chỉ vị tâm đầu vị tiêu nhiên.*

(Triệu Châu tám chục còn hành cước,
Do bởi trong tâm chưa rộng rang.)

Ngài Trường Khánh ngồi rách bảy cái bồ đoàn rồi mới khai ngộ, ngài Dũng Tuyền đến năm bốn mươi vẫn còn nhọc nhằn, Tuyết Phong ba lần lên gặp ngài Đầu Tử, chín lượt lên Động Sơn. Những vị đại tổ sư đại triệt đại ngộ còn khó khăn như thế, bọn ma con kia vừa mới nghe ma thuyết đều khai ngộ ngay, những vị tổ sư vừa nói ấy có xách giày cho chúng cũng chẳng đáng hay sao?

Phải biết tổ sư ngộ là từ mê đến ngộ, hễ ngộ rồi sẽ ngộ vĩnh viễn, còn cái ngộ của bọn ma là do mê bèn lầm, hễ lầm rồi bèn vĩnh viễn lầm. Tuy đồng âm với ngộ⁸⁸, nhưng sự thật trái nghịch với ngộ. Do bọn ma kia từ lúc mới phát

87 Hành cước: Thiên khách đi tham học khắp với các bậc tôn túc đã chứng ngộ trong từng lâm thiền hạ.

88 Ngộ 悟 (bộ tâm) là giác ngộ, còn Ngộ 誤 (bộ ngôn) là lầm lẫn, mê lầm. Ngộ của bọn ma chính là ngộ (lầm lẫn).



tâm, một là không giới hạnh, hai là không có chánh trí, ba là chẳng biết thoại đầu là phương tiện để đánh động, tham thấu tự tâm, cứ tưởng dựa theo văn nghĩa suy đoán chính là tham thoại đầu. Tham thiền kiểu đó thì người thông minh trong thế gian sẽ đều là bậc đại triệt đại ngộ hết.

Như kẻ chẳng biết bảo châu ma-ni, thấy mắt cá bèn quý trọng cất đi, khoe khoang cùng người: “Tôi đã có được châu ấy.” Mọi người cũng chẳng biết thế nào là châu, thế nào là mắt cá, bèn xúm xít tìm cầu, ai nấy đều được châu ấy. Từ đó phát đại thệ nguyện khiến cho khắp đồng bào nghèo khổ đều được châu ấy. Một mai gặp được khách thương người Hồ⁸⁹ muốn đổi châu lấy nhiều vàng, khách thương người Hồ ném đi, mắng rằng: “Sao lại đem mắt cá làm bản mắt ta?” Mới biết mình đã phí sạch tâm cơ, chỉ đành hổ thẹn muốn chết mà thôi!

Nhưng thói thường con người buông lung thì dễ, câu thúc thì khó. Dạy trì trai niệm Phật bèn cảm thấy miệng ăn mất ngon, thân tâm thường khổ sở, nhọc nhằn. Gã ma kia bảo chỉ cần giữ tâm tốt, cần gì phải ăn chay? Người vốn là Phật, cần gì phải niệm Phật? Do vậy, thật là hợp với cái tánh lười nhác, biếng trễ của mình, chẳng muốn bó buộc, mặc tình phóng túng như tù được lệnh tha, vui mừng khôn xiết! Nếu hỏi đến duyên do, bèn nói:

89 Nguyên văn “Cổ Hồ” là những lái buôn người Hồ. Xưa những người từ Tây Vực, Tân Cương thường vào Trung Hoa buôn bán, người Trung Hoa nhất loạt gọi họ là người Hồ.

- Đạt-ma từ trời Tây sang đây, không lập văn tự, chỉ thẳng tâm người, kiến tánh thành Phật. Người chỉ khán một câu thoại đầu ắt thấy được tánh, thấy được tánh rồi liền gọi là thành Phật, đã thành Phật rồi thì hết thấy đều không: không nhân, không quả, không tu, không chứng, một pháp chẳng lập, gọi là chân giải thoát. Ai dạy người trì trai niệm Phật, cải ác tu thiện, sợ nhân quả, vun bồi phước đức đều là chẳng biết trong tự tánh không pháp nào chẳng đủ, cũng như không thể lập được một pháp nào. Người chấp trước pháp tướng, chẳng chịu lìa bỏ. Bỏ gốc đuổi theo ngọn, không dây mà tự buộc. Người như thế gọi là Tiểu thừa. Sao có thể coi là thiện tri thức để thân cận được ư? Phải biết những pháp Như Lai nói về nhân quả, tu chứng v.v. đều là lấy lá vàng giả làm vàng để dỗ trẻ nín khóc, bọn họ lại chấp là thật, vậy là trí bọn họ có khác gì trẻ nín đầu! Nếu là đại trượng phu, Phật còn chẳng thể được, há còn có những pháp nhân quả, tu chứng v.v.. Nếu lập một mảy trần, sẽ chẳng phải là Phật pháp. Ông chỉ tự biết mình đã là Phật thì dù cho ăn thịt, uống rượu, trộm cắp, hành dâm, không pháp nào chẳng phải là Phật pháp. Trên thiên đường, dưới địa ngục, áo trời, thức ăn trời, vạc dầu, lò than, có cảnh nào chẳng phải là Phật cảnh? Tự ta chính là Di-đà, ngay nơi đây chính là Cực Lạc, há nên khuấy động cái tâm vọng tưởng nghiệp thức, quang quác cái miệng do cha mẹ sanh ra để cả đời niệm Phật suốt ngày, chịu nhiều oan uổng ư? Câu đến lúc lâm chung vãng sanh Tây Phương, bỏ mình cầu nơi người, bỏ nhà lang thang, há chẳng phải là tri kiến điên



đảo, tu tập lâm loạn hay sao?

Các thứ ma thuyết đại để là như thế. Nay thử luận xem:

- Nếu “chỉ cần tâm tốt cần gì phải trì trai” thì giết thân mạng chúng sanh để sống cái miệng là tâm tốt hay không tâm tốt? Vả nữa, khi binh kiếp, giặc đến giết người cũng nên coi đó là tâm tốt. Ví như lúc người bị nó giết bèn sẽ cảm ơn hay oán hận vậy? Người vốn là Phật, chẳng chịu niệm đức Phật nào khác, sao lại chịu giết chúng sanh để ăn? Những chúng sanh ấy chẳng phải đều là cha mẹ quá khứ, chư Phật vị lai hay sao? Như vậy, tâm tánh của người vốn đã là Phật, nhưng hành vi của người vốn là chúng sanh, sao chưa đặc bảo là đặc, đem phàm xen lộn thánh, coi niệm đức Phật khác là nhục, coi sát sanh là vinh hiển như vậy?

Đạt-ma từ trời Tây qua, không lập văn tự là vì muốn cho con người chứng ngộ triệt để bản thể, chẳng chú trọng đọc tụng ngôn ngữ suông. Nếu khế nhập bốn thể thì văn tự chính là bản thể, chính là tướng giải thoát. Suốt ngày đọc tụng, y giáo tu hành, rốt cuộc chẳng có được tướng văn tự. Như các bậc đại lão Vĩnh Minh Diên Thọ, Thủ Sơn Niệm, Thê Hiên Thực, Dục Vương Vi v.v. đều suốt đời đọc tụng, há các ngài đều không biết ý chỉ “chẳng lập văn tự” hay sao? Chỉ do người hiểu lầm ý nghĩa “bất lập” là phế bỏ, bèn nói hết thầy kinh điển Tiểu, Đại thừa, vô lượng pháp môn do Như Lai đã nói đều là dùng lá vàng giả làm vàng để phỉnh phờ trẻ nhỏ. Nếu như vậy, Ca-diếp, A-nan, Mã Minh, Long Thọ, Vĩnh Minh, Thủ Sơn v.v. đều là những gã

chơi với lá vàng. Người đã cho là họ đều sai, vậy sao còn truyền thừa pháp của họ, bảo mình là Thiền tông. Nếu họ đúng thì “Thiền tông” của nhà người chẳng phải là Thiền tông của họ. Người chỉ mạo danh họ, là ác tặc phá hoại pháp của họ mà thôi!

Hơn nữa, người chấp trước vứt bỏ văn tự mới là “không lập văn tự” thì Lục tổ nói: “Chỉ một câu ‘chẳng lập’ ấy đã là văn tự, huống gì còn có tám chữ chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật!” Mười sáu chữ ấy của tổ Đạt-ma từ trời Tây qua là văn tự hay không phải là văn tự? Lại nữa, hết thấy đều không, không nhân, không quả, không tu, không chứng, một pháp chẳng lập gọi là chân giải thoát, thế sao lại lập phá trai, bán Phật? Sao chẳng chịu để cho các pháp nương vào ác, phế thiện, mê muội nhân quả, chiết phước tổn đức v.v. đều không? Thượng trí biết “không” càng tăng tấn đức, hạ ngu biết “không” bèn bỏ thiện. Ngàn trăm năm trước, Phật tổ sớm đã vì người phán định, ngăn ngừa.

Người gièm báng người khác chấp vào thiện pháp là “bỏ gốc theo ngọn, là không dây tự trói, là Tiểu thừa”, còn người chấp vào ác pháp, chẳng chịu vứt bỏ, đời này sẽ chịu phép nước, chết đi đọa mãi trong A-tỳ, ấy có phải là bỏ ngọn theo gốc, ấy có phải là trói mà không trói, ấy có phải là Đại thừa hay chẳng? Người nói: “Đại trượng phu Phật còn chẳng thể được, huống hồ có nhân quả tu chứng. Nếu lập một mảy trần thì không phải là Phật pháp, cho



nên Phật, nhân quả, tu chứng đều là mây trần, đều chẳng được lập”, nhưng ăn thịt, uống rượu, trộm cắp, hành dâm, há chẳng phải là mây trần đều lập được hay sao?

Lại hỏi: Cái tâm ăn thịt, uống rượu, trộm cắp, hành dâm là tâm Phật hay tâm chúng sanh? Nếu bảo là tâm Phật, há Phật giữ cái tâm ấy ư? Làm những chuyện ấy ư? Nếu bảo là tâm chúng sanh thì há có còn là vượt ngoài nhân quả, có còn chẳng phải là trần, có còn là Phật pháp nữa hay chẳng? Địa ngục vẫn là cảnh Phật, ngay nơi đây chính là Tây Phương thì khổ cũng chẳng chán, vui cũng chẳng cầu, không lấy, không bỏ, quên ghét, quên yêu, sao lại tham cầu danh lợi đời này, hư vọng mong chết đi để lại tiếng tốt? Xén trộm lời cổ nhân, thay đầu đổi mặt cho là ngữ lục của chính mình, chưa đắc bảo là đắc, chưa chứng bảo đã chứng, đem phàm xen lộn thánh, dối xưng tri thức, dạy nhiều nam nữ thiện tâm đọa hầm tà kiến, chôn mất huệ mạng, từ đây đọa mãi trong ác đạo, muốn thoát ra không có cách nào. Xét đến bốn nhân của gã ma con ấy chẳng qua là muốn được danh lợi hư phù, mong người khác gọi mình là bậc đại thiện tri thức mà thôi. Biết rõ hậu báo thì tình trạng đau đớn thê thảm dầu hết sạch trức⁹⁰ khó chép hết được nổi, chẳng đáng buồn sao?

Ông đã phát tâm niệm Phật, nên dựa theo những gì đã nói trong kinh luận Tịnh độ mà tu. Những lời gã ma

90 Thời cổ dùng thẻ tre làm giấy ghi chép, nên thường có thành ngữ “khánh trúc nan thư kỳ tội” (hết sạch trúc khó chép hết nổi tội).

con nói chỉ là ăn cắp từ lời lẽ của các tổ sư tông môn, do bản thân gã hiểu lầm ý nhà Thiền, nên gã nói gì cũng đều dường như là đúng nhưng thật ra là sai, thật sự trái nghịch đạo lý nhà Thiền, thật sự là kẻ oán của Phật pháp. Nếu bị hấn dụ, theo bè đảng hấn sẽ khó tránh khỏi vì tâm tốt mà chuốc lấy quả ác, trọn chẳng thể thân cận gã ma con ấy! Nên khẳng khẳng giữ lấy quy củ của liệt tổ Tịnh tông đã thành lập, trì trai niệm Phật, cải ác hướng thiện, biết nhân hiểu quả, vun phước trồng đức để mong đời này tiêu trừ nghiệp chướng, lâm chung chánh niệm vãng sanh mới hòng khỏi uổng một đời này, đích thân làm đệ tử Như Lai. Phải biết một pháp Thiền tông gọi là “*giáo ngoại biệt truyền*” (truyền riêng ngoài giáo), phàm những gì đề xướng đều là “ý tại ngôn ngoại”, ngàn lời vạn lẽ đều nhằm chỉ về “pháp thân lý thể” chẳng dính dáng gì đến nhân quả, tu chứng, phàm thánh, chúng sanh, Phật, để con người trước hết ngộ được thể này rồi mới bắt đầu tu nhân chứng quả, siêu phàm nhập thánh, tức là chúng sanh thành Phật đạo về mặt sự.

Thế nhưng những lời ứng với căn cơ gọi là “cơ phong”, hoặc gọi là “chuyển ngữ” ấy đều là muốn cho người ta tham thấu tự hiểu, nên không có nghĩa lý gì. Nếu hiểu được thì là may mắn lớn. Nếu không hiểu thì lấy câu nói ấy làm bốn mạng nguyên thân, quên ăn bỏ ngủ, suốt ngày thâu đêm như một người chống lại vạn người, chẳng dám có chút gián đoạn, phóng túng. Một năm chẳng ngộ bèn tham hai



năm, mười năm chẳng ngộ bèn tham hai mươi năm, một đời chẳng ngộ bèn đời đời tham. Nếu quả thật dốc trọn thâm tâm này mà tham cứu câu ấy, quyết chẳng có lẽ nào không ngộ! Ngộ rồi, bèn gọi là “ngộ đạo”, vẫn phải trải qua các cảnh duyên để rèn giũa tập khí, ngộ hầu phiền hoặc hết sạch mới gọi là chứng đạo. Gã ma con kia tưởng lầm là ngộ, ngộ của hắn xét về toàn thể là ngộ nhận, nói chi đến chứng, nhưng chẳng biết hổ thẹn, chẳng sợ nhân quả, đến nỗi vô lượng nam nữ tâm tốt bị gã dụ dỗ cùng đoạn thiện căn. Ông dốc lòng tin vào lời này sẽ chẳng bị gã đó hãm hại. Hãy nhớ lấy, nhớ lấy!

26. Thư trả lời anh em cư sĩ X... ở Vĩnh Gia

Giữa xuân vừa hết, đã sang tiết hè, quang âm vùn vụt, thật đáng kinh người. Thường nhớ hai vị tín tâm chân thành, khẩn thiết, pháp nhân chưa tỏ, nên đến nỗi bỏ chỗ cao minh chọn lấy chỗ tối tăm, hèn tẻ. Khác nào bỏ vị Phật sống trong nhà mà đi thờ pho tượng đất ngoài đồng, chẳng những tự đánh mất chánh kiến, mà còn để tiếng chê cười cho thiên hạ. Tuy Quang tôi tiến thoái lưỡng nan, thẹn thùng sâu xa, vẫn gởi thư để sau này quý vị có dịp sẽ tùy thời xem đến. Quang tôi mắt mờ, sức yếu, nếu không có chuyện gì bèn chẳng gằn gủi bút mực, ví như có chuyện phải đụng đến thì khác gì gom chữ, chồng giấy, nào có khả quan gì? Nhưng sợ cô phụ lòng mong mỏi, nay bèn đem những cơm thừa, canh cặn trước đây tạm gom thành một hai món, nếu chẳng hiểm chua hôi thì cũng có thể coi như

là thứ khác thường để nếm vị diệu tuyệt của tự tánh.

Bài Tịnh Độ Quyết Nghi Luận là do vào năm Dân Quốc thứ ba (1914), cư sĩ Địch Sở Thanh vì ông Đoàn Phủ trở về quê, số báo thứ mười ba không đủ bài nên mới bảo tôi viết một hai bài cho xôm tụ. Sau này, không người chủ trì bèn ngừng không xuất bản. Bài luận văn ấy tuy dở vụng, nhưng giúp đoạn nghi sanh tín không ít, phần giải thích về bài Tứ Liệu Giản của tổ Vĩnh Minh nên xem kỹ càng, nếu không tin tưởng như thế bèn thành hư văn. Đây là những điều Bất Huệ tôi đau lòng nhức óc phát huy trong mấy mươi năm, muôn vàn chớ vì người đời nay nói này nói nọ mà cô phụ tâm đại từ bi của tổ Vĩnh Minh. Bài luận “Lợi ích của việc trì kinh phải do tâm mà luận” là vì người đời nay thọ trì kinh điển trọn chẳng sanh khởi lòng kiên trì mà viết. Muốn được lợi ích thật sự nơi Phật pháp, phải cầu nơi kính sợ. Có thể dốc kiệt lòng thành, dốc cạn lòng kính thì dầu là quả đức rốt ráo còn có thể chứng được, huống chi những thứ kém hơn ư?

Các bài khác đều là tùy sự mà viết, đây chính là lấy đá nơi núi khác chế biến thành ngọc, chỉ xét đến phần lợi ích, đừng so sánh về hình tích, vậy sẽ được lợi ích. Nếu đem sánh với trước tác của cổ đức ắt phải đem đốt ngay không chân chừ, huống hồ còn có thể để lọt vào mắt được ư?

Sách Giản Ma Biện Dị Lục văn lý cao sâu, Thiền Giáo dung quán, soạn từ mùa hạ năm Ung Chánh thứ mười một



(1733) đến năm mười ba (1735) mới xong, chưa kịp khắc in, xe rồng đã lên làm khách cõi trời. Đến sau này lúc in, do nguyên bản dùng nhiều chữ thảo để thay thế⁹¹, kẻ chép lại không xem xét kỹ bèn thay nhiều chữ thảo bằng chữ đủ nét, [nhưng không xét đến văn cảnh] nên khiến tác phẩm bị sai ngoa nhiều không kể xiết. Giả sử Thanh Thế Tông (Ung Chánh) còn sống, chắc chắn chẳng đến nỗi như thế. Mùa xuân năm nay, tôi giáo chánh tường tận hai lượt, mong hoàn lại bản lai diện mục của sách, đợi sau này đầy đủ nhân duyên, ngõ hầu chẳng phụ Thế Tông một phen dốc cạn tâm ý.

Hòa thượng Thiện Đạo là Di-đà hóa thân, có đại thân thông, có đại trí tuệ, xiển dương Tịnh độ rộng rãi, không chuộng huyền diệu, chỉ trọng chỗ chân thật, thiết thực, bình phàm, thực tiễn dạy người tu trì. Lời dạy của ngài về hai cách chuyên tu và tạp tu lợi ích vô cùng.

1) Chuyên tu nghĩa là thân nghiệp chuyên lễ (phàm những khi đi nhiều và hết thầy những khi thân chẳng buông lung thì chính là thân nghiệp chuyên lễ), khẩu nghiệp chuyên xưng (phàm tụng kinh chú, có thể chí tâm hồi hướng thì cũng có thể gọi là chuyên xưng), ý nghiệp chuyên niệm. Như thế thì vãng sanh Tây Phương vạn người chẳng sót một.

91 Ý nói trong nguyên bản có nhiều chỗ dùng lối chữ thảo để viết tắt, hoặc dùng chữ đồng âm để viết cho gọn (tức là lối giả tá). Khi người ta sao lại để in không xét kỹ ngữ cảnh, cứ thay bằng chữ đủ nét tương ứng nhưng không phù hợp ngữ cảnh làm cho sai lạc ý nghĩa.

2) Tập tu là kiêm tu các pháp môn, hồi hướng vãng sanh. Do tâm chẳng thuần nhất khó được lợi ích, trong trăm người khó được một, hai; trong ngàn kẻ hiếm được ba bốn người vãng sanh.

Đây là lời thành thật từ kim khẩu, là lời phán định đanh thép ngàn đời chẳng đổi được. Hai vị nên dùng lời này để tự lợi, lại nên dùng lời này để lợi khắp hết thảy. Còn như pháp trì chú chỉ có thể dùng làm trợ hạnh, chẳng được coi pháp niệm Phật là hạnh tu kèm, coi trì chú là chánh hạnh. Tuy pháp môn trì chú cũng chẳng thể nghĩ bàn, nhưng phạm phu vãng sanh hoàn toàn do tín nguyện chân thành khẩn thiết, cảm ứng đạo giao với hoằng thệ đại nguyện của Phật A-di-đà, nên được tiếp dẫn. Nếu chẳng biết ý này, thì pháp nào, hạnh nào cũng đều chẳng thể nghĩ bàn, tùy ý tu pháp nào cũng đều thấy là pháp nào cũng được, bèn thành “không Thiền không Tịnh độ, giường sắt và cột đồng, vạn kiếp lặn ngàn đời, không một ai nương tựa”.

Nếu tự biết mình là phạm phu đầy dẫy phiền não, nghiệp lực đầy thân, không dựa vào hoằng thệ nguyện lực của Như Lai, quyết khó thể trong đời này thoát khỏi luân hồi, mới biết lực dụng của giáo pháp cả một đời đức Phật đều chẳng thể sánh với một pháp Tịnh độ. Trì chú, tụng kinh để trồng phước tuệ, tiêu tội nghiệp thì được. Nếu sanh tâm lamm lạc, muốn cầu thần thông thì có thể nói là bỏ gốc theo ngọn, chẳng khéo dụng tâm. Nếu tâm ấy cố kết, lại còn chẳng thông mặt lý, giới lực không vững, tâm



Bồ-đề chẳng sanh, tâm ta người càng thịnh, ắt sẽ có ngày bị ma dựa phát cuồng. Phàm muốn đắc thần thông, trước hết phải đắc đạo, hễ đắc đạo sẽ tự có thần thông. Nếu chẳng dốc sức nơi đạo, chỉ cầu thần thông, đừng nói chi thần thông chẳng đắc, dầu có đắc cũng trở thành chướng đạo. Vì thế, chư Phật, chư tổ đều nghiêm cấm chẳng cho người tu học vậy. Do trong đời thường có hạng người kiến giải như vậy nên phải thuật tỉ mỉ nhiều lượt.

Lệnh thân⁹² của hai vị còn tại thế, hãy nên đem pháp môn Tịnh độ, sự tích, cảm ứng thường giảng giải cho họ, ngõ hầu họ sanh tâm hoan hỷ, tin nhận, phụng hành. Nếu chẳng coi đó là hiếu, dầu có thực hiện trọn những điều thế gian gọi là hiếu thì rốt cuộc có lợi ích gì cho cha mẹ đâu? Đại Vũ là bậc đại thánh nhân chẳng cứu nổi hồn ông Cồn hóa thành con hoàng nãi⁹³ chui vào vực Vũ Uyên. Thấy điều đó chẳng đáng kinh sợ ư? Nếu đã tỉnh ngộ, hãy cầu sao dẫn dắt được thần thức của cha mẹ cao dự hải hội, thân cận Di-đà, hòng chứng được vô lượng quang thọ sẵn có nơi tự tâm.

Cư sĩ Chí Liên tuy siêng khổ hạnh, chỉ e tông chỉ Tịnh độ còn chưa biết, rất có thể lòng bà ta sẽ cầu chuyển được thân nữ, hoặc cầu sanh vào chốn an vui trong cõi trời người, chẳng thể triệt để buông xuống, đến nỗi đánh

92 Lệnh thân: tiếng tôn xưng cha mẹ của người khác.

93 Chữ Hán ghi là hoàng năng (黃能), tổ Ấn Quang chú thích: “*Âm nãi, bình thanh, tức tam túc miết*” (đọc là nãi, đọc thanh ngang, chính là con ba ba có ba chân). Ông Cồn là bố vua Đại Vũ.

mất vô biên lợi ích nơi những chuyện vui nhỏ nhặt của thế gian. Cũng nên thường giảng nói cho bà ta biết khiến chí hướng được quyết định. Phàm khuyên một người sanh Tịnh độ chính là thành tựu cho một chúng sanh làm Phật, phàm thành Phật ắt độ vô lượng chúng sanh, công ấy do ta khởi đầu, công đức lợi ích há thể nghĩ bàn được ư?

Lại nữa, tự mình đã tu Tịnh độ, phải nên đem pháp môn này khuyên khắp hết thầy, hướng hồ với thê thiếp, con cái há chẳng nên khuyên phát tâm khiến họ bị mất lợi ích lớn lao hay sao? Nếu họ do thiên tánh thân cận pháp này thì còn gì thiện bằng, nếu họ hơi trái nghịch cũng sẽ dần dần tiêm nhiễm, ắt sẽ từ xa thành gần. Đây mới là yêu thương sâu xa, mới là lòng từ rộng lớn. Bỏ đi điều này mà bảo là từ ái thì chỉ là hữu danh vô thực mà thôi!

Nói suông chẳng đủ để thuyết phục, tạm chép một hai điều để hai vị thấy đại lược, muốn xem tường tận hãy đọc Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Lạc Bang Văn Loại⁹⁴ v.v. ắt sẽ có căn cứ để bắt chước theo, không còn hoài nghi được nữa. Một bộ Pháp Uyển Châu Lâm⁹⁵

94 Lạc Bang Văn Loại: Tác phẩm này gồm năm quyển, do ngài Tông Hiếu (1151-1214) soạn vào đời Nam Tống, hoàn thành vào năm Khánh Nguyên thứ sáu (1200). Nội dung bao gồm các đoạn văn trọng yếu trong các kinh luận liên quan đến Tịnh độ, cũng như liệt kê tên các trước thuật, thi kệ, truyện ký của chư tổ sư, phân thành mười bốn môn (để mục), chia thành hơn 220 thiên. Về sau, ngài Tông Hiếu soạn thêm cuốn Tục Biên Lạc Bang Di Cảo để bổ sung.

95 Pháp Uyển Châu Lâm tổng cộng gồm 100 quyển do ngài Đạo Thế (?-683) soạn vào năm đầu niên hiệu Tống Chương đời Đường (668). Đây là một loại bách khoa toàn thư vô cùng quý giá về các kinh luận Phật giáo. Ngài Đạo Thế đã dựa theo bộ Đại Đường Nội Điển Mục Lục và Tục Cao Tăng Truyện của anh mình là Đạo Tuyền để biên soạn. Tác



thuật rõ nhân quả, lý sự đều cao, có thể đối trị cố tật mù quáng bài bác nhân quả, phóng túng, không e dè gần đây. Phàm ai có tín tâm đọc sách nên thường khuyên họ đọc sách ấy, chẳng những hữu ích cho thân tâm tánh mạng, lại còn thật sự có ích cho chuyện cách vật trí trí⁹⁶, văn chương, học vấn. An Sĩ Toàn Thư cũng có tác dụng tương tự, kẻ văn nhân đều chẳng thể không biết. Nỗi khổ Sa-bà nói chẳng thể hết, dầu nhằm thời thanh bình vẫn thường ngày khổ não, do chúng sanh tiếp xúc lâu ngày thành quen nên chẳng tự biết.

Gần đây, Trung Quốc trải mấy lượt binh biến, đúng là khổ chẳng thể nói. Nhưng các nước bên Âu Tây đại chiến ba năm, người chết gần ngàn vạn, mở đầu cuộc binh kiếp lần thứ nhất, nhưng tình hình chiến tranh vẫn còn dữ dội, chẳng biết rốt cuộc thế nào? Lặng im suy nghĩ, quả thật đáng sợ hãi, bên kia họ đang tận lực tìm cách tàn diệt nước khác. Ác báo do ác nghiệp của chúng sanh trong quá khứ chiêu cảm cũng chưa lúc nào đến nỗi cực độ như thế. Nay nghe lời này, hãy nên phát phần đại tâm, mau cầu vãng sanh. Sau đấy trở vào Sa-bà, phổ độ hết thảy. Kinh dạy: “Bồ-tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả.” Bồ-tát sợ chuốc lấy quả ác nên đoạn nhân ác, nhân ác đã đoạn thì quả ác

phẩm này gồm một trăm thiên, chia thành 668 tiểu loại, trình bày đại lược tư tưởng, thuật ngữ, pháp số vv. của Phật giáo. Sách dẫn rộng các kinh, luật, luận, ký, truyện (hơn cả bốn trăm thứ). Rất nhiều tác phẩm được Pháp Uyển Châu Lâm nhắc đến nay đã bị thất lạc.

96 Cách vật trí trí: Theo cách hiểu thông thường của Tống Nho, cách vật trí trí nghĩa là học hỏi nghiên cứu sự vật để hiểu biết thấu đáo. Tổ Ấn Quang giảng câu này phải hiểu là “cách trừ vật dục” (tức trừ khử lòng ham muốn) mới thấu đáo được đạo.

không sanh từ đâu được. Chúng sanh đua nhau gây nhân ác, đến nỗi thọ quả ác. Khi hứng chịu quả ác, chẳng biết tự sám hối nghiệp cũ, lại gây tạo pháp ác nghiệp để đối trị nên oan oan tương báo bao kiếp chẳng ngơi. Chẳng đáng buồn ư? Chẳng đáng sợ sao? Biết rồi mà chẳng cầu sanh Tịnh độ thì chẳng phải là người nữa!

27. Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ nhất)

Nhìn chung, ông chọn lựa học vấn trong 20 năm, trải đủ nạn hiểm rồi mới có thể từ Nho học Phật, từ tục tu chân, bỏ tự lực, chuyên đề cao Tịnh độ. Có thể nói là “tam sanh hữu hạnh”, đồng về một đạo vậy. May mắn lắm! An ủi lắm! Phàm con người trong đời trước quả thật đã trồng thiện căn thì đừng nói là vì học cầu đạo nên có thể tạo thành cơ sở tốt đẹp cho đại sự xuất thế, mà ngay cả phiền não hoặc nghiệp tham sân si, tật bệnh dây dưa, đủ mọi ác báo vẫn đều có thể tạo thành nhân duyên xuất sanh tử nhập Phật pháp, tùy thuộc người ấy có thể tự tỉnh ngộ hay không.

Không thể tự phản tỉnh thì đừng nói chi kẻ tầm thường bị cái học thế gian câu thúc, ngay cả Hối Am, Dương Minh, Tĩnh Tiết, Phóng Ông v.v. tuy học vấn, tu dưỡng, kiến giải thấy đều kỳ đặc, trác tuyệt, nhưng rốt cuộc cũng chẳng thể triệt ngộ tự tâm, liễu thoát sanh tử. Học vấn, tu dưỡng, kiến giải của họ có thể dùng làm cơ sở cho vô thượng diệu đạo, nhưng họ không biết tự phản tỉnh, rốt cuộc thành chướng ngại cho việc nhập đạo. Đủ



biết nhập đạo khó khăn, đúng là khó hơn lên trời vậy!

Những câu như “chớ chấp trước” về lý thì đúng, nhưng về sự lại chẳng phải là chuyện hàng phàm phu sát đất có thể làm được. Suốt ngày mặc áo, ăn cơm, bèn nói khơi khơi chẳng chấp đói lạnh, bảo với kẻ bụng rỗng, suốt ngày chẳng được chén nước hạt cơm, sắp chết đói rằng: “Ta xem gan rỗng, tùy phượng giống như vật nhơ, nghĩ đến muốn ói, hưởng gì nuốt xuống được!” Cùng là một loại nói suông như vậy thôi. Hiện thời người không rõ giáo lý, ngay những kẻ tham thiền thường đa phần mắc bệnh giải thoát suông này. Còn như khi tịnh tọa lắng lòng, không cảnh hiện tiền, bất quá là do ngưng lặng khuất phục vọng tưởng nên ngẫu nhiên huyền cảnh phát hiện. Nếu tưởng lầm đó là dấu hiệu [chứng tỏ mình chứng ngộ] rồi sanh hoan hỷ lớn ắt sẽ mất trí thành cuồng, Phật cũng khó lòng trị được. Nếu may mắn quan sát kỹ, không chấp trước, vứt bỏ huyền vọng, chợt quán thông các pháp môn, có thể nói là: “Đi trong gai góc đã lâu, chợt đến chỗ quang đăng.”

Con người đời mạt căn tánh hèn kém, tri thức hiếm hoi, nếu chẳng cậy vào Phật từ lực, chuyên tu tịnh nghiệp, chỉ cậy vào tự lực, tham khẩu Thiền tông, thì những người đạt được minh tâm kiến tánh, đoạn hoặc chứng chân, hiếm có một ai; kẻ tưởng huyền là chân, coi mê là ngộ, ma dựa phát cuồng, thật nhiều vô kể. Do vậy, các vị Vĩnh Minh, Liên Trì v.v. quán xét căn cơ đương thời, cực lực chủ trương pháp môn Tịnh độ. Nếu như sánh ví thì đây chính là lý luận

xác đáng ngàn phần đúng, vạn phần đúng trong hiện tại. Hưng điều lợi, trừ thói tệ, ắt phải xét đến kết quả tốt ráo trong tương lai thì mới hợp thời. Nếu không lại noi theo vết xe đổ: chặt bỏ đầu chân hòng để trị bệnh nơi đầu và chân, há chẳng khiến người khác đau buồn ứa lệ, thở than dài ư? Còn đối với câu hỏi lời đáp về chuyện tín tâm chân thành, khẩn thiết, hạnh nguyện chuyên nhất, xét về lý tuy đích xác, nhưng chưa thể khai phát tín tâm cho người, trình bày chủ kiến của chính mình, nay tôi xin đáp thay rằng:

- Tôi đã nghiên cứu khắp giáo lý, xem khắp các thánh, nên mới được như thế, há nào phải là nghiên cứu, thân cận tâm thường ư? Vì sao nói thế? Pháp môn Tịnh độ do Thích-ca và Di-đà kiến lập, do Văn-thù, Phổ Hiền chỉ bày, hướng dẫn về, do Mã Minh, Long Thọ hoằng dương, do các vị Khuông Lô⁹⁷, Thiên Thai, Thanh Lương, Vĩnh Minh, Liên Trì, Ngẫu Ích phát huy, đề xướng, hướng dẫn hòng khuyên khắp dù thánh hay phàm, dù ngu hay trí. Các vị Bồ-tát Đại sĩ ấy từ ngàn trăm năm trước, sớm đã vì tôi nghiên cứu khắp tạng giáo, đặc biệt chọn ra diệu pháp “chẳng đoạn hoặc nghiệp mà được dự vào Bồ xứ, ngay trong một đời này quyết định sổ lồng” chí viên, chí đốn, hết sức giản dị, thống nhiếp Thiền, Giáo, Luật, vượt trội Thiền, Giáo, Luật, vừa cạn vừa sâu, vừa quyền vừa thật, đặc biệt, siêu việt thiên nhiên này. Tôi tin tưởng Phật, tổ, lấy cổ đức làm thầy, há chẳng bằng thân cận thiện tri thức đời

97 Khuông Lô: Chỉ sơ tổ Tịnh tông, tức ngài Huệ Viễn. Ngài dựng Liên xã nơi núi Khuông Lô. Chữ Lô còn đọc là Lư, nên có sách viết là Khuông Lư.



nay hay sao? Kinh Hoa Nghiêm là vua trong tam tạng, cuối cùng quy trọng nguyên vương. Hoa Tạng hải chúng đều chứng pháp thân, đều cầu vãng sanh hồng viên thành Phật quả. Tôi là hạng người nào dám chẳng tuân theo? Hãy bỏ cái tâm cuồng ấy, tận lực hành theo đạo ấy, công đức lợi ích sẽ tự chứng biết, nào phải đợi đến khi tham học rộng khắp mới là biết pháp ư!

28. Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ hai)

Sách Di-đà Trung Luận, dù kinh hay luận đều có công với tịnh nghiệp hành nhân, mà cũng là đầu mối để người đời sau bài bác cổ nhân xằng bậy, lỗi ấy thật chẳng phải cạn cợt. Như sách ấy viết: Hãy nên chọn lấy pháp bế quan chuyên tu, hoặc kể từ khi ngài Khuông Lô sáng lập Liên tông đến nay, không ai hiểu nghĩa lý kinh, tự chứng tam-muội, chỉ một mình đại sư Tịnh Nhất. Đây là lời bàn luận thiên kiến, hạn hẹp, khinh miệt cổ đức thậm tệ, mở ra đầu mối ngã mạn, mưu toan ngang hàng với bậc thông triết, há chẳng phải là vì báng pháp, báng tăng nên mới lập ra thuyết ấy, thật ra là muốn phô mình tự được chân truyền của bậc thánh sư, đúng là công thần bậc nhất của Tịnh tông mà thôi. Còn như tác giả chỉ trích các vị Tử Các, Văn Thê, Ngẫu Ích v.v. thì càng lộ rõ sự ít thấy ít nghe, chẳng thông đạt các pháp môn quyền - thật của Như Lai, muốn lấy căn cơ của mỗi một mình ông ta làm chuẩn.

Như cổ đức nói: “Một mắt lưới bắt được chim, chẳng

thể nói mắt lưới ấy chính là toàn thể cái lưới. Một người có công trị quốc, chẳng thể coi một người là cả đất nước.” Ông Vương Canh Tâm quyết muốn coi một mắt lưới là cái lưới, coi một người là đất nước, nên lập ra luận ấy, khá là kiêu căng. Vẫn là tuổi trẻ bụng rộng tâm cao, nhưng chớ nên giữ thái độ ngông cuồng ấy suốt đời. Ông ta khoe mình bề quan hai kỳ, cũng có sở chứng, thật khó tin tưởng! Vì sao nói thế? Người chứng tam-muội chẳng lập ra nghị luận biện bác như thế, chỉ tâm bình khí hòa, chỉ đề cao lý. Nếu cuốn luận của ông ta có nhiều chỗ hợm mình chê người, ấy chính là lời lẽ của kẻ biện bác “kiên bạch đồng dị”⁹⁸, không phải là bộ luận khế lý, khế cơ quyết định. Dầu có công đi nữa, tôi chẳng dám hướng về người khác tán thán, bảo họ thọ trì, lưu thông.

Lưu thông Phật pháp thật chẳng phải chuyện dễ, phiên dịch kinh luận chẳng phải là chuyện chơi. Do vậy, trong dịch trường phải có vị chủ dịch, vị dịch ngữ, vị chứng nghĩa, nhuận văn, nào dám tùy tiện tự tâm cắt xén, truyền

98 Công Tôn Long (320-250 trước Công nguyên), người nước Triệu, tân khách của Bình Nguyên Quân, chủ trương thuyết hình danh (mọi sự vật tồn tại chỉ do cái tên), mang nặng tính nguy biện. Tác phẩm đặc trưng của ông ta là Kiên Bạch Luận và Danh Thật Luận. Luận điểm chủ yếu của ông ta là: “Ngựa trắng không phải là ngựa. Vì trắng là màu sắc, ngựa là hình trạng. Ngựa và trắng chỉ là hai khái niệm độc lập không ăn nhập gì với nhau.” Luận điểm thứ hai là “kiên bạch thạch tam”: “Kiên (cứng) là tánh, bạch là màu, thạch (đá) là hình, ba tướng này cũng là ba khái niệm tách rời nhau, không liên quan gì với nhau, không thể nhận biết đồng thời được.” Từ đó, Công Tôn Long quan niệm vật chất không tồn tại, chỉ thừa nhận quan niệm tinh thần tồn tại, không có sự vật cụ thể. Vì thế, người ta thường dùng từ ngữ “kiên bạch đồng dị” để chỉ luận thuyết của Công Tôn Long. Ở đây, tổ dùng từ ngữ này hàm ý những luận thuyết của Vương Canh Tâm đều là nguy biện, biện luận hàm hồ.



bá kinh Phật. Bản kinh Đại Di-đà⁹⁹ của ông Vương Long Thư từ triều Tống đến cuối đời Minh được nhiều người thọ trì, do ngài Vân Thê chê có những chỗ không hợp lý thích đáng nên từ đó về sau dần dần ẩn mất. Ông Ngụy Thừa Quán học thức không bằng Vương Long Thư, tự cho mình hơn hẳn Long Thư, noi theo dấu vết của người khác mà ra công nên dễ đắc lực, phải đâu Thừa Quán vượt trội Long Thư? Tổ Liên Trì còn không lưu thông bản của họ Vương, bọn ta dám đâu lưu truyền bản của họ Ngụy, bởi lẽ sẽ tạo đầu mối cho hậu nhân lầm lạc sửa đổi kinh Phật và tạo thành nạn bài xích Phật, chê: “Kinh Phật toàn do người đời sau biên soạn, chứ chẳng phải từ ban đầu kinh quả thật được dịch từ nước Phật ra!”

Nhưng nếu bậc chân tu thượng sĩ xem đến kinh¹⁰⁰ ấy, luận ấy ắt có lợi ích lớn, chỉ chọn lấy những gì ích lợi mà chẳng bị nhiễm những điều tệ. Nếu kẻ hạ căn xem đến, chẳng được ích lợi gì, trước hết còn bị tổn hại, bắt chước thói tệ sửa kinh, chê cổ đức, chẳng học đòi hạnh thẳng chóng, chuyên tinh. Quán sát căn cơ mà dạy cho thích hợp, đối chứng bệnh mà phát thuốc. Dạy chẳng khế hợp căn cơ, cho thuốc chẳng đúng bệnh vậy. Dám vì một hai điều chấp nhận được bèn cho lưu thông rộng khắp hầu

99 Kinh Đại A-di-đà là bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ của ông Vương Nhật Hư đời Tống, bản này được hội tập từ bốn bản nguyên dịch. Ông Vương có hiệu là Long Thư.

100 Kinh ở đây chỉ bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ của ông Ngụy Thừa Quán được ông Vương Canh Tâm nhuận sắc, phân đoạn. Di-đà Trung Luận là bộ luận do Vương Canh Tâm soạn nhằm giải thích kinh A-di-đà.

tạo tội khiến cho kẻ hạ căn ư? Bộ Thích Quán Nghi Luận, Quang tôi trước kia chưa từng thỉnh được, cũng đã từng được xem qua một lần. Do mục lực chẳng đủ, đành chịu lỗi chẳng thể đọc nhiều lượt.

Nếu luận về sách phù hợp căn cơ hay nhất thì nên lấy Tịnh Độ Thập Yếu làm đầu, sách Di-đà Yếu Giải là lời chú giải tinh diệu nhất của ngài Ngẫu Ích, trong những bản chú giải kể từ khi đức Phật nói ra kinh này đến nay, nên tôn sách này là bậc nhất. Dầu cho cổ Phật tái xuất trong đời, hiện tướng lưỡi rộng dài, chú giải lại kinh này, cũng chẳng thể hay hơn được nữa! Huống hồ kẻ hậu sinh nghe hiểu nông cạn, lại toan chê trách, mong trời vượt hơn ư? Đem lửa đom đóm sánh với mặt trời, thật chẳng biết lượng sức. Tiếc cho họ Vương sao lại khổ sở như thế! Chú Am hỏi đến sách nào đều đọc được, đây chính là tha tâm thông, tôi muốn trình bày rõ ý chỉ ấy nhưng cần phải tu bổ lâu tàng kinh nên không rảnh, đành đợi khi khác.

29. Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ ba)

Để hiểu kinh A-di-đà nên dựa theo sách Yếu Giải của ngài Ngẫu Ích, những lời giải thích trong sách Di-đà Trung Luận phần nhiều là ý kiến tùy tiện của chính tác giả, trái nghịch ý chỉ kinh, không thể tin cậy được. Phật vì chúng sanh trong chín pháp giới thuyết pháp, há có nên vì trí lực của mình chẳng thấu tới bèn đoán quyết chẳng có lý ấy hay chăng? Lời giải thích về đoạn kinh “từ một ngày đến



bảy ngày” chứng tỏ tác giả đã đem chính mình so lường chín pháp giới. Nếu nói như vậy, không riêng gì bộ kinh Di-đà chẳng thể thống nhiếp mọi căn cơ, mà ngay cả toàn bộ những đàm luận nhiệm mầu viên đốn trong giáo điển cả một đời đức Phật cũng sẽ do trí của chính mình không hiểu thấu mà trở thành vọng ngữ. Báng Phật, báng pháp, báng tăng, tội chẳng thể dung. Dầu sách ấy cũng có chỗ cảnh tỉnh, khai phát hạ căn, nhưng làm tổn hại đại thể. Do vậy, Quang tôi chẳng dám khuyên người khác thọ trì.

Pháp môn Tịnh độ khác nào biển cả; sông to, rạch lớn đều đổ vào biển, chén nước, giọt nước cũng đổ vào. Bạc chứng ngang với chư Phật còn cầu vãng sanh, kẻ ngu nghịch thập ác cũng dự vào phẩm cuối. Há có nên đem chuyện đặc nhất tâm và tam-muội để cự tuyệt người chưa đắc? Chỉ nên học theo như trên, hòng được như vậy, tự mình quyết chí cầu sanh, hãy chỉ nên mong mỏi được như thế. Nếu nói không nhất tâm và đắc tam-muội quyết định chẳng được vãng sanh thì chính là tự lập luận thuyết, chẳng nương theo lời Phật nói. Ba kinh Tịnh độ lưu thông từ xưa cùng với phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện là bốn kinh, há nên nói là chẳng đáng tôn làm khuôn phép ư?

Nay người tu tịnh nghiệp, đa số chẳng biết tông chỉ, chỉ dựa theo sự tướng. Nói dễ dãi thì cũng có thể gọi là hành nhân Tịnh tông, nhưng nếu nói nghiêm khắc, thật ra trong trăm người có đến chín mươi lăm người đều thuộc loại “không Thiền, không Tịnh độ”. Há có thể lấy những

người như vậy làm chuẩn được sao? Do tiểu bốn (kinh A-di-đà) văn giản dị, nghĩa phong phú, nên được dùng làm kinh nhật tụng, còn những kinh kia thì tùy mỗi người thọ trì khác biệt. Những gì được nói trong sách Di-đà Trung Luận, cố nhiên có nhiều điều hữu ích, nhưng những điều gây trở ngại lại cũng chẳng ít. Nếu không có mắt trí tuệ chọn lựa pháp, chỉ e chẳng được lợi ích gì, lại còn bị tổn hại hết cả, như những lời sách ấy giải thích về một ngày đến bảy ngày, thập niệm chẳng độ v.v..

Thọ trì đọc tụng từ đầu đến cuối là chánh hạnh của nhà Phật, dầu là kẻ chuyên chú tham cứu trong Thiền tông cũng phải thọ trì như thế, như các vị Dược Sơn, Ngưỡng Sơn, Vĩnh Minh, Thủ Sơn, Thê Hiền Thực, Dục Vương Vi v.v.. Chỉ khẳng khẳng đề cao hướng thượng thì tự hồ có bài bác việc thọ trì, chẳng biết đề cao hướng thượng thì khắp thế gian, pháp gì, chuyện gì cũng đều quy về bốn phần. Còn những kẻ chưa đắc môn ấy, chỉ hiểu nghĩa lý trên mặt văn tự rồi từ đó tham thiền, đa phần miệt thị kinh giáo. Bọn họ tuy tự xưng là thiền nhân, nhưng thật ra là tội nhân của pháp môn, là nghịch tử của Như Lai, sao đáng nói đến? Khuyến nên thọ trì đọc tụng thì các kinh không kinh nào chẳng dạy như thế, há nào phải chỉ mình Kim Cang hạnh nguyện?

Kinh Hoa Nghiêm là vua trong tam tạng, cuối cùng quy trọng nguyện vương, nhưng coi trọng Hoa Nghiêm chẳng được coi thường các kinh khác, vì các kinh Đại thừa



đều lấy thật tướng làm thể của kinh. Kinh Hoa Nghiêm lớn lao vì là đại pháp vượt ngoài pháp giới bàn thẳng vào chuyện xứng tánh, chẳng gồm Nhị thừa. Pháp Hoa hay khéo ở chỗ gom ba thừa về Nhất thừa, khai quyền hiển thật, khai tích hiển bốn¹⁰¹. Vì thế tông Thiên Thai bảo kinh Pháp Hoa “thuần viên độc diệu”, bởi lẽ Hoa Nghiêm vẫn còn nói kiem về Quyền giáo (tức là kinh Hoa Nghiêm còn nói đến những địa vị Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, những địa vị ấy thuộc về Quyền giáo). Nhưng đối với kinh Pháp Hoa, Phật khen ngợi Pháp Hoa là vua trong các kinh; với Hoa Nghiêm cũng thế. Sau này, những người hoằng truyền kinh trong thế gian quyết định trong năm bộ phận lớn¹⁰², chia ra kinh này cao, kinh kia thấp, chẳng phải là kinh nào cũng riêng được khen ngợi ư? Người tu thiên ca ngợi Thiên tông, người tu Tịnh độ ca ngợi Tịnh độ. Nếu không như thế sẽ chẳng thể khiến cho con người sanh chánh tín, phát khởi lòng ngưỡng mộ. Phải khéo hiểu ý nghĩa, chớ để văn từ hại ý. Mạnh tử ca ngợi Khổng tử là vị thánh chưa từng có trong trăm họ, nhưng Khổng tử thấy vua Nghiêu trong canh, thấy vua Thuấn nơi tường, thấy Chu công trong mộng, lòng bắt chước, ngưỡng mộ ba vị thánh ấy sao mà chí thành đến mức cùng cực như thế!

101 Khai quyền hiển thật, khai tích hiển bốn: Chỉ rõ pháp nào là quyền (tạm thời, phương tiện), pháp nào là thật, tức pháp Nhất thừa. Tích là những gì do pháp thân hóa hiện nhằm thích ứng căn cơ, bốn là pháp thân. Bốn còn có nghĩa là địa vị thật sự chứng đắc của một vị Pháp thân đại sĩ, còn tích là những gì các ngài thị hiện nhằm giáo hóa chúng sanh.

102 Tông Thiên Thai chia toàn bộ kinh điển nhà Phật thành năm bộ phận lớn (ngũ thời) là Hoa Nghiêm, A-hàm, Phương Đẳng, Bát-nhã, và Pháp Hoa - Niết-bàn.

Người niệm Phật chỉ cần chân thật, khẩn thiết niệm Phật sẽ tự có thể cậy vào Phật từ lực, tránh khỏi đao binh, nước lửa. Nếu có gặp thì là do túc nghiệp kéo lôi cũng như vì được chuyển tội nặng trong địa ngục thành báo nhẹ trong đời này nên mới gặp phải những nạn ấy. Nhưng do thường ngày có lòng tin chân thành, nguyện khẩn thiết, chắc chắn lúc ấy sẽ được Phật tiếp dẫn. Nếu đã chứng tam-muội trong hiện tại, cố nhiên đã dự vào dòng thánh, tự thân như huyễn, đao binh, nước lửa đều chẳng gây trở ngại được. Dẫu hiện thời gặp nạn, thật ra không khổ, trong thế giới mệnh mông được mấy ai như thế?

Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện nghĩa lý rộng mệnh mông, văn tự vi diệu, tụng phẩm này sẽ khiến cho những chấp trước “ta, người, chúng sanh” của người tụng trở nên không còn nữa, thiện căn vãng sanh Tịnh độ ngày càng tăng trưởng. Lẽ ra phải nên tự hành, dạy người, nhưng chớ nên vì không trì kinh này, tu ngay Tịnh độ, [mà cho rằng người như vậy] cũng thuộc hạng bạc phước, kém cỏi. Các vị Liên Trì, Ngẫu Ích cũng đều cực lực hoằng dương kinh này, trong Di-đà Yếu Giải có câu: “Trong giáo pháp suốt cả một đời của Như Lai, chỉ có mình kinh Hoa Nghiêm luận về sự viên mãn ngay trong một đời, nhưng cái nhân để được viên mãn trong một đời thì đến cuối cùng Phổ Hiền Bồ-tát dùng mười nguyện vương dẫn về Cực Lạc, khuyến khích Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng. Ôi, phẩm tánh của kinh Hoa Nghiêm đã được đặt trọn trong kinh này, nhưng



thiên hạ xưa nay tin ít ngờ nhiều, viết càng lắm, nghĩa càng hao, tôi chỉ còn có cách mổ tim vậy máu mà thôi.”

Do vậy, ngài Vô Ấn nói kinh Hoa Nghiêm chính là quang bốn (bản kinh giảng chi tiết) của kinh Di-đà, Di-đà chính là lược bốn của Hoa Nghiêm. Ngẫm lời hai vị đại sư liền biết: Nếu xem kinh mà không có con mắt viên dung sẽ cô phụ Phật ân nhiều lắm! Những gì Bát Huệ vụng về viết ra, tuy nghĩa lý có chỗ đáng dùng được, thật chẳng đáng coi là tác phẩm kiệt xuất thiên cổ, chẳng phải là thứ văn chương thường được khen ngợi cả một đời, chớ nên đem phàm xen lộn thánh, xem miếng gỗ một tác trội hơn lâu cao.

Trong thư trước, ông nói sẽ qua Dương Châu, xin cứ tùy hỷ, tôi chưa từng đến đó. Lại nghĩ ông trên có mẹ già, trong nhà vợ yếu con thơ, lẽ ra nên tu trì tại gia, chớ nên rong ruổi bên ngoài, chủ nhân có mặt ắt những chuyện bất ngờ bên ngoài tự nhiên chẳng khởi. Nếu ra ngoài lâu ngày không về, chẳng những hiếu giáo¹⁰³ bị khuyết, chỉ e tiểu nhân thừa dịp, trộm cướp, nước lửa đều nên đề phòng. Chẳng những không nên đi Dương Châu, ngay cả Phổ Đà cũng không nên tới. Nếu muốn chuyện trò, giải bày, đã có bưu cục thay mình thông báo. Đôi bên đã thấu tình nhau, tốn kém quả thật chẳng mấy, sao không tính cho đôi bề vện lẽ vậy? Mong từ đây về sau đừng đánh điện tín, nếu có chuyện gì cần trình bày, hãy đợi ba tháng rưỡi sau hãy gởi.

103 Hiếu giáo: hiếu dưỡng mẹ, dạy dỗ con.

Đi qua Dương Châu nói chung là bốn tháng rưỡi, nếu lại quyết định muốn lên núi Phổ Đà thì cũng nên tới vào ba tháng rưỡi sau. Nay đang nhằm lúc mọi người lên núi dâng hương, không biết khách dâng hương quá nhiều, mọi chuyện khó lòng đúng pháp. Gần đây đường tàu đã mở, từ tháng Giêng đến tháng Tám đều có người đến. Lúc rảnh thì mọi chuyện đều đúng thứ tự, lúc bận bịu thì mọi việc đều trở thành láo nháo hết, người chân tâm lễ yết Đại sĩ không thể không biết. Phật đạo không sâu, không cao, không cạn, không lớn, phải vừa sâu vừa cạn mới gọi là thường trụ. Ngôn từ chẳng diễn đạt được ý, nên nói là “vừa cạn vừa sâu, vừa nhỏ vừa lớn, pháp nào cũng viên thông nên gọi là thường trụ”.

30. Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ tư)

Đại sư Văn Thê lập pháp dạy người đều là những chuyện thực hiện trong cuộc sống thường nhật, thực tiễn, tu trì theo đó thì ngàn phần thích đáng, vạn phần ổn thỏa, trọn chẳng đến nỗi được chút ít cho là đủ, bị ma dựa phát cuồng. Vương Canh Tâm chưa mười phần hiểu rõ yếu chỉ nhập đạo, lại mặc tình múa bút, mặc sức huênh hoang mạt sát hết thầy, dầu có tâm hoằng pháp, nhưng thật ra mắc lỗi hoại pháp. Đấy đều là do hai chứng bệnh “chẳng gần gũi bậc tri thức sáng mắt” và “chẳng phản tỉnh tự vấn” mà nên nổi.

Tâm gặp ác mộng là dấu hiệu ác nghiệp đời trước hiện ra, nhưng cảnh được hiện không có thiện ác, chuyển



biến ở nơi chính mình. Ác nghiệp hiện nhưng chuyên tâm niệm Phật thì ác nhân duyên biến thành thiện nhân duyên, ác nghiệp đời trước chuyển thành người hướng dẫn cho đời này. Tiếc cho người đời thường bị nghiệp buộc ràng, chẳng thể chuyển biến, thành ra đã té giếng còn bị ném đá, khổ càng thêm khổ! Quang tôi do mắt quáng chẳng thể xem kinh viết chữ, mùa hạ này toan soạn bài luận nói về sự dốc kiệt lòng thành mới được lợi ích thật sự, nhưng viết chưa được một nửa thì thị lực đã không kham nổi, do đó phải ngừng giữa chừng. Vẫn muốn trong những tháng mùa đông sẽ chuyên tâm sám hối túc nghiệp, ngõ hầu sức nhìn mạnh hơn một chút, sẽ tiếp tục hoàn thành bài luận ấy. Lại do năm ngoái đáp ứng lời cử sĩ Trần Tích Châu tu chỉnh cuốn Phổ Đà Sơn Chí, vì Quang nhãn lực như thế chắc cũng phải kéo dài hai ba năm. Nếu mắt sáng sẽ nguyện tận lực trong năm sáu năm, đem hết những sự tích về Quán Âm trong Đại tạng phân môn chia loại, soạn theo thể phú, chép tường tận dưới bản văn. Sách soạn thành, khắc thành hai bản, một để tại chỗ in kinh, còn một giữ ở Phổ Đà, mong cho hết thảy những ai hữu duyên cùng được thấm nhuần sự chẳng thể nghĩ bàn của Đại sĩ. Nếu mắt vẫn như cũ, chỉ đành nói số mạng như thế, biết làm sao được!

Đại giáo truyền sang Đông, tất cả tông phái thịnh suy, nếu không đọc thấu suốt toàn bộ Đại tạng, vừa nghe liền nhớ ngay sẽ chẳng thể hiểu. Nếu khinh suất làm bừa, ắt chẳng những không thể phát dương quang đại Phật pháp,

trái lại còn làm nhục Phật pháp. Kinh Thập Vãng Sanh nay trong Đại tạng không có, chẳng cần phải tìm trọn khắp. Tập Chư Kinh Lễ Sám Hối Văn, Tây Phương Lễ Tấn v.v., dù kệ hay văn đa phần là trích từ văn trong Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ của ngài Thiện Đạo, nếu xem kỹ lời chú trong chương Thượng Phẩm Vãng Sanh của Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ sẽ biết: Nói đến Quán kinh, chỉ nêu một câu trong Quán kinh, rồi ở dưới bèn giải thích tường tận, chứ không phải toàn thể [những câu trong tác phẩm ấy] đều thuộc về kinh văn.

Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ của ngài Thiện Đạo ở Trung Quốc thất truyền đã lâu, gần đây từ Đông Doanh (Nhật Bản) thỉnh về, Kim Lăng¹⁰⁴ khắc bản lưu truyền đã lâu, sai ngoa rất nhiều, ngay cả Chư Kinh Lễ Sám Hối Văn cũng bị sai ngoa không ít. Dem Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ và Sám Hối Văn so sánh, cũng có thể sửa đúng được ít phần, những chỗ còn lại có thể dựa theo nghĩa lý mà sửa cho đúng. Mười năm trước, Quang từng một phen duyệt sửa, tuy chưa dám nói đã khôi phục được diện mạo ban đầu, nhưng cũng có thể nói là những phần sửa đúng thì nhiều, những phần sửa sai thì ít¹⁰⁵. Tôi tự tin như thế!

Tha tâm thông có nhiều thứ bất đồng, nếu luận theo sự

104 Chỉ nhà in kinh Kim Lăng Khắc Kinh Xứ ở Nam Kinh.

105 Ý tổ nói: Trong những phần ngài đính chánh, đa phần là sửa những chỗ sai thành đúng, còn những chỗ ngài do hiểu sai nên sửa đúng thành sai, hoặc sửa từ cái sai này sang cái sai khác thì ít.



chúng đạo thì như ông Chú Am¹⁰⁶ hể hỏi đến bất cứ sách nào, liền có thể đọc được thông suốt hết thấy, không sai một chữ. Ông ta chưa hề đọc sách, sao lại làm được như thế? Ấy là do nghiệp tận, tình không, tâm như gương sáng; lúc không ai hỏi, trong tâm một chữ cũng chẳng có. Đến khi ai hỏi tức là người ấy đã đem những gì chính mình từng đọc qua từ trước ra hỏi, người hỏi tuy đã lâu không nhớ, nhưng trong tám thức điền vẫn còn giữ lại hình ảnh của những câu chữ ấy (xem kinh Phật cũng giống như thế, cổ nhân nói: *“nhất nhiễm thức thân, vĩnh vi đạo chủng”* (một phen lọt vào thân thức, vĩnh viễn thành hạt giống đạo), hãy nên tin tưởng chắc điều này). Người kia cố nhiên vì vô minh che lấp kín mít, trọn chẳng hay biết, còn người này có tha tâm thông, nên thấy rõ ràng rành mạch những hình ảnh trong tâm thức của người kia, vì thế hỏi đến bèn đọc ra, không sai sót gì. Nếu người hỏi chưa từng đọc sách ấy, cũng có thể thấy trong tâm thức của người khác mà đọc ra. Đây là dùng tâm người khác làm tâm mình, chứ không phải trong tâm người ấy ghi nhớ không quên rất nhiều kinh sách như thế. Phạm phu không rõ, cho là thật kỳ đặc, thật sự chỉ là do nghiệp tiêu tuệ rạng, chương tận trí viên mà thôi!

106 Theo sách Di-đà Trung Luận, sư Chú Am người xứ Cam Tuyền, Giang Nam, lúc nhỏ tính tình thô lỗ, vô lại, không giữ giới luật, thường sống tại thiền tự Dương Châu, hay cá khía với vị sư giữ chức phạn đầu, chửi bới tục tằn, vô lễ. Trụ trì quở trách. Về sau, sư hối cải, bế quan ba năm, chuyên trì chú Đại Bi. Lúc xuất quan, phong cách thay đổi hẳn, khiêm nhường nhũn nhặn, ai trông thấy cũng phải lấy làm lạ, kính ngưỡng. Bất cứ sách vở thế gian, kinh điển nhà Phật nào, ngay cả những thứ tiểu thuyết nhảm nhí chẳng cần đem sách lại, hể hỏi đến sư bèn đọc ra thông suốt.

Cầu cơ đa phần là linh quỷ giả mạo tiên, Phật, thần thánh, con quỷ nào kém cỏi sẽ không có sức thần thông ấy, quỷ nào khá hơn thì biết được tâm người, vì thế nó có thể mượn dùng trí thức và sự thông minh của con người. Ông Kỷ Văn Đạt bảo: “Cầu cơ đa phần là linh quỷ giả vờ, tôi cùng anh là Thản Nhiên¹⁰⁷ hầu cơ bút, tôi làm được thơ nhưng viết chữ xấu. Khi tôi hầu cơ bút thì thi từ mẫn tiệp, chữ viết nguệch ngoạc; Thản Nhiên hầu cơ bút thì thi từ tầm thường, chữ viết ngay ngắn, cứng cỏi. Quỷ giả mạo cổ nhân, hỏi đến những điều bí hiểm, sâu kín trong những tác phẩm của cổ nhân¹⁰⁸, bèn bảo niên đại quá lâu, không còn nhớ được. Do vậy biết không phải thật!” Nhưng sự linh thiêng của quỷ là chỉ có thể mượn dùng những gì tâm con người hiện đang biết, còn những gì được ghi nhớ trong thần thức nhưng hiện nay người hỏi không biết, hoặc những nghĩa chính người hỏi cũng không biết thì quỷ chẳng thể nêu ra để chỉ dạy cho người. So với tha tâm thông của người nghiệp tận tình không thì khác hẳn một trời một vực, nhưng nhìn vào tình cảnh khá tương tự. Lại sợ các ông bị mê hoặc bởi những lời giáng cơ, nên mới phải bắt đặc dĩ nhắc đến chuyện này. Lại trong sách Tổng Cao Tăng Truyện có chép ngài Tăng Giám đến thọ trai nơi Vương Xử Hậu, Xử Hậu đọc ra văn chương thật đặc ý, nhân đó sư hỏi:

107 Pháp sư Hội Tánh nói: Khi in Ấn Quang Văn Sao, tên ông này bị ghi sai, đúng ra phải là Thản Cư.

108 Nguyên văn là *tập*, các tác phẩm cổ điển của Trung Hoa được chia thành bốn loại lớn: kinh, sử, tử, tập. Tập chính là các tác phẩm, thi tập của những văn nhân, thi sĩ nổi tiếng.



- Đang đọc những văn từ gì vậy?

Xử Hậu nói:

- Đó là bài văn đậu tiến sĩ của tôi.

Sư nói:

- Dưới mái hiên hóng gió, thông dong đến thế ư?

Liền lấy một tập sách trong bọc ra và bảo:

- Đây chẳng phải là bài văn sách của ông hay sao?

Xử Hậu đọc thấy chính là nguyên bản bài văn sách khi trước, bèn hỏi:

- Về sau tôi đã gọt giữa bài này.

Tăng Giam nói:

- Dĩ nhiên tôi biết nó không phải là bài văn sách gốc của ông.

Nhân đó bèn hỏi:

- Trong bọc của sư sao lại có bài văn sách này của tôi?

Tăng Giam đáp:

- Chẳng những chỉ có bài văn sách này, phàm những sách ông đã đọc từ trước đến nay, thậm chí một nét, một vạch đùa bỡn, trong bọc của tôi đều có đủ hết.

Xử Hậu hoảng sợ, chẳng dám hỏi tới. Chú Am tuy

có tha tâm thông, nhưng chưa thấy có thần thông, Tăng Giam vừa có tha tâm thông lại có cả đại thần thông, có thể hiện những gì trong tâm thức người khác thành sách, hiện thành hình chất để chỉ bày cho người khác, chứ không phải là trong bọc mình thật sự có chứa sẵn để lòi ra.

Gần đây, Thượng Hải rầm rộ mở đàn cầu cơ, những gì cơ bút khai thị về sửa lỗi hướng thiện, tiểu luân hồi, tiểu nhân quả v.v. đều có lợi ích cho thế đạo, nhân tâm. Còn như giảng về cõi trời, giảng về Phật pháp đúng là nói lằng nhằng. Chúng ta là đệ tử Phật, chẳng được bài xích pháp ấy kéo mắc lỗi chướng ngại người khác hướng thiện, nhưng cũng chẳng được phụ họa, khen ngợi pháp ấy, bởi những gì cơ bút giảng về Phật pháp toàn là nói mò, sợ rằng đến nỗi tạo thành tội khiến lầm lạc hoại loạn Phật pháp, lầm lạc chúng sanh. Ấn Quang xưa nhiều ác nghiệp, đến đời này có mắt như mù, trọn chẳng dám thuận theo tình cảm chẳng dựa vào lý, tự lầm, lầm người, mong hãy châm chước tình và lý mà hành mới không bị tệ hại.

Với mười thứ lợi ích của việc niệm Phật xin hãy xem cẩn thận mười thứ lợi ích thù thắng nơi cuối quyển hạ của Tịnh Độ Chỉ Quy Tập. Từ Văn Sâm Chủ¹⁰⁹ bảo các kinh

109 Từ Văn Sâm Chủ: tức ngài Tuân Thức (964-1032), cao tăng đời Tống, người huyện Lâm Hải, Thái Châu (nay thuộc tỉnh Chiết Giang), họ Diệp, tự Tri Bạch. Xuất gia năm 18 tuổi với ngài Nghĩa Toàn của tông Thiên Thai, 20 tuổi thọ giới cụ túc. Lúc đầu, ngài chuyên học Luật, từng đốt một ngón tay trước tượng Phổ Hiền Bồ-tát để cúng dường, thể hoàng dương giáo pháp Thiên Thai. Ngài lãnh hội sâu xa giáo nghĩa Thiên Thai từ ngài Nghĩa Thông chùa Bảo Vân. Ngài giảng rất nhiều kinh, như Pháp Hoa, Duy-ma, Niết-bàn, từng nhóm tăng chúng chuyên tu tịnh nghiệp. Ngài chuyên giảng kinh, tu



đều có nói, chưa biết trích ra từ kinh nào, hoặc là ước theo nghĩa lý mà viết gọn lại cũng chưa biết chừng. Trong mấy trang đầu có nói đến chuyện lớn tiếng niệm Phật, tụng kinh và lễ Phật đều có mười thứ công đức¹¹⁰, ghi là trích từ kinh Nghiệp Báo Sai Biệt, kinh Hộ Tịnh, tôi chưa kiểm, lúc rảnh rỗi sẽ đọc. Những câu ghi trên bìa sách đừng ghi nhiều, chỉ nên ghi giản dị, rõ ràng. Nếu dẫn nhiều thì hãy nên đăng nơi bìa trong cuốn sách, hoặc nơi bìa sau in riêng một trang. Niệm Phật hồi hướng chẳng được bỏ đi, hồi hướng chính là tín nguyện được phát ra từ miệng, nhưng chỉ nên hồi hướng sau khi xong khóa tối, và sau khi niệm Phật, tụng kinh trong ngày xong. Nên niệm Phật từ sáng đến tối không gián đoạn, trong tâm chỉ có ý niệm nguyện sanh chính là “thường thời hồi hướng” (luôn luôn hồi hướng). Nếu theo nghi thức tụng niệm mà hồi hướng thì

sám ở vùng Hàng Châu, Tô Châu, học chúng rất đông hơn ngàn người. Đời Tống Chân Tông, năm Càn Hưng nguyên niên (1022), ngài được vua ban hiệu là Từ Văn. Dưới ảnh hưởng của ngài, giáo điển của Thiên Thai Tông đã được đưa vào Đại tạng kinh thời Tống. Hầu như đối với kinh nào ngài cũng soạn sám nghi nên được xưng tụng là Bách Bốn Sám Chủ, hoặc Từ Văn Sám Chủ, Từ Văn Tôn Giả, Linh Ứng Tôn Giả, Thiên Trúc Tôn Giả (vì cuối đời ngài trụ tại chùa Thiên Trúc). Tác phẩm Tịnh độ Sám Nghi của ngài được đặc biệt lưu truyền rộng rãi. Ngài mất năm Đạo Nguyên nguyên niên (1032) đời Tống Nhân Tông, thọ 67 tuổi.

110 Kinh Nghiệp Báo Sai Biệt nói: “Lớn tiếng niệm Phật, tụng kinh, có mười thứ công đức: trừ được buồn ngủ, thiên ma kinh sợ, tiếng vang khắp mười phương, tam đồ dứt khổ, tiếng bên ngoài chẳng lọt vào, tâm chẳng tán loạn, dùng mãnh tinh tấn, chư Phật hoan hỷ, tam-muội hiện tiền, vãng sanh Tịnh độ.”

Kinh Lễ Phật Công Đức Nghiệp Báo Sai Biệt nói: “Lễ Phật một lạy thì từ đâu gối xuống đến Kim Cang Tể, mỗi một hạt bụi là một ngôi Chuyển Luân Vương, được 10 thứ công đức: được diệu sắc thân, nói ra người khác tin tưởng, ở trong chúng không sợ hãi, được Phật hộ niệm, có đại oai nghi, mọi người thân cận, chư thiên kính yêu, có đại phước đức, mạng chung vãng sanh, mau chứng Niết-bàn.”

lẽ cố nhiên chẳng được thường xuyên như thế.

Các kinh Đại thừa kinh nào cũng đều làm cho chúng sanh được vào thẳng Phật đạo, hiềm vì chúng sanh chẳng thành tâm niệm tụng, cho nên không được lợi ích hoàn toàn. Phần cuối quyển năm kinh Lăng-nghiêm, tức chương Đại Thế Chí Bồ-tát, chính là phần khai thị tối thượng của Tịnh tông. Chỉ riêng một chương này đã có thể sánh cùng bốn kinh Tịnh độ thành năm kinh, há cứ phải văn từ dài dòng mới đáng kể ư? Quân tử học vì mình, niệm niệm nhắc nhở mình tự tỉnh¹¹¹. Tỉnh và mộng như một, chỉ có công phu đến nơi đến chốn mới có thể làm được, chỉ cần luôn tu dưỡng trong lúc thức thì lâu ngày trong mộng cũng tự có thể chẳng làm chuyện gì sai quấy lớn.

31. Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ năm)

Từ tháng Chạp năm ngoái đến hạ tuần tháng Ba đã nhận được bốn lá thư, và Sư Trân đã mang đến lời vấn đáp giữa hai vị và ông Từ¹¹², cùng với vài vóc, thực phẩm v.v., đủ thấy lòng vì đạo pháp thiết tha, lòng thương mến tôi sâu xa. Thoạt tiên thì mong ngóng ông Từ đến, tiếp đấy lại phải duyệt bản Văn Sao do ông ta đứng in, tợ hồ mắt tôi càng yếu thêm, vì thế mới phải phúc đáp thư trễ tràng. Thư tháng Chạp năm ngoái quả thật đã nêu lên cái nghĩa dùng

111 Sách Luận Ngữ Kim Giải giảng câu này có nghĩa là: Người quân tử nhằm bồi dưỡng học vấn của chính mình nên nỗ lực học tập.

112 Tức cư sĩ Từ Ủy Như, người in Ấn Quang Văn Sao lần đầu.



tình bạn hòng hỗ trợ điều nhân, nhưng đề cao tôi quá mức khiến người càng thêm hổ thẹn.

Phàm giếng mối lớn của đời người chỉ có năm, tức là vua tôi, cha con, anh em, chồng vợ, bè bạn, nhưng cha sanh, thầy dạy, vua nuôi, ba mối quan hệ này trọng bằng nhau, vì sao trong ngũ luân không nhắc đến thầy? Không biết rằng thầy có đức tánh thành tựu cho ta, do vậy thầy giống như cha. Kế đến, khuyên nhủ, khen thưởng, khuyến khích cho mình thành tài nên thầy giống như anh. Vì thế Mạnh tử nói: “Thầy cũng là cha anh.” Tiếp đến, thầy trò tạo lợi ích tốt đẹp cho nhau giống như hai vầng trăng cùng chiếu, như hai tay giúp đỡ lẫn nhau, nên thầy giống như bạn (chữ bằng do hai chữ nguyệt ghép lại, chữ hữu do hai chữ thủ ghép lại). Vì thế, nhà Phật thường nói “tìm thầy hỏi bạn”. Ấn Quang trọn chẳng có thật đức, chẳng dám làm thầy người, chỉ có cái tâm làm bạn để giúp điều nhân. Vì vậy, từ lúc dốc chí theo đuổi việc học cho đến ngày nay chưa từng quên nghĩ tới, nhưng người ta chẳng khoan dung với mình, chẳng những không dúi mài cho mình, có lúc còn vứt bỏ.

Ông mong tôi đích thân chứng tam-muội, lại sợ phụ mất ý nguyện ban đầu nên gởi thư khuyến tấn chẳng tiếc sức thừa. Tôi từ lúc búi tóc đọc sách đến nay, chưa từng gặp được bạn bè hữu ích như thế, cảm thấy thật xấu hổ! Nhưng bốn chữ tử tội là từ ngữ do kẻ bầy tôi ngay thẳng can vua nói khích để vua phải nghe theo, đem áp dụng vào chỗ thầy - bạn thật không thích hợp. Ấn Quang tức nghiệp

sâu nặng, mới sanh ra được nửa năm đã mắc bệnh mắt sáu tháng, gào la khóc lóc, trừ lúc ăn ngủ ra, không ngưng khóc một khắc nào. Nỗi thống khổ ấy không biết ví như thế nào? May nhờ sức thiện căn xưa, được thấy mặt trời, thật là vạn hạnh. Tuổi niên thiếu đọc sách, do túc nghiệp dẫn phát đến nỗi nhiễm phải bả độc báng Phật của họ Hàn, họ Âu¹¹³, sau đấy tình ngộ sâu xa, tự xét, tự biết hổ thẹn, quy mạng tam bảo, xuất gia làm tăng. Nếu không phải là tam bảo rủ lòng ngầm gia bị khiến cho tôi tự tỉnh ngộ thì ngay trong lúc ấy đã vào địa ngục A-tỳ từ lâu rồi, chịu các sự khổ dữ dội, há còn có thể cùng các vị quân tử chỉ Đông nói Tây, bàn về tự lực và tha lực để mong cùng chứng chân thường, sanh lên bờ giác nữa ư? Kết thất đã mãn, tam-muội chưa thành: một là do túc nghiệp sâu nặng, hai là vì tinh thần suy yếu mà nên nổi. Nhưng cố nhiên Phật chẳng bỏ kẻ tội nhân, phải nương theo hạnh ấy để được vãng sanh.

Phép *thập niệm ký số* không phải là sổ tức (đếm hơi thở), do vì đếm từ một đến mười nên giống với sổ tức. Lại do sách Liên Tông Bảo Giám chép sai là niệm đến trăm, đến ngàn, đến vạn, e sẽ bị bệnh. Ông dẫn điều ấy để chứng minh, gọi cách ấy là sổ tức trì danh, hoàn toàn không thể được! Muốn chứng tam-muội thì đã có cách do Phật, tổ

113 Âu là Âu Dương Tu (1007-1072) là một văn gia kiêm sử gia thời Tống. Ông này đã viết Bản Luận gồm ba thiên cực lực bài xích tư tưởng Phật giáo. Lúc biên soạn Tân Đường Thư và Tân Ngũ Đại Sử, ông ta còn cắt bỏ hơn 200 bài ký sự về Phật giáo. Sau này, về già, ông lại trở thành tín đồ Phật Giáo. Còn họ Hàn chính là Hàn Dũ (768-824), hiệu là Xương Lê, văn nhân thời Đường, cực lực báng Phật, đòi đốt kinh Phật, dẹp chùa, đuổi tăng về làm dân.



đã dạy, ba đời chẳng đổi, sao lại còn phải hỏi đến sở chứng của tôi rồi mới chịu tu tập? Kinh Di-đà dạy: “Chấp trì danh hiệu hoặc một ngày cho đến bảy ngày, nhất tâm bất loạn.” (Câu “một ngày cho đến bảy ngày” chỉ là nêu thí dụ, không thể chấp chặt, nếu là bậc căn tánh Đẳng giác thì chỉ một niệm đã có thể chẳng loạn, cần gì phải mất một ngày; nếu là căn tánh nghịch ác, suốt đời còn khó được nhất tâm, huống chỉ bảy ngày. Vương Canh Tâm gộp bữa thượng, trung, hạ căn thành một loại, đưa ra lời bàn luận, thật quá kiêu căng, cho là mình đã phát huy được điều người xưa chưa hề phát. Thật ra là trên trái nghịch lời chân thành của Phật, dưới mở đường cho kẻ hậu tiến cuồng vọng, khiến người khôn ngoan đau xót, buồn thương, không gì ngăn dứt được!)

Quán kinh dạy: “Chư Phật Như Lai là pháp giới thân vào trong tâm tưởng của hết thảy chúng sanh. Vì thế, lúc các người nghĩ đến Phật thì tâm ấy chính là ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo. Tâm này làm Phật, tâm này là Phật.” (Chữ “làm” chỉ tâm tưởng, chữ “là” chỉ “tâm làm”. Quán tưởng đã là “làm”, trì tụng, lễ bái lễ nào chẳng phải là “làm”? Nêu một điều, phủ nhận ba điều, nhà Nho mà còn như thế, huống gì phạm phu sát đất? Ngửa trông Phật ý, há có nên không y theo viên đốn diệu giải, cứ tự đem cái nhìn hẹp hòi của mình để suy lường ư?) Trong kinh Lăng-nghiêm, Đại Thế Chí Bồ-tát nói: “Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đặc tam-ma-địa, ấy là bậc nhất.” Trong bài kệ chọn lựa pháp viên thông, ngài Văn-thù nói: “*Phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo*” (Xoay tánh nghe lại

để nghe nơi tự tánh thì tánh trở thành vô thượng đạo). Nay tôi phỏng theo nói: “Xoay cái niệm lại niệm nơi tự tánh thì tánh thành vô thượng đạo.” Kinh Tứ Thập Nhị Chương dạy: “Hễ tâm đặt nơi một chỗ thì không sự gì chẳng làm được.” Ngài Mộng Đông nói: “Thật vì sanh tử, phát Bồ-đề tâm, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật.” Mười sáu chữ ấy là đại cương tông của pháp môn niệm Phật. Sao chẳng toàn thân dựa theo những câu, những chữ ấy? Chẳng lấy thánh ngôn làm lượng, sao lại lấy kẻ phàm phu tội nghiệp như tôi làm chuẩn? Há chẳng phải điên đảo quá đáng ư?

Nhưng ông thốt ra lời ấy chắc cũng có nguyên do. Ấy là do sách Trung Luận thuật rõ cảnh được thấy bởi đại sư Tịnh Nhất và ông Vương Canh Tâm bảo mình được thừa truyền tâm ấn của sư, hàm ý: mình có đủ mọi điều cảnh chẳng thể nghĩ bàn và những bí quyết mầu nhiệm do miệng truyền tâm nhận vậy! Chẳng biết: tam-muội, tiếng Hán gọi là chánh định, hoặc còn dịch là chánh thọ, chánh định có nghĩa là tịch và chiếu cùng dung hội, chánh thọ có nghĩa là vọng bị khuất phục, chân hiện ra. Tịch và chiếu cùng dung hội thì còn có cảnh giới nào để được nữa? Tâm kinh nói: “Soi thấy ngũ uẩn đều không, độ hết thấy khổ ách.” Lại nói: “Do không có gì để đắc nên ba đời chư Phật chứng Vô thượng chánh đẳng chánh giác.” Kinh Lăng-nghiêm nói: “Viên mãn Bồ-đề trở về chỗ không được gì.”

Người tu thiền định (chỉ tứ thiền bát định) và người



tham thiền chỉ cật vào tự lực, không cầu Phật gia hộ. Vì thế, lúc công phu đắc lực, chân và vọng chống chọi nhau nên thường thấy các cảnh giới huyền hoặc hiện ra, mất đi. Ví như lúc mưa dầm sắp tạnh, mây dày bị xé toạc, chợt thấy ánh nắng, trong khoảng chớp nhoáng biến hiện không lường được. Không phải là người thật sự có đạo nhân sẽ chẳng thể phân biệt, nhận biết được tất cả cảnh giới. Nếu lầm tưởng là dấu hiệu chứng ngộ, sẽ bị ma dựa phát cuồng, không sao trị được. Người niệm Phật dùng tín nguyện chân thật, khẩn thiết, trì vạn đức hồng danh, ví như vầng mặt trời sáng rõ giữa không trung, đi trên đường lớn của vua, chẳng những lỵ mỵ vồng lợng¹¹⁴ mất bật tăm tích, ngay cả những ý niệm ngoắt ngoéo, thị phi cũng không sanh khởi được.

Xét đến cùng cực chẳng qua là “niệm đến công thuần, tận sức thì toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, tâm - Phật không hai, tâm - Phật như một” mà thôi! Lý này, hạnh này chỉ sợ người ta không biết, chẳng thể hợp với nguyện phổ độ chúng sanh của Phật, lẽ đâu bí mật không truyền, chỉ truyền riêng cho ông ư? Nếu có những bí quyết mâu nhiệm chỉ truyền miệng, ghi nhớ trong lòng, dạy ở nơi kín đáo thì đấy chính là tà ma, ngoại đạo, không phải là Phật pháp. Nhưng Ấn Quang quả thật có bí quyết người khác không đắc, chỉ mình tôi đắc, do ông cầu thỉnh bèn chẳng ngại gì đem bảo khắp các Phật tử trong thiên hạ. Bí quyết

114 Lỵ mỵ vồng lợng: Lỵ mỵ (lỵ đúng ra phải đọc là si) là loài quỷ trong núi sâu, vồng lợng là loài quỷ trong rừng. Nói chung, lỵ mỵ vồng lợng là các loài quỷ quái do sơn thần, thủy tinh biến hiện hại người.

ấy chỉ có gì? Là thành, là cung kính. Những chữ ấy cả thế gian đều biết, nhưng đạo ấy cả thế gian đều lầm. Ấn Quang do tội nghiệp sâu nặng, mong tiêu trừ tội chướng để báo ân Phật nên thường tìm cầu khuôn mẫu tu trì tốt đẹp của cổ đức, do vậy mới biết thành và cung kính quả thật là bí quyết cực diệu để siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vì thế tôi thường ra rả bảo cùng những ai hữu duyên. Trì Kinh Lợi Ích Tùy Tâm Luận tuy đã nêu ra đầu mối, nhưng chưa nói rõ nguyên tắc đại lược. Toan muốn dài dòng một hai vạn chữ, dẫn đủ khắp những chuyện thành kính và đạo cảm ứng của cổ đức hòng phụ thêm vào lời nói đỡ tệ của mình, phát huy bình luận, ngõ hầu ai đọc đến hiểu phân minh pháp và giới, biết lấy và bỏ như thế nào, chẳng đến nỗi do cái nhân to chỉ được quả nhỏ, do nhân thiện lại phải chuốc lấy quả ác! Những lời ấy tôi đã nói với ông Từ. Phải biết thành và kính, không riêng gì học Phật mới nên như thế, mà hết thảy các pháp thế gian hay xuất thế gian muốn được tinh nhất thì không thể không lấy thành và kính làm cơ bản. Nhìn vào chuyện Mạnh tử lấy Dịch Thu¹¹⁵ để dạy về chuyện đánh cờ vậy thì biết.

Ông Từ vốn sẵn linh căn từ đời trước, lại đời đời thờ

115 Dịch là một loại cờ vây. Mạnh tử nói Dịch Thu là một người thời cổ do giỏi đánh cờ vây mà mang tên là Dịch Thu. Trong sách Mạnh Tử, thiên Cáo Tử, có chép: “Phàm phu học nghề đánh cờ vây là nghề mọn, chẳng chuyên tâm dốc chí sẽ không học được. Dịch Thu là người giỏi cờ vây nhất nước. Nếu Dịch Thu dạy hai người, một người chuyên tâm dốc chí, chỉ lắng nghe Dịch Thu; người kia tuy nghe Dịch Thu nói nhưng lại nghĩ có con chim hồng học bay tới, mình sẽ giương cung bắn. Tuy là cùng học, kết quả lại chẳng giống nhau!”



Phật, từ lúc ra đời đến nay đã được dạy dỗ dàng hoàng, lại còn có cái học vấn lịch duyệt hai ba mươi năm, sao lại bỏ cái cao minh để chọn lấy cái hèn tẻ, trân trọng đem văn Ấn Quang lưu truyền trong đời như vậy? Phải biết hoàng pháp lợi sanh quý ở chỗ biết thời cơ, pháp người đời nay nên nhận cũng như căn bệnh người đời nay mắc phải, bậc cao minh không chịu nói rõ, những lời họ nói dấu huyền diệu cùng cực, đa phần không phải là thuốc trị đúng bệnh, e rằng diệu dược ấy lại làm bệnh nặng thêm.

Ấn Quang khác nào gã thầy lang dốt vô tri vô thức, chẳng những không biết gốc bệnh, cũng chẳng biết được tánh, chỉ biết dùng thuốc *a-già-đà vạn ứng hoàn* của tiên tổ đã ngâm chế tạo thành, mọi căn bệnh hư, thực, hàn, nhiệt đều cắt thuốc ấy. Nếu chẳng nghi hoặc, lấy thuốc ấy uống vào, lập tức khỏi hẳn, dấu là chứng bệnh tấn hoãn, biến thuốc phải chịu bó tay, vừa uống thuốc này lập tức khởi tử hồi sanh. Do vậy, ai có tâm cứu người giúp đời bèn cho phát hành rộng rãi hồng những ai có bệnh cùng được uống thuốc này. Tuy biết tài thần diệu của những người như Tần Hoãn chẳng thể nào lường được, nhưng chẳng thể chỉ dạy rộng rãi, vì căn bệnh này thuộc về túc nghiệp, dấu thần tiên cũng chẳng trị được, huống gì thần y!

Còn những lời phán định của ông về những lời lẽ trong sách Trung Luận, quả thật là đau lòng rất miệng rọi sáng thêm cho Ấn Quang, riêng muốn mở chánh nhãn cho người, không phải là tô vẽ cho Ấn Quang. Những lời

bình luận của cụ Nhân (Dương Nhân Sơn) cũng cực thống thiết, nhưng còn chưa chỉ rõ tâm bệnh của chàng Vương (Vương Canh Tâm) cũng như những điều tác tệ của [Di-đà] Trung Luận. Những lời Ấn Quang đã nói đa phần chú trọng vào hai điều ấy, còn những lời đáp khác đều thích đáng trọn vẹn.

Riêng đoạn văn luận về bốn cõi thì về lý cố nhiên không trở ngại chi lớn, nhưng ước theo sự còn thiếu tinh tường. Bởi lẽ, hai cõi Phạm thánh đồng cư và Phương tiện hữu dư là ước theo phạm phu mang nghiệp vãng sanh và bậc tiểu thánh đã đoạn kiến tư hoặc mà lập, chứ không thể ước theo Phật mà luận. Nếu ước theo Phật mà luận thì không riêng gì toàn thể của bốn cõi Tây Phương đều là Tịch quang, mà ngay cả ngũ trước ác thế, tam đồ ác đạo nơi đây nếu nhìn từ phía Phật thì không gì chẳng phải là Tịch quang. Vì thế nói: “Tỳ-lô-giá-na trọn hết thấy mọi nơi, chỗ Phật ở được gọi là Thường Tịch quang.” Khắp mọi nơi đều là cõi Thường Tịch quang, cứ hễ viên chứng được Pháp Thân Quang Minh Biến Chiếu Tỳ-lô-giá-na bèn tự được thọ dụng, ngoài ra đều là phần chứng. Nếu xét từ bậc Thập tín trở xuống phạm phu, về lý thì có, nhưng về sự lại không. Muốn hiểu tường tận nên đọc kỹ đoạn luận về bốn cõi trong sách Di-đà Yếu Giải, mà sách Phạm Vọng Huyền Nghĩa cũng bàn luận rõ ràng (Tỳ-lô-giá-na, Hán dịch là Quang Minh Biến Chiếu, hoặc Biến Nhất Thiết Xứ, là hiệu chung của pháp thân thanh tịnh được chứng bởi hết thấy



chư Phật khi đã viên chứng cực quả rốt ráo. Viên mãn báo thân Lô-xá-na cũng thế. Còn Thích-ca, Di-đà, Dược Sư, A-súc v.v. là những danh hiệu khác biệt của mỗi hóa thân Phật. Lô-xá-na, Hán dịch là Tịnh Mãn, do hoặc nghiệp đã hết sạch, trí tuệ viên mãn. Đây là ước trên trí đức và đoạn đức cảm được quả báo mà nói).

Lại phải biết Thật báo và Tịch quang vốn cùng là một cội, nếu ước theo cái quả do xứng tánh cảm được thì gọi là Thật báo, nếu ước theo cái lý rốt ráo chứng được thì gọi là Tịch quang. Bạc Sơ trụ vừa dự vào Thật báo, chứng một phần Tịch quang; Diệu giác mới là thượng thượng Thật báo, rốt ráo Tịch quang. Từ Sơ trụ đến Đẳng giác đều chỉ chứng được một phần hai cội ấy, đến Diệu giác cực quả mới được rốt ráo cả hai cội ấy. Nói đến Thật báo là chỉ ước trên phần chứng, còn Tịch quang là ước trên rốt ráo. Tịch quang không có tướng, Thật báo có đủ vi trần số những trang nghiêm vi diệu chẳng thể nghĩ bàn của Hoa Tạng thế giới hải. Ví như hư không, thể của nó không có các tướng, nhưng hết thảy các tướng đều do hư không mà phát hiện. Lại như gương báu, trống sáng rỗng rang, trọn chẳng có một vật, nhưng hễ người Hồ đến bèn hiện bóng người Hồ, người Hán đến bèn hiện bóng người Hán. Thật báo và Tịch quang là một mà lại hai, tuy hai nhưng một. Muốn cho con người dễ hiểu nên nói là hai cội.

Những gì được dạy trong Kim Luân chú pháp chính là nhân quả ba đời, làm thợ săn, làm vị tăng đều là nhân

quả đời trước; nay được làm người, phước hết sẽ đọa. Đây là ước theo người mê không tu bèn dạy nhân trước quả sau. Niệm Phật, đọc kinh, ngộ lý nhị không¹¹⁶, chứng pháp thật tướng, là luận theo người tỉnh ngộ tu trì mà chỉ dạy hiện nhân hậu quả. Chớ có buông tuồng mặc ý, cho rằng đời này sẽ lại được như thế. Trong đời này người chứng được thật tướng không phải là không có ai, chỉ e hiền kẻ¹¹⁷ không có thiện căn ấy. Nếu chẳng trình bày rõ nguyên do, e sẽ hư vọng mong mỏi chứng thánh, chí cao nhưng hạnh không thấu, lâu ngày chầy tháng ắt đến nổi táng tâm cuồng dại, chưa đắc nói đã đắc, chưa chứng nói đã chứng, cầu thăng lại đọa, hóa khéo thành vụng. Xét đến kết quả, khó tránh khỏi vĩnh viễn chìm đắm trong đường ác. Chẳng những mai một linh tánh của chính mình, mà quả thật còn cô phụ ơn Phật.

Cái lý nhị không chỉ nói về ngộ thì phạm phu lợi căn có thể làm được, như những người thuộc vào địa vị Danh tự trong Viên giáo, tuy *ngũ trụ phiền não* chưa phục đoạn¹¹⁸ được mấy may, nhưng sở ngộ đã bằng với chư Phật không hai, không khác (ngũ trụ: kiến hoặc là một trụ, tư hoặc gồm ba trụ, hai loại này thuộc về giới nội; trần sa hoặc và vô minh hoặc gộp thành một trụ, hai loại này thuộc về giới ngoại). Nếu nói theo nhà Thiên thì gọi là đại triệt đại ngộ, còn nói theo Giáo thì gọi là đại khai viên giải, đại triệt đại

116 Nhị không: ngã không và pháp không.

117 Hiền kẻ: tiếng gọi tỏ vẻ trân trọng bạn hữu.

118 Phục đoạn: khuất phục, đề nén chứ chưa đoạn trừ cội rễ.



ngộ và đại khai viên giải không phải là lừa mờ, phảng phất hình như hiểu rõ đâu nhé! Như cư sĩ Bàng¹¹⁹ nghe Mã Tổ nói: “Đợi khi nào ông một hơi uống cạn nước Tây Giang sẽ bảo cho ông biết”, ngay khi đó, cư sĩ Bàng bèn quên ngay nhân ngã, thấu hiểu lẽ huyền. Ngài Đại Huệ Cảo nghe ngài Viên Ngộ nói “gió nồm từ phương Nam thổi đến, điện gác đều mát mẻ” cũng thế. Trí Giả tụng Pháp Hoa đến câu “là chân tinh tấn, gọi là pháp cúng dường Như Lai chân thật” trong phẩm Dược Vương Bốn Sự bèn hoát nhiên đại ngộ, lặng lẽ nhập định, thấy một hội Linh Sơn nghiêm nhiên chưa tan. Ngộ được như thế mới gọi là đại triệt đại ngộ, đại khai viên giải.

Nếu nói đến việc chứng pháp thật tướng thì không phải là chuyện hạng phàm phu sát đất có thể làm được. Thiền sư Nam Nhạc Tư Đại, là thầy đặc pháp của ngài Trí Giả, có đại trí tuệ, có đại thần thông, lâm chung có người hỏi đến sở chứng, bèn nói: *Thoạt đầu ta mong được Đồng*

119 Cư sĩ Bàng tên là Bàng Uẩn, tự Đạo Huyền, người xứ Hành Dương, học Nho, từ nhỏ đã ngộ trần lao, chỉ câu xuất thế. Năm đầu niên hiệu Trinh Nguyên (785) đời Đường, tham yết sư Thạch Đầu, hỏi: “Chẳng cùng vạn pháp làm bạn thì là ai?” Thạch Đầu lấy tay che miệng. Đột nhiên Bàng Uẩn hơi tỉnh ngộ, sau tham yết Mã Tổ, hỏi lại câu trên đây. Mã Tổ đáp: “Đợi khi nào ông một hơi uống cạn nước Tây Giang sẽ bảo cho ông biết”, ngay khi đó bèn đón ngộ huyền chi. Khi cư sĩ sắp nhập diệt, bảo với con gái là Linh Chiếu: “Huyền hóa không thật, tùy người duyên theo. Hãy ra ngoài xem mặt trời, khi nào đứng ngộ bảo cha!” Linh Chiếu ra khỏi cửa, trở vào bảo: “Mặt trời đứng bóng rồi lại chênh, hãy ra xem thử!” Cư sĩ ra cửa xem, Linh Chiếu bèn lên tòa của cha, chấp tay qua đời. Cư sĩ cười: “Con ta lanh lẹ quá!” Bèn dời ngày chết lại bảy hôm. Người đứng đầu vùng ấy là Vu Công Đốn đến hỏi thăm, cư sĩ nói: “Chi nguyện không vô sở hữu, chớ đừng mọi thứ đều thật, chẳng phải không! Khéo trụ trong thế gian, đều như bóng, như tiếng vang.” Nói xong, tựa đầu vào gối ông Vu, qua đời.

luân (tức địa vị Thập trụ, phá vô minh, chứng thật tướng, vừa dự vào Thật báo, phần chứng Tịch quang. Bạc Sơ trụ có thể thị hiện làm thân Phật trong tam thiên đại thiên thế giới giáo hóa chúng sanh. Bạc Nhị trụ có thể hiện trong một ngàn tam thiên đại thiên thế giới, Tam trụ thì một vạn, địa vị càng cao lên thì con số càng tăng gấp mười, há tiểu căn làm được ư?). *Nhưng vì lãnh chúng quá sớm, chỉ chúng được Thiết luân mà thôi!* (Thiết luân là địa vị Thập tín. Sơ tín đoạn kiến hoặc, Thất tín đoạn tư hoặc. Bát, Cửu, Thập tín phá trần sa hoặc, khuất phục vô minh. Ngài Nam Nhạc thị hiện ở vào địa vị Thập tín, còn chưa chứng được pháp thật tướng. Nếu phá một phẩm vô minh, liền dự vào Sơ trụ, mới có thể nói là viên chứng pháp thật tướng).

Đại sư Trí Giả là hóa thân của Phật Thích-ca, lâm chung có người hỏi: “Chưa rõ đại sư chứng nhập địa vị nào?” Bèn đáp: *Nếu ta không lãnh chúng ắt tịnh được sáu căn* (tức là thuộc địa vị Thập tín, sáu căn đều tịnh, như đã thuyết minh trong phẩm Pháp Sư Công Đức kinh Pháp Hoa), *do tổn mình lợi người nên chỉ chúng được Ngũ phẩm* (Ngũ phẩm là Quán hạnh vị, đã khuất phục hoàn toàn phiền não nhưng chưa đoạn trừ được kiến hoặc).

Đại sư Ngẫu Ích lúc lâm chung để lại bài kệ:

*Danh tự vị trung chân Phật nhãn,
Vị tri tất cánh phó hà nhân?*

(Chân Phật nhãn trong địa vị Danh tự còn chưa biết



rốt ráo, giao phó cho ai đây?)

(Người thuộc địa vị Danh tự đã viên ngộ tạng tánh, ngang với chư Phật, nhưng kiến tư còn chưa khuất phục được, huống chi là đoạn. Những người đại triệt đại ngộ trong đời mạt pháp phần mang thân phận này. Ngũ Tổ Giới làm thân Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh trở thành Lỗ Công, còn là bậc thượng. Kế đến là như Hải Ấn Tín làm con gái của Chu Phòng Ngự, kém hơn nữa là như vị tăng ở Nhạ Đãng trở thành con nhà họ Tần mang tên Cối. Rõ ràng là vì lý tuy đã đốn ngộ, nhưng hoặc chưa khuất phục được, trải qua một phen thọ sanh, rất có thể bị mê mất. Tạng tánh chính là Như Lai tạng diệu chân như tánh, tức là tên gọi khác của thật tướng).

Đại sư Ngẫu Ích thị hiện thuộc địa vị Danh tự, Trí Giả thị hiện thuộc địa vị Ngũ phẩm, Nam Nhạc thị hiện chứng địa vị Thập tín, nhưng bốn địa của ba vị đại sư chẳng thể lường được, nhưng các ngài thị hiện ba địa vị Danh tự, Quán hạnh, Tương tự cho thấy thật tướng không dễ chứng, hàng hậu tấn khó thể vượt lên. Quả thật các ngài sợ rằng hậu nhân chưa chứng nói đã chứng, nên bèn hiện thân thuyết pháp khiến cho họ tự biết hổ thẹn, chẳng dám làm xằng. Ấn thị hiện sau cùng của ba vị đại sư, chúng ta dấu nát xương tan thân cũng không báo đáp được! Ông hãy tự suy nghĩ xem mình có thể trội hơn được ba vị đại sư ấy hay chẳng? Nếu nói niệm Phật, duyệt kinh hồng vân bồi thiện căn; sau khi vãng sanh, thường hầu Di-đà, cao dự

hải hội, tùy theo công hạnh sâu hay cạn, ắt sẽ chứng thật tướng sớm hay muộn thì đây là lời quyết định không nghi, hết thầy người vãng sanh cùng được chứng đắc.

Lại như Kim Luân chú pháp chẳng cho hỏi việc gì khác, chỉ cho hỏi về thiện căn, hỏi về pháp môn. Chúng sanh đời mạt bất luận có thiện căn hay không đều nên quyết định chuyên tu Tịnh độ, cũng chẳng cần hỏi đến pháp môn nữa, hãy nên nỗ lực. Nếu không có thiện căn hãy cứ tận lực vun bồi, nên cũng không cần phải hỏi về thiện căn nữa. Chỉ nên trì chú để trợ tu tịnh nghiệp, chớ tự tiện tác pháp làm phiền Phật, thánh. Nếu bộp chộp tác pháp, nhưng thân tâm chẳng cung kính, hoặc chẳng chí thành, rất có thể khiến cho ma sự khởi.

Chỉ có mỗi một việc nên tác pháp nhưng không phải là phận sự của ông. Tức là nếu như có người muốn xuất gia, nhưng tự mình chưa chứng đạo, chẳng thể quán sát căn cơ kẻ ấy, bèn trên cầu Phật từ, ngầm dạy cho mình biết kẻ ấy có thích hợp hay không, ngõ hầu khỏi bị cái nạn những kẻ giặc cướp, bại hoại xen lẫn [vào cửa Phật]. Nhưng nay người ta thâu đồ chúng, chỉ sợ không thâu được nhiều, dấu biết rõ kẻ đó là phường hạ lưu, vẫn cứ gấp gáp muốn thâu nạp, chỉ sợ hấn vượt thoát. Ai chịu làm pháp này để quyết định! Tham danh lợi, ưa quyến thuộc đến nỗi làm cho Phật pháp bị suy bại sát đất, không sao hưng khởi được.

Còn như ai nghiệp chướng nặng nề, tham sân lòng lẫy, sức yếu tâm khiếp nhược, chỉ nên nhất tâm niệm Phật,



lâu ngày các chứng bệnh đều sẽ tự khỏi. Phẩm Phổ Môn nói: “Nếu có chúng sanh nhiều dâm dục, nóng giận, ngu si, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ-tát liền được lìa khỏi.” Niệm Phật cũng thế, nhưng phải tận tâm kiệt lực, không còn ngờ vực thì chẳng cầu gì không được. Quán Âm có nhân duyên lớn với Sa-bà, ngoài việc niệm Phật ra, trì thêm danh hiệu Quán Âm cũng được, hoặc kiêm trì các chú Lăng-nghiêm, Đại Bi v.v. cũng đều được cả. Còn như duyệt kinh, nếu muốn làm pháp sư để tuyên dương cho đại chúng thì hãy nên đọc kinh văn trước, kể đến là đọc chú sớ. Nếu tinh thần không sung túc, kiến giải không hơn người, chớ nên uống công lao tâm lao lực, uống phí năm tháng.

Nếu muốn tùy sức chứng được lợi ích thật sự, phải chí thành khẩn thiết, thanh tịnh ba nghiệp, trước hết đoạn tọa một lát để thân tâm ngưng lặng, rồi sau đấy mới lễ Phật tụng ra tiếng, hoặc chỉ thầm đọc, hoặc lễ Phật rồi đoạn tọa một chút, sau đấy mới mở kinh ra. Cần phải ngồi ngay ngắn nghiêm chỉnh như đối trước thánh dung, đích thân nghe viên âm, chẳng dám chớm một niệm lười nhác, cũng chẳng dám khởi một niệm phân biệt. Đọc thẳng từ đầu đến cuối, bất luận dù văn hay nghĩa đều nhất loạt chẳng dụng công để hiểu. Đọc kinh như thế, người lợi căn liền có thể ngộ được lý nhị không, chứng pháp thật tướng. Nếu như căn cơ độn, kém, cũng có thể tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước tuệ. Lục tổ nói: “Chỉ xem kinh Kim Cang liền có thể minh tâm kiến tánh”, tức là nói đến cách

xem như vậy đó, vì thế nói “chỉ”. Có thể xem như thế thì xem kinh Đại thừa nào cũng có thể minh tâm kiến tánh, há phải riêng gì kinh Kim Cang là như vậy!

Nếu cứ một bề phân biệt, câu nói này nghĩa là gì, đoạn này nghĩa là gì, bèn hoàn toàn thuộc vào phạm tình vọng tưởng, đoán mò, suy lường, há có thể ngầm hợp ý Phật, viên ngộ ý chỉ của kinh, nhân đó nghiệp chướng tiêu trừ, phước tuệ tăng cao ư? Nếu biết cung kính, còn trông được một chút thiện căn. Nếu hoàn toàn như nhà nghiên cứu già dặn đọc sách Nho sẽ thấy cái tội khinh nhờn như núi cao vút, như vực sâu thăm thẳm. Do nhân lành chuốc lấy quả ác, chính là hạng người này đây! Cổ nhân chuyên trọng nghe kinh vì tâm chẳng thể khởi phân biệt. Như có một người đọc tụng ra tiếng, người khác ở bên cạnh nhiếp tâm lắng nghe kỹ càng từng chữ từng câu sao cho phân minh, tâm người ấy chuyên chú chẳng dám duyên theo hết thấy thanh sắc bên ngoài, nếu hơi phóng túng liền bị đoạn tuyệt, văn nghĩa chẳng thể quán thông được. Người tụng có kinh văn để nương vào, tâm chẳng cần chuyên chú lắm vẫn có thể tụng rõ ràng, còn người nghe chỉ có thể nhờ vào âm thanh nên nếu phóng túng sẽ bị đứt đoạn. Nếu nghe được như thế sẽ bằng với công đức chỉ thành cung kính của người tụng. Nếu người tụng hơi kém cung kính thì công đức khó thể sánh bằng người nghe.

Con người hiện thời coi kinh Phật như giấy cũ, để lẫn lộn kinh với những thứ khác trên án kinh, tay chẳng rửa



ráy, miệng không súc sạch, thân đung đưa, chân gác lên, thậm chí phóng thí¹²⁰, gãi chân, hết thấy phóng túng chẳng e sợ mà muốn đọc kinh để được phước tiêu tội thì chỉ có ma vương muốn tiêu diệt Phật pháp mới chứng minh, tán thán, bảo là hoạt bát viên dung, phù hợp sâu xa với diệu đạo chẳng chấp trước của Đại thừa. Phật tử chân tu thực sự tu hành, trông thấy chỉ đành ngấm ngấm đau lòng, lặng lẽ ứa lệ, than thở quyến thuộc ma hoành hành, chẳng biết làm sao!

Trí Giả tụng kinh, hoá nhiên đại ngộ, lặng lẽ nhập định, há có phải là do tâm phân biệt mà hồng đạt được ư? Một vị cổ đức chép kinh Pháp Hoa, nhất tâm chuyên chú bèn được niệm cực tình vong, đến khi trời tối mịt vẫn cứ viết mãi. Thị giả vào nói trời đã tối đen rồi sao vẫn viết mãi, liền đuổi tay ra chẳng thấy được bàn tay¹²¹. Duyệt kinh như thế cùng với tham thiền, khán thoại đầu, trì chú, niệm Phật có cùng sự chuyên tâm chuyên chí, ra sức như thế thì lâu ngày ắt có bữa sẽ được lợi ích hoá nhiên quán thông.

Thời Minh, thiền sư Tuyết Kiếu Tín người phủ thành Ninh Ba, không biết chữ nào, trung niên xuất gia, nhọc nhằn tham cứu tận lực, nhận được những điều người khác chẳng thể nhận, làm được những điều người khác không thể làm, hành những hạnh khổ người khác quả thật

120 Phóng thí: tức trung tiện (break the wind, passing gas)

121 Theo Từ Bách Lão Nhân Tập, quyển 22, vị tăng này chính là thiền sư Nhất Am, sống vào thời Gia Tĩnh (1522-1566) nhà Minh.

khó thể làm được. Lâu ngày đại triệt đại ngộ, thuận miệng nói ra những điều khéo khế hợp thiên cơ, dầu không biết chữ, chẳng thể viết được, nhưng lâu ngày bèn biết chữ. Lâu sau ngọn bút vẫy vùng, nghiêm nhiên thành một nhà thư pháp lớn. Các lợi ích này đều cầu từ nơi chẳng phân biệt, chuyên tinh tham cứu. Người duyệt kinh cũng nên lấy cách này làm pháp tắc. Ngũ lục của vị này đã được đưa vào tạng kinh đời Thanh. Đàm Tảo Am mang danh tiến sĩ, quy y dưới tòa, soạn bài bia thuật đạo hạnh của sư hơn một vạn chữ.

Lúc duyệt kinh trọn chẳng được khởi phân biệt, tự nhiên vọng niệm nếp phục, thiên chân phát hiện. Nếu muốn nghiên cứu nghĩa lý hoặc đọc chú sớ, nên dành lúc khác chỉ chú trọng nghiên cứu. Trong lúc nghiên cứu, tuy không nghiêm túc như lúc duyệt kinh, cũng chẳng thể hoàn toàn không cung kính, bất quá so với lúc duyệt kinh thư thả hơn một chút. Chưa thể nghiệp tiêu trí rạng thì lấy duyệt kinh làm chánh, nghiên cứu chỉ là phụ kèm theo. Nếu không, quanh năm suốt tháng chỉ lo nghiên cứu, dầu nghiên cứu đến mức như vệt mây thấy mặt trăng, mở cửa thấy núi, cũng chỉ là lưu loát ngoài miệng, đối với thân tâm sanh mạng và chuyện sanh tử trọn không can dự mảy may. Ngày Ba Mười tháng Chạp xảy đến, quyết định chẳng dùng được tí ti nào. Nếu có thể duyệt kinh như vừa mới nói thì ắt nghiệp sẽ tiêu, trí sẽ rạng, ba thứ tình kiến sẽ quy về chốn làng quê chưa hề có. Nếu không duyệt như thế, chẳng những ba thứ tình kiến chưa chắc không phát sanh,



lại e do sức tức nghiệp dẫn khởi tà kiến, bác không nhân quả, và giết trộm dâm đủ mọi phiên não nối tiếp nhau dấy lên như lửa cháy hừng hực, nhưng cứ tưởng mình là người tu Đại thừa, hết thấy vô ngại, bèn vin vào lời Lục tổ *“tâm đã bình cần gì phải nhọc lòng trì giới”*, bèn cho các giới đều phá mà không phá mới là chân hành trì, thật là tu hành khó được chân pháp vậy! Do vậy, chư Phật, chư tổ chủ trương Tịnh độ, nương vào Phật từ lực để chế phục nghiệp lực, chẳng cho nghiệp lực phát hiện.

Nên lấy niệm Phật làm chủ, duyệt kinh làm phụ. Như Pháp Hoa, Lăng-nghiêm, Hoa Nghiêm, Niết-bàn, Kim Cang, Viên Giác, hoặc chuyên chú một kinh, hoặc lần lượt duyệt sáu kinh này cũng được, nhưng cách duyệt trọn chẳng thể không tuân theo cách tôi đã trình bày. Nếu làm cầu thả đến nỗi lợi ích chẳng thể nghĩ bàn bị mất vì phóng túng không kiêng dè và phân biệt, vọng tình thì há chẳng đáng buồn ư?

Trước kia, tôi cho rằng ông và Sư Trần đã có thể triệt để tin theo pháp môn Tịnh độ, đến khi xem những thư từ hỏi đáp giữa ông và ông Từ thấy ông lại muốn trì chú, lại toan nghiên cứu giới học, cho rằng mật chú có công đức thù thắng chưa hề thấy xưng thuật trong Tịnh độ, tâm bèn chao đảo, không có mấy may ý kiến nhất định nào. Ông căn cứ như thế nào mà muốn pháp gì cũng đều thông cả vậy? Do bị những chuyện cấp thiết khuấy động lâu ngày rất có thể bị mất trí, tôi bảo ông Từ: “Mong ông hãy cực lực

khai thị cho ông ta để trọn tình thầy bạn cùng một pháp môn.” Sư Trân cho rằng Mật tông [nói đến những chuyện] hơi xông, bụi dính¹²² đều được giải thoát, còn Tịnh tông không có những lợi ích ấy, sao chẳng xét ngũ nghịch thập ác lúc lâm chung địa ngục hiện, niệm Phật mấy tiếng bèn được vãng sanh? Lại chẳng thấy những vị Đăng giác trong hội Hoa Nghiêm chứng ngộ bằng với chư Phật, vẫn dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh để cầu viên mãn Phật quả đó ư? Nếu bảo là có pháp nào thù thắng hơn pháp này, bèn muốn bỏ pháp này để tu pháp kia thì sao chẳng suy xét Phật, tổ trong ngàn kinh muôn luận đã định ninh ân cần đốc cặn ỷ vậy?

Nói thật ra, các pháp môn Đại thừa pháp nào cũng đều viên diệu, nhưng do căn cơ có xanh - chín, duyên có cạn - sâu, nên lợi ích thành ra có dễ đạt và khó đạt. Thiện Đạo là hóa thân của Phật Di-đà, ngài dạy chuyên tu vì sợ hành nhân tâm chí bất định, bị các pháp môn khác đoạt chí. Dẫu cho khắp tất cả từ Sơ, Nhị, Tam, Tứ quả thánh nhân và các Bồ-tát Trụ, Hạnh, Hướng, Địa, Đăng giác, cuối cùng là mười phương chư Phật tận hư không, trọn pháp giới, hiện thân phóng quang khuyến bỏ Tịnh độ, giảng cho diệu pháp thù thắng cũng chẳng chịu nhận, bởi thoát đầu đã phát nguyện chuyên tu Tịnh độ, chẳng dám trái nghịch nguyện ấy. Hòa thượng Thiện Đạo đã sớm biết người đời sau đứng

122 Trong Mật tạng, có nói những bài chú nếu gió thổi qua người trì tụng chạm vào người khác, người khác cũng được lợi ích. Như chú Đại Tỳ-lô-giá-na Quán Đảnh, tụng vào cát đem rải lên xương người chết, người chết cũng được giải thoát.



núi này trông núi nọ, chẳng có tí ti định kiến nào nên mới nói như vậy, hòng giết chết cái tâm chụp giựt cuồng vọng cứ luôn mong mỏi, ngưỡng mộ lòng vòng. Ai biết lấy ngài Thiện Đạo làm thầy mà chẳng thuận theo! Người thuận theo [ý tổ Thiện Đạo] chỉ e không thấy nhiều. Há chẳng phải là ác nghiệp đời trước sai khiến đến nỗi pháp khế cơ khế lý nhất ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ, thành ra kẻ nghiệp thức mờ mịt không Thiên, không Tịnh độ, luân hồi không có gốc rễ để nương tựa đó ư? Buồn thay!

Tôi thấy tâm ông tha thiết muốn học hỏi, nhưng nếu thường gửi thư hỏi han, đôi bên đều bị phiền rộn. Do vậy, hỏi Sư Trần có hay không những sách giảng về *Giáo thừa pháp số*¹²³ để thỉnh ắt sẽ có cái để tra duyệt. Sách Phiên Dịch Danh Nghĩa thuộc về [loại giải thích] danh nghĩa tiếng Phạn, Thích Thị Kê Cổ Lược là sách chuyên chép sự tích nhiều đời trong nhà Phật, Duyệt Tạng Tri Tân là sách tóm tắt đại ý của các kinh luận, ngữ lục và những trước thuật trong Đại tạng, Long Tạng Vững Ký chính là mục lục của Đại tạng kinh đời Thanh. Những sách ấy đều thuộc loại không thể không có, có những cuốn sách ấy như có một vị thầy theo sát bên cạnh, hễ hỏi liền đáp.

Người chưa đoạn phiền hoặc cần phải y theo mặt sự để sám hối, khẩn thiết đến cùng cực thì diệu lý chẳng thể nghĩ bàn sẽ triệt để phô bày trọn vẹn. Nếu bỏ sự nói lý sẽ

123 Ở đây Pháp Số chỉ những sách chuyên giải nghĩa những thuật ngữ Phật giáo như Tam Quy, Ngũ Giới, Tâm Vương, Tâm Sở, Ngũ Tru, Tứ Đạo v.v..

chỉ được lợi ích bánh vẽ; lúc nói thì có, lúc dùng thì không. Lại như trong những tập một, hai, ba, bốn của Cao Tăng Truyện, Cư Sĩ Truyện, Tỳ-kheo-ni Truyện, Thiện Nữ Nhân Truyện, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục đều ghi chép những lời lẽ, hành vi tốt đẹp của cổ đức, đọc đến tâm sẽ tự vui sướng ngưỡng mộ, trọn chẳng đến nỗi được chút ít đã cho là đủ, tự cam phận ở nơi hèn kém, mất mát lớn lao. Hoằng Minh Tập, Quảng Hoằng Minh Tập, Đàm Tân Văn Tập, Chiết Nghi Luận, Hộ Pháp Luận, Tam Giáo Bình Tâm Luận, Tục Nguyên Giáo Luận, Nhất Thừa Quyết Nghi Luận đều là những sách hộ trì giáo pháp, đọc đến chẳng bị ma tà, ngoại đạo mê hoặc, lại còn phá được thành lũy tà kiến của chúng. Những sách này đọc đến có thể làm cho chánh kiến kiên cố, có thể hỗ trợ chứng minh cho kinh giáo. Chớ nói mình nhất tâm duyệt kinh, gác những sách ấy ra ngoài không hỏi tới, kéo tri kiến sai biệt chẳng mở mang, gặp địch ắt bị đánh bại nhục nhã vậy. Những điều trình bày trong thư có những chỗ chưa nêu ra, nhưng nếu chú tâm suy xét thì những ý nghĩa ấy sẽ tự hiện rõ.

Lại nữa, nhị không chính là ngã không và pháp không. Ngã không có nghĩa là đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức, hiểu rõ dù sắc hay tâm (sắc là sắc pháp, bốn thứ sau chính là tâm pháp) đều do nhân duyên hòa hợp sanh ra, nhân duyên tách rời bèn diệt, trọn không có được cái chủ thể thật ngã. Pháp không là đối với pháp ngũ ấm, hiểu rõ thể của chúng hoàn toàn là không, Tâm kinh nói “soi thấy năm Uẩn đều không” chính là nghĩa này. Lý pháp không này chính là thật



tướng, do phá vô minh, chứng thật tướng, nên nói “độ hết thủy khổ ách”. Thật tướng là pháp thân lý thể, bỏ lìa trọn vẹn các tướng sanh, diệt, đoạn, thường, không, có v.v., là gốc của hết thủy các tướng, là chân thật nhất. Vì thế gọi là thật tướng. Thật tướng ấy chúng sanh và Phật cùng có, nhưng phàm phu, Nhị thừa do mê trái nên chẳng thọ dụng được. Giống như mình châu trong áo, do không biết nên chẳng tránh khỏi bẩn cùng, chứ không phải là phàm phu đang mê và hàng Nhị thừa chứng chân để không có lý thể ấy.

Hễ ngộ thì rành mạch phân minh như mở cửa thấy núi, vệt mây thấy mặt trăng. Lại như người mắt sáng đích thân thấy đường về, cũng như kẻ sĩ nghèo lâu ngày chợt mở được kho báu. Người chứng như theo đường về nhà, khỏi phải đi nữa, ngồi yên ổn, cũng như nắm được kho báu này thì tùy ý thọ dụng. Về ngộ thì đại tâm phàm phu giống như chư Phật, còn chứng thì Sơ địa chẳng biết được chỗ cất chân, hạ chân của Nhị địa. Hiểu được nghĩa ngộ và chứng này tự nhiên chẳng khởi tăng thượng mạn, chẳng bị thoái khuất mà cái tâm cầu sanh Tịnh độ dẫu vạn con trâu cũng khó kéo lại được.

Lại nữa, phàm sao lục văn tự ắt phải xét kỹ càng, tinh tường, chẳng được làm qua loa cho xong việc. Bài tựa sách Di-đà Yếu Giải, lúc soạn xong, đại sư Ngẫu Ích bỏ đi những câu chữ chưa trọn vẹn. Nhưng câu cuối trong bài tựa, đại sư đã viết: “*Chẳng dám đưa chen khác với hai vị*¹²⁴, cũng

124 Hai vị ở đây là đại sư Liên Trì và U Khê (tác giả Di-đà Viên Trung Sao)

chẳng bắt tất phải ép cho giống với hai vị. Ví như nhìn nghiêng thành chòm, nhìn ngang thành rặng đều là chân cảnh Lô Sơn bất tận, không cần phải bỏ đi cái nhìn Lô Sơn của riêng mỗi người.” Khi ấy, sơ lược bỏ thí dụ này. Chữ tất trong “bắt tất phải ép cho giống với hai vị” bị sửa sai thành chữ cảm (dám), bèn thành ngã mạn tự đại, miệt thị hai vị kia, ngụ ý: Trong những lời chú của hai vị có những điều trái nghịch với kinh, chẳng dám nương theo những ý nghĩa ấy, đâm ra tương phản với thí dụ tiếp theo đó. Quả thật là oan uổng cho ngài Ngẫu Ích, khiến hậu học bị lầm lạc, khiến cho người đọc đến phải đau lòng buốt óc.

Nay đang là lúc nào? Nam Bắc đánh lẫn nhau, trong ngoài chống chọi nhau, ba bốn năm nay, người chết bốn năm ngàn vạn, kể từ khi có loài người đến nay, chưa từng nghe thê thảm như thế. Đã thế lại còn gió lốc, nước ngập, động đất, ôn dịch xảy ra liên miên khắp mọi nơi. Lại thêm lũ lụt, hạn hán, không một năm nào chẳng kèm thêm những tai nạn ấy. Vật giá đắt đỏ hơn trước mấy lần, ngay trong lúc như vậy, may sao còn được sống, dám chẳng kiệt lực chuyên tu tịnh nghiệp để cầu được vãng sanh Tịnh độ ư? Dám do may được thân người bèn phóng túng tâm chí, chẳng chuyên chú một pháp, phù phiếm, ơ hờ phí sức nơi pháp môn chẳng kế cơ, kế thời ư? Ví như một hơi thở ra không hít vào được, muốn lại được nghe pháp môn thẳng tắt này, chỉ sợ rằng chẳng được may mắn như thế nữa đâu!



32. Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ sáu)

Quang đã không có học vấn, lại không có sức lực, nếu nói quá nhiều mắt bèn đỏ au, khó xem được chữ, sao có thể giảng kinh? Huống hồ hiện thời còn bận chuyện in sách, vạn phần chẳng rảnh tay giúp người khác. Dầu không bận chuyện gì cũng chẳng thể đáp ứng được chuyện này. Lời của ông nói chính là vì hình hài gỗ đất mà thếp vàng, nghe rất hay, còn đối với người hiểu thấu suốt thì chẳng đáng nửa đồng. Từ nay về sau chẳng nên nói như vậy nữa, để Quang tôi khỏi phải hổ thẹn, kéo người ta biết đâm ra chê cười. Người học đạo nếu đạo niệm nặng một phần thì phạm tình nhẹ được một phần, đấy là cái thể tất nhiên. Nhưng người chưa đoạn hoặc thường phải nỗ lực, nếu vừa phóng túng thì bệnh cũ nhất định sẽ lại nổi dậy.

Người đoạn sạch kiến tư hoặc mới có thể khéo tùy ý bay nhảy, không cần bó buộc nhiếp trì. Nhà nào muốn hưng thịnh thì gia quy nhà ấy ắt phải nghiêm nhặt từ đầu, nhà nào muốn lụn bại ắt gia quy nhà ấy phải suy đồi, phế bỏ ngay từ đầu. Muốn con em thành người thì phải bắt đầu từ hành vi của chính mình có phép tắc, làm gương cho con em, đấy là lý nhất định. Nay muốn khởi sự từ chỗ bớt việc, bớt tốn sức nên lấy nhân quả báo ứng làm câu đầu tiên để bắt đầu, khiến cho tập quen thành tánh, ngõ hầu sau này chẳng đến nỗi phạm phải sai sót lớn. Đấy chính là diệu pháp bậc nhất để yên đời, làm cho dân lương thiện, tề gia, dạy con.

Đại sư Trí Giả được đời xưng tụng là Thích-ca hóa thân, ai biết được sở chứng của ngài. Nhưng Phật vì chúng sanh hiện thân làm gương nên tự mang thân phận phàm phu, nói: “Nếu ta không lãnh chúng, ắt tịnh sáu căn.” Dùng chính mình để răn người, hiện thân thuyết pháp vậy. Do đại sư thoát đầu cầu đoạn hoặc chứng chân, mong dựa vào những bậc Địa, Đăng (Địa là Thập địa, Đăng là Đăng giác), do hoằng pháp lợi sanh nên bỏ lỡ công phu thiền định của chính mình, vì thế chỉ chứng được địa vị *Ngũ phẩm quán hạnh* trong Viên giáo mà thôi. Do vậy ngài nói: “Tổn mình lợi người chỉ chứng Ngũ phẩm.”

Ngũ phẩm chính là tùy hỷ, đọc tụng, giảng nói, kiêm hành lục độ, chánh hành lục độ, năm thứ như vậy. Địa vị Ngũ phẩm trong Viên giáo viên ngộ tạng tánh (tạng tánh là diệu lý thật tướng, khi tại triền (còn triền phược) thì gọi là Như Lai tạng; khi thoát khỏi triền phược thì gọi là pháp thân. Triền là vô minh, do vô minh chưa đoạn nên gọi là “tại triền”), sở ngộ trọn không khác gì Phật. Khuất phục trọn vẹn kiến tư, vô minh, trần sa phiền não, nhưng chưa đoạn được kiến hoặc, nếu đoạn được kiến hoặc sẽ chứng Sơ tín. Cho đến Thất tín, đoạn sạch tư hoặc, thật sự chứng sáu căn tùy ý chẳng nhiễm sáu trần, nên gọi là địa vị “lục căn thanh tịnh”. Lại trong mỗi một căn có đủ công đức của sáu căn, sáu căn làm Phật sự, vì thế còn gọi là “lục căn hỗ dụng” (sáu căn dùng lẫn cho nhau) như trong phẩm Pháp Sư Công Đức kinh Pháp Hoa đã nói, ngài Nam Nhạc Tư



thị hiện chứng địa vị này. Người thuộc địa vị này chẳng những có đại trí tuệ mà còn có đại thần thông, thần thông ấy Tiểu thừa A-la-hán chẳng thể sánh bằng. Vì thế ngài Nam Nhạc lúc sống cũng như sau khi mất, đều có những chuyện chẳng thể nghĩ bàn khiến cho kẻ thấy, người nghe đều phát khởi tín tâm.

Nam Nhạc lẫn Trí Giả đều là Pháp thân đại sĩ, địa vị các ngài thật sự chứng không ai dò được mức cao thâm. Chẳng qua là muốn khuyên hậu thế chuyên tinh học đạo nên thị hiện thấp kém như thế, há phải họ thật sự chỉ chứng địa vị Thập tín tương tự hay Ngũ phẩm quán hạnh mà thôi! Hạng phàm phu sát đất chúng ta sao kham bắt chước các ngài, chúng ta chỉ nên khéo thô trì trọng giới¹²⁵, nhất tâm niệm Phật, kiêm tu những điều thiện thế gian để làm trợ hạnh, nương theo cách của các vị Vĩnh Minh, Liên Trì mà hành thì không gì chẳng được lợi. Tự mình cải ác tu thiện, nhất tâm niệm Phật.

Phàm với hết thấy những người thân thiết và hữu duyên cũng nên đem pháp này dạy cho. Với những ai phản đối nên sanh ý tưởng thương xót, chẳng được cưỡng bức họ phải hành, đề đầu bò bắt gặm cỏ, muôn vàn chẳng nên. Nếu nói ta nhất tâm niệm Phật, mặc kệ mọi việc, chẳng những trở ngại nơi pháp thế gian mà còn chẳng phù hợp Phật pháp, hành xử theo đúng địa vị mới nên. Khuyến

125 Gợi là thô trì vì chỉ mới giữ được giới tướng trên mặt sự tướng, chưa lãnh hội được giới thể.

người niệm Phật tu hành, cố nhiên là công đức bậc nhất, dưới là vợ con, anh em, trên là cha mẹ, ông bà đều nên khuyên lớn. Nếu chẳng thể uyển chuyển phương tiện trong gia đình khiến cho thân thuộc của mình cùng được lợi ích liễu sanh thoát tử chẳng thể nghĩ bàn này thì chính là bỏ gốc theo ngọn, làm lợi cho kẻ sơ chẳng tính lợi cho người thân, há có nên chăng?

Công khuyên người niệm Phật thì sách Tịnh độ nói rất nhiều, chỉ sợ phí bút mực, nên chẳng viết cặn kẽ. Ông và Sư Thọ đã tu tịnh nghiệp, chỉ nên tại gia niệm Phật, chẳng nên thường đến Phổ Đà, còn những danh sơn khác nếu có triều yết, cũng chẳng qua là ngắm phong cảnh núi non mà thôi. Sao không ở nhà tu trì, chẳng phí tiền tài, thời gian, chẳng nhọc thân tâm bốn ba có tốt hơn không? Lại kẻ ngu vô tri lấy tai làm mắt¹²⁶, một người bịa chuyện, truyền đến vạn người thành thật, đồn xằng Địa Tạng Bồ-tát chính là thái tử nước Tiêm La (Thái Lan), đến tháng Bảy nhuận, quốc vương nước ấy đích thân đến mở cửa tháp thờ nhục thân. Đây toàn là những chuyện không chứng cứ, trọn chẳng nên coi đó là thật. Đợi tới lúc ấy mà đến thì do người đông đất chật, có thể bị xô đẩy, chen lấn, chịu đủ mọi đau khổ. Thật ra, ngài là vương tộc nước Tân La¹²⁷ xuất gia, họ Kim tên Kiều Giác, vào thời Đường Huyền Tông đến núi Cửu Hoa, sống ở đó mấy mươi năm, sau tọa thoát (ngồi

126 Ý nói nghe tin đồn rồi tin tưởng như chính mắt mình thấy.

127 Tân La (Silla) một vương quốc cổ ở Đại Hàn. Cùng với Cao Câu Ly (Koguryo) và Bách Tế (Pakje) hợp thành thế chân vạc, sử Triều Tiên gọi là Tam Quốc thời đại.



mà tịch), nhục thân bất hoại, đem toàn thân nhập tháp, trọn chẳng có chuyện mở cửa tháp.

Trong thời Đường, Cao Ly gồm ba nước: một là Cao Câu Ly, hai là Tân La, ba là Bách Tế; sau này Cao Câu Ly thôn tính hai nước kia, nên chỉ gọi là Cao Ly. Cận đại, kẻ ngu không biết đến nước Tân La, bèn ngoa truyền là Tiêm La. Thời Đường cũng chưa có danh xưng Tiêm La. Danh xưng này gồm hai nước: Một là nước Tiêm (Siam), hai là nước La Hộc (Lavo)¹²⁸, sau này hợp thành một nên mới gọi là Tiêm La. Sự tích của vị tăng ấy được chép đầy đủ trong Cửu Hoa Chí và Tổng Cao Tăng Truyện.

Nếu muốn lễ pháp nhan, nên chọn nhằm lúc vắng vẻ. Nhắm đúng kỳ dâng hương ở núi Cửu Hoa, khách dâng hương đông đảo gấp trăm lần Phổ Đà, hướng chi năm nay lại có lời đồn ấy, người lên núi lễ không biết đông gấp mấy lần thường kỳ. Huống chi tháp xây ở chỗ cao, nếu trước tháp có chừng hai ba trăm người, ắt sẽ có chuyện chen lấn, xô đẩy. Nếu không hiểu chuyện, mang theo phụ nữ, do chen lấn bị táng thân mất mạng, hoặc cũng khó giữ gìn. Há có nên chẳng y theo pháp ngôn, chuyên tin lời đồn, tự chuốc lấy phiền não? Quang thấy hai vị lệnh tôn tuổi đã cao, sợ các vị không biết lợi - hại, cứ cho như vậy mới là tận hiếu, nên khôn ngoan dài dòng, mong hãy xét kỹ thì may mắn thay!

128 Lawo hoặc Lavo là một vương quốc cổ của người Mon-Khmer, nay thuộc tỉnh Lobpuri của Thái Lan (thành phố Lobpuri có tên xưa là Lavo). Sau khi vương quốc Ayuthaya thành lập, Lavo trở thành kinh đô thứ hai. Siam được phiên âm sang tiếng Hán là Tiêm, nhưng ta thường đọc là Xiêm.

33. Thư gửi nữ sĩ Từ Phước Hiền

Tôi ăn bám Phổ Đà hơn 20 năm, trọn chẳng giao thiệp cùng hai chúng tại gia. Do lão hữu Chí Ngu trụ tích¹²⁹ tại Từ Nham nên thường gặp nhau trò chuyện, gần đây thấy Phước Nghiêm đến đây chưa đầy một tuần, thường đến chỗ tôi, nhắc đến sự trình tháo của bà liền khởi lòng thương xót, nhân đấy tôi bèn an ủi rằng: “Tuy bà ta trình liệt đáng phong tặng, nhưng đáng tiếc là không biết đường tu ra sao? Tôi sẽ trình bày đại lược những điểm cương yếu để bà tùy phận tùy sức, dốc lòng tu tịnh nghiệp.” Thấy Nghiêm bèn lễ thỉnh khẩn thiết, nhân đó, tôi bảo:

- Phật pháp chính là pháp vốn có trong tâm hết thảy chúng sanh. Tam thừa (Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát), lục phàm (thiên, nhân, a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh) đều nên tuân hành, tại gia hay xuất gia đều có thể thọ trì. Huống chi thân nữ nhiều chướng ngại, chuyện gì cũng không được tự do. Lìa quê sang tỉnh khác, dễ chuốc lấy lời chê trách, gièm xiêm, hủy nhục của người ngoài. Vì lo nghĩ đến điều ấy, theo tôi bà chỉ nên ở nhà trì giới niệm Phật, quyết chí cầu sanh thế giới Cực Lạc, trọn chẳng nên xa lìa quê nhà, xuất gia làm ni. Còn như nghiên cứu kinh giáo đến cùng tốt, tham phỏng minh sư quyết định là phận sự của nam tử, nữ nhân chẳng nên bắt chước! Nữ nhân chỉ nên dốc lòng tu tịnh nghiệp, chuyên trì Phật hiệu.

129 Tích là tích trượng, cây gậy có những vòng sắt để vị tăng cầm đi đường hoặc khát thực. Trụ tích là ở lại một nơi nào đó tu hành.



Nếu thật sự có thể nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, tự nhiên trong đời này tự chứng niệm Phật tam-muội, lâm chung vãng sanh thượng phẩm. Dầu chưa thể tự chứng tam-muội cũng được cao dự hải hội, hầu cận Di-đà mãi mãi. Do đấy, tự chứng vô sanh, khôi phục tâm tánh vốn có, nên vô biên giáo hải thấy đều hiểu rõ, như gương báu đặt trên đài, muôn hình ảnh đều hiện. Sau đấy, nương vào từ lực của Phật và bốn nguyện của mình chẳng lìa An Dưỡng, trở vào Sa-bà, dùng đủ mọi phương tiện độ thoát chúng sanh, mong hết thấy hữu tình cùng lên Liên Bang, đều chứng vô sanh, ngộ hầu chẳng phụ một phen tâm quyết liệt tu trì, đáng gọi là hoa sen trong lửa, là bậc trượng phu của nữ giới. Phàm tu tịnh nghiệp, phải lấy quyết chí cầu sanh Tây Phương làm gốc, pháp môn Tịnh độ lấy ba pháp tín nguyện hạnh làm tông.

Nói đến tín thì phải tin Sa-bà là khổ, khổ không nói nổi; Cực Lạc là vui, vui không thể ví. Cái khổ trong Sa-bà là sanh, lão, bệnh, tử, yêu thương phải chia lìa, chán ghét cứ phải gặp gỡ, cầu không được, ngũ ấm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) hừng hực (ngũ ấm hừng hực nghĩa là chúng sanh đối với năm ấm sắc, thọ, tưởng, hành, thức khởi hoặc tạo nghiệp, như lửa cháy bùng bùng, chẳng thể ngưng dứt. Cái khổ này thuộc về nhân chiêu cảm quả khổ, bảy thứ trước là quả khổ được chiêu cảm. Cái khổ trong Sa-bà tuy nhiều hơn cát sông Hằng, nhưng tám thứ khổ này bao gồm trọn hết không sót. Các nỗi khổ đích thân đã trải qua, nên không cần phải giải thích chi tiết).

Sự vui trong Cực Lạc nếu ước theo căn thân thì hoa sen hóa sanh, trường sanh bất tử, mang thân nam, trọn không có hình dáng nữ, chẳng nghe đến cái tên ác đạo, hưởng gì thật có. Ước theo khí thể giới thì vàng ròng làm đất, bảy báu làm ao, hàng cây kín trời, lầu gác trụ trên không. Nghĩ đến áo bèn có áo, nghĩ đến ăn được ăn, phạm những thứ gì mình thọ dụng không gì chẳng được như ý, nhưng những gì dùng đến đều là hóa hiện; không như cõi này phải do sức người tạo tác mới thành. Di-đà đạo sư tướng hảo, quang minh vô lượng vô biên, vừa thấy từ dung liền chứng pháp nhãn. Hưởng hồ còn có Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh hải hội, mỗi vị đều phóng tịnh quang cùng tuyên diệu âm. Vì thế, tuy là phạm phu đầy dẫy phiền não, nghiệp lực đầy thân nhưng nếu như tín nguyện chân thành, khẩn thiết liền được Phật từ nhiếp thọ, vừa vãng sanh thì phiền não, ác nghiệp bèn bị tiêu diệt triệt để, công đức, trí tuệ rất ráo hiện tiền. Tin được như thế thì gọi là chân tín. Muốn biết tường tận nên đọc kỹ kinh A-di-đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, những kinh này được gọi chung là Tịnh độ tam kinh, chuyên giảng về duyên khởi, sự lý Tịnh độ.

Những kinh Đại thừa khác đều nói kèm Tịnh độ, nhưng kinh Hoa Nghiêm là lúc Như Lai mới thành Chánh giác vì 41 địa vị Pháp thân đại sĩ xứng tánh giảng thẳng vào diệu pháp Nhất thừa. Cuối cùng Thiện Tài đồng tử tham học khắp các thiện tri thức, chứng ngang với chư Phật, bèn được Phổ Hiền Bồ-tát dạy cho mười đại nguyện vương,



khuyến cho Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, ngõ hầu viên mãn Phật quả. Trong Quán kinh, hạ phẩm hạ sanh ngũ nghịch thập ác đủ mọi chuyện bất thiện, lúc lâm chung, tướng địa ngục hiện, có thiện tri thức dạy niệm Phật, người ấy liền vâng lời dạy, xưng niệm Phật danh, chưa đủ mười tiếng liền thấy hóa Phật xòe tay, tiếp dẫn vãng sanh.

Kinh Đại Tập chép: “Đời mạt pháp ỨC ỨC người tu hành, hiếm có một kẻ đắc đạo, chỉ có niệm Phật mới thoát khỏi sanh tử.” Do vậy, biết một pháp niệm Phật chính là đạo để thượng thánh hạ phàm cùng tu, là hạnh chung để hành của mọi người dù ngu hay trí, hạ thủ dễ, thành công cao, dùng sức ít, hiệu quả nhanh chóng. Do chuyên cậy vào Phật lực, nên lợi ích thù thắng, là đạo pháp siêu việt đường lối thông thường. Người xưa nói: “Học đạo nơi các môn khác như con kiến bò lên núi cao, niệm Phật vãng sanh như cưỡi buồm xuôi gió, thuận nước.” Có thể gọi là khéo hình dung nhất!

Nếu muốn nghiên cứu kinh A-di-đà thì có bản Yếu Giải do đại sư Ngẫu Ích soạn, lý sự đều đạt đến tột bậc, là bản chú giải bậc nhất kể từ khi Phật đã giảng kinh này. Hay khéo, xác đáng cùng cực, quả thật dấu cổ Phật tái sanh nơi đời chú giải lại kinh này cũng không thể hay hơn được! Chớ có xem thường, hãy nên tin nhận kỹ càng. Kinh Vô Lượng Thọ có bản sớ giải của pháp sư Huệ Viễn đời Tùy, giải thích ý nghĩa theo kinh văn rất trong sáng, gãy gọn.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật có bản Tứ Thiếp Sớ của hòa thượng Thiện Đạo, do muốn độ khắp ba căn nên đa phần ngài ước theo sự tướng mà phát huy. Cuối chương Thượng Phẩm Thượng Sanh, ngài lại phát huy sự hơn kém giữa hai cách chuyên tu và tạp tu, khiến người đọc sanh tín tâm kiên cố, chân thật: Dẫu Thích-ca và chư Phật hiện thân bảo hộ pháp Tịnh độ này, tu những pháp môn khác, cũng chẳng đổi dời ý chí đôi chút. Có thể nói lời ấy chính là kim chỉ nam cho hành giả Tịnh độ vậy. Như Quán Kinh Sớ Diệu Tông Sao của tông Thiên Thai để lý cực viên dung, nhưng người trung hạ căn chưa thể được lợi ích. Vì thế chẳng bằng Tứ Thiếp Sớ độ khắp ba căn, lợi căn lẫn độn căn cùng được lợi ích.

Đã biết những nghĩa lý như trên vừa nói thì phải nương theo đó mà tin tưởng chắc chắn, tự mình nhận biết, tin tưởng được như thế. Nếu như mình không thấy được như thế thì cũng nên tin tưởng như thế. Ngừa tin lời Phật, trọn chẳng nên vì phạm tình suy lường không được rồi nài sanh mảy may nghi niệm thì mới gọi là chân tín. Đã sanh lòng tin rồi, ắt phải phát nguyện: Nguyện lia Sa-bà như đang bị tù mong thoát khỏi lao ngục, nguyện sanh Cực Lạc như đứa con cùng quần mong về lại cố hương.

Nếu trước khi được sanh về Tịnh độ, dẫu được trao ngôi vua trong cõi trời cõi người cũng nên coi đó là nhân duyên đọa lạc, trọn chẳng có một niệm mong mỏi, hâm mộ. Còn những chuyện như đời sau chuyển nữ thành nam, xuất



gia từ tấm bé, nghe một hiểu ngàn, đắc đại tổng trì, cũng nên coi như là đường tu đi vào ngõ rẽ, tâm trọn chẳng có một niệm mong mỏi. Chỉ muốn lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương, đã được vãng sanh liền liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, ở vào địa vị bất thoái, chứng vô sanh nhẫn. Ngoảnh lại nhìn những chuyện làm vua trời người và xuất gia làm tăng, không biết đến Tịnh độ, tu các pháp môn khác, trải bao kiếp nhọc nhằn, không do đâu được giải thoát, giống như lửa đóm sánh cùng mặt trời rạng ngời, tổ kiến sánh cùng Thái Sơn, buồn bã khôn ngăn, thương xót khôn cầm. Vì thế người tu Tịnh độ trọn chẳng thể cầu mong phước lạc nhân thiên trong đời sau và xuất gia làm tăng v.v.. Nếu tâm có mảy may mong cầu đời sau thì chính là không chân tín, nguyện thiết, bị cách ngăn với thế nguyện của Phật Di-đà, chẳng thể cảm ứng đạo giao, chẳng được Phật tiếp dẫn, biến diệu hạnh thù thắng chẳng thể nghĩ bàn này thành cái nhân phước báo hữu lậu nhân thiên. Huống chi lúc hưởng thụ ắt tạo ác nghiệp! Đã tạo ác nghiệp, khó tránh khỏi ác báo, như bỏ chất độc trong đê-hồ có thể giết người, chẳng khéo dụng tâm còn tệ hơn thế. Phải triệt để chém đứt những ý niệm ấy mới mong được lợi ích hoàn toàn nơi Tịnh độ, toàn thân thọ dụng. Đã có chân tín, nguyện thiết, ắt phải chí tâm chấp trì sáu chữ thánh hiệu “Nam-mô A-di-đà Phật”, bất luận đi, đứng, ngồi, nằm, nói năng, im lặng, mặc áo, ăn cơm, và lúc đại tiểu tiện v.v. đều chẳng lìa sáu chữ hồng danh (hoặc trì bốn chữ cũng được), ắt phải dốc toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, tâm -

Phật không hai, tâm - Phật như một. Nếu có thể niệm đầu chú tâm đó, niệm đến cùng cực, bao tình kiến mất hết, tâm không, Phật hiện, thì trong đời này tự có thể chứng được tam-muội. Đến lúc lâm chung, sanh vào thượng thượng phẩm, có thể nói là đã tu trì đến cùng cực vậy.

Ngay trong sanh hoạt thường ngày, với tất cả những điều thiện nhỏ nhặt và các thiện căn như tụng kinh, lễ bái... đều đem những công đức ấy hồi hướng vãng sanh. Như thế thì hết thấy hạnh môn đều thành trợ hạnh cho Tịnh độ, như gom các trần thành đất, tụ các dòng nước thành biển, rộng lớn sâu thẳm, ai cùng tốt được. Nhưng phải phát tâm Bồ-đề, thệ nguyện độ sanh, tất cả công đức tu trì hồi hướng cho khắp pháp giới chúng sanh bốn ân ba cõi. Giống như đổ dầu vào lửa, như mưa gặp mưa; đã kết pháp duyên sâu xa cùng hết thấy chúng sanh lại còn có thể mau thành tựu hạnh Đại thừa thù thắng cho chính mình. Nếu không biết nghĩa này thì là kiến giải tự lợi của phàm phu, Nhị thừa, dấu tu diệu hạnh này, chỉ cảm được quả hèn kém.

Tuy hết thấy thời, hết thấy lúc niệm Phật đều không trở ngại, nhưng phải thường nên kiên trì, coi tượng Phật giống như Phật sống, coi kinh Phật, lời tổ giống như Phật, tổ đang hướng về mình thuyết pháp, chẳng dám ôm lòng hoài nghi, khinh mạn tí nào. Dấu hiệu tử đạo di chúc, trung thần vãng sắc chỉ cũng chẳng thể hơn được. Trong lúc bình thời niệm Phật, niệm ra tiếng hay niệm thầm tùy ý, còn lúc ngủ nghỉ hoặc đại tiểu tiện, tắm gội, rửa chân v.v. và



đi qua chỗ hôi nhơ, chẳng sạch đều nên niệm thầm, chớ nên niệm ra tiếng. Niệm ra tiếng là không cung kính, niệm thầm công đức cũng thế.

Tôi thường nói muốn được lợi ích nơi Phật pháp phải hướng về cung kính mà cầu, có một phần cung kính ắt tiêu một phần tội nghiệp, tăng một phần phước tuệ; có mười phần cung kính, tiêu được mười phần tội nghiệp, tăng được mười phần phước tuệ. Nếu trọn chẳng cung kính thì dù có trồng viển nhân, nhưng cái tội khinh nhờn chẳng thể tưởng tượng được! Nay những kẻ tại gia đọc kinh Phật đều phạm phải những bệnh ấy, vì thế đối trước những kẻ hữu duyên phải thường ra rả nói. Niệm Phật cần phải nhiếp tâm, niệm từ tâm khởi, tiếng từ miệng phát ra, đều phải mỗi câu mỗi chữ phân minh rành rẽ. Lại phải lắng tai nghe kỹ, từng câu từng chữ nạp vào trong tâm. Nhĩ căn đã nhiếp thì các căn kia không cách chi rong ruổi bên ngoài, mới hòng mau đạt nhất tâm bất loạn.

Đại Thế Chí Bồ-tát nói: “Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam-ma-địa, ấy là bậc nhất” chính là chỉ về điều này vậy. Ngài Văn-thù nói: “Quay trở lại nghe nơi tự tánh, tánh thành vô thượng đạo” cũng nhằm chỉ điều này. Chớ bảo pháp trì danh là thiện cận rồi bỏ bê, tu theo những pháp quán tượng, quán tướng, thật tướng, phạm trong bốn cách niệm Phật chỉ có trì danh là khế cơ nhất. Trì đến nhất tâm bất loạn thì diệu lý Thật Tướng hiển lộ toàn thể, Tây Phương diệu cảnh triệt để phô bày trọn vẹn. Do trì danh chứng được

thật tướng, chẳng cần quán tưởng vẫn thấy được thấu triệt Tây Phương, một pháp trì danh chính là huyền môn để nhập đạo, là đường tắt để thành Phật. Người đời nay giáo lý quán pháp chẳng hiểu rõ, nếu tu quán tưởng thật tướng rất có thể bị ma dựa, khéo quá hóa vụng, cầu thăng hóa đọa. Nên tu hạnh dễ hành, ắt tự cảm được quả chí diệu.

Sách Tịnh Độ Thập Yếu là do đại sư Ngẫu Ích dùng con mắt Kim Cang, từ các sách xiển dương Tịnh độ chọn lấy những quyển khế lý khế cơ cùng tốt không còn thêm gì được nữa. Thứ nhất là Di-đà Yếu Giải do chính đại sư tự chú thích, văn uyên thâm nhưng dễ hiểu, lý viên đốn duy tâm, không còn gì tuyệt diệu hơn, hãy nên thường nghiên cứu. Còn chín tác phẩm sau không cuốn nào chẳng lý viên mãn, từ hay khéo, khế hợp thời cơ sâu xa. Tuy chưa chắc có thể hoàn toàn hiểu rõ từng cuốn, nhưng mỗi lần đọc đều giống như uống tiên đơn, lâu ngày chầy tháng xác phàm sẽ thành cốt tiên vậy. (Đây là nói ví von pháp môn mẫu nhiệm, chẳng được hiểu lầm là thành tiên).

Tịnh Độ Thánh Hiền Lục chép tường tận những hạnh nguyện của Phật Di-đà khi còn tu nhân cũng như công đức khi đã chứng quả, và những chuyện tự hành hóa tha của các vị Bồ-tát Quán Âm, Thế Chí, Văn-thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ. Kế đến chép sự tích vãng sanh của Viễn công (tổ Huệ Viễn), Trí Giả và các đại tổ sư, thiện tri thức cho đến đầu đời Thanh và những chuyện tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, vua, quan, sĩ thứ, phụ nữ, ác nhân, súc sanh niệm



Phật vãng sanh. Lại còn chọn lọc những ngôn luận thiết yếu chép vào từng truyện, ngõ hầu người đọc có căn cứ để bắt chước, không còn gì nghi ngờ, lấy cổ nhân làm thầy, tận lực tu tịnh nghiệp. So với tham phòng tri thức lại càng chân thành, khẩn thiết hơn!

Long Thư Tịnh Độ Văn đoạn nghi khởi tín, phân môn chia loại, chia chẻ pháp môn tu trì thành từng điều căn kẽ, là cuốn sách kỳ diệu dẫn dụ sơ cơ bậc nhất. Nếu muốn lợi khắp hết thấy, chẳng thể chẳng khởi đầu từ sách này. Ba thứ trên đây và Vô Lượng Thọ Kinh Sớ, Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ, tổng cộng năm loại; trước đây tôi đã bảo thầy Phước Nghiêm thỉnh rồi gửi qua bưu điện, không biết đã thỉnh được chưa? Nếu không, hãy hồi âm để gửi lại. Có những cuốn sách ấy, ắt biết trọn các nghĩa lý Tịnh độ, dầu không đọc khắp các kinh, cũng chẳng bị thiếu khuyết gì. Nếu chẳng biết pháp môn Tịnh độ, dầu thâm nhập kinh tạng, triệt ngộ tự tâm, muốn liễu sanh tử còn chẳng biết phải mất mấy đại kiếp mới hòng mãn được nguyện ấy. Thuốc a-già-đà (Phạn ngữ a-già-đà, Hán dịch là phổ trị (trị khắp tất cả), trị được hết thấy bệnh tật) trị được vạn bệnh. Không biết điều này, đáng đau tiếc thay! Biết nhưng không tu, hoặc tu chẳng chuyên tâm dốc lòng, càng đáng đau tiếc hơn nữa. Nữ nhân ra khỏi cửa bị trở ngại lớn, hưởng chi độ dụng (chi phí hằng ngày) gian nan, càng thêm bất tiện.

Đối với việc thọ giới, nếu nam tử xuất gia làm tăng thì phải vào chùa tập tành oai nghi mới biết quy củ của chốn

tùng lâm, giữ đúng oai nghi của tăng thì du phương hành cước mới trọn không bị trở ngại. Nếu không, thập phương tùng lâm không cách nào ở được. Nếu là nữ nhân, nhà cửa giàu có, tự mình làm chủ thì đến chùa thọ giới cũng không phải là không được. Còn như gia cảnh khốn cùng, cần gì phải làm như thế? Chỉ nên đối trước Phật khẩn thiết, chí thành, sám hối tội nghiệp bảy ngày, tự thọ giới. Đến ngày thứ bảy, đối trước Phật xưng rằng: “Đệ tử là Phước Hiền, thể giữ năm giới, làm mãn phạm ưu-bà-di (ưu-bà-di, Hán dịch là cận sự nữ, nghĩa là đã thọ năm giới, kham vâng thờ Phật, mãn phạm nghĩa là cả năm giới đều trì). Suốt cuộc đời không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục (nếu có vợ chồng thì nói là không tà dâm), suốt cả một đời không vọng ngữ, suốt cả một đời không uống rượu.” Nói ba lần như thế, liền được đắc giới. Nhưng phải tự chí tâm thọ trì, công đức trọn chẳng hơn kém. Chớ bảo kẻ tự thọ giới chẳng đúng pháp. Điều này chính là thánh huấn của Như Lai trong kinh Phạm Võng.

Phổ Đà mùa thu không truyền giới, truyền giới bắt đầu vào thượng tuần tháng Giêng đến ngày 19 tháng 2 là viên mãn. Nhưng tôi mong bà hãy ở yên tu trì tịnh nghiệp, chớ nên bồn ba lặn lội. Nếu vẫn chấp trước không đổi chính là không phân tốt xấu, trở ngại sự thanh tu của chính mình, phụ lời trung thực của lão tăng. Tôi mong bà đời này thành tựu đạo nghiệp, chứ trọn chẳng ngăn trở pháp duyên của bà, bà hãy nên suy nghĩ kỹ, tự biết lấy bỏ ra sao. Còn như chẳng thể xuất gia toan bỏ mạng này, ý niệm ấy tuy trình liệt, nhưng tâm ấy thật si khờ. Tăng ni đời nay ai có thể kham làm



thầy? Trụ trì am miếu cường bạo thật nhiều. Bà là phận gái, bậc thượng sĩ khó thể dạy dỗ, uốn nắn vì phải tỵ hiềm, kẻ hạ ngu bèn kiệt lực chạy theo duyên do muốn tạo nghiệp.

Bà chỉ biết xuất gia làm ni là giải thoát, không biết xuất gia làm ni là chướng ngại. Vì thế chẳng ngại phiền toái, ân cần bảo ban, bà tưởng xả mạng là giải thoát ư? Chẳng biết thức bị nghiệp lôi đi, lại phải thọ sanh vào trong bụng ngựa cái, lừa cái cũng không biết chừng, muốn lại có được thân người nữ, chỉ e không được may mắn lớn lao như thế! Dẫu lại được làm thân người nữ, hoặc làm thân nam, hoặc làm vua trong loài người, vua cõi trời, há dám bảo đảm gặp được Phật pháp bèn tin nhận ư? Há dám chắc còn gặp được pháp môn Tịnh độ liễu thoát ngay trong đời này ư? Dẫu cho gặp được, sao bằng đời này nhần nại cố sống, báo hết liên sanh về Tây Phương chẳng hơn ư?

Từ lúc sanh ra đến nay, có ai vì bà tính toán như vậy hay chẳng? Nếu vẫn không tin lời tôi tức là vong ân phụ nghĩa, cái khổ trong tương lai còn vô lượng vô biên gấp bội ngày nay. Năm tay người ta kéo đi không được, phải là tự người ta có chịu đi thì mới tương ứng. Có nghe lọt tai hay không? Mong bà hãy tự suy xét, cũng mong bà đem những lời này bảo cho trình nữ Phước Liên biết.

34. Thư gửi sư Khang Trạch

Quang tôi túc nghiệp sâu nặng, hiện hạnh yếu kém, dẫu [bế quan tu luyện] trường kỳ trọn chẳng tiến bộ, vọng

niệm nhiều hơn Phật niệm, nghiệp thức chương lấp tri thức, Phật từ thăm khắp mà tôi vẫn chẳng thể được lợi ích, mỗi lần nghĩ đến lại hổ thẹn khôn ngần. Dù Phật chẳng nhiếp thọ kẻ dối trá đi nữa, Quang tôi ắt phải đến chết mới cam lòng thất bại (Nguyên văn: “dĩ tử kỳ bại liệt”, đây là phương ngôn của người phương Bắc, liệt là công oanh liệt, bại là bại hoại (thua chết), như Trương Tuấn giữ Duy Dương, thế phá giặc công lao oanh liệt, lấy cái chết làm hạn, quyết chẳng thất bại. Nếu không chết quyết định phải thành tựu công lao oanh liệt ấy, nếu chết mới chịu thất bại. Đây là thành ngữ người phương Bắc thường dùng, người phương Nam chưa từng nghe đến nên phải ghi ý nghĩa này ở đây), buồn thương cầu gia bị; dầu nay chưa được gia bị, nhưng rốt cuộc cũng có ngày được gia bị. Nay tôi tính từ ngày 30 theo đại chúng đón năm mới, đến ngày mồng 1 bèn lại bắt đầu kỳ bế quan cho đến khi hòa thượng thoái ẩn mới thôi, lại định chương trình cho sau này, quyết định phải tâm tương ứng Phật, mới hơi yên dạ.

Hiện thời, pháp đạo ngày càng thấy suy đồi, nghiêng ngửa, sự thể sau này chẳng đành lòng nói đến! Hãy nên dốc sức niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ngõ hầu chẳng uổng công xuất gia tu hành. Nếu không, e rằng sau này muốn tu hành cũng không chỗ nào tu được, dầu muốn cầu pháp cũng chẳng có pháp gì để cầu, biết làm sao đây? Trong kỳ hạn bế quan sẽ đem Vô Lượng Thọ Kinh Sớ đọc kỹ hai lần, phần huyền đàm phán định chung của bản sớ này tuy chẳng bằng tông Thiên Thai, nhưng phần giải thích kinh văn, ý nghĩa thật



rõ ràng, không thể không xem! Đọc Quán Kinh Sớ ba lượt. Hòa thượng Thiện Đạo chuyên lấy sự tướng bình thường thực tiễn của pháp môn để tiếp dẫn phàm phu đời mạt, chẳng dùng đến những pháp môn huyền diệu quán tâm ước giáo, có thể nói là lòng từ bi đến mức cùng cực không gì hơn được nữa. Ấy là vì nghiệp thức chưa tiêu, tam-muội chưa thành, dầu có bàn đến lý tánh, cũng trộn thành bánh vẽ!

Lại vì cổ nhân nghe nói đến lý tánh, “ngay nơi bản thể chính là” liền tiến triển thật nhanh, người đời này nghe đến những lời lẽ ấy bèn vứt bỏ đạo nghiệp, chỉ muốn mặc tình mặc sức coi nghiệp thức mờ mịt là thiên chân. Sách này trong nước, ngoài nước sao lục, biên chép sai lầm nhiều quá đỗi. Những chỗ ông Dương Nhân Sơn chấm câu để đọc đều thích đáng, còn như việc giáo chánh những chỗ sai lầm cũng chỉ là đối chiếu cho có lệ, chưa hoàn toàn chỉnh hết những sai ngoa. Đối với những bản Di-đà Sớ Sao đã khắc, Quang chẳng ngại mắc tội, đại lược đính chính. Biết nỗi lòng đau đầu của ngài Thiện Đạo càng thêm thân thiết, nhưng chẳng dám được xem như ông Dương và những vị hoàng pháp đương thời. Nếu bọn họ xem đến lại khác nào như tôi công khai nhục mạ người thông minh. Đọc Vãng Sanh Luận Chú một lượt, văn nghĩa hiển lộ, rộng rãi, thẳng tắt, trên thật sự có thể kể tục ngài Khuông Lô, dưới có thể dẫn khởi các vị Thiên Thai, Tây Hà, Trường An¹³⁰ v.v., hãy nên đọc kỹ. Những chữ sai lầm trong ba bộ sách ấy đều ghi bên trái mỗi dòng¹³¹, đợi đến hết kỳ hạn bế

130 Thiên Thai là ngài Trí Giả, Tây Hà là ngài Đạo Xước, Trường An là ngài Thiện Đạo.

131 Nguyên văn: “*Tiêu ư đỉnh cách*.” Theo Vương Đồng Úc, “đỉnh cách” là cách viết ghi

quan mùa xuân năm sau sẽ trình cho thấy rõ.

35. Thư gửi pháp sư Đế Nhân¹³²

Quang từ khi xuất gia đến nay liền tin một pháp Tịnh độ, nhưng do nghiệp chướng ngăn che, đã 20 năm, phè phỡn sống thừa, miệng tuy niệm Phật, tâm chẳng nhiếp đạo. Gần đây được pháp sư dạy dỗ, khuyến khích, thệ lập kỳ tu tập, hòng chẳng phụ tấm lòng đau đáu. Hiềm rằng hôn tán chen lẫn, vẫn cứ lẫn quẩn y như cũ. Nhân đó mỗi ngày đọc hơn mười tờ kinh điển Tịnh độ để phát khởi tâm thẳng tấn.

Thử dùng pháp môn Bảo Vương Tùy Túc¹³³ liền nhận

chú sao cho chữ đầu của mỗi hàng ghi chú nằm đúng ngay bên trái dòng ấy.

132 Đế Nhân (1858-1932), danh tăng tông Thiên Thai sống vào cuối đời Thanh cho đến đầu thời Dân Quốc, người Hoàng Nham, Chiết Giang, họ Chu, tên Cổ Hư, hiệu Trác Tam. Thuở bé thấy sa-môn liền vui mừng, lúc trẻ học y, năm 20 tuổi từng nhiều lần thí thuốc cho người nghèo ở Hồ Ấp. Về sau, vợ chết, con mất, bèn bỏ vào núi Bạch Vân, xuất gia với ngài Thành Đạo. Năm 24 tuổi, thọ giới cụ túc ở chùa Quốc Thanh, núi Thiên Thai. Lần lượt học Pháp Hoa, Lăng-nghiêm với các vị Mãn Hy, Hiếu Nhu, Đại Hải v.v.. Năm Quang Tự 12 (1886), được ngài Tích Thụy Dung Tổ truyền pháp, kế thừa tông phong Thiên Thai đời thứ 43. Trước sau ngài bề quan ba lần chuyên tu thiền quán. Ngài từng làm trụ trì các chùa Đầu Đà ở Vĩnh Gia, chùa Giới Châu ở Thiệu Hưng, chùa Long Hoa ở Thượng Hải, chùa Quán Tông ở Cẩn Huyện. Ngài giảng kinh thuyết pháp hơn 40 năm. Năm Tuyên Thống thứ 2 (1910), lập Phật Giáo Sư Phạm Học Hiệu ở Nam Kinh, kiêm nhiệm vai trò hiệu trưởng. Năm 1919, lập Quán Tông Học Xá tại chùa Quán Tông. Các vị Thường Tinh, Nhân Sơn, Hiến Ấm, Đàm Hư, Giới Trân, Trì Tùng, Diệu Chân, Tường Duy Kiếu, Hoàng Thiệu Hy là những học trò nổi tiếng của sư. Ngài nhập diệt tháng 7 năm 1932. Trước thuật nổi tiếng nhất là các bộ Viên Giác Kinh Giảng Nghĩa, Kim Cang Kinh Tàn Sớ, Chung Thủy Tâm Yếu Giải, Quán Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa..., được gom thành bộ Đế Nhân Đại Sư Di Tập.

133 Bảo Vương Tùy Túc do ngài Phi Tích đời Đường chế ra. Trong Niệm Phật Tam-muội Bảo Vương Luận, quyển trung, ngài dạy như sau: “Người trên đời đa phần dùng bảo ngọc, thủy tinh, hạt kim cang, hạt bồ-đề, hạt mộc-hoạn để làm xâu chuỗi, còn ta



thấy vọng niệm không còn trào dâng, ô ạt như trước. Nghĩ tu cách này lâu ngày ắt sẽ có lúc sương tan, mây tiêu, thấy tỏ mặt trời. Lại tra trong sách Lạc Bang Văn Loại, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục đều có chép đoạn này. Nhân đó, hiểu phép thập niệm của ngài Từ Vân nhờ vào hơi thở để trói buộc cái tâm, cội gốc là đây, nhưng Liên Tông Bảo Giám¹³⁴ cũng chép cách này. Đủ thấy cổ nhân đã thấy trước cơ nghi của hậu thế, không có cách này chẳng nhập được, bèn lập sẵn pháp ấy. Nhưng cổ nhân không thường đem cách ấy dạy người, bởi căn tánh con người khi ấy còn thông lợi, dễ chịu phát tâm bèn tự được nhất tâm.

Nhưng người đời nay như Quang, chướng nặng căn độn, e cả đời chẳng đạt được nhất tâm bất loạn. Vì thế trình bày chuyện mình để hỏi bậc cao minh nên hay không nên, xin bảo rõ cho. Quang lại cho rằng chỉ một pháp này có đủ

dùng hơi thở ra vào để làm khâu chuỗi. Xưng danh hiệu theo hơi thở thì chắc chắn lắm, nào sợ thở ra không hít vào được bèn thuộc đời sau. Ta đi - đứng - nằm - ngồi thường dùng khâu chuỗi này, dầu cho mê mệt cũng ôm Phật mà ngủ, thức lại niệm tiếp. Ất trong mộng thấy được đức Phật!”

134 Bộ sách này do ngài Ưu Đàm Phổ Độ chùa Đông Lâm, Lô Sơn (sống vào đời Nguyên) soạn, gồm 10 quyển. Còn có những tên gọi khác như Lô Sơn Ưu Đàm Bảo Giáo, Lô Sơn Liên Tông Bảo Giáo Niệm Phật Chánh Nhân, hoặc Niệm Phật Bảo Giám. Ngài Ưu Đàm coi mình là người nối tiếp chí hướng của sơ tổ Huệ Viễn, xiển dương giáo nghĩa của ngài Từ Chiếu Từ Nguyên thời Nam Tống. Sách gồm những trích lục trọng yếu về pháp niệm Phật tam-muội, sử truyện của Tịnh Tông. Ngài soạn tập sách này nhằm thuyết minh căn kế giáo nghĩa Tịnh độ được xiển dương bởi ngài Huệ Viễn và Từ Nguyên nhằm bài trừ những tà thuyết, kiến giải sai lầm của những người tự xưng là Tịnh độ thời ấy. Nội dung chia thành các mục: niệm Phật chánh nhân, niệm Phật chánh giáo, niệm Phật chánh tông, niệm Phật chánh phái, niệm Phật chánh tín, niệm Phật chánh hạnh, niệm Phật chánh nguyện, niệm Phật vãng sanh chánh quyết, niệm Phật chánh báo, niệm Phật chánh luận. Mỗi quyển gồm có phần tổng thuyết, rồi đến những đoạn kinh luận trọng yếu, hành trạng của cổ đức, giáo ngữ v.v..

cả ngũ đình tâm quán¹³⁵. Nếu có thể niệm Phật theo hơi thở bèn gồm cả hai pháp quán số tức, niệm Phật. Nhiếp tâm niệm Phật sẽ có thể dần dần đoạn được nhiễm tâm, sân khuể ắt chẳng lừng lẫy, hôn trầm, tán loạn vừa hết, trí tuệ hiện tiền, ngay cả ngu si cũng phá được, lại chính là pháp môn nhiếp trọn sáu căn của ngài Đại Thế Chí. Theo ngụ ý cho rằng đối với kẻ niệm Phật hờ hững hiện thời, có lẽ không nên dạy họ tuân theo pháp này, sợ rằng do không nhớ số bèn thành giải đãi.

Có ai chịu bằng lòng tu tập thì nếu không theo pháp này, e chắc chắn khó thành tam-muội. Pháp sư nương nguyện lợi ích người, tuy tự mình chẳng dùng, nhưng nên vì hậu học thử dùng để dạy cho thông sáng về sau. Nếu là kẻ lợi căn, trong một thất, hai thất quyết định được nhất tâm. Như Quang là kẻ hôn ám, độn căn, thô lậu, hèn kém, nghĩ phải mười năm, tám năm thì có lẽ sẽ được bất loạn!

36. Thư gửi sư Ngọc Trụ

Trộm nghe Như Lai vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong đời, tùy cơ lập giáo, nói đủ mọi pháp, không gì

135 Ngũ đình tâm quán: Năm pháp quán để dứt phiền não, mê hoặc gồm:

Bất tịnh quán (quán tưởng thân thể mình và người khác dơ bẩn để dứt tham ái).

Từ bi quán (quán tưởng lòng từ bi để đối trị sân hận).

Duyên khởi quán (quán tưởng 12 nhân duyên thuận và nghịch để đối trị ngu si).

Giới phân biệt quán (quán tưởng các pháp của 18 giới đều do đất, nước, gió, lửa, không và thức hòa hợp để đối trị ngã chấp).

Số tức quán (đếm hơi thở để đối trị tâm tán loạn và khiến cho tâm dừng lặng nơi một cảnh).



chẳng nhằm làm cho chúng sanh khai - thị - ngộ - nhập tri kiến Phật mà thôi. Nhưng chúng sanh vốn sẵn có tri kiến Phật, do mê muội từ vô thủy sâu hay cạn khác nhau, nên người mê cạn thì tu một pháp bèn được ngộ nhập; nếu như mê sâu mà không nhờ vào sức hoằng thệ nguyện của Phật Di-đà vãng sanh Tịnh độ thì quyết khó được chứng đắc. Huống hồ pháp này là chỗ quy túc của các pháp, là chỗ cùng cực của tu chứng. Lúc Như Lai mới thành Chánh giác, nói kinh Hoa Nghiêm có đủ vô lượng pháp môn, thâu tóm căn tánh Nhất thừa, nhưng Thiện Tài sau khi chứng ngộ bằng với chư Phật, Phổ Hiền Bồ-tát bèn dạy phát mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, và khuyên hải hội đại chúng cùng cầu vãng sanh. Do vậy, các kinh Đại thừa đều cùng tán dương, nhưng ba kinh Tịnh độ chuyên thuyết minh điều này cận kề nhất. Có kẻ bảo Tịnh độ là quyền tiệm Tiểu thừa, chẳng chịu tu tập, lại còn ngăn trở người khác tu; toàn là do chưa thể nghiên cứu kinh luận Đại thừa, chỉ chấp vào ý chỉ trực chỉ, chưa thấy vắng trắng nơi tự tánh, cứ xem phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Hoa Nghiêm thì biết. Huống chi Ca-diếp, A-nan, Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Vĩnh Minh v.v., các đại tổ sư đều chú giải kinh, tạo luận, cực lực tán dương. Đó không phải là sáu phương chư Phật hóa thân, là người kế thừa đích thực của giáo chủ hai cõi ư? Vì thế nói “ngàn kinh muôn luận, chốn chốn chỉ quy, vãng thánh tiền hiền, ai nấy đều hướng về!” Huống hồ trong đời mạt này, căn tánh con người hèn tệ, tri thức hiếm hoi, bỏ pháp này sao yên cho được? Xin huynh lúc rảnh rang nơi

Tông Giáo, hãy phân tâm nơi pháp này, ngõ hầu tự lợi lợi tha, báo ân sâu của Phật. Nếu như còn nghi hoặc, hãy nên đọc nhiều kinh luận Tịnh độ. Sách Tịnh Độ Thập Yếu đoạn nghi khái tín, là bậc công thần đột phá tinh nhuệ nhất, hãy nên đọc trước. Các sách Di-đà Sớ Sao và Diễn Nghĩa quả thật là hướng dẫn tốt lành cho những người tham cứu Tông Giáo. Càng đọc kỹ, suy nghĩ tinh tường, sẽ thấy những sách ấy chẳng chỉ phát huy Tịnh độ mà thôi, ngài Trung Phong nói: “Thiền là Thiền nơi Tịnh độ, Tịnh độ là Tịnh độ của Thiền”, hai sách ấy quả thật là như vậy. Hơn nữa, nếu huynh muốn tham khảo khắp các lời chú giải hay khéo trong tông Hiền Thủ (Hoa Nghiêm) thì hai sách Sớ Sao¹³⁶ quả là lời chú giải hay khéo thiết thân nhất cho sự tu chứng của thân tâm. Hãy nên rắp tâm nghiên cứu thì lợi ích mầu nhiệm ấy ngay cả đệ cũng chẳng thể hình dung được nổi!

37. Thư gửi cư sĩ Hứa Khoát Nhiên ở Quảng Đông (viết thay cho thầy Khang Trạch)

Cư sĩ ở nơi thiện đường, tận lực làm thiện sự, suốt ngày tuyên giảng khuyên người làm lành, gánh vác cái đạo “ở nhà giúp nước, ngoài nội tận trung” của thánh hiền, tuân thủ pháp “đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành” của Phật, tổ; mỗi lần nghĩ tới, ngưỡng mộ khôn cùng! Nhưng thiện sự có lớn nhỏ sai khác, thiện thư (sách

136 Gợi là “hai sách Sớ Sao”, vì ngài Liên Trì viết Di-đà Sớ Sao, đệ tử ngài viết cuốn A-di-đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa để chú giải thêm lời Sớ Sao.



khuyến thiện) cũng có cạn sâu khác biệt. Muốn cho mình lẫn người cùng lên cõi thiện hãy nên chọn lấy những thiện thư tinh vi, rõ ràng nhất để ấn loát, lưu truyền, khiến cho thiên hạ hậu thế thấy nghe những sách ấy đều sửa lỗi làm lành, mong thành thánh, thành hiền, khác nào các hạ nói rót vào tai khắp thiên hạ hậu thế khiến cho họ đều nghe lời vậy. So sánh với việc tuyên giảng một lúc, một chỗ thì công đức lớn nhỏ dầu cả năm cũng không thể nói hết.

Thiện thư tuy nhiều, nhưng toàn là dạy về tiểu nhân, tiểu quả thế gian, chỉ riêng mình An Sĩ Toàn Thư giác thế, mở mang trí óc cho dân, tận thiện tận mỹ, giảng đạo, luận đức tuyệt cổ siêu kim, ngôn từ giản dị nhưng bao quát, lý sâu nhưng dễ hiểu, dẫn sự tích làm chứng cứ đích xác, nêu những lời nghị luận thông suốt, uyên nguyên. Quả thật là của báu truyền đời quý nhất, cũng là một cuốn kỳ thư về mặt tuyên giảng, lời nào cũng đều là tâm pháp của Phật, tổ, là đạo mạch thánh hiền, là đạo trọng yếu để đời yên, dân lành, là phương thuốc bí truyền để sáng tỏ sự trước, an vui sự sau. Nếu hành theo sách ấy thì có thể nối tiếp thánh hiền, liễu sanh thoát tử như đưa bằng khoán ra lấy lại vật cũ. So với những thiện thư được lưu thông trong đời kia, khác nào quả núi sánh với ổ kiến, biển cả sánh với vũng nước vậy. Nhân vì thầy Liễu Đắc từ Phổ Đà đến triều bái Cửu Hoa, lão nạp¹³⁷ riêng nhờ thầy tiện đường qua Kim

137 Lão nạp: Tiếng tự xưng của các vị tăng sĩ. Do ca-sa bằng các mảnh vải khâu chằm lại, nên thường gọi là nạp-y (áo chằm vá), các tăng sĩ cũng thường xưng là lão nạp hay nạp tử.

Lăng (Nam Kinh) thỉnh sách ấy gởi qua, trình cho các hạ, mong hãy chú tâm vui thích đọc, nếm món ngon biết được ý chỉ, học đạo tốt cùng biết được điều thiện. Cái tâm in khắc, lưu truyền bố thí rộng rãi để giúp chúng sanh ắt sẽ có cái thể như sông ngòi cuộn cuộn khôn ngăn được!

An Sĩ tiền sinh họ Chu tên Mộng Nhan, còn có tên là Tư Nhân, người Côn Sơn, tỉnh Giang Tô, thông suốt mọi kinh sách tam giáo, tin tưởng sâu xa pháp môn niệm Phật. Đến tuổi nhược quan (20 tuổi) vào trường, bèn chán khoa cử, phát tâm Bồ-đề, soạn sách giác ngộ con người, muốn cho dân chúng trước hết tạo lập được căn bản không lầm lỗi, rồi do đấy bèn thoát khỏi biển sanh tử. Vì thế, ông viết sách khuyên kiêng giết là Vạn Thiện Tiên Tư, sách khuyên kiêng dâm là Dục Hải Hồi Cường, bởi lẽ chúng sanh tạo nghiệp chỉ có hai điều này là nhiều nhất, sửa lỗi cũng chỉ hai điều này là trọng yếu nhất. Lại còn soạn Âm Chất Văn Quảng Nghĩa, khiến cho con người đối với pháp gì, chuyện gì cũng đều biết phải theo khuôn phép nào, đều biết ngăn dè. Phê bình, biện luận thông suốt tinh vi, có thể nói là công thần của Đế Quân¹³⁸, trực tiếp đem cái tâm rủ lòng

138 Âm Chất Văn là thiên sách tương truyền do Văn Xương Đế Quân soạn ra. Ông Chu Mộng Nhan chú giải thiên sách này tường tận nên gọi là công thần của Đế Quân. Người ta thường đồng nhất Đế Quân với sao Văn Xương (tức Văn Xương Tinh Quân). Theo thiên Kê Chí của Minh Sử, Văn Xương Đế Quân còn có hiệu là Tử Đồng Đế Quân, họ Trương, tên Á Tử, làm quan nhà Tần, tử trận được lập miếu thờ tại Độc Thất Khúc Sơn (thuộc huyện Tử Đồng, tỉnh Tứ Xuyên). Có thuyết nói ngài sống vào thời Đường, sùng tín Đạo giáo, do phẩm đức cao đẹp nên sau khi chết được dân lập miếu thờ tại Độc Thất Khúc Sơn. Miếu ấy nay vẫn còn tên là Thanh Hư Quán. Lúc đó, ngài chỉ mới được gọi là Tử Đồng Thần. Đến thời nhà Nguyên, vào năm Diên Hựu thứ 3 (1316), Đế Quân được Nguyên Nhân Tông phong tặng là Phụ Nguyên Khai Hóa Văn Xương Tư Lục



giáo huấn của Đế Quân triệt để mở toang ra, giải bày trọn vẹn, khiến cho ngàn đời về trước, ngàn đời về sau, người dạy, người được dạy không ai còn tiếc nuối gì. Do kỳ tài diệu ngộ, ông dùng văn tự và sự tích thế gian để phát huy ý nghĩa áo diệu, u vi của Phật tổ, thánh hiền, để kẻ nhả, người tục cùng xem, trí ngu cùng hiểu.

Lại do pháp môn tu hành chỉ có Tịnh độ là thiết yếu nhất, ông lại soạn cuốn Tây Quy Trục Chỉ nhằm thuyết minh đại sự niệm Phật cầu sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử. Ấy là vì tích đức tu thiện chỉ được phước nhân thiên, phước hết lại phải đọa lạc, còn niệm Phật vãng sanh liền dự vào địa vị Bồ-tát, quyết định thẳng đến thành tựu Phật đạo. Ba cuốn sách trước tuy dạy người đời tu thiện, nhưng cũng có đủ pháp liễu sanh thoát tử, cuốn sách này tuy dạy người liễu sanh thoát tử nhưng lại phải tận lực hành thiện sự thế gian. Đúng là hiện thân cư sĩ, thuyết pháp độ sanh; nếu bảo ông ta không phải là Bồ-tát tái lai, tôi không tin!

Trộm nghĩ, Ngu - Thuấn làm lành, bỏ mình theo người; Thương Thư¹³⁹ luận về tu đức lấy thiện làm thầy. Đã biết các hạ và các vị thiện nhân chung một thiện đường không việc gì chẳng lập, có chuyện thiện gì đều dung nạp,

Hoàng Nhân Đế Quân, nên từ đó ngài thường được gọi là Văn Xương Đế Quân. Theo Đạo giáo, ngài được Thượng đế giao cai quản phủ Văn Xương, chủ trì văn học, đỗ đạt. Bản Âm Chất Văn xuất hiện vào thời Nam Tống.

139 Thương Thư là một thiên sách của kinh Thư, gồm những bài ngắn ghi lại những sự việc liên quan đến nhà Thương.

nên mới dám thỉnh cầu in khắc, tuyên giảng lưu thông, xoay vần truyền bá, tuyên dương những sách này ngõ hầu ánh đèn tiếp nối đến tận đời vị lai, ai nấy đều được thọ ân. Xin hãy phát tâm đau đáu cứu thế, chớ vì người cầu thỉnh kém cỏi mà bỏ lời này thì may mắn lắm!

Cư Sĩ Truyện do tiến sĩ Bành Thiệu Thăng¹⁴⁰ ở Trường Châu, Tô Châu đời Càn Long, thanh nhàn xem khắp các sách, chọn lấy những gương đại trung, đại hiếu, thanh bạch, trung chánh, liêm khiết, có công danh giáo, thông hiểu Phật pháp sâu xa từ đời Hán đến nay, chép lại chuyện nhập đạo tu chứng cũng như những bài văn phát huy Phật pháp của họ. Số người được chọn hơn mấy trăm, viết thành sáu tập.

Tam Giáo Bình Tâm Luận do học sĩ Lưu Mật đời Nguyên soạn, trước hết thuyết minh tam giáo đều khuyên con người dứt ác hành thiện, chẳng thể phế bỏ một đạo nào, kể đến thuyết minh công năng cùng cực sâu cạn khác nhau, cuối cùng phá rộng rãi thuyết của Hàn Dũ, Trình,

140 Bành Thiệu Thăng (1740-1796), cư sĩ học giả đời Thanh, người Trường Châu (Ngô Huyện), tỉnh Giang Tô, tự Doãn Sung, hiệu Xích Mộc, còn hiệu là cư sĩ Nhị Lâm, pháp danh là Tế Thanh. Ông đậu tiến sĩ đời Càn Long, nhưng không ra làm quan. Ông thông suốt sách Nho, rất giỏi về Lý học, tu tiên suốt ba năm không thành tựu gì. Về sau, đọc kinh Phật mãi đến năm 29 tuổi mới chuyển sang tin Phật, tự đặt hiệu là Tri Quy Tử. Ông xem khắp Đại tạng kinh, thọ Bồ-tát giới, ăn chay, trì giới. Rồi lại học Tịnh độ với ngài Văn Học Định Công (1712-1788), bề quan ở Văn Tĩnh Các tại Tô Châu tu *nhất hạnh tam-muội*. Bình sinh ông tận lực hoằng dương Tịnh độ, chủ trương thiên tịnh dung hợp, Phật Nho nhất trí. Những tác phẩm tiêu biểu của ông là Hoa Nghiêm Niệm Phật Tam-Muội Luận, Tịnh độ Tam Kinh Tán Luận, Cư Sĩ Truyện, Thiện Nữ Nhân Truyện, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục v.v..



Chu, Âu Dương Tu¹⁴¹.

Thích Thị Kê Cổ Lực¹⁴² lấy các niên kỷ lịch đại làm cương, lấy các sự tích Nho - Thích làm mục¹⁴³ từ đời Phục Hy cho đến cuối đời Minh: Quốc gia bình trị hay loạn lạc, Phật pháp hưng hay suy, tội phước của việc tin nhận hay hủy báng, lợi ích của việc tu trì, pháp ngôn của tổ sư, hành trạng của cao tăng và những gương trung hiếu lỗi lạc, kẻ gian ác cùng cực đều chép những chuyện chánh yếu khiến cho ai đọc đến bèn biết pháp giới, ngồi yên mà xem khắp cổ kim. Nào phải chỉ hữu ích cho người tu đạo mà quả thật còn là kỳ trân trong tay áo của người đọc sách bàn chuyện cổ. Phật pháp chỉ dạy người dứt ác tu thiện, minh tâm kiến tánh, đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử.

Cả Đại tạng kinh trọn chẳng có một chữ nào dạy người vận khí luyện đan, cầu thành tiên bay lên trời, trường sanh bất lão. Năm đầu thời Dân Quốc (1911), gã dân ma Liễu Hoa Dương¹⁴⁴ soạn Huệ Mạng Kinh, tận dụng kinh

141 Trình Minh Đạo, Trình Y Xuyên và Chu Hy là những người sáng lập Tống Nho, đã vay mượn lý thuyết Phật giáo để đưa những khái niệm như lý và khí vào trong Nho giáo, rồi lại quay ra đả kích Phật giáo.

142 Thích Thị Kê Cổ Lực (gọi tắt là Kê Cổ Lực) là một bộ biên niên sử Phật giáo do sư Bảo Châu Giác Ngạn soạn vào niên hiệu Chí Chánh thứ mười bốn đời Nguyên (1354), gồm bốn cuốn, được xếp vào tập 46 của Đại Chánh Tân Tu Đại tạng kinh. Nguyên lai, bộ này chép từ lúc đạo Phật được truyền vào Trung Hoa cho đến cuối đời Nam Tống. Năm Sùng Trinh thứ 11 (1638) đời Minh; Huyền Luân soạn tiếp bộ Thích Thị Kê Cổ Lực Tục Tập gồm ba quyển, chép từ năm Chí Nguyên nguyên niên đời Nguyên (1264) đến năm Thiên Khải thứ 7 (1627) đời Minh.

143 Ý nói sách chép theo lối biên niên, tức là những sự kiện được trình bày theo thứ tự thời gian.

144 Liễu Hoa Dương không rõ năm sanh, môn nhân của ông ta thường ngoa truyền

Phật, lời tổ hòng chứng thực pháp luyện đan, biến chánh thành tà, dùng pháp báng pháp. Người chưa mở mắt thấy tà thuyết ấy tưởng là chân thật, chánh kiến vĩnh viễn bị mất. Lời lẽ, pháp tu trong sách ấy đều là phá hoại Phật pháp, nhưng cứ nhơn nhơn tự đắc bảo ta may mắn gặp được chân thừa, được nghe chánh pháp. Đó là nhận giặc làm con, nấu cát thành cơm, một kẻ quáng dẫn lũ mù, kéo nhau sụp hầm lửa. Chẳng đáng buồn ư? Pháp luyện đan không phải là vô ích, nhưng chỉ có thể kéo dài tuổi thọ, hết mức là thành tiên thăng thiên, còn chưa phải là chân truyền của Lão tử, huống hồ là chánh đạo Phật pháp ư? Khổng tử nói: *“Triều văn đạo, tịch tử khả hỹ!”* (Sáng nghe đạo, tối

họ Liễu sanh vào năm đầu niên hiệu Càn Long (1736) để chứng tỏ ông ta đã thành tiên sống rất lâu. Họ Liễu là người làng Hồng Đô (nay là Nam Xương, tỉnh Giang Tây), lúc nhỏ học Phật từng xuất gia tại chùa Song Liên ở Hoán Thủy, sau bỏ theo học tu tiên với đạo sĩ Ngũ Thủ Dương của Toàn Chân Giáo Long Môn Phái. Do vậy, đôi khi các sách về Đạo giáo vẫn gọi ông ta là thiên sư Liễu Hoa Dương thay vì chân nhân Liễu Hoa Dương. Theo môn nhân, một đêm kia, Hoa Dương nghe một vị trưởng lão nói: “Xưa Ngũ tổ vào lúc canh ba, bí mật truyền đạo cho Lục tổ”, bèn hoát nhiên đại ngộ, biết chứng đạo phải được bí truyền. Tìm không được vị thầy nào khai ngộ, ông ta bèn tham học khắp các vị thầy thuộc tam giáo. Về sau, gặp được Ngũ Thủ Dương (chân nhân Xung Hư) bèn ngộ áo chỉ, biết được huệ mạng. Tương truyền, ông ta gặp đạo sĩ Hồ Linh núi Khuông Lô căn dặn: “Pháp tu Phật - Đạo song hành nay đã thất truyền, người nên khéo nối tiếp huệ mạng.” Phái đạo sĩ của Ngũ Thủ Dương và Liễu Hoa Dương được gọi là Ngũ Liễu Tiên Tông. Họ vay mượn một số khái niệm thiên học để pha trộn với bí quyết luyện đan, vận khí cũng như luyện phù chú Ngũ Lôi. Xin trích một đoạn Huệ Mạng Kinh để minh thị những lập luận nhập nhằng của họ Liễu: *“Tu luyện tánh mạng không gì bằng quy nhất. Cổ thánh tiên hiền đem tông chỉ tánh mạng quy nhất khéo léo ví dụ với ngoại vật, chẳng chịu chỉ rõ bàn thẳng, nên hậu thế không ai tu được. Tôi đọc được đồ hình luyện khí, chẳng dám tiết lộ bữa bãi, tức là tuân theo pháp Lưu Tận trong kinh Lăng-nghiêm, biểu thị diệu chỉ của kinh Hoa Nghiêm, gom những lời rải rác trong các kinh để đưa về đồ hình chánh yếu... Lập ra đồ hình này là nguyện những ai cùng chí hướng hiểu rõ cơ trời song tu này, chẳng đọa bàng môn, mới biết chứng tánh chân thật do đây mà thành, Lưu Tận do đây mà thành, xá-lợi do đây mà luyện...”* Trong đoạn này, y đã nhập nhằng bảo phải do luyện đan, vận khí theo đồ hình do y chỉ dạy mới đạt được Lưu Tận, thành tựu xá-lợi!



chết cũng được vậy!) Lão tử nói: “Ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân” (Ta có mối lo lớn là vì ta có thân). Nếu lãnh hội được những lời này sẽ chẳng bị chúng nó mê hoặc.

Và nếu có thể đọc kỹ những sách An Sĩ Toàn Thư, Cư Sĩ Truyện, Tam Giáo Bình Tâm Luận, Thích Thị Kê Cổ Lược v.v. sẽ như gương sáng đặt trên đài, tốt xấu tự phân biệt. Lò luyện lớn thử vàng, thật giả biết ngay lập tức! Chỉ sợ ông đã từng theo đuổi sách ấy nên mới khôn ngoan dài dòng nhiều lẽ. Pháp Thiển tông chỉ dạy người chân tham thật ngộ, vì thế tất cả câu lời đều không có ý nghĩa gì, chẳng nên dùng tri kiến phàm phu để lãnh hội nghĩa lý trên mặt văn tự. Nếu không thân cận bậc thiện tri thức sáng mắt và không một phen liều mạng chết lòng công phu tham cứu ắt chẳng thể đón mình tự tâm, tâm đã chẳng minh ắt chẳng hiểu ý chỉ tổ sư. Chớ nên hiểu nghĩa theo mặt văn tự, học “khẩu đầu thiên” (thiên nói suông ngoài miệng). Ví như dân hèn ngoài rẫy bãi, núi non, xưng bừa là đế vương, tội ắt diệt tộc. Phàm hết thầy những cơ phong chuyển ngữ trong Kê Cổ Lược, Cư Sĩ Truyện và hết thầy ngữ lục chớ có hiểu xằng, mong mỗi lần thay!

38. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo luận về chuyện tỳ hương

Tỳ hương là đốt hương trên cánh tay. Linh Phong lão nhân (tổ Ngẫu Ích) mỗi ngày trì hai kinh Lăng-nghiêm và Phạm Võng, vì thế từng đốt hương nhiều lần. Ấy là vì hết

thầy chúng sanh không ai chẳng yêu tiếc thân mình, quý báu gìn giữ thân mình, lại giết thân kẻ khác, ăn thịt, tâm càng vui sướng. Đối với chính mình, muỗi đốt, gai đâm liền cảm thấy khó thể chịu đựng được. Trong các kinh Đại thừa như Pháp Hoa, Lăng-nghiêm, Phạm Võng... đức Như Lai xưng tán khổ hạnh, dạy đốt thân, đốt cánh tay hay ngón tay cúng dường chư Phật nhằm đối trị tâm tham và tâm yêu tiếc bảo trọng tự thân. Trong sáu ba-la-mật, cách này thuộc về bố thí độ, vì bố thí có nội ngoại bất đồng, ngoại là quốc thành, vợ con; nội là đầu, mắt, tủy, não.

Thắp hương đốt thân đều gọi là xả, cần phải chí thành, khẩn thiết, ngưỡng mong tam bảo gia bị, chỉ mong mình lẫn người nghiệp tiêu tuệ rạng, tội diệt phước tăng (nói “mình lẫn người” nghĩa là dù thật sự vì mình, nhưng lại nên đem công đức này hồi hướng pháp giới chúng sanh, nên nói là mình lẫn người). Tâm trọn chẳng mảy may vì cầu tiếng tăm và cầu phước lạc nhân thiên thế gian, chỉ vì thương cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh mà hành thì công đức vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Ấy gọi là “tam luân thể không, tứ hoằng phổ nhiếp”¹⁴⁵. Công đức do tâm nguyện nên rộng lớn, quả báo do tâm nguyện nên nhanh chóng đạt được. Nếu vì tâm chuộng hư danh, hoặc mong cầu chấp trước rồi bắt chước thực hiện cái hạnh trừ chấp trước thì đừng nói là đốt tỳ hương, dầu có đốt sạch toàn

145 Tam luân thể không, tứ hoằng phổ nhiếp: Tam luân thể không là người thí, người nhận, vật được thí thể đều không; tứ hoằng phổ nhiếp là bao gồm trọn vẹn bốn hoằng thệ nguyện.



thân cũng chỉ là khổ hạnh vô ích!

Do tâm chấp trước, ý niệm cầu danh dự nên đã không hiểu nổi ý chỉ tam luân thể không, mà cũng chẳng có cái tâm tứ hoằng phổ nhiếp. Biến pháp phá trừ thân kiến của Như Lai thành tăng thân kiến¹⁴⁶ thêm kiên cố. Tội phước do tâm phân định, quả báo do tâm mà khác. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm nói: *“Ngưu ẩm thủy thành nhũ, xà ẩm thủy thành độc. Trí học chứng Niết-bàn, ngu học tăng sanh tử”* (Bò uống nước thành sữa, rắn uống nước thành nọc. Trí học chứng Niết-bàn, ngu học thêm sanh tử).

39. Thư gửi hiếu liêm¹⁴⁷ Tiêu Vĩnh Hoa ở Quảng Đông (viết thay cho thầy Khang Trạch)

Sách Ngũ Đẳng Hội Nguyên¹⁴⁸ trong danh mục của các nhà xuất bản kinh đều không có, không cách nào thỉnh được. Chỉ vì không biết do lẽ gì các hạ tìm sách này nên khôn ngăn hỏi đi hỏi lại:

1) Vì làm bậc chân tham thật ngộ, thấu suốt rõ ràng tự

146 Thân kiến: chấp thân này thật có.

147 Hiếu liêm vốn là một khoa thi phát xuất từ thời Hán nhằm tuyển người ra làm quan, tiêu chuẩn thời ấy là những người ấy phải vừa hiếu thuận vừa liêm khiết. Đến thời Minh - Thanh vẫn giữ khoa này, tuy thế chỉ thuần là khoa cử, không còn dựa trên tiêu chuẩn hiếu và liêm nữa. Người đậu khoa này được gọi là hiếu liêm.

148 Do ngài Phổ Tế đời Nam Tống soạn, gồm 25 quyển, được xếp vào tập 138 của Tục Tạng Kinh. Bộ sách này toát yếu năm bộ sách Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, Quảng Đăng Lục, Tục Đăng Lục, Liên Đăng Hội Yếu, Phổ Đăng Lục, nên gọi là Ngũ Đẳng Hội Nguyên. Nội dung chép sự tích quá khứ thất Phật, hai mươi tám vị tổ Ấn Độ, các vị tổ Thiền tông Trung Hoa từ Lục tổ cho đến ngài Nam Nhạc và những vị thiền sư đích truyền thuộc pháp hệ này.

tâm, thấy triệt để diện mục sẵn có trước khi cha mẹ sanh ra?

2) Hay là muốn học một gậy, một tiếng hét¹⁴⁹, hét Phật mắng tổ, ngô hầu miệng lưỡi biện bác trơn tru hòng được tiếng khen trong cõi tục? Hoặc là muốn nhớ được lời lẽ để bút lực mạnh mẽ, ngô hầu lúc vung ngọn bút viết lách thần cơ hoạt bát, văn từ u huyền, thâm thúy như bọn ông Tô Tử Chiêm¹⁵⁰ phun châu nhả ngọc, gần như không phải là người ăn cơm thế gian có thể làm được!

Nếu muốn được như trường hợp thứ nhất, trước hết hãy nên nghiên cứu kinh Phật cho thông suốt giáo pháp. Lại phải thân cận bậc cao nhân sáng mắt, được nghe một chữ, một câu, tận lực tham cứu đến cùng cực, đến khi tận sức công thuần tự nhiên “tro lạnh, đậu nổ”¹⁵¹, triệt ngộ tự tâm như đuổi tay thấy được lòng bàn tay, trọn chẳng còn mối nghi ta người. Lại cần có cao nhân ấn chứng, kéo sớ hiểu lầm dấu hiệu. Nếu làm được như thế thì hãy xem sách ấy và hết thả sách thiền. Người trong nhà và người trong cùng một nhà nói chuyện trong nhà, chỉ có ích chứ không tổn hại mấy may gì. Nếu chưa thể dụng công như thế và

149 Thiền tông Lâm Tế dùng gậy đánh và tiếng hét để khai thị cho học nhân.

150 Tức Tô Thức (1036-1101), người huyện Mi Xuyên, tỉnh Tứ Xuyên, sống vào đời Bắc Tống, tự là Tử Chiêm, hiệu Đông Pha, là một trong tám đại văn hào thời Đường - Tống; rất hâm mộ Phật pháp, chủ trương Thiền Tịnh song tu, thường giao du mật thiết với ngài Phật Ấn. Ông biện luận Phật pháp rất thông suốt, thường mang theo một bức tượng Phật Di-đà bên mình, nói “đây là sự nghiệp chung thân của ta” nhưng không chuyên tâm tu tịnh nghiệp, cuối cùng vẫn không được vãng sanh.

151 Câu thành ngữ “lãnh hôi đậu nổ”, có nghĩa là trong tro lạnh chợt nổ ra hạt đậu nóng, ngụ ý chuyện không thể có được. Ở đây, tổ dùng thành ngữ này với ngụ ý: thực hiện được chuyện tưởng chừng như không thể nào xảy ra được.



chưa được khai ngộ ấn chứng mà trước đó lại toan coi sách thiền mong được khai ngộ thì cũng như gương cổ bụi lấp, muốn mau tỏa ánh sáng, chẳng mài chất nhơ, chỉ bôi phấn trắng, bôi bao nhiêu kiếp cũng chẳng tỏa sáng. Đấy gọi là nương theo người khác để hiểu, tự lấp cửa ngộ, kể chuyện ăn, đếm cửa báu, sao cứu được đói nghèo.

Nếu muốn được như trường hợp thứ hai thì tuy là nhân lành nhưng trái lại chuốc lấy quả ác, đây chính là cái hố sâu vạn trượng tăng - tục hiện thời bị hãm trong ấy. Bởi những gì Thiền tông nêu bày, đề xướng đều một mực quy về hướng thượng. Người ngộ giải sẽ lãnh hội thần diệu, kẻ mê hoàn toàn bị ngôn ngữ chuyển, chẳng hiểu ý cổ nhân đập gậy, hét, chửi, bèn lấy đó để hành trì. Sự tổn thất ấy há nào phải chỉ là Vương Mãng¹⁵² học đòi Chu công, Tào Tháo học đòi Văn Vương, đề-hỗ thượng vị được cỡi đời trân trọng gặp phải những người ấy biến thành độc dược. Ông Bùi Công Mỹ¹⁵³ nói: “Hiểu được ý thì mau thành Phật đạo, đánh mất ý chỉ sẽ vĩnh viễn vào nê-lê (địa ngục).” Chẳng đáng sợ ư? Nguyện các hạ đừng manh nha ý niệm ấy. Còn

152 Vương Mãng người đời Hán, vốn là cháu của hoàng hậu Hiếu Nguyên. Sau được làm Đại Tư Mã cầm binh quyền. Hán Ai Đế băng, Mãng lập Bình Đế lên ngôi, bắt vua lấy con gái mình làm hoàng hậu. Mãng độc đoán chuyên quyền, coi mình như Chu công, tự xưng là Hán An Công. Không lâu sau, Mãng giết Bình Đế, lập con Bình Đế là Lưu Anh lên ngôi, gọi là Nhụ Tử, được ba năm bèn soán ngôi, đổi quốc hiệu là Tân. Mãng làm vua được 15 năm (từ năm thứ 9 Công Nguyên đến năm 23 Công Nguyên), khi tông thất nhà Hán là Quang Vũ Đế nổi dậy, khôi phục nhà Hán, thương nhân Đỗ Ngô bèn lập mưu giết Vương Mãng.

153 Bùi Công Mỹ tên thật là Bùi Hưu, tự Công Mỹ, làm tể tướng đời Đường Tuyên Tông, đặc pháp với thiền sư Hoàng Bá Hy Vận. Ông có để lại tác phẩm Truyền Tâm Pháp Yếu.

như muốn trước tác giống như cổ nhân, không biết cổ nhân ai nấy đều đã tỏ rõ tự tâm lớn lao. Vì thế, nói lời thốt chữ diệu hợp thiên cơ, ví như đầu bếp xẻ trâu, Dưỡng Do Cơ bản vượt¹⁵⁴, không thể chỉ học mà được như thế đâu!

40. Thư gửi cư sĩ X... (viết thay sư Liễu Dur)

Giữa xuân lên núi, chớp mắt đã nửa năm; dầu thọ trăm năm, khảy tay liền qua. Còn một hơi thở nên cầu đường ra, chớ để đến lúc lâm chung hối không kịp nữa! Thường nhớ kinh dạy: “Thân người khó được, chính giữa đất nước khó sanh, Phật pháp khó nghe, tín tâm khó sanh.” Ông may mắn hội đủ cả bốn điều ấy, càng phải nên nỗ lực, như lên núi báu phải được ma-ni. Do còn ở địa vị phàm phu, chưa đoạn hoặc nghiệp, sanh tử chưa giải quyết khó khỏi đọa lạc.

Vì vậy, đức Như Lai cực lực khuyên chúng sanh phát chân tín tâm và tâm nguyện khẩn thiết, trì danh hiệu Phật cầu sanh Tịnh độ. Mọi công đức như cúng dường tam bảo, trọn đời giữ giới, hết thảy việc làm... chớ dùng để cầu

154 Nguyên văn: “Bào đình giải ngư, Do Cơ xạ viên.” “Bào đình giải ngư” là điển cố xuất phát từ thiên Dưỡng Sanh Chủ của Trang tử: Văn Huệ Quân thấy mổ trâu bèn nói: “Ôi, giỏi thay! Tuyệt đến mức ấy”, người bào đình (đầu bếp) thưa: “Thân khéo léo được như vậy là do tập quen, khéo léo dần.” Từ ngữ “bào đình giải ngư” được dùng để ví sự khéo léo, nhanh nhẹn đến cùng cực do tập luyện. Dưỡng Do Cơ là một tay thiện xạ nổi tiếng bách phát bách trúng “bách bộ xuyên dương” (bắn trúng lá dương liễu ở cách xa một trăm bước) thời Chiến Quốc. Tương truyền, Dưỡng Do Cơ đi săn, loài vượt thấy ông ta bèn khóc ròng vì biết không thể nào tránh tên được, cho nên ở đây mới nói “Do Cơ bản vượt.”



phước báo nhân thiên trong đời sau, chẳng cầu đời này trường thọ, mạnh khỏe, bình yên, chỉ cầu lâm chung vãng sanh Tịnh độ, tương kế, tương hợp với thệ nguyện của chư Phật, cảm ứng đạo giao nhất định mãn sở nguyện.

Như người té xuống biển, có thuyền đến cứu, nếu chịu ngồi lên thuyền liền lên được bờ kia, cầu phước nhân thiên, chẳng cầu sanh Tịnh độ giống như không chịu lên thuyền, khó khỏi chết chìm. Phật muốn khiến cho ông siêu phàm nhập thánh, ông lại chỉ nguyện được phước hữu lậu, khi phước báo hết rồi, đọa mãi trong tam đồ, như dùng châu ma-ni để bắn chim sẻ, được thì ít, mất thì nhiều, chẳng đáng tiếc ư? Hãy nên cảnh tỉnh!

Phải biết một pháp niệm Phật vãng sanh chính là đạo trọng yếu bậc nhất để hết thảy chúng sanh mau thoát khỏi sanh tử, quả thật là pháp môn tối thượng để hết thảy chư Phật mau thành Chánh giác. Đừng nghĩ pháp này giản tiện, dễ hành, rồi coi là chuyện nhàn hạ, phải chí tâm siêng năng, khẩn thiết mới có thể thành tựu. Còn như pháp tắc tu trì thì trong Long Thư Tịnh Độ Văn đã ghi đủ. Lại có An Sĩ Toàn Thư chép đủ pháp tắc niệm Phật vãng sanh và những việc để tích đức, sống trong cõi trần học đạo, tề gia, dạy con, làm cho đời yên, dân lành, đủ mọi pháp tắc đều bàn luận áo diệu đến cùng cực. Có thể nói là bộ sách độc nhất vô nhị thông Nho lẫn Phật, là tác phẩm vô song xưa nay, hết thảy tăng tục, nam nữ đều có thể lấy sách ấy làm gương mẫu vậy!

41. Thư gởi phu nhân X... ở Hải Diêm (*viết thay thầy Ngộ Khai*)

Thân chính là cái gốc chuốc khổ, chán ghét nó chính là cơ sở để được vui. Do túc nhân sâu dày, hiện tại nhiều điều thiện, nên báo nặng nhiều kiếp biến thành báo nhẹ phải thọ trong đời hiện tại, mắc tai họa nhưng dưng mãnh tu trì thì sự đau khổ cõi Sa-bà biến thành đạo sư cho Cực Lạc. Nên nghĩ như mình phải trả nợ thì áo não, phiền muộn tự tiêu, nếu sanh lòng oán hận thì tội nghiệp nối tiếp nhau khởi lên. Cảnh nghịch xảy đến hãy thuận chịu mới là người biết vui theo mạng trời, chán cõi này, ưa cõi kia mới là người tu Tịnh niệm Phật. Nghĩ cư sĩ sùng tín đại pháp, nhờ vào đức hạnh trong đời lẽ ra phải được hưởng báo khỏe mạnh, bình yên, do duyên gì thân lại mang bệnh ngặt? Phải chăng là Di-đà Như Lai, Đại sĩ Quán Âm tha tâm, thiên nhãn, phóng đại quang minh nhờ cơn bệnh huyền của phu nhân để làm lời cảnh tỉnh cho những kẻ đồng nhân, ngô hầu cứu vớt khắp mọi kẻ đang đắm chìm trong biển khổ? Dám mong bà hãy sâu xa khuyên từ con, cháu, cho đến tôi tớ và xóm giềng, thân quyến bên ngoài đều cùng kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật, thì gia pháp của Tịnh Như ngàn năm mãi tốt đẹp, ngô hầu tước lộc rõ ràng, lưu danh thơm muôn đời. Như thế thì cái thân bệnh thể lương này trở thành mái chèo thoát biển khổ, lời than bệnh ủ rũ trở thành hướng dẫn tốt lành cho trần thế. Nào còn phải đợi chứng vô sanh pháp nhãn mới có thể vào cõi tục độ sanh, nào phải lên địa vị bất thoái



mới có thể hiện thân thuyết pháp. Kinh dạy: “Chí tâm niệm Phật một tiếng diệt được trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử.” Dạy người niệm Phật một tiếng hơn bố thí bảy báu suốt trăm năm. Chỉ cần chí tâm niệm Phật thì không bệnh nào chẳng lành, hãy theo vết chân thơm của bà phu nhân họ Phùng dạy người niệm Phật thì phẩm vị vãng sanh tối cao, chẳng kém khuôn mẫu tốt đẹp của phu nhân Kinh Vương¹⁵⁵ cho mấy. Dùng điều đó cầu đảo nơi Phật, lập tức thấy thuyền giảm. Xin hãy dốc sức, chớ nên nghi ngờ. Thêm nữa, cuốn Di-đà Sớ Sao Hiệt (trích yếu Di-đà Sớ Sao) của Tịnh Như ngôn từ giản dị nhưng tinh xác, lý sâu nhưng dễ hiểu, là một cuốn sách quan trọng trong Tịnh độ, quả thật là người hướng dẫn tốt lành cho kẻ sơ cơ, hãy nên đọc kỹ. Mong rằng có ai đến đem về mấy bộ để cuộc thí pháp của Tịnh Như được mở rộng.

42. Thư gởi Cố mẫu Từ phu nhân ở Hải Diêm (viết thay thầy Ngô Khai)

Người tên X... lên núi, hỏi đến cuộc sống của bà, cho biết: Bà thường ngày đọc Thiên Lục, thường bàn luận công án. Ngu tôi cho rằng: Lúc tuổi già suy, nên siêng niệm Phật, lấy Tịnh độ làm tông mới có thành tựu thật sự, xin thử bàn xem: Thiên và Tịnh độ lý vốn không hai, nếu luận trên mặt sự tu thì tướng trạng khác nhau một trời một vực, Thiên

155 Đây là những vị nữ nhân tu pháp trì danh niệm Phật được vãng sanh, tiểu truyện của họ được ghi lại trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục.

nếu không triệt ngộ triệt chứng sẽ chẳng thể siêu xuất sanh tử. Vì thế, ngài Quy Sơn nói: “Nơi chánh nhân thì có thể đốn ngộ, còn xuất trần phải tiến từ từ theo thứ tự. Nếu đời đời bất thoát thì thành Phật quyết định có kỳ.” Lại nói: “Sơ tâm do duyên đốn ngộ tự tánh, nhưng hãy còn có tập khí từ vô thủy bao kiếp chưa thể diệt ngay được, nên phải dạy người trừ cho hết hiện nghiệp lưu thức.” Ngài Hoảng Biện¹⁵⁶ nói: “Đốn ngộ tự tánh bằng với chư Phật, nhưng chưa thể nhanh chóng hết sạch tập khí vô thủy. Cần phải nhờ vào đối trị mới hòng khởi công dụng thuận theo tánh được, như người ăn cơm chẳng thể ăn một miếng liền no ngay!” Ngài Trường Sa Sấm¹⁵⁷ nói: “Thiện tri thức trong thiên hạ chưa chứng quả Niết-bàn là vì công hạnh chưa bằng với chư thánh vậy.” Do vậy, Ngũ Tổ Giới lại trở thành Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh lại thành Lỗ Công, cổ kim tông sư triệt ngộ nhưng chưa triệt chứng phần nhiều như vậy. Ấy là do chỉ cậy vào tự lực, chẳng cầu Phật gia bị, hoặc nghiệp còn mây may chưa tận thì sanh tử quyết chẳng thể thoát khỏi.

Tịnh độ hễ có đủ ba pháp tín nguyện hạnh liền có thể mang nghiệp vãng sanh. Hễ được vãng sanh liền thoát sanh tử, kẻ ngộ chứng bèn mau lên Bồ xứ, kẻ chưa ngộ

156 Hoảng Biện là người nổi pháp (pháp tự) của thiền sư Chương Kính Huy, sống vào thời Đường Tuyên Tông. Câu nói trên trích từ sách Ngũ Đăng Hội Nguyên trong cuộc vấn pháp của nhà vua vào năm 851.

157 Trường Sa Cảnh Sấm là người nổi pháp của ngài Nam Tuyền Phổ Nguyên. Câu nói trên cũng trích từ sách Ngũ Đăng Hội Nguyên.



cũng chứng A-bệ-bạt-trí (Bất thoái chuyển). Vì thế, Hoa Tạng hải chúng đều nguyện vãng sanh; các tri thức bên Tông, bên Giáo cùng sanh Tịnh độ. Là vì hoàn toàn cậy vào Phật lực, lại thêm tự mình tâm khẩn thiết. Vì thế được cảm ứng đạo giao, do vậy mau thành Chánh giác.

Nay tôi vì bà tính toán: Hãy nên gạt bỏ hết Thiên Lục, chuyên tu tịnh nghiệp, dùng cái tâm mảy trần chẳng nhiễm trì thánh hiệu vạn đức hồng danh, hoặc niệm ra tiếng, hoặc niệm thầm, không xen tạp, không gián đoạn. Niệm phải khởi từ tâm, tiếng lọt vào tai, từng chữ phân minh, từng câu chẳng loạn, lâu ngày chảy thẳng sẽ tự thành phiền, đích thân chứng niệm Phật tam-muội, tự biết Tây Phương tông phong. Đây là đem cái công phu “xoay trở lại nghe nơi tự tánh” của Quán Âm để tu tịnh nghiệp “nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối” thì tu Tịnh mà là Thiên, còn gì diệu bằng!

43. Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ nhất)

Người niệm Phật cũng không phải là không được trì chú, nhưng chủ và trợ phân minh thì trợ cũng quy về chủ. Nếu cứ tràn lan không phân biệt, coi đều như nhau thì chủ cũng không phải là chủ. Chuẩn Đề và Đại Bi nào có hơn kém, nếu tâm chí thành, pháp nào cũng linh; tâm không chí thành, pháp nào cũng không linh. Một câu Phật hiệu bao quát trọn vẹn không sót cả đại tạng giáo. Người thông Tông, thông Giáo mới có thể thật sự làm người niệm Phật

chân chánh; nhưng người không biết gì, không làm được gì, chỉ cần miệng nói được thì cũng có thể là người niệm Phật chân chánh. Ngoài hai hạng này ra thì chân chánh hay không chân chánh đều là do chính mình có nỗ lực, có y giáo phụng hành hay không?

Còn như tu hành Tịnh độ đã có lý quyết định không nghi, cần gì phải hỏi đến sự hiệu nghiệm nơi người khác. Dẫu người khắp thế gian đều không có hiệu nghiệm, cũng chẳng sanh một niệm nghi tâm, lấy lời thành thật của Phật, tổ làm bằng chứng. Nếu hỏi đến sự hiệu nghiệm của người khác tức là chưa tin cùng cực vào lời Phật, phải lấy lời người để quyết định nên thành cái tâm mong ngóng, không thể thành tựu. Làm thân nam tử anh hùng, tráng liệt trọn chẳng đến nỗi bỏ Phật ngôn để tin lời người khác, tâm mình vô chủ, chuyên muốn lấy sự hiệu nghiệm của người ta để hướng dẫn tiền đồ, chẳng đáng buồn ư?

Tùy Tự Ý Tam-muội chính là đường tu chung từ phàm đến thánh, tuy nói là sơ tâm Bồ-tát bao gồm hết bảy phàm phu, nhưng thật ra là hạng Sơ trụ Bồ-tát phát trọn vẹn ba tâm, tam đức viên chứng trong Viên giáo (nếu ước theo Biệt giáo thì là Sơ địa): Do lấy phát lý tâm làm chánh nhân nên chứng pháp thân đức, do phát huệ tâm làm liễu nhân nên chứng bát-nhã đức, do phát thiện tâm làm duyên nhân nên chứng giải thoát đức. Vì thế có thể hiện thân mười pháp giới ứng khắp mọi căn cơ trong mười phương thế giới, thượng cầu hạ hóa; ông lại nói sơ phát tâm chỉ là



kẻ sơ phát tâm vừa mới phát tâm tu hành thôi ư? Ông thấy Kim Luân chú pháp đã dạy “ngộ pháp nhị không, chứng lý thật tướng” liền hớn hở, vui mừng, bèn muốn gánh vác; Quang sợ ông bị ma dựa, nên trình bày rõ thân phận khiến cho ông trọn chẳng còn lầm lạc nữa. Ngộ pháp nhị không, chứng lý thật tướng chính là thân phận của sơ phát tâm Bồ-tát vậy. Pháp được giảng trong sách ấy phạm phu đều có thể y theo đó để tu trì, nhưng đừng hiểu thân phận được sách nhắc đến là phạm phu thật sự. Thanh văn, Duyên giác có đại thần thông còn chẳng thể đạt đến, huống gì phạm phu! Lúc khắc in riêng sách ấy nên xem kỹ:

- 1) Vô trụ sanh tâm.
- 2) Chẳng trụ vào pháp để hành bố thí.
- 3) Tam luân thể không.
- 4) Ý nghĩa nhất đạo thanh tịnh.

(Bốn câu này là cương yếu của Phật pháp, người xem kinh tu hành phải nên biết) thì sẽ được thông hiểu lớn lao.

Quang muốn đem những nghĩa này làm thành bài tụng để người xem đến biết được cương yếu. Đã bàn cùng Ủy Như, nhưng bận rộn lắm việc chưa thể rảnh rỗi, phải đợi năm sau. Khắc in Thập Vãng Sanh Kinh¹⁵⁸ và ba thứ

158 Kinh Thập Vãng Sanh chính là kinh Phật Thuyết Thập Vãng Sanh A-di-đà Phật Quốc, được xếp vào quyển 87 của Vạn Tục Tạng Kinh, không rõ ai đã dịch kinh này từ Phạn sang Hán. Nội dung kinh này dạy 10 pháp quán niệm để được vãng sanh thế giới Cực Lạc.

tĩnh nghiệp ban đầu trong Quán kinh để lưu truyền trong đời cũng được, tôi đã bảo với Ủy Như nhưng chưa rảnh để sửa những chữ sai trong bản ấy, nên đem nguyên bản gửi đi. Chữ cổ tuy không sai, nhưng không nên dùng. Còn như nói quán thân, chẳng quán hết thân, chỉ quán vô duyên thì vô duyên là Tùy Tự Ý Tam-muội, nghĩa là tánh không, vô sở hữu; đã vô sở hữu nên không có gì để vin nắm (phan duyên). Nếu chẳng một nhát dao chặt đôi từ căn bản thì tâm duyên trùng trùng, giải thoát sao được? Mấy lời này giản lược cùng cực, nhưng ý nghĩa sâu rộng, mong hãy bảo với ông Ủy Như.

44. Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ hai)

Hòa thượng Pháp Tràng xưa đã sẵn linh căn, thoát đầu là bậc chân Nho, sau thành bậc chân Thích, có thể nói là chẳng uống công độc sách học đạo vậy! Đời có bậc chân Nho nên mới có chân tăng, bọn vô lại xuất gia kia cố nhiên đều là ma vương ngoại đạo phá hoại Phật pháp. Ngũ lục của hòa thượng thống khoái thẳng chóng, mở rộng tâm mắt con người, đáng nên khắc in lưu thông làm pháp bảo cho Thiền gia, nhưng sách ấy chỉ phát huy đạo “chỉ thẳng tâm người, kiến tánh thành Phật”, chúng ta chuyên tu tĩnh nghiệp chớ nên sờ soạng, dò lường lời ngài đến nỗi đánh mất lợi ích cả hai bên. Không thể không biết điều này! Điều được nhà Thiền đề xướng là chỉ hướng về bốn phạm, ngoài ra [mọi chuyện khác] đều không xiển phát, chuyện tu nhân đạt quả, đoạn hoặc chứng chân của họ đều là tự



ngâm tu trì. Người ngoài thấy nhà Thiền chẳng đề xướng những đạo lý tu chứng ấy bèn bảo nhà Thiền không dùng đến những pháp đó, thành ra hủy báng Thiền, báng Phật, báng pháp.

Mã Tăng Ma¹⁵⁹ kiến địa cao siêu, văn tự khéo léo, đẹp đẽ, cũng đáng nên khắc bản lưu thông. Vương Huyền Như không thấu hiểu Tông môn, chỉ vì không chịu nghiên cứu sâu xa giáo lý và cũng do chưa hề thân cận tri thức, vì thế chỉ thành một kẻ hiểu biết Tông môn trên mặt văn tự mà thôi. Năm Quang Tự hai mươi mốt, tức mùa xuân năm Ất Mùi (1895), người ấy đến Phổ Đà, được thể phát bởi hòa thượng Hóa Văn trụ trì chùa Pháp Vũ, chưa thọ giới, sống được nửa năm bèn trở về nhà, lại trở thành cư sĩ. Trong cuốn đầu, ông ta viết năm Bính Thân (1896) đến Phổ Đà làm tri kỷ của sư Hóa Văn, toan muốn xuất gia, nhưng vì gia sự thúc bách phải quay về. Từ chỗ này có thể thấy ngôn hạnh chẳng tương ứng.

Quang từng gặp người này, nhưng chưa hề nói với nhau một lời. Hỏi đến những người ông ta thường gặp gỡ xem ông ta hành trì những gì, họ nói ông ta không niệm Phật mà cũng chẳng xem kinh. Những gì chép trong sách Minh Tâm Lục của ông quá nửa là những câu dựa theo sách Kinh Hoa Tập xưa kia, ông ta có sở đắc nơi ý Thiền tông, nhưng hạnh nhà Thiền chưa từng thực sự tu tập. Do vậy mới đến nỗi chẳng biết thời vụ, trao xằng pháp được,

159 Mã Tăng Ma là thọ nghiệp sư của hòa thượng Pháp Trảng.

khiến cho những kẻ vô tri vô thức học phải những lời sáo rỗng ấy bèn quay ra bài bác, vứt bỏ những lý thật, sự thật trong kinh, khiến mình mù, làm cho người mù, từ đầu đến cuối sách chẳng hé lộ triều đại và niên hiệu với thâm ý khiến người đời sau tưởng mình là bậc cao nhân thời thượng cổ mà thôi! Toàn thể sách ấy là cái tâm phàm phu sanh tử kết nghiệp, chớ hề có ý nghĩa tùy duyên mặc lòng tự vui thiên chân. Hạng người như vậy chẳng nên tán thán, chỉ sợ do tôi tán thán, người đời bèn tưởng ông ta hoàn toàn đúng; mà cũng không nên báng bổ, vì sợ do tôi gièm báng người khác bèn cho là ông ta hoàn toàn sai. Nhưng ông giữ pháp của ông, tôi giữ đạo của tôi mà thôi, rảnh công đâu bàn chuyện rồi hơi của người ta chẳng ăn nhập gì đến mình!

Bài tiểu tự của sách Vạn Liên Tịnh Độ Thi, hai dòng đầu nêu lên thuyết “nhất tâm được biểu hiện hay che lấp” chính là lý luận sai lầm. Lời dạy chuyên tu tịnh nghiệp của ngài Thiện Đạo có thể gọi là “tỏ rõ tâm chuyên nhất”, nhưng ngài Vĩnh Minh dạy “vạn thiện đều tu” há có thể gọi là “ngăn lấp tâm chuyên nhất” ư? Đúng là sai lầm đến cùng cực! Phải nói là pháp môn Tịnh độ có chuyên và viên, do căn khí của chúng sanh bất nhất, nên các tổ lập pháp bất đồng. Ngài Thiện Đạo dạy người nhất tâm trì danh, không dạy tu tạp nghiệp là vì sợ người căn tánh trung hạ do tạp nghiệp đến nổi tâm khó quy nhất, do vậy ngài dạy chuyên tu. Ngài Vĩnh Minh dạy người vạn thiện đều tu, hồi hướng Tịnh độ là vì sợ bậc thượng căn hạnh chấp vào một bên, đến nỗi phước tuệ chẳng thể xứng tánh viên mãn nên dạy viên tu.



Nếu là người chưa đạt đến địa vị đại triệt đại ngộ thì lập ngôn quyết khó khỏi mắc điều tệ. Ví như ếch ngồi đáy giếng chỉ thấy được khoảng trời xanh chừng bằng miệng giếng mà thôi. Bài tựa giáo chánh tái bản sách Tùy Tự Ý Tam-muội, nếu nói thông thường thì đại tâm phạm phu là sơ phát tâm Bồ-tát, và nói đúng ra thì phải hiểu sơ phát tâm Bồ-tát thuộc địa vị Sơ trụ trong Viên giáo. Hiểu như thế sẽ không mắc cả hai lỗi ngã mạn và thoái khuất.

45. Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ ba)

Đã đến Phổ Đà mấy lần, hãy nên ở nhà lắng lòng niệm Phật, chẳng nên tới thường, đến đây tốn phí công sức, thời gian, hao tài, đối với mình lẫn người đều không có lợi ích gì. Nếu chưa từng đến thì đến chiêm bái đạo tràng Bồ-tát một lần cũng được; nếu đã đến rồi nên ở nhà cúng dường, cung kính, lễ bái, lễ đầu Bồ-tát chỉ ở tại Phổ Đà, chẳng cảm ứng khắp pháp giới ư? Quán Âm Bồ-tát thường trụ trong khởi tâm động niệm của hết thấy chúng sanh, hiển lộ đại thần thông, diễn thuyết diệu pháp, tiếc là chúng sanh mê trái bỏ lỡ, cô phụ từ ân. Nếu có thể thường niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, trong hết thấy thời, hết thấy chỗ sẽ tự thường được ngài che chở. Nên đem ý này bảo lại cùng hết thấy kẻ tri giao.

46. Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ tư)

Biết ý ông muốn sống ở Thông Châu, tuy có chí

muốn thành tựu con em, nhưng không biết con em được thành tựu chỉ là do gia đình dạy dỗ. Đối với con cái, từ nhỏ phải dạy hiếu, đễ, trung, tín, cần (siêng năng), kiệm (tiết kiệm), ôn (ôn hòa), cung (cung kính), thì khi đến lớn đi học đọc sách mới có cơ sở để hưởng được lợi ích. Nếu từ nhỏ dung túng thành quen thói, đừng nói chi những đứa không có thiên tư, không khéo dạy, ngay cả những đứa có thiên tư, được khéo dạy cũng chỉ thành một gã thợ khéo văn chương, thành phường bại hoại trong làng Nho mà thôi. Đời có kẻ tài cao Bắc Đẩu, học khắp năm xe¹⁶⁰, nhưng hành vi đều ỷ vào thông minh, độc hại sanh linh, hủy diệt đạo nghĩa, nguyên nhân đều bắt đầu do lúc ban đầu thiếu gia giáo vậy! Văn Vương nêu gương cho vợ, gương ấy thấu đến anh em, rồi lan ra khắp nước nhà, điều này cùng một ý vị với điều được nói trong sách Đại Học: “Muốn bình trị thiên hạ, quốc gia thì phải khởi đầu từ cách vật trí tri, thành ý, chánh tâm.” Đây chính là bí quyết vô thượng dạy người mong thành thánh thành hiền của Nho gia vậy. Bỏ nơi đây cầu nơi khác đều là chạy theo cái ngọn.

Nay tôi bàn tính: Khi con cái đã có thể nói năng, hiểu biết thì trong gia đình trước hết phải dạy cho con biết mặt chữ (con gái tuy không cần phải có học vấn rộng, nhưng trọn chẳng thể chỉ dạy cho con biết mặt chữ, không thông

160 Điển cổ “*học phú ngũ xa*” (học khắp năm xe) xuất phát từ câu văn trong sách Trang Tử: “*Huệ Thích hữu phương, kỳ thư ngũ xa.*” Huệ Thích là một triết gia thời Chiến Quốc, học vấn rất rộng. Câu trên có ý nói Huệ Thích học rất rộng, đọc rất nhiều sách, phải dùng năm cái xe mới chở hết được.



ý nghĩa. Mẹ còn phải nên dạy con từ thuở còn nằm trong thai. Nếu con gái biết chữ, thông văn lý thì con cái do mình sanh ra sẽ càng dễ dạy). Mỗi một tờ giấy chỉ viết một chữ, đừng viết cả hai mặt, nếu viết hai mặt khác sẽ giống như nhớ khẩu quyết vậy¹⁶¹. Mỗi ngày hạn định mấy chữ, mỗi ngày phải nhận rành mặt chữ, lại phải nhận được mặt chữ hai ba lần, chưa đầy một năm đã biết được nhiều chữ. Về sau lúc đọc sách, hễ đọc đến đâu nhận được mặt chữ, chẳng đến nỗi vướng cái tệ chỉ nhớ ca kệ.

Phàm những gì trẻ làm được đều nên dạy nó thường tập quen siêng năng (như quét tước, dọn dẹp v.v.). Phàm thức ăn, y phục chớ nên hoa mỹ. Nếu trẻ phung phí ngũ cốc và làm hư đồ đạc, bất luận là vật sang hèn, nặng nhẹ đều nên bảo cho nó biết vật ấy chẳng dễ có, và những nghĩa lý chiết phước tổn thọ. Nếu vẫn như thế nhất định phải trách phạt, quyết chẳng bỏ qua. Như thế, trẻ sẽ tự mình kiềm ước, trọn chẳng đến nỗi xa xỉ, phung phí. Khi trẻ đọc được sách, nên đem những sách Âm Chất Văn, Cảm Ứng Thiên dạy trẻ đọc thuộc, thuận theo mặt chữ mà diễn giảng. Những hành vi thường nhật nếu hợp với điều thiện thì chỉ cho trẻ thấy điều ấy hợp với những điều thiện được nêu trong hai cuốn sách trên mà khen thưởng. Nếu làm điều bất thiện thì chỉ cho trẻ thấy điều ấy phù hợp với chuyện bất thiện được nói trong hai sách ấy để quở trách (nhà cư sĩ Bành Nhị Lâm (Bành Tế Thanh) đã đạt

161 Ý nói: Nếu viết nhiều chữ trong một tờ giấy, trẻ có thể nhớ âm đọc, cảm lên đọc nằm lòng nhưng không nhận biết từng chữ.

đứng đầu tỉnh Giang Tô, đời đời tuân thủ hai sách ấy. Nhà ấy Trạng Nguyên thật nhiều, nhưng suốt đời đều tuân thủ hai sách ấy không thay đổi). Như vàng đổ vào khuôn, như nước có đê ngăn, há lẽ nào chẳng thể thành đồ vật, vẫn cứ chảy ngang y như cũ hay sao? Căn bản để con người làm người là đây! Không giảng điều này mà muốn thành con người hoàn toàn, trừ phi là hạng có thiên tư bằng Mạnh tử trở lên mới được mà thôi.

Nhưng đến lúc đi học, chẳng nên cho con vào ngay những trường đã lập hiện thời, nên để con ở nhà vài năm, mời một vị thầy văn chương lẫn đức hạnh đều khá, tin sâu nhân quả để dạy trẻ học Tứ Thư và Ngũ Kinh trước. Đến khi trẻ học được vài phần, đối với toàn bộ văn tự đạo lý chẳng bị tà thuyết tục luận mê hoặc thì mới cho con vào trường hòng mở mang tầm mắt, biết so sánh sự việc, chẳng đến nỗi hành xử trái thời, không cách nào tiến lên được. Làm được như vậy thì đứa có thiên tư sẽ tự thành đạt, đứa không thiên tư cũng thành lương thiện, tốt lành cho mình lẫn người, tự lợi, lợi tha, quả thật chẳng ngoài những điều lão tăng thường nói.

Lại nữa, trước kia ở Dương Châu có thỉnh mười ba bộ Cảm Ứng Vựng Biên tặng cho người, Vân Lô cũng tặng một bộ. Ngày hôm sau Vân Lô đến chỗ tôi ở, tôi bảo ông ta mang cho ông một bộ, ông ta đem tặng cho người khác, nói ông có thể thỉnh được sách nơi thư cục chánh, không biết đã thỉnh hay chưa? Những văn bút đàm luận



trong sách này đều siêu diệu (sách ấy có đôi ba chỗ hơi trở ngại đôi chút, nhưng xét về toàn thể đều tốt nên có thể dùng được), nhưng không quán thông Phật pháp bằng An Sĩ Toàn Thư. Ngoại trừ An Sĩ Toàn Thư ra, nên coi sách này là nhất, nhưng chẳng dễ gì chỉ dạy cho đàn bà, con trẻ. Quang ở Dương Châu nhân thấy sách này phần đầu chưa khắc Cảm Ứng Thiên, bèn cho khắc bổ sung. Do tìm sách bèn gặp được một bản Cảm Ứng Thiên Trực Giảng, sách ấy do một bậc đại thông gia soạn, lời chú giống với lối văn bạch thoại, đọc theo mạch văn ý nghĩa càng rõ ràng, rất thích hợp cho con cái đang tuổi thơ ấu. Nay đem sách ấy gởi đi, mong ông sẽ dùng sách ấy để răn dạy con cái, tương lai ắt được lợi ích thật sự mà lại còn thiết thân nữa (ông Vương Lôi vào mùa hạ từng khắc Nhị Thập Nhị Sử Cảm Ứng Lục của ông Bành Hy Tốc, đều là những chuyện thực trong chánh sử, rất dễ làm cho người khác đọc đến phải kiêng dè, sách này chỉ có hai bản).

47. Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thứ thứ năm)

Những lời Ủy Như nói hơi có đạo lý, nhưng tôi là một gã vô tri vô thức chỉ biết lo tự độ¹⁶², dạy người cũng dùng những pháp tắc để tự độ, còn ông ta muốn cho người khác

162 Nguyên văn: “Tự liễu hán”, từ điển Phật Quang Sơn giảng “tự liễu hán: Chỉ hạng người không có ý niệm lợi tha, chỉ mong chính mình được lợi ích. Chỉ biết đến thân mình, không quan tâm đến đại cuộc. Nhà Thiền thường gọi kẻ chỉ tự mình tu hành, không có ý niệm độ sanh là Tự Liễu Hán.” Ở đây, Tổ tự xưng mình là Tự Liễu Hán vì có những người chỉ trích pháp môn Tịnh độ là ích kỷ, chỉ lo cầu giải thoát cho riêng mình.

thông hiểu rộng rãi Phật pháp rồi nhờ đó mà tin sâu Tịnh độ; do vậy mới đến nỗi bề ngoài tỏ hồ không phù hợp, nhưng bên trong quả thật do chú trọng đến những điểm khác nhau, ai nấy có sở trường riêng và cũng có khuyết điểm riêng nên mỗi cách có những thiếu sót riêng. Nếu có thể chọn lấy những chỗ lợi ích thì chẳng đến nỗi trở thành thói tệ, pháp môn sẽ may mắn lắm!

Tuy vậy rất khó, pháp do Như Lai, chư tổ đã lập, hậu nhân làm theo còn bị biến thành tệ hại, huống gì bọn ta? Ai nấy chỉ nên giữ lấy một pháp ngõ hầu tự lợi và kiềm dùng pháp đó để lợi ích người hữu duyên thì mới nên. Kẻ vô duyên Phật còn chẳng độ được, dù chúng ta có lập đủ cách cũng sẽ chỉ có thể nói “không làm gì được” mà thôi! Hai lá thư của Ủy Như đã khen ngợi Bất Huệ quá mức, khiến cho người ta thẹn thùng không lách vào đâu được. Trọn chẳng được học theo cái lối ấy, học theo sẽ khiến người khác nghi ngờ, miệt thị cổ nhân, đâm ra cả mình lẫn người cùng bị tổn hại. Thư ông viết cũng rất hữu lý, nhưng Quang sự việc quá nhiều, không rành rang trình bày rõ. Những lời thỉnh vấn nếu phù hợp bên đáp, nếu không hợp bên bảo đi hỏi cao nhân khác, như các cửa tiệm ngoài chợ, mỗi tiệm có bán hàng hóa chuyên biệt: hoặc chỉ một món hàng mà có thể thông thương làm nước giàu, hưng gia lập nghiệp; hoặc bán nhiều món hàng nhưng chẳng qua cũng chỉ nhằm để thông thương, nước giàu, hưng gia, lập nghiệp mà thôi.

Chúng tôi đã chẳng dụng đại pháp tràng, nhật cơm



thừa canh cận bị vất bỏ ở cửa nhà trường giả đại phú để tự nuôi thân; nếu ai chẳng nề hà hôi chua bèn chẳng ngại chuyên tay trao lại. Nếu không, hãy cứ mặc lòng lấy gan rỗng tủy phượng để tự bồi bổ, há có nên nói “tặng hết cho mọi người, khiến cho ai nấy đều hưởng thứ cơm thừa canh cận của ta mới đẹp dạ mình” ư? Ở chợ, nếu cửa hàng chuyên bán một thứ luôn luôn phát đạt thì kẻ bán nhiều mặt hàng cũng sẽ trích vốn [để buôn mặt hàng đó]. Sao riêng chuyện hoằng pháp lợi sanh lại chẳng giống như thế? Ngàn căn cơ đều cùng dạy chính là lý do xuất thế của Như Lai, Như Lai giảng tích thị hiện làm thiện tri thức, cũng chẳng lấy đó làm chuẩn. Tội pháp gì cũng chẳng thông, chỉ chịu niệm Phật thì cũng có thể cậy vào đó để liễu sanh tử; tôi cũng chẳng thẹn vì mình không thông, chỉ thẹn mình ngôn hạnh không tương ứng, hữu danh vô thực mà thôi!

48. Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ sáu)

Giấc mộng tốt lành kỳ lạ, đặc biệt, ắt có con quý xuất loại bạt tụy nổi dòng thư hương, kế nghiệp tổ tông, do Phật, trời ban cho. Lòng vui mừng, an ủi khôn cầm, chúc mừng, chúc mừng! Kinh Hoa Nghiêm nói: “Hết thảy chúng sanh đều có đủ đức tướng, trí tuệ của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc.” Do vậy, biết trí tuệ, đức tướng chúng sanh và Phật giống nhau, ấy chính là tánh đức. Do có vọng tưởng, chấp trước và lìa vọng tưởng, chấp trước nên chúng sanh và Phật khác hẳn nhau, đấy chính là tu đức vậy.

Tu đức có thuận, có nghịch, tu thuận theo tánh thì càng tu càng gần, tu đến cùng cực bèn chứng triệt đế, tuy chứng nhưng trọn chẳng được điều gì; tu nghịch với tánh thì càng tu càng xa, tu đến cùng cực bèn vĩnh viễn đọa trong ác đạo, đọa nhưng trọn chẳng mất gì. Hiểu rõ điều này thì kẻ ngu có thể là hiền, kẻ hiền có thể là ngu, kẻ thọ bị chết yếu, kẻ chết yếu được sống thọ, phú quý, bần tiện, con cháu đầy đàn hay tuyệt diệt, mỗi chuyện đều có thể tự mình làm chủ, có chỗ nương tựa có thể thành không nơi nương tựa, không nơi nương tựa có thể thành có nơi nương tựa; như núi cao không lên được, con người không có cách nào thì cũng chẳng ngại đục vách núi xếp bậc, rồi cũng lên thẳng được chót đỉnh. Con người xưa nay không biết đến nghĩa lý “tùy tâm tạo nghiệp, tùy tâm chuyển nghiệp”, bao nhiêu kẻ đại thông minh, đại học vấn trở thành bỏ sạch mọi công trước, lại còn di hại bao kiếp.

Nếu chẳng tu đức thì thân dù giàu trù thiên hạ, quý như thiên tử, hoặc quan vị cao cùng cực, thanh thế lừng lẫy như địa vị tể tướng, phụ thần, có hay không những kẻ ngay trong đời này thân bị giết, nhà tan cửa nát? Như vậy thì những gì thân mình tự có được đều chẳng thể nương cậy được. Viên Liễu Phàm khá hiểu nghĩa này, nên coi hết thấy những gì mình được hưởng thụ không gì chẳng phải do nhân trước định sẵn. Thế tục thường gọi “tiền nhân” là trời, “thiên định thẳng nhân” nghĩa là khó chuyển được cái nhân trước, nhân định cũng có thể thẳng được trời nghĩa là tu trì chống lại nghiệp thì nhân trước chẳng đáng nương



cậy. Tức là dùng cái nhân hiện tại làm nhân để tiêu diệt cái nhân trước, còn nếu mặc tình làm càn thì sẽ trở thành trái ngược lại. Hiểu điều này thì kẻ ngu sẽ thành hiền, kẻ dở tệ, tầm thường sẽ thành siêu quần bạt tụy, đều do chính mình giữ cái lòng tu đức và tùy thời khéo dạy mà thôi! Há chẳng nên nỗ lực tài bồi ngộ hầu giác mộng tốt đẹp trở nên có căn cứ hay sao?

49. Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ bảy)

Nhất Hạnh Cư Tập¹⁶³ nét chữ khắc quá nhỏ, in tạm mấy ngàn bộ, là do các vị Ủy Như v.v. không chăm sóc tử tế. Bản in được duyệt sửa khá tinh tế, không thấy sai ngoa. Sách này quả thật là đại hộ vệ cho Tịnh tông, nhưng cũng có chỗ có thể làm cho người khác mắc bệnh. Nay tôi không thể không báo cho ông biết, những người khác cũng do đây mà hiểu đại lược. Nhị Lâm cư sĩ (Bành Tế Thanh) rất tin vào câu cơ, những lời giảng cơ được ông chép lại rất phù hợp với giáo pháp, nếu chịu hành trì theo đó ắt được đại lợi ích. Nhưng thời thế khi ấy khác, thời này lại khác! Nếu chấp rằng lời giảng cơ ắt đều phù hợp với giáo pháp nhà Phật, đều có thể nương theo những lời ấy ắt sẽ mắc lỗi do câu cơ bèn nghịch giáo. Những kẻ giảng cơ đa số là linh quỷ, chân tiên rất ít. Dẫu chân tiên đi nữa, há có thể hơn được chư Phật, chư tổ ư? Chớ nên viện cớ “cư sĩ Nhị Lâm

163 Đây là một tác phẩm của Bành Thiệu Thăng, xiển dương Tịnh độ, đồng thời dân dụng những công án bên Nho để xiển dương Phật pháp. Ông viết tác phẩm này trong khi đang bế quan tu nhất hạnh tam-muội tại Văn Tinh Các.

còn tin vào lời giảng cơ, lẽ nào chúng ta dám không tin”, vậy thì là lầm lạc quá lắm!

Trong sách ấy có lời bạt ghi kinh Thiên Tông Bí Mật Liễu Nghĩa do chính Phật đã nói. Ông Nhị Lâm chưa mở mang sai biệt trí, nên tạo thành đầu mối bịa đặt bừa bãi cho người đời sau. Kinh này ở chùa Pháp Vũ trước kia cũng có một bản, Quang đã từng đọc qua, lời lẽ thật sự không có lỗi lầm gì, nhưng toàn là những câu trích từ các kinh Lăng-nghiêm, Hoa Nghiêm, Viên Giác, Kim Cang... và Lục Tổ Đàn Kinh, cũng như những câu dung hội hai tông Thiên - Tịnh trong Tịnh tông ghép thành. Bậc thông gia xem thấy cố nhiên được lợi ích, còn kẻ không thông suốt dùng chuyện này làm chuẩn để đánh giá mọi lời giảng cơ thì trật rồi. Do vậy, Quang bèn đốt đi để diệt mối hại. Nhị Lâm đem sách ấy giáo chánh, in lại, đó là vì trí của Nhị Lâm chỉ biết đến mặt lợi ích, không biết sách sẽ gây ra mối tệ vô cùng: mai sau có những kẻ biến tà thuyết thành chánh giáo đều sẽ dùng lời bạt ấy để xưng xuất. Nếu Ấn Quang khắc in sách ấy sẽ trọn chẳng khắc lời bạt ấy, lưu thông Phật pháp chẳng phải là chuyện nhỏ nhặt, há chẳng nên cẩn thận từ đầu ư?

Tôi là người ngoài cõi đời, cần gì phải mừng tết, mừng thọ? Năm dương lịch đã hết, cần gì phải gửi thiệp chúc mừng? Há chẳng phải là vô sự bèn sanh sự? Dầu hết năm âm lịch cũng chẳng cần phải ăn mừng. Thói tục phù phiếm, nhân tình thế gian ấy nếu có nhân duyên tiện dịp



bèn đề vài câu còn được, chứ riêng vì lẽ mừng tuổi bèn từ xa vài ngàn dặm gửi đến một phong thư thì chẳng bằng lắng lòng, giảm việc, có hay hơn không?

50. Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ tám)

Nhận được thư, biết ông trong cơn bệnh nhờ sức tam bảo biến hiểm thành lành, mới biết sanh tử trắng tay, nếu không thâm nhập một môn sẽ chẳng làm được gì. Nhân nghiên cứu, đọc các sách Tịnh tông mới biết Di-đà vì ta phát nguyện, lập hạnh để mong thành Phật; ta do trái nghịch Di-đà hạnh nguyện nên bao kiếp dài lâu thường luân hồi lục đạo, vĩnh viễn làm chúng sanh. Hiểu rõ Di-đà là Phật trong tâm ta, ta là chúng sanh trong tâm Di-đà. Đã là một mà phạm và thánh khác nhau một trời một vực là vì ta một mực mê trái nên mới thành ra nông nổi ấy. Tín tâm như thế mới là chân tín. Từ tín tâm này, phát ra cái nguyện quyết định vãng sanh, hành cái hạnh quyết định niệm Phật, ngõ hầu thâm nhập pháp giới Tịnh độ, thành tựu ngay trong một đời, siêu nhập thẳng vào Như Lai địa, như mẹ con gặp gỡ, vui sướng vĩnh viễn.

Tuy nhiên, biết không khó, làm được mới khó, trong đời có hạng người nói suông, khoe mẽ¹⁶⁴ nghe được lý “tâm, Phật, chúng sanh cả ba không sai biệt”, hoặc do duyệt Giáo

164 Nguyên văn là “lược hư hán”, tự điển Phật Quang Sơn giải thích: Đây là thuật ngữ nhà Thiền chỉ kẻ thích nói suông, làm ra vẻ tu hành. Lược là “lược thủ” (cướp lấy), hư là hư vọng không thật. “Lược hư” tức là nói suông, mô phỏng ngôn ngữ của người khác, làm ra vẻ.

tham Tông ngộ được lý ấy, bèn nói: “Ta đã giống hết Phật thì tu hay chúng còn có ích gì”, bèn buông tâm phóng ý trong hết thấy cảnh duyên, lầm lạc bảo: “Sáu trần chính là giác, tham sân si chính là giới định tuệ, cần gì phải chế tâm nhiếp thân, không dây tự trói?” Loại kiến giải này hèn kém nhất, chính là chấp lý phế sự, bác không nhân quả, như dùng bánh vẽ để khỏi đói, xây nhà trên không, tự lầm, lầm người, tội há thể cùng tận nổi? Do nhân thiện chuốc lấy quả ác, ba đời chư Phật gọi kẻ ấy là “hạng đáng thương xót”. Ông nên nương vào lý tâm Phật, nhân quả bất nhị này để thiết thực tu trì pháp tín nguyện hạnh thì vãng sanh sẽ có ngày, có hy vọng thành Phật, may mắn lắm thay!

Bài tựa kinh Thiên Tông Bí Mật Liễu Nghĩa nơi sách Nhất Hạnh Cư Tập tôi đã nói với ông Ủy Như rồi, ông ta viết thư trả lời: “Ông ta chưa hề thấy kinh ấy, nên lúc khắc đã sơ ý bỏ qua, sẽ bỏ bài tựa ấy đi, ngõ hầu khỏi tạo nên nghi ngờ, lầm lạc.” Tôi lại bảo khắc chữ to hơn, hòng [sử dụng bản gỗ khắc] in được nhiều lần hơn; ông ta cũng cho biết đã bảo thợ khắc chữ to hơn, lại còn cho biết trong đầu tháng hai sẽ lên miền Bắc. Quang cũng chẳng hỏi ông ta đã trở lại làm việc cho chính quyền hay chưa? Ở Bắc Kinh hiện đang lập xưởng in kinh, nếu Ủy Như không chăm sóc sẽ không xong. Toa thuốc cũ hút thuốc phiện¹⁶⁵ truyền xa bốn phương, ai nương theo đó cũ thuốc, khi dùng hết thuốc bệnh bèn lành, quả thật là thần phương (bài thuốc tuyệt hay).

165 Bài thuốc này được đăng tải trong phần phụ lục thuộc quyển 4 của Ấn Quang Văn Sao.



Như Lai thuyết pháp vốn thích ứng căn cơ, vì thế mới có chuyện vì thật bày ra quyền, khai quyền hiển thật, năm thời ban bố giáo pháp. Lại vì cạy vào tự lực để liễu thoát thì khó khăn, cạy vào Phật lực để liễu thoát thì dễ dàng; lại thêm chúng sanh đời mạt căn cơ hèn kém, do vậy Phật đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh độ, ngũ hầu ba căn thượng trung hạ cùng được lợi ích, cùng chứng bất thoái. Đời có kẻ ham cao chuộng xa, chẳng xét thời cơ, thường dạy người tu tập những pháp đa phần chẳng thể khế ngộ, ý họ tuy rất tốt lành, nhưng ước về Giáo lại chẳng thể thích hợp căn cơ, nên dùng sức nhiều lại được lợi ích ít ỏi.

51. Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ chín)

Thư ông gửi đến khá hợp thuyết chuyên tu của ngài Thiện Đạo, lại còn khế ngộ người căn cơ tầm thường, hèn kém. Rất vui! Chúng sanh mỗi người tập khí sai khác, mỗi người thiên về một chỗ, kẻ ngu thiên về hèn kém, tầm thường, bậc trí thiên nơi cao thượng. Nếu kẻ ngu yên chịu phận ngu, chẳng dụng tâm tạp loạn, chuyên tu tịnh nghiệp thì ngay trong đời này quyết định được vãng sanh, có thể nói là không ai sánh kịp kẻ ngu ấy. Nếu người trí chẳng cạy vào trí, vẫn cứ theo đuổi một môn cạy vào Phật tử lực, cầu sanh Tịnh độ, thì có thể nói là đại trí; nếu ỷ vào kiến giải của chính mình, miệt thị Tịnh độ sẽ thấy từ kiếp này sang kiếp khác trầm luân ác đạo, có muốn được bén gót những gã ngu trong hiện thời cũng hoàn toàn chẳng thể được.

Tôi thật sự yêu mến, hâm mộ những kẻ hiểu sâu xa Tánh, Tướng, Tông, Giáo kia, nhưng chẳng dám thuận theo. Vì sao? Dây ngắn chẳng kéo được nước sâu, giấy nhỏ không thể bọc rộng, nguyên do là vậy. Chứ không phải là hết thầy mọi người đều phải bắt chước việc tôi làm. Nếu cũng hèn kém giống như tôi mà muốn học theo hành vi của bậc đại thông gia, muốn diệu ngộ ngay tự tâm, xem đọc biển giáo, tôi sợ chẳng thể thành bậc đại thông gia; trái lại còn bị hạng ngu phu ngu phụ thật thà niệm Phật vãng sanh Tây Phương thương xót. Há chẳng phải là quá khéo biến thành vụng to, bay lên không lại rơi xuống vực sâu ư? Một lời bao trùm hết: Phải tự xét kỹ căn cơ của chính mình mà thôi! Chúng ta chỉ nên an phận chịu ngu, mặc cho người khắp cõi đời đều là bậc thông gia, chỉ mong Phật pháp được rực sáng trong đời, chúng sanh đều được độ thoát mà thôi, còn gì sướng hơn. Cũng mong ông đem lời này bảo với Sư Thọ. Thầy Hoằng Nhất muốn lánh vào ở trong núi sâu, đáng gọi là bậc có lòng tin sốt sắng, chân tu, tôi vui mừng vô lượng!

52. Thư trả lời cư sĩ Chu Quần Tranh ở Vĩnh Gia

Lời ông nói khá có đạo lý, tôi cảm thấy an ủi lắm! Đại sự sanh tử cần phải lo liệu sẵn, nếu đợi đến lúc ra đi mới tu chỉ sợ bị nghiệp lực đoạt mất. Bế phương tiện quan, cự tuyệt những sự duyên không cấp bách: rất hữu ích! Ông La Đài Sơn¹⁶⁶ không vãng sanh mà đọa vào chỗ phước báo

166 La Đài Sơn: người Giang Tây, đệ tử nhân thời Càn Long, sống cùng thời với



là vì tập khí văn tự quá nặng, tập khí ấy đã nặng thì dù bảo là niệm Phật, nhưng thật ra niệm niệm luôn đặt nơi công phu văn tự, công phu niệm Phật chỉ là duy trì bên ngoài mà thôi. Đây là căn bệnh chung của văn nhân, không riêng gì La Đài Sơn. Phật bảo *thế trí biện thông* là một trong tám nạn chính vì lẽ này.

Niệm Phật muốn được nhất tâm, ắt phải phát tâm chân thật vì liễu sanh tử, chẳng vì để được cái danh người đời gọi ta là “kẻ chân thật tu hành”. Lúc niệm phải từng chữ, từng câu từ tâm phát khởi, từ miệng thốt ra, lọt vào tai, một câu như thế, trăm ngàn vạn câu cũng như thế. Làm được như vậy thì vọng niệm không do đâu khởi được, tâm và Phật tự có thể khế hợp. Lại phải khéo dụng tâm, chớ chấp trước quá mức đến nỗi thân tâm chẳng yên, hoặc đến nỗi khởi các ma sự. Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, hành theo đó, quyết chẳng bị lầm lạc đi vào đường rẽ.

Không biết Liễu Phàm Tứ Huấn [ông nhắc đến trong thư] là bản chép từ An Sĩ Toàn Thư hay bản được lưu thông riêng. Quang thấy trong một bản đang được lưu thông, thiên Tích Thiện khuyết mười điều sự tích nhân quả. Nếu muốn in, nên đem so với bản được chép sau cuốn An Sĩ Toàn Thư, hễ thiếu bèn bổ sung, hễ sai bèn sửa. Lời tựa đến hơn một ngàn chữ, ý nghĩa chấp nhận được, nhưng văn từ chẳng thông suốt, Quang vốn muốn phát huy những ý chỉ

chưa được thông suốt của Liễu Phàm Tứ Huấn, ý nghĩa bị ngôn từ gây trở ngại nên rốt cuộc chưa được nêu tỏ, nhưng đặt bài tựa ấy nơi đầu sách cũng có cái lợi nhỏ là có thể dùng để tham khảo, làm chứng lẫn nhau.

Lại nữa, cái chí muốn được thấy Phật trong hiện tại có thể nói là chân thiết, nhưng sự này há phải dễ dàng! Nên lấy “nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối” để cầu nhất tâm bất loạn làm điều chánh yếu quyết định. Trước khi chưa được nhất tâm, trọn chẳng nên manh nha ý niệm thấy Phật. Hễ được nhất tâm thì tâm hợp với đạo, tâm hợp với Phật, muốn thấy liền thấy ngay, không thấy cũng không trở ngại gì. Nếu muốn gấp thấy Phật, tâm niệm lăng xăng, cái ý niệm muốn thấy Phật cố kết trong bụng dạ, trở thành căn bệnh lớn cho việc tu hành. Lâu ngày, oan gia nhiều đời nương theo cái tình tưởng vọng động ấy hiện thành thân Phật hầu báo túc oán. Tự mình tâm không chánh kiến, toàn thể là khí phận ma. Hễ thấy bèn sanh hoan hỷ, từ đấy ma nhập vào tâm tạng, bị ma dựa phát cuồng, dầu có Phật sống cũng chẳng biết làm sao được.

Chỉ nên nhất tâm, nào cần phải tính sẵn có thấy Phật hay không? Nhất tâm rồi sẽ tự biết tốt xấu. Khi không thấy đã tăng tiến công phu, thì khi được thấy, lại càng phải lắng lòng chuyên tu, trọn chẳng mắc lỗi hiểu lầm, chỉ có lợi ích thẳng tắn. Người thế gian không hiểu lý, vừa có chút tu trì đã ôm lòng mong mỏi quá phận. Ví như mài gương, nếu hết bụi nhơ, quang minh quyết định tỏa lộ chiếu trời



soi đất, nếu chẳng tận lực mài gương, chỉ mong gương tỏa sáng, toàn thể gương là cấu uế thì nếu có quang minh cũng chỉ là ánh sáng quỷ quái, chứ không phải là ánh sáng của gương. Quang sợ ông không khéo dụng tâm, đến nỗi tự mình đánh mất lợi lành, lui sụt tín tâm của người khác, nên mới viết thêm. Ngài Vĩnh Minh nói: “Chỉ được thấy Di-đà, lo gì không khai ngộ.” Nay tôi cũng bắt chước nối đuôi rằng: “Chỉ cầu tâm bất loạn, chẳng kể thấy, không thấy.” Biết vậy hãy dốc sức nơi đạo tâm hợp với Phật vậy.

53. Thư trả lời sư Hoằng Nhất

Nhận được thư biết sư phát tâm đại Bồ-đề, thể chứng niệm Phật tam-muội, định kỳ yếm quan hầu thỏa đại nguyện ấy, Quang đọc xong khôn ngăn hoan hỷ, còn như sư xin lời huấn thị tối hậu, Quang nào dám nhận, nhưng há chẳng nên đem hết lòng ngu thành của mình dâng lên hay sao? Tuy đã biết tọa hạ dùng cách nói ràng buộc ấy, nhưng bằng hữu qua lại, giàu nghèo đều trọn phận, không riêng gì trí hay ngu đều chẳng như thế. Chỉ tận tâm lòng ngu thành mà thôi, chẳng kể người khác có dùng được hay không.

Trộm thưa: Tâm ấy của tọa hạ thuộc tâm chẳng thể nghĩ bàn, nhưng trong lúc bế quan dụng công nên lấy chuyên tinh bất nhị làm chánh. Nếu tâm thật sự chuyên nhất sẽ tự có cảm thông chẳng thể nghĩ bàn, lúc chưa được nhất tâm, chớ nên vọng động cầu được cảm thông trước.

Nhất tâm rồi thì quyết định có cảm thông, cảm thông thì tâm càng tinh nhất. Đó gọi là gương sáng đặt trên đài gập hình liền hiện bóng, hình tự lăng xăng, can chi đến mình. Chưa nhất tâm mà cầu cảm thông thì cái tâm cầu cảm thông ấy bèn trở thành đại chướng bậc nhất cho việc tu đạo, hướng chi vọng động mong mỗi chuyện phi thường rất có thể khiến cho ma sự khởi, phá hoại tịnh tâm. Ngài Đại Thế Chí nói: “Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam-ma-địa, ấy là bậc nhất.” Dám vì tọa hạ trình bày!

54. Thư trả lời cư sĩ Vưu Tích Âm ở Vô Tích

Cư sĩ vô ngã, thích được rèn giũa, nhưng mắc lỗi hiểu lầm ý Quang, nên đầu thư gọi Quang là “sư tôn”, không dùng bốn chữ “pháp sư Ấn Quang” khiến cho Ấn Quang và bản thân cư sĩ đều bất an. Ấn Quang là một ông tăng chỉ biết cơm cháo, xưng là “pháp sư” thì đã quá phận cùng cực rồi. Dẫu là xưng hô chung chung thông thường cũng chẳng thể không gọi như vậy. Nếu như không gọi tên, lại gọi là “sư tôn” thì quả thật đã mất đi cái đạo chánh danh giao hữu vậy, lần sau chớ dùng cách xưng hô sáo rỗng ấy. Còn như ký tên, cổ kim thông dụng, phạm với những người ngang hàng đều nên ghi như thế, chứ không phải chỉ đối trước bậc đáng tôn trọng mới dùng từ ngữ “hòa nam¹⁶⁷ đánh lễ” v.v.. Nay lễ giáo bị tước bỏ, phạm người nghiên cứu học Phật gửi thư cho tri thức đa phần hay dùng những câu như

167 Hòa nam (Vandana): có nghĩa là kính lễ, đánh lễ.



“chấp mười ngón tay kính cẩn thưa lên”, nhưng chẳng chịu kém cạnh tí nào.

Vua Vũ lạy và nhận lời nói hay, Tử Hạ mù mắt oán trời, bị Tăng Tử quở trách, còn quăng gậy lẽ tạ. Người ngang hàng với mình có một lời dạy dỗ mình, đều phải cúi mình lẽ tạ. Như nay đi tới chỗ ngõ rẽ, không thể quyết đoán [nên đi đường nào], muốn hỏi người ta còn phải chấp tay, hướng chỉ muốn được giúp đỡ về đại sự liễu sanh tử lại dùng cung cách chào nhau ngoài đường để tiếp nhận thì là khinh pháp vậy. Khinh pháp sẽ chẳng thể được lợi ích thật sự nơi pháp. Xưa kia, thiền sư Cổ Linh Tán sau khi đại ngộ, muốn báo ân thầy thế độ bèn nhiều phen khơi gợi. Thầy ngài lấy làm lạ, bảo hãy vì mình tuyên nói, ngài bảo: “Nên bày pháp tọa”, bảo thầy đón mình lên tòa lễ bái, rồi mới nói sau. Thầy ngài tuân theo, ngay trong lúc ngài đang nói, vị thầy ấy bèn đại ngộ. Nếu Cổ Linh chẳng trọng pháp như thế, và vị thầy chẳng trọng người đắc pháp như thế, đừng bảo là không nói, dù có nói cũng chỉ là tri kiến văn tự mà thôi, quyết chẳng thể ngay trong một lời bèn minh bạch bốn tâm.

Sách Luận Ngữ nói: “Chẳng hạ thấp hơn người khác thật sâu, chẳng được lẽ chân.” Như Lai diệt độ, chỉ còn kinh tượng tồn tại, nếu coi tượng bằng đất, gỗ, vàng, sơn vẽ v.v. là Phật thật thì sẽ diệt được nghiệp chướng, phá phiền hoặc, chứng tam-muội xuất sanh tử; nếu coi là đất, gỗ, vàng, sơn vẽ v.v. thì chỉ là đất, gỗ, vàng, sơn vẽ mà thôi. Khinh nhờn đất, gỗ, vàng, sơn vẽ thì không mắc lỗi gì, nếu khinh nhờn

tượng Phật bằng đất, gỗ, vàng, sơn vẽ thì tội ngập trời. Đọc tụng kinh Phật, lời tổ phải nghi Phật, tổ đang hiện diện đích thân nói cho chúng ta, chẳng dám manh nha ý niệm lười nhác, coi thường. Tôi nói người làm được như thếắt được vãng sanh, cao đẳng phẩm vị, chứng ngộ triệt để nhất chân. Nếu không, bèn là đùa cợt với pháp môn, được lợi ích bất quá là thấy nhiều, biết nhiều, nói trơn tru, chẳng được thọ dụng thật sự mảy may gì, chỉ thành chuyện nghe lỏm nói mò.

Đối với tam bảo, cổ nhân luôn giữ lòng kính trọng thật sự, chẳng phù phiếm bàn suông. Người bây giờ ngay một chữ “khuất” còn không nói được, huống gì thực hành? Xưa kia, Thanh Thế Tổ Chương Hoàng Đế (Thuận Trị) báỉ thiên sư Ngọc Lâm Thông Tú¹⁶⁸ làm thầy, còn muốn xin được đặt cho một pháp danh. Ngài Thông Tú nói: “Đế vương cần gì phải dùng đến thứ này!” Vua không chịu, xin được đặt cho một cái tên xấu xí. Ngọc Lâm liền viết hơn

168 Ngọc Lâm Thông Tú (1614-1675): Người Thường Châu, tỉnh Giang Tô. Năm 19 tuổi xuất gia thọ cụ túc giới với ngài Khánh Sơn Viên Tu (thuộc dòng pháp Long Trì Huyền Hữu. Ngài Viên Tu còn được gọi là Thiên Ấn Viên Tu) thuộc tông Lâm Tế. Sau khi ngài Thiên Ấn Tu viên tịch, bèn được kế thừa pháp tịch, trụ trì chùa Báo Ân ở Vũ Khang, tỉnh Chiết Giang. Năm Thuận Trị 15 (1658), vâng chiếu vào cung, hoàng dương đại pháp tại Vạn Thiện Điện. Không lâu sau, ngài lui về núi, lưu đệ tử là Hành Sâm ở lại hoàng pháp nơi Bắc Kinh. Năm Thuận Trị 17, vua thọ giới Bồ-tát, đặc biệt yêu cầu ngài Ngọc Lâm làm bốn sư truyền giới, ban hiệu Đại Giác Phổ Tế Năng Nhân Quốc Sư. Khi giảng pháp trong cung, sư có soạn một thiên sách gọi là Khách Vấn. Đại học sĩ Kim Chi Tuấn phụng chiếu viết lời bình chú và viết lời tựa để lưu hành. Về già, sư sáng lập chùa Thiên Nguyên tại núi Tây Thiên Mục thuộc Chiết Giang, thường trụ nơi đó. Ngài thị tịch vào ngày mồng Mười tháng Tám năm Khang Hy 14 (1675) tại am Từ Vân ở Hoài An, thọ 62 tuổi. Đệ tử nổi pháp hơn 20 người, lưu lại ngữ lục gồm 12 quyển. Vua Ung Chánh do đọc ngữ lục này mà lãnh hội pháp yếu.



mười chữ xấu xí cho nhà vua tự chọn, vua bèn chọn lấy chữ si. Thiên phái ấy đến đời vua là chữ hành, nên vua có pháp danh là Hành Si. Phàm mỗi khi vua viết thư cho đệ tử ngài Ngọc Lâm đều ký tên là “pháp đệ Hành Si hòa-nam”. Khai quốc hoàng đế còn tự khuất mình như thế, nếu người đời nay suy xét, trước hết phải phạt tội, rồi mới vấn pháp thì mới hợp cách thức. Nếu không, dân thường không còn là dân thường, hoàng đế không còn là hoàng đế.

Đối với Phật học, Quang không đạt được điều gì, như kẻ mù đối trước ngũ sắc, như kẻ điếc nghe ngũ thanh, trọn chẳng biết tiếng như thế nào, màu sắc ra sao. Nhưng đối với phương diện chú trọng lòng kính, gìn giữ lòng thành, tôi nguyện dốc hết lòng ngu thành, để trọn vẹn cái lợi ích nhỏ nhoi đá nơi núi khác¹⁶⁹. Đã là tâm giao hãy nên bỏ đi những trò phiến toái.

55. Thư dự định trả lời vị cư sĩ X...

Đính kèm thư của vị cư sĩ ấy:

“Bỉ nhân là tín đồ Tịnh độ, đã quyết định phụng hành, nhưng với hai chữ ‘nguyện hạnh’ còn phải xin chỉ dạy: Nguyện và hạnh là hai thứ vận dụng riêng biệt hay là phải cùng vận dụng?

1) Nếu bảo là vận dụng hai thứ riêng biệt thì lúc niệm

169 Câu này dựa theo thành ngữ “Dĩ tha sơn thạch công tự kỷ chi ngọc”: Lấy đá nơi núi khác làm ngọc cho mình.

Phật trước hết phải phát nguyện cầu sanh như bài Thập Niệm Cầu Sanh Văn của ngài Từ Vân rồi mới niệm. Chỉ lúc niệm Phật mới giữ ý chỉ ‘ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm’, tâm và miệng như một, cứ như thế mà niệm mãi. Trong mỗi niệm chỉ giữ ý niệm ấy, cũng chẳng có ý nguyện cầu sanh. Niệm theo cách như thế thì đều vãng sanh thượng phẩm. Đây là chiếu theo lời của thiền sư Triệt Ngộ.

2) Nếu nói phải vận dụng cả nguyện lẫn hạnh cùng một lúc thì lúc niệm Phật mỗi tiếng như trẻ nhỏ té xuống nước, gấp gáp gọi mẹ đến cứu. Đây là thuyết của thiền sư Ngọc Phong ở Hàng Châu. Lại như đại sư Kiên Mật¹⁷⁰ nói: ‘Sáu chữ hồng danh trong mỗi một niệm có đủ cả ưa thích và nhàm chán’, cũng giống với thuyết của ngài Ngọc Phong¹⁷¹.

170 Kiên Mật: Cao tăng đời Thanh, người huyện Khâm, Huy Châu. Xuất gia năm 28 tuổi, tham học rộng khắp các bậc tông tượng Thiền, Giáo. Đến khi gặp được đại sư Liên Trì, kính mộ vô cùng, thể suốt đời y chỉ hoằng truyền đạo thầy. Ngài tịch năm Khang Hy 17 (1678). Ba ngày trước khi đại sư vãng sanh, mùi hương lạ tràn ngập thất (theo Tịnh Độ Thánh Hiền Lục).

171 Đại sư Ngọc Phong pháp hựu Cổ Côn, người cuối đời Thanh, tự Ngọc Phong, hiệu Luyện Tây, người huyện Thượng Nhiêu, tỉnh Giang Tây, không rõ sanh vào năm nào, xuất gia năm mười tuổi tại chùa Phổ Ninh, thọ cụ túc giới tại chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai, nhân nghe tiếng chuông bên đại ngộ. Về sau, sư trụ tại chùa Sùng Phước ở Hàng Châu, đọc bộ Di-đà Viên Trung Sao của đại sư U Khê Truyền Đăng bên cầm ngộ, tự xưng mình là hậu duệ truyền pháp của ngài U Khê. Sư nghiêm trì giới luật, nhất tâm thể nguyện cầu vãng sanh. Tự hạn định mỗi ngày trì danh sáu vạn biến, hai thời hồi hướng. Sư cực lực san khắc kinh luận Đại thừa và những sách đề cao Tịnh độ. Năm Quang Tự thứ mười lăm (1892), sư thị hiện có bệnh rồi nhập diệt. Trước tác gồm các bộ: Tịnh Độ Tùy Học (2 quyển), Tịnh Độ Tất Cầu, Liên Tông Tất Đọc, Niệm Phật Yếu Ngữ, Niệm Phật Tứ Đại Yếu Quyết (bộ này được đưa vào Tục tạng kinh), Tịnh Độ Tự Cảnh Lục, Tịnh Độ Thần Châu, Tây Quy Hành Nghi, Vĩnh Minh Thiền Sư Niệm Phật Quyết, Niệm Phật Khai Tâm Tụng, Thượng Phẩm Tư Lương v.v..



Trong hai thuyết trên, theo thuyết thứ nhất thì trong lúc niệm Phật tợ hồ thiếu ý khẩn thiết, đại sư Ngẫu Ích từng nói: ‘Cầu sanh Tịnh độ hoàn toàn dựa vào tín nguyện. Nếu không có tín nguyện dầu niệm đến mức gió thổi chẳng lọt, mưa chẳng ướt được như tường bạc vách sắt, cũng không thể được vãng sanh.’ Như vậy dù có niệm được nhất tâm bất loạn, sợ rằng vẫn chưa được mười phần ổn thỏa, thích đáng. Theo như thuyết thứ hai, lúc niệm Phật có đủ cả hạnh lẫn nguyện, nhưng trong mỗi niệm, trong tâm thường còn chứa một nguyện, e rằng đối với nhất tâm bất loạn chẳng thuần. Gần đây vị sư... ở Hàng Châu cũng lo ngại về chuyện không thể kiêm nguyện và không thể không kiêm nguyện như tôi. Ngài Ngọc Phong có thí dụ dụng binh, kẻ mặt học độn căn chưa hiểu rõ rốt ráo, mong bậc cao hiền ắt có lời bàn luận xác đáng để làm bến bờ cho hàng hậu học.”

Pháp môn Tịnh độ lấy ba pháp tín nguyện hạnh làm tông, như ba chân của cái đỉnh, khuyết một chẳng thể được. Các hạ đã dốc chí tu tịnh nghiệp thì một chữ tín ắt đã đảm đương trọn vẹn, rốt ráo không nghi. Đối với hai pháp nguyện và hạnh vẫn còn có chấp trước hai thứ đối đãi như thế, chẳng thể dung hội quán thông đến nỗi đối với pháp viên dung vô ngại, sanh khởi nhiều chướng ngại, để rồi ánh trăng viên mãn muôn hào quang chiếu khắp của ba vị đại sư Triệt Ngộ, Kiên Mật, Ngẫu Ích chỉ vì một sợi tơ

nơi mắt mình bèn thành phân cách. Tiếc thay!

Nay tôi bảo người thật sự niệm Phật thì lúc niệm Phật ba thứ tín nguyện hạnh đều toàn thể đầy đủ như con nhớ mẹ, không hề có chuyện gián đoạn và cũng không có ý niệm hồ nghi chẳng tin và chẳng mong thấy mẹ. Ông nói đến chuyện “cùng vận dụng” hay “vận dụng riêng rẽ”, cho rằng “hễ có nguyện thì nhất tâm chẳng thuần”. Chúng vốn là một, sao lại trên đầu chồng thêm đầu rồi lo ngại “chẳng thể kiêm” và “chẳng thể không kiêm”? Xem những gì các hạ đã nói và lời bàn luận của vị tăng nọ quả thật là chưa thể thật sự theo đuổi [tịnh nghiệp], ấy chính là trước lúc chưa cất bước đã lo bàn cảnh tượng khi về đến nhà. Vì thế, đối với pháp ngôn đối trị phân biệt của cổ nhân nảy sanh đủ mọi phân biệt. Thử hỏi: “Ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm”, nếu chẳng khẩn thiết có làm được như thế hay chẳng? Không tín nguyện có làm được như vậy hay chẳng? Lời của hai vị Triệt Ngộ và Kiên Mật tuy khác nhau, nhưng ý nghĩa thật sự hỗ trợ, hoàn thành lẫn nhau.

Ông nghĩ có chuyện “cùng vận dụng” và “vận dụng riêng rẽ” thì có thể nói là thiếu con mắt chọn lựa pháp. Còn lời ngài Ngẫu Ích nói chính là pháp được cho hạng dựa dẫm Tông môn, niệm tự tánh Di-đà, sanh duy tâm Tịnh độ, và những kẻ chẳng y theo tông chỉ Tịnh độ để tu, chỉ lấy chuyện “niệm đến nhất tâm bất loạn” làm cùng cực rốt ráo. Sao lại dẫn chuyện ngoài cửa Tịnh tông để so sánh với chuyện chân tu tín nguyện đầy đủ đến nỗi đường lối bị



lộn xộn. Đây là nói chung trên mặt lý.

Nếu luận riêng theo sự thì sớm tối lúc niệm Phật xong (pháp Thập Niệm buổi sáng thì cũng niệm Phật trước, phát nguyện sau) có thể dùng bài Tiểu Tịnh Độ Văn. Nếu thân tâm rảnh rang nên dùng bài Tán Định Tịnh Độ Văn của đại sư Liên Trì để hồi hướng. Bài này ngôn từ lẫn nghĩa lý đều chu đáo, đứng đầu cổ kim. Nên biết: Phát nguyện đọc văn thì phải nương theo văn để phát nguyện, không phải cứ đọc văn hồi hướng một lượt là đã phát nguyện đâu nhé! Ngoại trừ sáng tối phát nguyện ra, trong hết thủy thời chỉ chí thành khẩn thiết niệm Phật là được rồi.

56. Thư gởi cư sĩ Cao Hạc Niên

Nam Ngũ Đài Sơn, một ngàn ba trăm năm trước đây, Quán Thế Âm Bồ-tát hiện thân tỳ-kheo hàng phục rồng độc ở đó¹⁷², đáng gọi là đạo tràng cổ. Nơi ấy cũng là chỗ bắt nguồn trung hưng Liên Tông của vị tổ Liên Tông thứ tám: đại sư Vân Thê Liên Trì. Thời Gia Tĩnh (1522-1566) nhà Minh, có lão hòa thượng Tánh Thiên Văn Lý ẩn cư trên động Vô Môn của núi này. Sau này, do ngài vân du đến Hàng Châu, trụ tại Tây Sơn Hoàng Long Am, đại sư Liên Trì ngưỡng mộ đạo phong của ngài, cùng với phu nhân họ Thang quy y dưới tòa. Không đầy hai, ba năm sau, lại theo ngài xuất gia. Nếu vị này không có đạo đức lỗi lạc,

¹⁷² Xin xem bài ký Quán Âm Bồ-tát Ứng Tích Tại Chùa Viên Quang thuộc Nam Ngũ Đài Sơn trong phần phụ lục của quyển 4.

sao có thể khiến cho đại sư là một bậc quân tử bác học, văn chương lỗi lạc, chú trọng thực tiễn, đức hạnh sung mãn chịu khuất thân dưới tòa, thủy chung y chỉ làm đệ tử? Sau khi đại sư xuất gia, lão nhân lại quay về Quan Trung (Thiểm Tây). Đại sư chí hăm mộ tham học rộng khắp nên không thể theo hầu.

Đạo pháp ở Quan Trung sau thời Càn Long ngày càng suy vi, bậc hiền triết mất đi, sách vở truyện ký bị thất lạc, đến nỗi lời hay hạnh đẹp của lão nhân không được lưu truyền mãi mãi cho hậu thế, đáng cảm thán khôn cùng! Nhưng một vị tăng tử nơi khác lại có thể khiến cho ngài Liên Trì quy y xuất gia thì có thể hình dung ngài là người như thế nào. Chuyện này có thể đọc từ bài minh nơi tháp của đại sư Liên Trì trong bộ Văn Thê Pháp Vựng. [Bài kệ truyền dòng của] phái này là:

*Tông phước pháp đức nghĩa,
Phổ Hiền hạnh nguyện thâm,
Văn-thù quảng đại trí,
Thành Đăng chánh giác quả¹⁷³.*

Đại sư thuộc hàng chữ thù, sau đổi thành chữ châu. Vào thời Hồng Vũ (1368-1398), có một vị cao tăng, vua Hồng Vũ (Minh Thái tổ) triệu kiến, rất sùng ái, đặc biệt dùng chén ngọc đựng sữa ban cho sư uống. Nhân đó, sư

173 Theo sách Phật Tổ Tâm Đăng, đây là bài kệ truyền thừa pháp phái của ngài Khuê Phong Tông Mật thuộc tông Hiền Thủ đời Đường.



làm thơ tạ ơn, có câu:

*Nhất trần quỳnh tương lai thù vực,
Cửu trùng ân đức tự thượng phương.*

(Một chén quỳnh tương từ xứ lạ,
Phương trên ân đức chín tầng ban.)

Vua Hồng Vũ họ Châu¹⁷⁴ liên nghĩ: “Chữ thù chính là “ngạt châu”¹⁷⁵ (họ Châu xấu xa), sư có ý mắng ta”, liền ra lệnh chém. Chém rồi, mới biết sư không có ý mạ lỵ vua, nhưng hối cũng không kịp. Đây là do sát nghiệp đời trước cảm thành, lúc nghiệp lực hiện không thể tự chủ được. Sát nghiệp khó tiêu như thế, chẳng kiêng dè ư? Trong các giới của Như Lai đều lấy sát giới làm đầu, lòng từ bi sâu xa rộng lớn đến cùng cực không gì hơn được nữa! Nhưng ngu phu điên đảo, mê hoặc không biết cảm ân, trái lại còn phỉ báng, tất nhiên từ kiếp này sang kiếp khác giết hại lẫn nhau, chẳng đáng buồn ư?

Đại sư Liên Trì do nguyên nhân ấy, bỏ bộ ngột (𠂔) trong chữ thù (殊), thay bằng bộ y (衣), nên trở thành chữ châu (祿)¹⁷⁶. Thế gian không xem xét, thường viết sai chữ châu (祿) với bộ thị (示), không hiểu nghĩa chữ, tâm

174 Minh Thái Tổ tên là Chu Nguyên Chương.

175 Chữ thù gồm chữ ngột và chữ châu ghép lại.

176 Pháp danh của đại sư vốn là Thù Hoằng, nhưng thay bộ ngột bằng bộ y nên thành Châu Hoằng (trong âm Quan Thoại, hai chữ này có âm đọc gần giống nhau). Châu 祿 (bộ y) là màu đỏ sậm; còn chữ Châu 祿 (bộ thị) lại có nghĩa là nguyên rửa. Chữ châu thứ hai nghĩa không đẹp, trong tiếng Tàu âm đọc lại không giống với chữ thù lắm, nên tổ mới chê những người viết sai là tâm khí thô phù.

khí thô phù, nên mới sai như vậy, khiến cho cái đạo cần thận, tế nhị, dứt mầm họa, chánh danh thuận ngôn của đại sư bị mai một, tiếc thay!

Vô Môn Động chính là Tương Tử Động ngày nay, nhớ xưa kia còn có tên là Tương Tử Động, khi lão nhân (tức hòa thượng Tánh Thiên Văn Lý) ngụ ở đó bèn đổi tên là Vô Môn Động. Khi lão nhân mất đi, kẻ tăng người tục vô tri, không biết ý nghĩa chữ Vô Môn, coi chuyện Hàn Tương Tử¹⁷⁷ thành tiên mới là kỳ lạ nên vẫn gọi động ấy là Tương Tử Động. Vì sao biết vậy? Nam Ngũ Đài Sơn không có động lớn để ở được, cũng không có cái động nào tên là Vô Môn cả. Chỉ có Tương Tử Động cao sâu rộng rãi, có thể ở được, lại còn khuất sau núi, dưới vách đá treo, lại rất gần dòng suối thánh, củi nước đều thuận tiện. Địa thế lại còn hướng về phía nam¹⁷⁸, đông ấm, hạ mát. Du khách, tiểu phu đều chẳng đến đó, thật là chỗ tối thắng để tu tập. Từ thời Hàm Phong, Đồng Trị đến nay, binh lửa liên miên, vì thế đã lâu không có ai ở.

Đến đầu triều Quang Tự, các vị Pháp Nhãn, Dã Khai v.v. chọn ngụ nơi này, đến nay trở thành đại lan-nhã. Đạo do người hoằng, đất do người mà linh, chẳng đáng tin ư? Gọi là Vô Môn vì Đại sĩ (Quán Thế Âm Bồ-tát) dùng đạo

177 Hàn Tương Tử là một trong bát tiên của Đạo giáo (những người kia như Lã Động Tân, Hà Tiên Cô, Lý Thiết Quả, Tào Quốc Cửu v.v.), là một nhân vật có thật thời Đường. Ông ta chính là cháu của văn hào Hàn Dũ. Sự tích ông tiên này được chép trong cuốn tiểu thuyết Đồng Du Bát Tiên.

178 Nguyên văn “hướng dương”, phía nam của núi gọi là dương.



pháp Phổ Môn độ thoát chúng sanh, lão nhân bắt chước Đại sĩ nên gọi nơi mình ở là Vô Môn, cũng lấy Lăng-già Phật ngữ tâm làm tông, Vô Môn có nghĩa là pháp môn. Phải biết Vô Môn chính là Phổ Môn. Bởi lẽ pháp nào, chuyện nào nếu mê đều sẽ khởi hoặc tạo nghiệp, còn ngộ thì đều có thể đoạn hoặc chứng chân. Vì thế, hai mươi lăm vị thánh giả trong kinh Lăng-nghiêm đối với lục căn, lục trần, lục thức, thất đại mỗi mỗi đều chứng viên thông. Do vậy, không pháp nào không phải là diệu lý tam đế¹⁷⁹, mà cũng không pháp nào chẳng khế hợp bí tạng tam đức. Do tất cả đều là môn (cửa vào) nên không cần phải lập riêng một môn, vì thế gọi là Vô Môn.

Cư sĩ may mắn được ở núi này, rất có thể trước kia đã được pháp nhuận của vị sư này thăm đến, hãy nên đem ý này trình bày rõ cùng vị tăng chủ ngôi chùa tranh để ông ta biết rõ chuyện xưa của bậc cao nhân cũng như biết tên gọi chân chánh sâu xa là gì, chẳng nên gọi chốn ấy theo cái danh suông do ngoại đạo truyền lại đến nỗi cái tên chánh đáng trong nhà Phật bị mất đi.

Nhiếp Thân Nham đỉnh ngọn chót vót, chốn chờ, vách núi cao vạn nhận¹⁸⁰, lên tận chót núi nhìn xuống, khôn ngăn run rẩy, sợ hãi, thân tâm run sợ, vọng tưởng tiêu diệt, chánh niệm tỏ ngời, chính là giống như ý câu kinh Lăng-nghiêm: “Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối.” Do thân

179 Tam đế: không, giả, trung.

180 Nhận: Đơn vị đo chiều dài. Đời Chu tám thước là một nhận, tức khoảng 6.48 m.

là tên gọi chung, sáu căn là chia ra từng hạng mục riêng, dùng chung để thu tóm riêng, nên chỗ này chỉ gọi là Nhiếp Thân mà thôi. Sau này, triết nhân mất đi, sách vở truyện ký bị thất lạc, tản mác, vô tri tăng tục bèn gọi sai là Xả Thân. Sai lầm truyền mãi, không ai cải chánh, phỉ báng danh sơn không gì bằng vậy! Nếu có Bồ-tát hiện thân khai sơn, lẽ đâu lại đem cái tên hại đạo làm người để đặt cho ngọn núi ấy?

Lại có gã dân ma, tạo tác ma thuyết, nói Quán Âm xả thân ở đây nên mới thành đạo quả để lừa dối ngu phu, ngu phụ. Những lời nói vô căn cứ như thế ở huyện Tề Đông¹⁸¹ (thuộc tỉnh Sơn Đông) làm ô danh Đại sĩ, làm nhục pháp đạo, chuốc lấy điều tà báng của ngoại đạo, gọi lên những suy nghĩ quỷ quái nơi người ngu, mới hại thật chẳng cạn cợt. Chuyện này cũng giống như ở Phổ Đà, tảng đá Quán Âm Thiếu (Quán Âm dôi nhìn) bị hiểu sai thành Quán Âm Khiêu (Quán Âm nhảy)¹⁸², cùng một loại ma kiến. Thật khiến cho người ta cảm thấy đáng than, đáng hận, đáng buồn, đáng thương xót!

Duyên khởi khai sơn của Nam Ngũ Đài Sơn xưa kia trọn không có căn cứ, năm Quang Tự thứ mười một (1885), Quang ở Đại Đảnh, đích thân hầu hương đèn cho

181 Tề Đông: Tương truyền, dân vùng này hay đồn nhảm nên những lời nói không căn cứ thường được gọi là “Tề Đông dã nhân chi ngữ”.

182 Cái sai này đến nay vẫn còn. Nay ở Phổ Đà vẫn còn tảng đá khắc rất to ba chữ Quán Âm Khiêu. Thậm chí người ta còn đặt ra truyền thuyết đại sĩ Quán Âm giành núi Phổ Đà với xà vương, và tảng đá Quán Âm Khiêu là do lúc Bồ-tát từ Cực Lạc trở về nhảy xuống in dấu chân trên tảng đá này.



Đại sĩ. Một ngày nọ xuống núi, đến chùa Tây ở Lưu Thôn (thuộc về hạ viện của Đại Đảnh), thấy vài tấm bia, những chuyện ghi chép trên ấy đều không phải là duyên khởi tối sơ. Trong số ấy có một tấm bia bị nước và chất bẩn phủ kín giống như một miếng đá. Quang lấy gạch cạo, thì ra là tấm bia dựng năm Chí Nguyên thứ bảy (1271) đời Nguyên tường thuật duyên khởi cổ nhất. Nếu Quang không cạo ra, biết đâu kẻ vô tri tăng tục chẳng dùng tấm bia ấy như một tấm đá thì sự tích linh thiêng cứu khổ chẳng thể nghĩ bàn của Đại sĩ vĩnh viễn bị mai một. Nay may mắn đã mất mà lại khôi phục được, nên tôi vì cư sĩ trình bày cặn kẽ, kính chép lại lời ghi trên bia để ông giữ xem (phần văn bia được chép vào phần phụ lục)

57. Thư hỏi thăm bệnh pháp sư Đế Nhàn

Hạ tuần tháng hai, nghe ngài từ Ôn Châu trở về, thân mắc bệnh ngặt, chân tay cử động khó khăn. Đương nhiên, Quang biết ngài bi tâm sâu nặng, muốn thị hiện ngô hầu các đệ tử và hết thầy tử chúng phải sớm nỗ lực tu hành, đừng đợi đến lúc con ma bệnh vào thân sẽ chẳng dễ gì thoát khỏi, dầu trực tiếp dùng miệng nói còn e chẳng thân thiết, bèn hiện thân để nói. Có thể nói là đại từ bi sâu xa không chi hơn được nữa! Quang tự thẹn cả pháp lẫn tài đều khuyết, muốn bắt chước bày tỏ tấm lòng ngu thành nhưng không có sức, nên chỉ hỏi qua những người như Căn Kỳ, Căn Nhiên, Căn Văn... Sau nghe Phật Hy nói ngài bệnh đã lành, nhưng chân không thể đi nhiều được. Tôi cứ nghĩ

rằng: Đi thì vẫn đi được, nhưng khó đi ra ngoài mà thôi! Hôm qua, gặp mặt trụ trì Vạn Niên Tự là thầy Liễu Ngộ, hỏi thăm, thầy cho biết: “Ăn cơm, nói năng không khác gì người bình thường, chỉ có tay chân trơn chẳng thể cử động được, muốn ăn uống, tiêu tiểu, nhất nhất phải nhờ người khác châu toàn cho!”

Quang trộm nghĩ tình hình bệnh tật như thế làm sao hoằng pháp cho được, rất có thể khiến cho kẻ hiểu biết nông cạn nói Phật pháp không linh. Bởi lẽ một vị đại pháp sư giảng kinh nổi danh mấy mươi năm trong thiên hạ, thân mắc bệnh ngặt, cầu thầy uống thuốc cũng chẳng thấy lành. Những điều ông ta hay nói như “y giáo tu trì chuyển được định nghiệp và thuốc a-già-đà chữa được vạn bệnh” đều là dối người. Nếu không dối người, vị pháp sư ấy hãy nên y giáo chuyển định nghiệp, ông ta tôn sùng Tịnh độ sao không lấy danh hiệu Di-đà làm thuốc a-già-đà để uống đi? Lại lúc giảng giải phẩm Phổ Môn Quán Âm Viên Thông không biết bao nhiêu là đạo lý, nào là xưng danh cầu cứu Bồ-tát liền đến. Nếu đã như vậy, sao không buông xuống thân tâm, dốc hết tánh mạng chí tâm niệm Quán Âm Bồ-tát để cầu thân tâm đều được an ổn và được đại giải thoát, đạt được chân viên thông? Quang nghĩ người đời đa phần nghĩ như thế.

Nếu như ngài ngưỡng cầu Đại sĩ rủ lòng từ khiến cho quý thể được khôi phục, phước tuệ cao rộng thì những kẻ tri kiến nông cạn kia sẽ đoạn sạch hồ nghi, tăng trưởng chánh tín, đưa nhau ra khỏi đường tà, vào trong Phật đạo, ngộ hầu



lợi khắp mình người không gì chẳng trọn vậy. Ấy quả thật là dùng lòng đại từ bi hiện thân thuyết pháp, lợi ích lớn lao thay! Theo cuốn Quán Âm Trì Nghiệm Ký của Chu Khắc Phục¹⁸³ có chép câu chuyện bệnh tật gần giống như bệnh của ngài, nhân phẩm kẻ ấy kém xa ngài một trời một vực, kẻ ấy còn được Bồ-tát gia bị khiến cho tức nghiệp nhanh chóng tiêu trừ, cổ tật lành ngay. Huống chi ngài là người bậc nhất trong pháp môn trong hiện tại, pháp đạo hưng suy tùy thuộc vào sự tồn vong của một thân ngài. Nếu có thể đem những gì ngài thường ngày giảng cho người khác về phẩm Phổ Môn và toàn bộ tinh thần viên thông của Quán Âm để xưng niệm hồng danh, thường chẳng lìa tâm ấy, sẽ được tiêu tức nghiệp lại được an ổn, khiến những kẻ trước kia đã sanh lòng gièm báng, chê cười Phật pháp chẳng linh đều nương theo quy y tín phụng, chỉ sợ bị tụt hậu.

Năm Tân Tỵ (1641) niên hiệu Sùng Trinh nhà Minh, tại Đồ Huyện, Quan Vu, có một người bại liệt từ Sơn Đông đến, dùng tay thay chân, ăn xin ở chợ, thường bị người ta chán ghét. Kẻ liệt tuy bệnh nhưng tánh tình nóng nảy, bị chửi mắng liền bất bình, nghe nói ở am Đường Kiều có một vị tăng tu hành tên Thủy Cốc, bèn đến kể lể nỗi niềm khát thực gian nan, thầy Thủy Cốc nói: “Nếu ông có thể phát tâm xuất gia, nương theo đại lực từ bi thì có thể có người thí cho.” Người liệt thuận theo, bèn xuống tóc, thọ

183 Chu Khắc Phục là một vị cư sĩ đầu đời Thanh. Cuốn Quán Thế Âm Bồ-tát Kinh Chú Trì Nghiệm Ký được xếp vào Vạn Tục Tạng Kinh.

traí giới, dầu ăn xin nhưng không ăn mặn, dầu bị nhục mạ vẫn yên lặng chịu đựng. Thầy Thủy Cốc lại dạy niệm danh hiệu Quán Thế Âm và trì chú Chuẩn Đề, thọ trì hơn hai năm, vào mùa thu năm Mậu Tý (1648), chợt mộng thấy một bà lão kêu: “Người đứng lên, đứng lên!” Người liệt nói: “Tôi là người liệt, sao đứng lên được?” Bà lão dùng tay chỉ vào hai chân, cảm thấy chân thẳng ra không co quắp nữa, sáng ra liền khỏi bệnh liệt, nghiêm nhiên thành một ông tăng hiên ngang, lẫm liệt, lấy hiệu là Bán Nhai, liền có người cúng dường. Chuyện này trích từ sách Kỷ Cầu của ông Đường Nghi Chi¹⁸⁴.

Đại sĩ Quán Âm chuyên lấy việc tầm thanh cứu khổ làm sự nghiệp, từ xưa đến nay, người được cảm ứng là khổ não nào chỉ phải trăm ngàn vạn ức, những gì được chép trong truyện tích chỉ là đại lược thấy một hai kẻ trong ức vạn người mà thôi! Lẽ dĩ nhiên, Quang chẳng biết được ý ngài, cứ ước theo thiện kiến của mình mà luận thì: Để thật sự được an lạc, trọn không khổ não cũng nên cầu Bồ-tát cứu khổ, nêu gương cho đại chúng vậy!

58. Thư trả lời thầy Hoằng Nhất (thư thứ nhất)

Tọa hạ dũng mãnh, tinh tấn, làm được điều người khác khó thể làm. Lại muốn trích máu chép kinh, có thể nói là “trọng pháp, khinh thân, ắt thỏa được đại nguyện

184 Đường Nghi Chi là một danh sĩ cuối thời Minh, đậu tiến sĩ trong niên hiệu Gia Tĩnh. Chu Khắc Phục lấy câu chuyện này từ sách Kỷ Cầu của ông Đường Nghi Chi.



lớn lao!” Tuy vậy, Quang xin tọa hạ trước hết hãy chuyên chú tu niệm Phật tam-muội, đợi khi nào chứng đắc rồi mới hành pháp sự này. Nếu thoát đầu đã làm ngay hạnh này thì e rằng máu thiếu, tinh thần kém, khó lòng xoay trở. Nhập đạo có nhiều cửa, chỉ do chí hướng của mỗi người, trọn không có một pháp nhất định. Cái nhất định là thành, là cung kính, hai sự này dầu chư Phật tốt cùng đời vị lai xuất thế cũng chẳng thể thay đổi được. Nhưng bọn phàm phu sát đất chúng ta muốn tiêu nghiệp lụy nhanh chóng, mau chứng Vô sanh lại chẳng dốc sức nơi hai chuyện này thì ví như cây không rễ lại muốn sum suê, chim không cánh lại muốn bay, há có được chăng?

Nay tôi sẽ đem những điều hay dở của cách thực hiện và lấy sự chứng nghiệm của tiền nhân để trình bày đại lược một hai điều, ngõ hầu ngài tùy ý tác pháp: Trích máu chép kinh có người chỉ dùng máu để chép, có người pha thêm vàng, thêm chất son, hay mực, chuyện pha vàng chúng ta không đủ sức làm. Đại sư Hám Sơn chép kinh được hoàng thái hậu cung cấp giấy và vàng. Chép bằng chữ vàng thì phải dùng giấy màu lam mới nổi chữ, giấy trắng không hiện rõ, dù là giấy lam chữ vàng vẫn không rõ bằng giấy trắng mực đen và chữ son, Quang từng đã thấy qua. Nếu trộn chung vàng, mực, son v.v. thì chỉ có chút máu để biểu lộ lòng chí thành.

Như ngài Hám Sơn ở am Diệu Đức, núi Ngũ Đài, rạch lưỡi lấy máu pha vàng chép kinh Hoa Nghiêm. Ngài

Diệu Phong¹⁸⁵ mỗi ngày khứa lưỡi trích máu hai phần, một phần hòa son để chép kinh Hoa Nghiêm, một phần dành để soạn nghi thức Mông Sơn Thí Thực, thí cho quỷ thần. Thiên sư Nam Hồ Kỳ của Cao Ly thấy cuốn Di-đà Yếu Giải của ngài Ngẫu Ích muốn lưu thông rộng rãi, bèn khứa lưỡi lấy máu hòa mực chép Yếu Giải để làm bản mẫu khắc in, ngõ hầu sách này lưu thông trọn khắp pháp giới đến tận cùng đời vị lai. Cứ viết một chữ lại lạy ba lạy, nhiễu ba vòng, xưng mười hai tiếng Phật hiệu, có thể nói là thấy biết siêu quần, tu trì tinh chuyên vậy.

Ba vị này khứa lưỡi trích máu chẳng làm cách nào khác cả, máu trích ra bèn hòa ngay với vàng, son, mực để chép ngay; quyết chẳng phải là thuần dùng máu, mà là pha thêm nước vào. Nếu chuyên dùng máu để viết thì lúc trích máu phải để sẵn chén nhỏ để hứng, dùng kim dài tận lực khuấy để loại gân máu, ngõ hầu máu chẳng quánh ngọn bút mới hòng tùy ý biên chép. Nếu chẳng loại những sợi gân máu ra, bút sẽ bị những sợi gân máu bó cứng chẳng thể viết được. Xưa có người trích máu chép Hoa Nghiêm, gân máu ngày ngày tích lại, đem đắp thành tượng Phật, cao hơn một tấc.

185 Diệu Phong: Cao tăng đời Minh, tên Phước Đăng, quê ở Bình Dương, Sơn Tây. Ngài sanh ra có hình dáng lạ lùng, môi hớt, răng vầu, mũi hếch, hầu lộ. Năm bảy tuổi mồ côi phải đi chăn dê cho người khác. Năm 12 tuổi, xin xuất gia tại một ngôi chùa gần nhà, bị tăng chúng ngược đãi quá mức phải bỏ đi ăn xin ngoài chợ, đêm ngủ tại Văn Xương Các do Sơn Âm Vương dựng. Sư xin vị trụ trì chùa Vạn Cổ là Lăng Công cho ở nhờ. Một ngày nọ, Sơn Bình Vương trông thấy, bảo Lăng Công: “Đứa nhỏ này ngũ quan đều lộ, nhưng thần trí ngưng đọng, xương cứng, sau này sẽ thành bậc đại pháp khí, nên thân làm đồ chúng.” Vương tu bổ Thê Nham lan nhả ở Điều sơn, dạy sư bế quan ở đó chuyên tu thiền quán. Về sau, sư trụ tại Thanh Lương thuộc Ngũ Đài.



Thêm nữa, tánh của máu là trong và nhạt, dính giấy liền lan ra, trọn không thành nét bút, mà thành một đốm máu. Giấy ấy trước hết phải dùng phèn trắng xát lên mới có thể dùng được. Giấy bôi phèn xong không thấm, đỡ hao máu, trong những tiệm bán giấy lớn có bán loại này, không cần phải tự chế, loại giấy này dành cho người vẽ theo lối tỉ mỉ từng nét bút sử dụng. Giấy đã nhúng phèn đặc biệt dày nặng, lại còn để được lâu. Như giấy vàng đã nhuộm phèn bền cứng chắc, giấy chưa nhuộm thì khô giòn. Cổ nhân trích máu từ lưỡi, hoặc ngón tay, hoặc cánh tay, hoặc trước ngực không nhất định. Nếu trích trên thân thì từ tim trở xuống trọn chẳng được dùng, nếu dùng sẽ mắc tội chẳng hạn! Không biết tọa hạ tính chép kinh gì, nếu là bộ kinh nhỏ thì máu nơi lưỡi cũng đủ dùng; nếu là bộ kinh lớn và dùng thuần máu để chép thì e rằng máu nơi lưỡi khó đủ, phải dùng máu nơi ngón tay và cánh tay mới hòng đủ được. Do lưỡi là chót ngọn của tim, nếu lấy máu quá nhiều sợ rằng tâm lực bị tổn thương, khó thể tấn tu.

Quang thấy những người trích máu chép kinh gần đây đúng là tạo nghiệp, trọn chẳng cung kính. Mỗi lần trích máu quá nhiều, nhằm tiết xuân, tiết thu, hai ba ngày sau bèn trở mùi, mùa hạ chỉ nửa ngày là hôi, cứ dùng để chép. Lại có kẻ còn đem máu phơi khô, mỗi lúc chép dùng nước hòa máu khô để viết. Lại còn chép nguệch ngoạc, chẳng cung kính mảy may, đúng là trò đùa trẻ nít, chẳng phải là dùng máu để biểu lộ chí thành, mà là dùng máu chép kinh hòng chuốc cái danh chân tâm tu hành. Tôi

trộm nghĩ: máu nơi ngón tay, máu nơi lưỡi, mỗi lần chẳng được trích quá nhiều. Nếu ở cánh tay, mỗi lần trích máu có thể hứng chừng nửa chén. Còn như máu đã hồi vẫn dùng và máu phơi khô nghiền ra dùng thì chẳng bằng lúc ban đầu hòa máu với son làm thành thỏi, phơi khô để dùng, vừa không phí máu, lại chẳng bị máu hôi làm ô uế kinh, tiện lợi đôi bề! Nhưng thỏi son máu này không có chất keo, sợ lâu ngày son sẽ rã ra, lúc trộn nên trộn thêm bạch cập¹⁸⁶ để khỏi bị rã. Thêm nữa, nếu sắp trích máu thì trước đó mấy ngày nên bớt ăn muối và những thứ nếm nhiều gia vị, nếu không kiêng những thứ đó trước thì máu sẽ tanh tưởi; nếu kiêng những thứ ấy máu sẽ không có mùi tanh.

Vả nữa, chép kinh chẳng giống như viết bình¹⁸⁷ cốt sao diễn đạt được cái thần, viết bình không cần phải tể chỉnh, nắn nót. Nếu viết kinh hãy nên như chàng tiến sĩ viết bài văn sách, mỗi một nét bút chẳng được cầu thả, viết tắt. Kiểu chữ dùng phải tuân theo thể loại chánh thức, nếu tọa hạ dùng kiểu chữ viết trát thì không thể được. Xưa nay, người ta đa số dùng lối *hành thư*, *thảo thư* để viết kinh, Quang trợn chẳng tán thành. Bởi lẽ, thầy Khoan Huệ ở Dương Châu phát tâm chép kinh Hoa Nghiêm, đã chép được hơn 60 quyển, nét bút luông tuồng, người biết đẹp xấu trợn chẳng muốn xem. Quang cực lực chê trách, bảo mỗi một nét bút,

186 Bạch cập (hyacinth blitilla): là một loại thảo mộc thuộc họ lan, có tên khoa học là blitilla striata, rễ nó thường được dùng làm chất cầm máu trong Đông y.

187 Viết bình hay đề bình: Lối viết chữ đề trên bình phong, trên quạt hoặc trên những mảnh giấy dài rộng để phò diễn tài thư pháp.



mỗi một vạch phải cung, phải kính, lại còn bảo thầy ấy viết bài ký trách lỗi để nêu lỗi mình hòng giải bày cùng người đọc. Ông ta nhờ Quang viết giùm, nên tôi chép thêm vào trong cuốn Văn Sao dở tệ này. Muốn dùng cách chép kinh này để đoạn phiền hoặc, liễu sanh tử, độ chúng sanh, thành Phật đạo, há có nên biến thành trò đùa ư?

Trong thời đại này, người đàm huyền thuyết diệu không thiếu! Nếu từ đây mà kiểm điểm thì lại càng thừa thớt. Ông Vũu gửi thơ đến, lời lẽ khá khiêm cung, Quang phúc đáp xong, lại gửi thơ cảm tạ, có thể gọi là hạng có lòng tin sốt sắng; tuy thế còn mang tri kiến xã hội, chưa thể ở trong Phật pháp lắng lòng thật sự cầu được lợi ích. Vì sao thấy thế? Như nay có người đi đường, không biết đường phía trước, muốn hỏi người, còn phải chấp tay. Trong hai lá thư gửi đến, phần ký tên, ông Vũu chỉ viết là “hợp thập” (chấp mười ngón tay); vậy là pháp liễu sanh tử chỉ bằng với người đi đường hỏi đường thôi ư? Viết thư còn chưa thấy khuất mình, làm sao chịu tự khuất để lễ tặng cho được? Quang và tọa hạ là bạn tâm giao, mà cũng là bạn tâm giao của ông Vũu, không phải là trách ông ta ngạo mạn, mà chỉ là thật sự mong ông ta được lợi ích đó thôi!

59. Thư trả lời thầy Hoằng Nhất (thư thứ hai)

Nhận được thư, dạng chữ khéo, chỉnh, có thể y theo đó để chép kinh. Phàm chép kinh là muốn chuyển cái tâm thức phàm phu thành trí tuệ Như Lai, giống như chàng tân

tiến sĩ vào trường thi trong đền vua, phải nghiêm cung, dè dặt, không giải đãi, coi thường chút nào. Làm được như thế ắt mới có thể biến cái tâm nghiệp thức thành Như Lai tạng, mới hòng đậu trạng nguyên trong trường thi tuyển Phật. Người hiện thời chép kinh, mặc tình ngoáy bút, không phải là chép kinh mà chỉ là nhờ vào việc này để luyện chữ, cũng như muốn lưu lại bút tích cho hậu thế mà thôi! Chép kinh như vậy không phải là hoàn toàn vô ích, bất quá chỉ thành cái nhân đắc độ trong vị lai, nhưng cái tội khinh nhờn cũng chẳng cạn nhỏ.

Tọa hạ gởi thư cho cư sĩ Vũu, mấy hôm trước ông ta cũng gởi thư đến, ông ta nghĩ Quang là hạng người chỉ muốn được người khác cung kính, nên vừa mở đầu thư đã xưng Quang là “sư tôn”, không dùng bốn chữ “pháp sư Ấn Quang” nữa! Quang đã trình bày cặn kẽ duyên do. Đầu thư của tọa hạ cũng nên dùng hai chữ “Ấn Quang”, chẳng nên quá khiêm hư kéo trở thành khách sáo như thế tục. Như cổ nhân nếu có người ngang hàng với mình dạy cho mình một lời đều làm lễ cảm tạ, ấy là lễ nghi thông thường bất luận tăng, tục. Nay lễ giáo sa sút, vì thế thường hay tập thành thói quen ngã mạn, tự đại. Dầu học một tài, một nghề khéo mà không chịu ở dưới người khác còn là chuyện chẳng nên, huống chi học đạo vô thượng Bồ-đề! Đây chính là tấm lòng thành ngu muội dùng đá nơi núi khác làm ngọc cho chính mình của Quang. Chuyện trích máu chép kinh xin hãy thư thả, trước hết hãy lấy chuyện nhất tâm niệm Phật làm trọng, e rằng huyết hao thần suy, đâm ra thành chướng



ngại, thân có an thì đạo mới tăng tấn. Trong địa vị phàm phu, chẳng được học đòi khổ hạnh của địa vị Pháp thân đại sĩ, như vậy mới có hiệu quả. Hễ được nhất tâm thì pháp nào cũng đều viên dung!

60. Thư trả lời cư sĩ Uông Mộng Tùng

Hôm qua nhận được thư, phô tron nổi lòng, tuy chưa gặp mặt đã thấu lòng nhau. Quang chỉ là một ông tăng dở tệ, chẳng có một mảy gì tốt đẹp, chẳng qua những gì tôi nói ra chỉ là dựa trên bốn phận của chính mình, chẳng dám nói chuyện lớn lao vượt quá sức mình, lừa mình, bịp người. Cư sĩ Ủy Như do thấy ý kiến của tôi phù hợp với mình bèn đem [những thư từ của tôi] nhiều lần in ra lưu truyền, đến nỗi mùi thức ăn thừa cặn chua hôi nhức tai gai mắt khắp mọi người. Không ngờ các hạ chẳng cho đó là chua hôi đáng vứt bỏ, lại còn đề cao, khôn ngăn người ta thẹn thùng không biết ẩn vào đâu! Qua một lá thư này, biết được đức và lỗi của các hạ, chẳng nề hà Quang vô tri, cứ xin Quang nói cho một vài điều đại lược.

Chán ghét nhà Nho mượn kinh truyện thánh hiền để dối đời trộm danh, chán kẻ học Phật mượn có phổ độ chúng sanh để lừa gạt tiền tài. Ông mang ý chí mạnh mẽ chẳng ngại ấy, ắt có thể chánh tâm thành ý, trở thành bậc chân Nho, đoạn hoặc chứng chân, thành người học Phật thật sự. Cái tâm chán ghét càng khẩn thiết thì cái tâm tu hành càng đặc lực, cái tâm tu hành càng đặc lực thì lợi ích

chúng đặc càng lớn lao. Cái đức ấy quả thật có thể kể tục người xưa, mở đường cho hàng hậu lai. Nếu chỉ biết chán nhưng không chịu theo đuổi thì chỉ thành chí khí, tiết tháo của một kẻ ngay thẳng yếm thế ghét đời. Có thể nói là chẳng khéo dùng lòng ghét, đức trở thành lỗi vậy! Đường như các hạ một dạ ôm lòng chán ghét, nay hãy chuyển mình nơi lòng chán ghét ấy, hoàn toàn biến khuyết điểm thành đức thì với tâm pháp của Nho và Phật ắt sẽ nhân đó tự đạt được.

Dám vì các hạ tính sẵn: Muốn làm một Phật tử chân thật, trước hết phải thành một nhà Nho chân thật đã. Nếu chẳng đôn đốc, tu dưỡng nơi chánh tâm thành ý, khắc kỷ, giữ lễ, trọng lòng kính, giữ lòng thành, hiếu thuận với cha mẹ, yêu thương anh em, bè bạn, cung kính v.v. thì căn cơ chẳng vững, làm sao học Phật cho được. Tuyển trung thân tử nơi hiếu tử, lẽ nào kẻ hành vi trái nghịch Nho đạo lại có thể gánh vác gia nghiệp của Như Lai, trên tiếp nối huệ mạng, dưới hóa độ chúng sanh ư? Phật pháp không gì to lớn chẳng bao hàm, không gì nhỏ nhặt chẳng nêu lên, thế gian hay xuất thế gian không pháp nào chẳng thuộc phạm vi Phật pháp. Những kẻ nông nổi trong đời thường cho xuất gia làm tăng là trái luân lý, đã chẳng suy nghĩ đến nơi đến chốn, trái lại còn hủy báng thêm, như kẻ mắc ghen bèn bỏ ăn, tự mất tánh mạng, thật đáng thương xót!

Nếu có thể mở rộng tầm mắt, mới hay Phật pháp lưu truyền khắp trong nước, ngoài nước, hai ngàn năm qua, đạo



pháp thịnh hành, được không biết bao nhiêu vua thánh tôi hiền, bậc kiệt sĩ vĩ nhân hộ trì truyền bá, cố nhiên trong ấy phải có cái đạo chân thật mà phạm tình chẳng thể suy lường được. Dẫu có một hai nhà Nho nông cạn chê trách, hoặc vua bạo ác hủy diệt, rốt cuộc một tay không bịt nổi mặt trời, ngựa mặt nhổ lên trời càng lộ rõ cái lỗi thấy nghe kém ít, làm càn, làm bậy của chính họ, chứ rốt cuộc có tổn hại gì đến Phật đâu. Lại có kẻ bề ngoài ra vẻ chê trách, bác bỏ, nhưng bên trong lại thật sự tu chứng. Từ đời Tống trở đi, phạm những tay cự phách trong làng Nho không ai chẳng vậy. Như Quang nói “thành ý chánh tâm do vậy bị khiếm khuyết”, quả thật là lời bàn luận quyết định vậy!

Các hạ tức căn sâu dày, nên từ trong lòng chán lại mong cầu được cái chân thật, chẳng nề hà cầu tìm cho được lối vào nơi Quang là hạng không ra gì. Nhưng cái học của Quang khác nào con muỗi uống nước biển cả, chỉ biết no bụng, chẳng suy lường nổi sự sâu rộng của biển. Nếu muốn làm bậc đại thông gia, phải từ đường lối chung học Phật mà luận. Khởi Tín Luận, kinh Lăng-nghiêm là thiết yếu nhất, nên chuyên chú dụng công nơi chúng để làm cái gốc tự lợi, lợi người, thượng cầu, hạ hóa. Nhưng đạo lý rộng sâu, chỉ hoàn toàn thông suốt đã chẳng dễ gì, huống gì là do thông suốt bèn tự chứng! Những kinh luận Đại thừa khác đều nên nghiên cứu, nhưng pháp môn vô lượng, ắt phải lấy hai pháp Thiền và Tịnh làm gốc. Như thế thì tự mình có thể hoàng dương pháp hóa, dẫn dắt lợi lạc chúng

sinh. Nếu không phải là bậc thiên tư cao tột, thật khó thể đạt được lợi ích lớn lao.

Nếu muốn tùy phận, tùy sức tu trì, liễu sanh tử ngay trong đời này thì nên chuyên chú vào một môn Tịnh độ. Dùng lòng tin chân thành, nguyện khẩn thiết, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, bất luận công phu sâu hay cạn, không ai lúc lâm chung không được toại nguyện. Pháp này chính là do Như Lai vì chúng sanh đời mạt không đủ sức đoạn hoặc, chẳng thể liễu sanh tử bèn đặc biệt lập ra một pháp quyết định liễu thoát vậy. Nếu Phật chẳng mở ra pháp này thì kẻ không sức đoạn hoặc đều chẳng có hy vọng gì liễu thoát sanh tử. May mắn sao gặp được pháp này, dầu không phải là kẻ căn cơ lớn lao tự đoạn được hoặc vẫn mang nghiệp vãng sanh mau thoát sanh tử, nào còn thiếu sót, tiếc nuối gì? Một pháp này thống nhiếp hết thảy, người tự đoạn được hoặc, tự liễu sanh tử, còn nên hồi tâm hướng về mới mau chứng được địa vị Phật. Chớ bảo pháp này là pháp thiện cận dành cho hạng ngu phu, ngu phụ tu tập, sẽ tự đánh mất lợi ích. Hãy nên xem trong bộ Văn Sao của Quang cũng có trình bày đại lược một hai điều, nay không nhắc lại nữa.

Muốn niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì phải biết nhân hiệu quả, những gì thân làm, những gì tâm nghĩ phải hợp với Phật. Nếu trái nghịch Phật, dù có niệm Phật cũng khó vãng sanh, đó là vì đạo cảm ứng chẳng tương giao! Nếu có thể sanh lòng hổ thẹn, sợ hãi lớn lao, sửa lỗi như



trừ ghê độc, lập chí như giữ bạch ngọc thì vạn người không sót một ai, ai nấy đều được vãng sanh. Ý này trong bộ Văn Sao của Quang và các sách Tịnh độ đều đã trình bày cặn kẽ nên chẳng cần phải nhiều lời.

61. Thư trả lời cư sĩ Trần Huệ Siêu

Nhận được thư, biết tấm lòng mộ đạo của cư sĩ cực kỳ khẩn thiết, an ủi khôn cùng! Nhưng do phải giao định An Sĩ Toàn Thư và bận rộn nhiều việc, chẳng rảnh phúc đáp, nên mới lần chân đến bây giờ. Tâm tham sân si ai nấy đều có, nếu biết đấy là bệnh thì thế lực của chúng khó thể lừng lẫy. Ví như kẻ giặc vào nhà người ta, nếu chủ nhân coi nó là người nhà thì toàn bộ những thứ quý báu trong nhà đều bị nó lấy trộm hết sạch; nếu biết nó là giặc, chẳng cho nó lưu lại trong nhà mình một khắc, phải đuổi nó đi xa cho khuất mắt, ngõ hầu của cải chẳng bị mất mát, chủ nhân mới yên dạ. Cổ đức nói: “Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ biết chậm.” Tham sân si vừa khởi nhận biết liền thì ngay lúc ấy chúng sẽ bị tiêu diệt, nếu coi tham sân si là chủ nhân chánh thức của nhà mình thì cũng như nhận giặc làm con, của cải quý báu trong nhà ắt phải tiêu tán.

Lúc niệm Phật chẳng thể khẩn thiết là vì không biết Sa-bà là khổ, Cực Lạc là vui vậy. Nếu nghĩ đến thân người khó được, khó sanh vào chính giữa đất nước, Phật pháp khó gặp gỡ, pháp môn Tịnh độ lại càng khó gặp gỡ. Nếu không nhất tâm niệm Phật, một khi hơi thở không hít vào

được, chắc chắn sẽ theo ác nghiệp nặng nề nhất trong đời này hay đời trước đọa trong tam đồ ác đạo, chịu khổ bao kiếp dài lâu, trọn không có ngày thoát ra. Như vậy chính là “nghĩ địa ngục khổ, phát tâm Bồ-đề”, tâm Bồ-đề là tâm địa lợi mình, lợi người, tâm ấy vừa phát ra giống đồ vật nhiễm điện, như thuốc pha thêm lưu huỳnh, sức chúng rất lớn, lại rất mau chóng. Điều này tiêu nghiệp chướng, tăng phước tuệ; không phước đức, thiện căn bình thường nào có thể sánh ví cho được. Bị cảnh giới xoay chuyển là do sức tu dưỡng (tháo trì) còn cạn nên hỷ - nộ còn bị động, xấu - tốt hiện ra mặt, “tháo trì” có nghĩa là hàm dưỡng vậy. Nếu coi trọng chánh niệm thì hết thấy những thứ khác đều thành nhẹ. Vì vậy, người thật sự tu hành phải đối đãi trong trần lao, ắt phải làm cho phiền não tập khí dần dần tiêu diệt thì mới là công phu thực tại.

Người tại gia không ở trong chúng, mỗi người niệm Phật, ngồi, đứng, đi nhiều, quỳ đều được cả, nhưng chẳng nên chấp cứng một pháp. Nếu chấp chặt một pháp sẽ dễ bị nhọc nhằn, nhưng tâm khó được tương ứng, hãy nên châm chước tùy theo sức lực và công phu của mình để chọn hạnh thích hợp. Nếu hành theo cách thông thường thì trước hết nên đi nhiều, rồi ngồi, rồi quỳ, đi nhiều hay quỳ cảm thấy nhọc nhằn thì hãy nên ngồi niệm. Nếu ngồi niệm mà thấy hôn trầm thì hãy nên nhiều niệm, hoặc đứng niệm, hết hôn trầm lại ngồi niệm. Nên dựa theo giờ, chẳng nên lần chuỗi, vì lần chuỗi sẽ khó dưỡng tâm.



An Sĩ Toàn Thư quả thật là hướng dẫn tốt lành tối thắng trong đời mạt, cư sĩ Vưu Tích Âm cực lực muốn cho sách này được lưu truyền toàn quốc, ngõ hầu mọi người đều mở rộng tầm mắt, nhờ đấy vãn hồi thể đạo nhân tâm, ngừng dứt thiên tai nhân họa. Nay đã quyền được hơn một vạn bộ, nhưng vẫn còn khó thể rộng lưu truyền. Nay gởi một bản thông cáo và một trang biện pháp, mong các hạ đọc xong, tùy phần tùy sức giúp đỡ, tùy duyên, tùy cơ khuyên lơn. Không đủ sức bỏ tiền của thì dùng lời lẽ khen ngợi khiến người ta phát tâm, cũng là công đức! Cốt sao bọn mê muội nghe tiếng chuông ban mai tỉnh giấc mộng, lũ tham ái thấy nhân quả lòng run sợ, nếu chuyển được lòng người thiên tai sẽ tự tiêu. Đây thuộc về cái đạo “nguồn trong, gốc chánh”, tuy là pháp thiện cận thuộc thế đế, nhưng đạt được phương tiện tối thắng của pháp xuất thế sâu xa không thể suy lường. Với những ai tri giao hãy nên khuyến phát; với người không tin chớ có khuyên ép, bởi điều này thuộc về kết thiện duyên, nếu miễn cưỡng bèn xen tạp phiền não, dẫu có công lao nhỏ nhoi, nhưng quả thật là lỗi lầm lớn, chưa thể đạt được lợi ích lớn lao, trở ngại cái tâm tự lợi, lợi tha.

62. Thư trả lời ông Ly Ấn Tẩu

Ngày hôm qua từ chỗ đạo nhân Hải Thi ở Gia Hưng chuyển thư các hạ tới, biết ngài dốc sức nơi Đạo học (tu tiên) đã lâu, có sở đắc sâu xa, nay lại muốn hỏi đến ngọn ngành pháp môn Tịnh độ thành thi thành chung trong

Phật pháp, có thể nói là đời trước từng gieo thiện căn sâu dày nơi Phật pháp, không chấp vào kiến giải hẹp hòi của Hà Bá¹⁸⁸, muốn biết những điều trọng yếu nơi biển pháp vậy. Ngài đã biết đạo nhân Hải Thi¹⁸⁹, sao không hỏi ông ta, lại bỏ bậc cao minh tìm người hèn tẻ, đến nỗi phụ lòng mong mỏi. Ông Hải Thi thông suốt cả Tông lẫn Giáo, Thiền Tịnh song tu, quả thật là thuyền đại nguyện trong biển sanh tử; nhưng do khiêm tốn quá mức nên lấy tên là Thi (xác chết). Nếu trong biển sanh tử gặp được cái xác ấy bảo đảm mau lên được bờ kia, về nhà ngời yên vậy. Còn Quang là một ông tăng tầm thường chỉ biết đến cơm cháo, trong pháp môn chẳng biết được chuyện gì. Ngài đã lăm hỏi đến nên chẳng ngại vì ngài trừ bớt đôi chút nghi nan mà thôi.

188 Hà Bá: Họ Mã, tên Di, còn có tên khác là Băng Di. Do qua sông chết đuối nên được Thượng đế phong làm thần sông. Thiên Thu Thủy của sách Trang tử có câu: “Hà Bá vui sướng vô ngần, cho mọi vật đẹp trong thiên hạ đều thuộc về mình.” Do vậy mới có thành ngữ “Hà Bá chỉ câu kiến” (sự thấy biết câu nệ, hẹp hòi của Hà Bá). Ở đây, tổ dùng điển tích này với ý nghĩa khiêm nhường, cho cái thấy biết của mình cũng như sự thấy biết của Hà Bá, không thể sánh với sự hiểu biết rộng rãi như biển cả của đạo nhân Hải Thi.

189 Đạo nhân Hải Thi chính là cư sĩ Phạm Cổ Nông (1881-1951), một nhà nghiên cứu Phật giáo cận đại. Ông có hiệu là Huyền Am, biệt hiệu là Ký Đông, thường dùng bút danh là đạo nhân Hải Thi, quê ở Gia Hưng tỉnh Chiết Giang. Thoạt đầu, ông đã không thích con đường cử nghiệp, không hăm mộ Phật pháp. Sau giao du với các ông Quế Bá Hoa, Lê Đoan Phủ, bèn chịu ảnh hưởng. Sau ông đọc được bộ Viên Giác Kinh Đại Sở, tâm vô cùng khâm phục, tự theo đuổi chương trình học Phật do ông Dương Nhân Sơn đề ra, lãnh hội sâu sắc. Năm 1911, nhân nghe giảng kinh A-di-đà, nghiên cứu Đại Thừa Khởi Tín Luận, ông tin tưởng sâu xa pháp môn Tịnh độ. Năm 1918, quy y, thọ cụ túc giới với đại sư Đế Nhân, lại thông hiểu giáo nghĩa Thiền Thai. Về sau, ông chuyên giảng kinh hoàng pháp tại Thượng Hải, Hàng Châu, Giang Tô, Dương Châu v.v.. Ông cũng thông hiểu sâu xa Duy Thức Tông, thường nói: “Học lý cao sâu không gì bằng Thành Duy Thức Luận, phương pháp hành trì không gì hơn được Du-già Sư Địa Luận.” Ông cũng xuất bản các báo Phật Học Bán Nguyệt San, biên tập bộ Phật Học Tiểu Tùng Thư, Phật Học Bách Khoa Tùng Thư, Hải Triều Âm Văn Khố, cũng như chủ trì việc ấn tống Đại tạng kinh theo bản đời Tống.



Trộm nghĩ cội nguồn Thích, Đạo vốn không hai, nhưng nhánh nhóc, chi phái quả thật khác xa một trời, một vực. Phật giáo dạy người trước hết phải tu quán tứ niệm xứ: quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã. Đã biết thân, thọ, tâm, pháp đều là huyễn vọng, khổ, không, vô thường, vô ngã, bất tịnh thì diệu tánh chân như tự có thể hiển lộ. Đạo giáo nguyên sơ chánh truyền cũng chẳng coi trọng việc “luyện đan, vận khí, chỉ cầu trường sanh bất tử”; hậu thế hễ tu theo Đạo giáo không một ai chẳng coi chuyện đó là chánh tông. Phật giáo không gì lớn lao chẳng bao gồm, không gì nhỏ nhặt chẳng nêu lên, chẳng những phát huy trọn vẹn cái đạo thân tâm tánh mạng không còn sót, mà ngay cả những sự nhỏ nhặt thuộc thể để như *hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ* v.v. không bỏ sót mảy may điều thiện nào. Chỉ có những chuyện luyện đan, vận khí v.v. là tuyệt đối không nhắc đến một chữ, lại còn ngăn cấm nghiêm ngặt. Bởi lẽ một đằng biết thân tâm là huyễn vọng, một đằng lại khư khư thân tâm là chân thật. Cái tâm vừa nói đó chính là cái tâm sanh diệt tùy duyên, không phải là chân tâm vốn có. Một pháp luyện đan không phải là vô ích, nhưng chỉ có thể kéo dài tuổi thọ, tốt bậc là thành tiên sanh lên trời. Nếu bảo là liễu sanh thoát tử khác gì lời nói trong mộng!

Các hạ đã biết kiếp tiên có số, Phật thọ vô lượng, thì ngay trong lúc cao niên này đúng là lúc nên tu pháp môn niệm Phật, chuyên tinh dốc sức, còn các pháp Thiền, Giáo

khác hãy nên giản lược. Bởi lẽ các pháp ấy rộng lớn sâu xa, chẳng dễ nghiên cứu đến cùng tột. Dầu cho đạt đến chỗ cùng cực, vẫn phải nên quy hướng, đề cao pháp môn Tịnh độ mới hòng rốt ráo thành tựu được. Phàm với kinh luận Tịnh độ hãy nên gấp gáp nghiên cứu đến cùng, y giáo phụng hành, chẳng nên vì mình không hiểu bèn sanh chút niệm nghi tâm. Ngừa tin lời thành thật của Phật, tổ, sanh lòng tin phát nguyện trì danh hiệu Phật, sẽ tự được Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh. Hễ được vãng sanh sẽ siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, hầu cận Di-đà dài lâu, theo gót hải chúng, rồi sẽ chứng ngộ triết để Vô sanh, mau đạt lên Bồ xứ. Nhìn lại những chuyện thành tiên bị Thiên đế cai quản, cách xa một trời, một vực!

Những lời các hạ dẫn từ Mộng Đông Ngũ Lục và lời ông Bành Thiệu Thăng tựa hồ đều đã bị bọn luyện đan sao chép sửa đổi xằng bậy, không phải là những lời trích từ tác phẩm gốc. Bởi lẽ, trong số những người luyện đan cũng có kẻ coi tịnh tọa là tham thiền nên nói “niệm Phật và tham thiền giống nhau, hơi khác một chút với pháp Đạo giáo”. Câu “hơi khác một chút với pháp Đạo giáo” là do bọn luyện đan thêm vào. Bỏ câu ấy ra, những đoạn văn trước và sau đó tuy ý nghĩa không sai lắm lớn, nhưng cũng lủng củng, mập mờ. Mộng Đông Ngũ Lục trọn chẳng có đoạn văn ấy. Bọn họ sao lục lấy ý nghĩa ấy, nhưng quả thật chẳng hiểu duyên do, nhưng vẫn cứ sao lục. Nay tôi cũng không cần phải biện luận cặn kẽ, mong ngài hãy lắng lòng xem Mộng Đông Ngũ Lục ắt sẽ tự biết.



Còn như lời cư sĩ Bành Nhị Lâm đã được trích dẫn cũng giống như trên, sai lạc quá mức! Như nói: “A-di-đà Phật bốn chữ dễ niệm, chỉ cần niệm niệm tiếp nối nhất tâm bất loạn thì nhất khí mới có thể tuần hoàn, tinh - khí - thần ngưng tụ một chỗ, lâu ngày sẽ thành xá-lợi tử, lại lâu hơn nữa bèn kết thành bồ-đề châu, bèn thành Phật.” Lời này biến pháp niệm Phật thành pháp luyện đan, tuyệt đối Nhị Lâm chẳng nói như vậy! Chánh nhãn chưa mở, kéo chánh thành tà, chuyện như vậy nhiều lắm. Huệ Mạng Kinh, Tiên Phật Hiệp Tông¹⁹⁰, những thứ như vậy càng tệ hơn nữa: Dẫn lời người nhưng chẳng hiểu ý nghĩa, sửa đổi, cắt xén xằng bậy để chứng minh pháp của mình. Cái tội miệt thị lý, vu báng người, dối đời lầm người chẳng thể dùng lời lẽ, bút mực kể hết được. Tham cầu hư danh nhất thời, chẳng sợ họa thật sự bao kiếp dài lâu, Như Lai gọi người như vậy là “kẻ đáng thương xót”.

Còn cái pháp hồi quang phản chiếu như ông nói đó đâu không gây trở ngại lớn, hai mắt nhìn vào đầu ngón tay chính là “nhìn vào chót mũi” bị ngoa truyền. Có thể cách này do cư sĩ Nhị Lâm lập ra, tuy cũng có ích, nhưng chấp tay một lúc lâu thật rất tổn sức, chẳng an lạc tự tại bằng nhìn xuống ánh sáng trắng nơi chót mũi, thân lẫn tâm đều thanh thoi. Do sơ tâm tập định, niệm khó thể quy nhất, nếu có thể thường quán chót mũi thì tâm sẽ chẳng vọng động

190 Huệ Mạng Kinh là tác phẩm của Liễu Hoa Dương, Tiên Phật Hiệp Tông Ngũ Lục là tác phẩm của Ngũ Thủ Dương. Hai người này trộm lấy rất nhiều ý nghĩa trong kinh Phật, diễn giải xuyên tạc để chứng minh cách tu tiên luyện đan của họ.

rong ruổi bên ngoài, cách này thuộc về pháp quán thiền cận ban đầu. Mộng Đông Ngũ Lục do cư sĩ Tiên Y Am trích lấy những câu nói chuyên dạy về Tịnh độ từ Mộng Đông Di Tập đem lưu truyền ở phương Nam để thỏa lòng những ai mong đợi đã lâu nhưng không có duyên hội ngộ. Toàn tập ở Bắc Kinh thì có, nhưng phương Nam chỉ có lược bản của Tiên Y Am. Cuốn sách này từ ngữ, nghĩa lý tinh diệu, là trước tác bậc nhất sau thời các vị Ngẫu Ích, Tỉnh Am. Nếu có thể thấu triệt cuốn sách này, tin tưởng chắc chắn không nghi, Quang đảm bảo đám búp sen của các hạ sẽ nở tươi trong ao quý, lâm chung gởi thân nơi đó, làm khách quý nơi Tịnh độ.

Di-đà Yếu Giải là bản chú giải mẫu nhiệm từ khi có kinh này đến nay, quả thật là chỉ nam cho người tu tịnh nghiệp, cuốn này được chép làm quyển đầu trong bộ Tịnh Độ Thập Yếu. Tịnh Độ Thập Yếu là do đại sư trích lấy những trước thuật Tịnh độ kế lý kế cơ nhất hợp thành bộ này, tổng cộng gồm mười quyển, nên gọi là Thập Yếu. Do Yếu Giải chú thích kinh nên được xếp đầu tiên để tỏ ý tôn trọng kinh.

Như nói đến xá-lợi thì đó là tiếng Phạn, Hán dịch là thân cốt (xương nơi thân), hoặc linh cốt (xương thiêng), do giới - định - tuệ của người tu đạt được, chứ không phải do luyện tinh - khí - thần hợp thành. Đây chỉ là biểu thị tâm hợp với đạo, tâm hợp với Phật, chẳng phải riêng gì chết rồi đem thiêu, thịt, xương, tóc trên thân biến thành xá-lợi.



Xưa có vị cao tăng tắm gội bèn được xá-lợi; lại còn thiền sư Tuyết Nham Khâm¹⁹¹ cạo đầu, tóc rớt xuống biến thành một chuỗi xá-lợi; lại có người chí tâm niệm Phật, trong miệng có xá-lợi; lại có người khắc bản Long Thư Tịnh Độ Văn, từ trong ván in hiện ra xá-lợi; lại có người thêu hình Phật, thêu kinh, kim đâm xuống bèn được xá-lợi; lại có người chết đem thiêu xá-lợi vô số, môn nhân ai nấy đều có. Có một người đi xa chưa về, lúc về, cúng tế trước tượng, cảm khái đau buồn, bèn được xá-lợi ngay trước tượng. Ngày thiêu hóa thiền sư Trường Khánh Nhân trời nổi cơn gió lớn, khói bay xa ba bốn mươi dặm, chỗ nào khói lan tới đều có xá-lợi, nhặt gom lại được hơn bốn thạch¹⁹².

Nên biết xá-lợi do đạo lực tạo thành, kẻ luyện đan không biết căn do, đoán bừa là do tinh - khí - thần luyện thành, vì những kẻ luyện đan thấy danh tướng trong nhà Phật, chẳng xét đến nguồn gốc chỉ chấp vào hình tích. Vì thế, đem những chuyện thuộc lãnh vực luyện đan của mình ghép bừa vào. Đắc Bồ-đề đạo là thành Phật, chứ chưa hề nghe nói luyện tinh - khí - thần trước hết thành xá-lợi tử, sau đó thành bồ-đề châu là thành Phật! Kẻ luyện đan khư

191 Thiền sư Tuyết Nham Khâm là một vị cao tăng thuộc tông Tào Động. Sư từng nói: “Sơn tăng xuất gia lúc năm tuổi, được hầu Thượng Nhân, nghe ngài trò chuyện cùng khách, liền biết có sự này, liền tin tưởng đến nơi, bèn học tọa thiền... Nếu luận về sự thực hành thì phải vận dụng công phu, như người đi đường, đi được một hai dặm chỉ nói được những gì thuộc một hai dặm. Đi được ngàn dặm, vạn dặm mới nói những lời ngàn dặm, vạn dặm.”

192 Thạch: Đơn vị đo dung tích thời xưa. Mỗi thạch là mười đấu, tức một trăm thăng (ta thường gọi là thùng). Ngoài ra, thạch còn là đơn vị đo trọng lượng, mỗi thạch bằng 120 cân Tàu (gần bằng 120 pounds).

khư gìn giữ sắc thân, cho là giữ đến mức cùng cực sẽ thành Phật. Lấy đó làm chứng, người mắt sáng trông thấy chẳng bỏ một trận cười. Nhà luyện đan nói đến tánh, nói đến mạng đều là những điều biện luận dựa trên sắc thân, lại nói ngược Phật pháp chỉ biết tu tánh, không biết tu mạng, không biết những điều họ đang theo đuổi đều là những điều bị Phật giáo phá trừ. Quán tứ niệm xứ sẽ tự biết rõ.

Huệ Mạng Kinh là do gã ma dân Liễu Hoa Dương soạn vào đầu đời Thanh. Gã xuất gia làm tăng, nhưng chứng tánh tà vạy, vì thế gã dùng những điều trích dẫn kinh Phật nhất nhất được hiểu theo ý nghĩ sai lầm của chính gã để chứng minh pháp luyện đan. Chỗ nào bất tiện bèn sửa đổi câu chữ, lại còn tự chú thích, ý mong người khác coi mình là cao nhân bậc nhất từ xưa tới nay. Những kẻ vô tri vô thức bèn khắc in, truyền dạy riêng cho nhau, chỉ sợ người mắt sáng biết đến thì họa ương chẳng nhỏ. Phàm ai xem những loại sách ấy đều là hạng tà chánh chẳng phân. Nếu người có đủ mắt xem đến sẽ quăng ngay vào lửa mạnh, để khỏi làm hại chánh nhãn của thiên hạ hậu thế. Sách Tiên Phật Hiệp Tông vu báng Phật pháp so với Huệ Mạng Kinh còn tệ hơn nữa. Phàm muốn luyện đan thì lấy ngôn luận của chính các nhà luyện đan để đề xướng, hướng dẫn thì được, sao lại biến chánh thành tà, bày kể bịt tai trộm linh¹⁹³? Dẫn lời người nhưng chẳng dựa theo nghĩa của người, đã mượn cái danh nhưng lại ghét cái thật, há chẳng mất trí thành

193 Yểm nhĩ đạo linh: Bịt tai để khỏi nghe tiếng linh kêu, hòng ăn trộm cái linh đó. Ý nói làm chuyện ngậy ngậy, rõ đại, tự mình dối mình.



cuồng, cầu thăng hóa đọa ư? Những chuyện này vốn chẳng đáng nhắc đến, sao lại còn bày tỏ cặn kẽ? Chỉ vì các hạ chưa biết cội nguồn của đây và kia (tức Phật và Đạo giáo) tuy đồng, nhưng những gì phát sanh từ bên kia, bên đây lại khác. Nếu chẳng phân biện, vẫn cho phép luyện đan là đủ¹⁹⁴, chẳng thể như Trang Phục Chân¹⁹⁵ bỏ ngay đạo kia, chọn lấy pháp này; há Quang chẳng nên biện luận kỹ hay sao? Thật sợ rằng nếu chỉ nói hàm hồ sẽ khiến cho các hạ đối với cả hai môn đều chẳng được lợi ích.

Quán Thế Âm Bồ-tát trong kiếp xa xưa, thành Phật đã lâu, hiệu là Chánh Pháp Minh, nhưng do tâm từ bi thiết tha nên tuy an trụ trong cõi Thường tịch quang lại tùy tích trong ba cõi Thật báo, Phương tiện, Đồng cư. Tuy thường hiện thân Phật, nhưng lại còn hiện đủ mọi thân Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn và thân trong sáu đường

194 Nguyên văn “*đi luyện đan vi phụ quách điện*” (coi pháp luyện đan là khoảnh ruộng gần bờ thành): “Phụ quách điện” là một điển tích xuất phát từ Tò Tần Liệt Truyện trong sách Sử Ký. Tò Tần nói: “Nếu ta có được hai khoảnh ruộng gần thành Lạc Dương, ta há còn có thể mong đeo ấn sáu nước nữa ư?” Đời sau thường dùng chữ “Phụ Quách Điện” để chỉ được chút ít đã thỏa mãn, không còn mong mỏi tiến lên nữa.

195 Trang Phục Chân là một danh sĩ thời Minh tên là Quảng Hoàn, người xứ Đồng Hương, tỉnh Chiết Giang. Lúc nhỏ học Nho, năm bốn mươi chán ngán sự đời bèn học thuật Dưỡng Sinh của đạo sĩ, lâu ngày thành bệnh, bèn tậu một miếng vườn nhỏ, trồng hoa cỏ, sắp xếp sơn thủy tự vui. Một bữa thấy hoa nở rồi tàn, ngộ thân vô thường, liền hủy khu vườn ấy, bế quan tọa thiền, tụng kinh Kim Cang. Về sau, qua chơi Hàng Châu, cùng người khác bàn về đạo Phật. Người ấy nói: “Ông học Phật, ai là thầy ông?” Đáp: “Chưa có ai!” Người kia lại hỏi: “Chưa đọc cuốn Phục Khí của Liễu Tử Hậu phải không? Sách ấy nói ở Văn Thê có thiên sư Liên Trì đó!” Ông bèn đến yết kiến ngài Liên Trì. Đại sư dạy niệm Phật, bèn thọ ngũ giới. Trở về nhà lập trường khóa mỗi ngày niệm năm vạn câu danh hiệu Phật, chưa đầy nửa năm, tâm địa rộng rang. Năm ông 80 tuổi lại đến thọ Bồ-tát giới với đại sư Liên Trì. Do thương xót người trong làng không biết chánh pháp, thường sùng tín tà thuyết bèn soạn bộ Tịnh Độ Tư Lương Tập để khuyến hóa họ.

trời người lục đạo, tuy thường hầu Di-đà, nhưng lại hiện sắc thân trong khắp mười phương vô tận pháp giới, có thể nói là “chỉ có lợi ích, không ai không ngưỡng mộ, sùng kính”. Nên dùng thân nào để độ bèn hiện thân ấy để thuyết pháp. Núi Phổ Đà là chỗ Bồ-tát ứng tích, muốn cho chúng sanh có chỗ gởi tấm lòng thành nên bèn thị hiện tại núi này, nào phải Bồ-tát chỉ ở Phổ Đà, không ở nơi khác!

Một vầng trăng vằng vặc giữa trời, vạn con sông đều hiện bóng, dầu nước nhỏ như một chước¹⁹⁶, một giọt thủy đều hiện trọn vẹn bóng trăng. Nếu nước vừa đục vừa xao động, bóng trăng chẳng thể phân minh. Tâm chúng sanh như nước, nếu nhất tâm chuyên niệm Bồ-tát thì Bồ-tát liền ngay trong lúc niệm ấy bèn khiến cho được lợi ích hiển hiện hoặc thâm kín; nếu tâm không chí thành, không chuyên nhất, ắt khó được cứu hộ. Nghĩa này rất sâu, hãy xem trong Ấn Quang Văn Sao bài tựa Thạch Ấn Phổ Đà Sơn Chí sẽ tự biết. Ngài có tên là Quán Thế Âm, là vì lúc tu nhân Bồ-tát do quán tánh nghe chứng được viên thông, lúc đắc quả do quán sát âm thanh xưng danh của chúng sanh để ban bố sự cứu hộ nên có tên là Quán Thế Âm.

Phổ Môn là đạo Bồ-tát lớn lao không ngần, tùy thuận khắp mọi căn tánh của chúng sanh, khiến cho ai nấy đều

196 Chước: Đơn vị đo lường dung tích rất nhỏ, có thuyết nói khoảng chừng 1centilitre (cl). Sách Tôn Tử Toán Kinh chỉ mô tả như sau: “Mười toát là một sao, mười sao là một chước, mười chước là một hợp, mười hợp là một thăng...” Nếu hiểu thăng tương ứng 1 lít hiện thời thì một chước bằng một centilitre. Nhưng thăng biến đổi theo các triều đại nên cũng khó thể nói nhất định một chước là bao nhiêu.



theo đường về nhà, chẳng lập riêng một môn. Như trong đời có ngàn căn bệnh nên thuốc có vạn phẩm, chẳng chấp nhất định một pháp nào, tùy theo con người mê chỗ nào và chỗ nào người ấy dễ ngộ, liền chỉ điểm cho. Như nơi sáu căn, sáu trần, sáu thức, bảy đại, mỗi mỗi đều có thể chứng viên thông. Do vậy, pháp gì, chuyện gì cũng đều là cửa để thoát sanh tử thành Chánh giác, nên gọi là Phổ Môn. Nếu Bồ-tát chỉ ở tại Nam Hải thì chẳng đáng gọi là Phổ vậy! Đối với sự lý chẳng thể nghĩ bàn của Phật, Bồ-tát, các hạ đã chẳng dốc lòng suy xét, vì thế đối với những sự thiện cận này đều mê muội không rõ.

Những điều vừa nói chính là vì các hạ hỏi nên mới bàn, chứ quả thật chưa phải là chuyện để các hạ rớt ráo được lợi ích nơi pháp môn Tịnh độ vậy. Nếu muốn trình bày cặn kẽ, quá tốn bút mực, xin hãy đọc kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Triệt Ngộ Ngũ Lục. Xem rồi sẽ tự biết phải tu như thế nào, chứng như thế nào. Và nữa, cư sĩ Từ Ủy Như gom góp những thư từ trao đổi của Ấn Quang hai lần đem in ở kinh đô, đặt tên là Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, hai bản, đã gởi đi hết. Mùa xuân năm nay lại nhờ Thương Vụ Ấn Thư Quán tái bản và giữ lại bản lưu; nhưng nhà in nói chi nhánh các nơi của họ sẽ phân phối giùm, đến nay còn chưa ra sách, có lẽ vào cuối năm sang đầu xuân sẽ in xong, mong hãy thỉnh về đọc. Tuy không phát huy lớn lao, nhưng hơi có chút lợi ích nhỏ nhoi cho kẻ sơ cơ. Vì thế, Từ Ủy Như mới đem in nhiều lần, ngõ

hầu được lưu truyền rộng rãi. Xem đến thì giới hạn giữa Thiên và Tịnh sẽ phân minh, lợi ích lớn nhỏ giữa tự lực và Phật lực rõ ràng như xem ngọn lửa. Chẳng đến nỗi tự mình muốn liễu sanh tử nhưng không biết đường nẻo, trong hết thấy pháp, thấy pháp nào cũng viên diệu nhưng chẳng đến nỗi theo đuổi pháp không thích hợp vậy!

63. Thư trả lời cư sĩ Vưu Hoảng Như

Các hạ túc căn sâu dày, tâm mộ đạo tha thiết, lại là bạn thân thiết với đại sư Hoảng Nhất, nay muốn buộc Quang làm pháp khế¹⁹⁷ trong hội Liên Trì, khôn ngăn vui sướng, nhưng do nhân duyên phôi kinh nên chẳng rảnh rỗi để trả lời ngay, thiếu sót quá! Quang tuổi nhỏ thiếu học vấn, đến già không biết gì. Hai ba năm gần đây, thường có những người lắm nghe lời người khác, hỏi đến, chỉ đem những gì mình biết được, mình làm được ra đáp. Còn như những nghĩa lý tinh vi trong Phật pháp, thật chứng nơi thiên định, Quang không biết được, cũng chẳng dám không biết coi như biết, vọng động bàn luận. Sư Hoảng Nhất bác học đa văn, còn Quang hèn kém, nhưng giữ tấm lòng khá chân thật, chuyện tu hành đương nhiên y theo bốn phận của kẻ kém hèn, nên chu toàn cho nhau, quả thật chẳng dám chạm mặt. Nay sư phát tâm bố quan, cự tuyệt hết thấy, ắt sẽ tự chứng niệm Phật tam-muội hồng giúp hết thấy kẻ hữu duyên, khôn ngăn mong mỏi. Người đời nay nghiên cứu

197 Pháp khế: bạn đạo



Phật pháp, đa số muốn thành một bậc đại thông gia, mong đối trước hết thầy đại chúng thanh đàm cao luận, khiến cho người khác nể phục, ít ai vì liễu sanh tử mà chuyên học Phật pháp. Nếu các hạ muốn thành một người bậc nhất thì tri kiến của Quang trọn chẳng thể đưa lại lợi ích kém cỏi nào, hãy nên cầu học với bậc đại thông gia trong giới tăng tục đương thời mới hòng chẳng uổng lòng kỳ vọng. Còn nếu muốn trong cõi tục tu chân, dùng quang âm hữu hạn để kiêm lo liệu chuyện đời, lại mong ngay trong đời này nhất định liễu sanh tử thì Quang chẳng ngại đem những gì mình nghe được từ cổ nhân thuật lại cùng các hạ.

Ngài Mộng Đông nói: *“Thật vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật.”* Mười sáu chữ này là đại cương tông của pháp môn niệm Phật. Đoạn khai thị này tinh vi, khẩn thiết đến cùng cực, hãy nên đọc kỹ. Mộng Đông Ngũ Lục từ ngữ lẫn lý lẽ đều chu đáo, là kim chỉ nam cho Tịnh tông. Nếu muốn tìm cầu cao hơn thì có bộ Di-đà Yếu Giải của lão nhân gia Ngẫu Ích, quả thật là người hướng dẫn tốt lành thiên cổ độc nhất vô nhị. Nếu có thể chết lòng nương theo hai bộ sách ấy thì chẳng cần phải nghiên cứu hết thầy kinh luận, chỉ thường xem đọc ba kinh Tịnh độ và Thập Yếu, ngửa tin lời thành thật của Phật, tổ, sanh lòng tin chân thật, phát nguyện khẩn thiết, dùng lòng chí thành cung kính trì danh hiệu Phật. Dẫu ở trong nhà tối phòng kín vẫn như đối trước Phật, trời, khắc kỷ, giữ lễ, cẩn thận, kiêng dè, giữ lòng thành, chẳng học đòi những phường thông nhân trong thế gian gần đây trọn chẳng câu thúc, phóng túng không

kiêng dè. Quang tuy là sanh tử phàm phu, dám bảo đảm các hạ trong đời này sẽ từ tạ Sa-bà, cao dự hải hội, đích thân làm đệ tử Phật Di-đà, làm bạn lành của Đại sĩ. Nhưng đối với pháp Tịnh độ, nếu chẳng chết sạch cái lòng mong ngóng ngấm nghệ¹⁹⁸, quyết chí tu trì, trọng lòng kính, giữ lòng thành, khắc kỷ, giữ lễ, lại toan đem lễ không chấp trước để làm lá bùa khéo léo che đậy thói coi thường, tán loạn, buông lung mà hòng được lợi ích thì Quang do hiểu biết kém tẻ chẳng thể nào hiểu được chuyện ấy. Những điều khác trong bộ Văn Sao dở tẻ của Quang đã trình bày rõ. Do vậy không cần đọc nhiều, xem kinh thì chỉ có cung kính mới được lợi ích; nếu không cung kính, dầu có được lợi ích thì chẳng qua cũng chỉ là hiểu ý nghĩa theo mặt chữ, chứ nghiệp tiêu trí rạng, triệt ngộ tự tâm, trọn chẳng thể cầu may như thế. Huống chi cái lỗi khinh nhờn càng không thể nói được. Đây là căn bệnh chung của cả thế gian, chỉ đành đau đớn khóc lóc thở dài mà thôi!

64. Thư trả lời cư sĩ Thích Trí Châu (thư thứ nhất)

Đã ở Hàng Châu hãy nên lắng lòng tu đạo, cần gì phải chờ đến kỳ hội dâng hương lại đến Phổ Đà? Đại sĩ không

198 Nguyên văn: Thâu tâm (có nghĩa là cái tâm trộm cắp). Đây là dụng ngữ nhà Thiên, chỉ cái tâm hướng ngoại phân biệt, khởi tâm mong ngóng, luôn đứng núi này trông núi nọ. Hòa Thượng Tịnh Không giảng “thâu tâm” là cái tâm không kiên định tu một pháp môn nào, nay chạy theo pháp này, mai chạy theo pháp khác, luôn nghĩ cách tu tắt, cầu may, chẳng hạn nghe nói trì chú này có công hiệu bèn trì chú đó, được vài bữa, thấy nghe nói chú khác có công hiệu lớn lao bèn bỏ chú này trì chú khác. Nay học pháp thiền này, mai đi nghe giảng lại bỏ theo cách thiền khác, suốt đời học tạp nham, không chuyên tu được một pháp nào.



cõi nào chẳng hiện thân, có chỗ nào lễ bái, cúng dường chẳng tốt? Nếu nói vì cốt ý để gặp Quang thì cũng không cần phải đến. Bộ Văn Sao được in lần này có hơn chín mươi thiên, những thứ tầm thường đầy ắp trong bụng Quang đã lòi hết ra cả rồi, há còn có bí quyết “miệng truyền tâm nhận” nào để truyền riêng cho ông nữa ư? Quang học thức nông cạn, không phát huy điều gì lớn lao, nhưng nếu có thể hành theo đó, quyết định sẽ có ích không bị tổn hại, quyết định liễu sanh tử trong đời này, hầu cận Di-đà sau khi mất. Chỉ e rằng ông coi đó là hèn kém thì nó trở thành hèn kém vậy! Ví như đối với tượng Phật được làm bằng vàng, gỗ, đất nặn, hay sơn vẽ mà kính trọng như đức Phật thật thì bèn có thể thành Phật; coi những tượng ấy chỉ là vàng, gỗ, đất nặn, sơn vẽ thì chúng chỉ là vàng, gỗ, đất nặn, sơn vẽ mà thôi. Nhưng khinh nhờn vàng, gỗ, đất, sơn vẽ thì không bị tội khiên gì; nếu khinh nhờn tượng Phật bằng vàng, gỗ, đất, sơn vẽ thì tội lỗi sẽ ngập trời.

Người khéo được lợi ích thì đối với mọi chuyện, không chuyện gì không được lợi ích: quạ kêu, sẻ hót, nước chảy, gió động, không gì chẳng chỉ bày thiên chân¹⁹⁹ con người vốn sẵn có (Thiền tông gọi là “ý của tổ sư từ trời Tây sang”), huống gì bộ Văn Sao của Quang, văn tuy vụng về, chất phác; nhưng những điều được viết trong đó bất quá đều là tùy ý tùy cơ lấy những lời đã nói của Phật, tổ biến

199 Thiên chân: Chân lý tồn tại tự nhiên không cần phải tạo tác. Sách Chi Quán Phụ Hành Truyền Hoàng Quyết, quyển 1 giảng: “Lý không tạo tác, nên gọi là thiên chân.”

thành những lời nói thông dụng mà thôi, nào phải Quang tự bịa ra ư? Quang chỉ truyền dịch lại để người sơ cơ dễ hiểu đó thôi! Dầu là sơ cơ nhưng nếu thực hiện đến cùng cực thì cũng chẳng thể bỏ những điều này để tu điều gì khác, bởi một pháp Tịnh độ là pháp thông trên thấu dưới, chẳng giống như pháp Tiểu thừa không thích hợp cho người Đại thừa tu tập.

65. Thư trả lời cư sĩ Thích Trí Châu (thư thứ hai)

Thầy Quang Thuận đến đây cầm theo thư của ông và hạt sen Hạ Bó đưa cho Quang, thuật những chuyện như ông đã trụ tại am thầy ấy v.v.. Trộm nghĩ ông đã không dư dật, sao còn phải bắt chước thói người thế gian làm cái trò đem đào bù mận? Ông và tôi quen biết nhau qua tình đạo, hãy nên trực tiếp hành xử theo đạo. Những gì đã gởi đến sẽ dùng để làm phước, cảm ơn lắm. Lệnh nghiêm, lệnh nhạc mẫu²⁰⁰ đã sanh lòng tin tưởng, hãy nên đem lợi ích của Tịnh độ khuyên chỉ, khiến cho tín tâm của họ từ nhỏ nhặt trở thành rõ ràng. Nếu như tín nguyện chân thiết, quyết định được sanh về Tịnh độ, đấy là hiếu vậy, cái hiếu thế gian há sánh bằng được ư? Ông còn chưa hiểu rành rẽ cách tu Tịnh độ, hãy nên lấy việc xem đọc, nghiên cứu Tịnh độ làm chánh, nửa ngày học giải, nửa ngày học hành, ngõ hầu rõ thấu đầu đuôi, trọn không nghi hoặc mới được.

200 Lệnh nghiêm: Tiếng gọi tỏ ý tôn trọng cha người khác. Nhạc mẫu: mẹ vợ hoặc mẹ chồng. Ở đây là mẹ vợ.



Lăng-nghiêm Chánh Mạch²⁰¹ hãy khoan tính đến, đầu có đích thân thấy được Như Lai tạng diệu chân như tánh cũng chẳng thể liễu sanh tử được ngay. Thấy tánh là ngộ, chưa phải là chứng; chứng rồi mới liễu sanh tử được. Nếu chỉ ngộ chưa chứng, đầu chỗ ngộ cao sâu, mà nếu hai thứ kiến hoặc và tư hoặc chẳng thể nhanh chóng đoạn được ngay thì chuyện luân hồi trong ba cõi quyết chẳng thể do đâu mà thoát lìa được. Nếu chẳng thông hiểu Lăng-nghiêm, nhưng tu pháp môn Tịnh độ, ngửa tin lời Phật quyết định không nghi, tin chân thật, nguyện khẩn thiết, do tu thật hạnh sẽ quyết định được vãng sanh, làm người trong thế giới Cực Lạc. Huống chi hiện tại cõi nước nguy ngập, vẫn toan trong lúc nguy hiểm, tinh thần hữu hạn làm những pháp vụ không cần gấp, mong được cái tiếng đại thông gia để thỏa thể diện, đến nỗi chuyện chuyên tu của chính mình rốt cục trở thành lan man ư? Nếu đã tin chắc, biết sâu xa pháp môn Tịnh độ thì có nghiên cứu kinh Lăng-nghiêm và các kinh luận cũng chẳng ngại gì.

Trước kia, ông đã xin Quang khai thị, Quang gởi bộ Văn Sao cho, nhưng ông vẫn không thể xem trọn mỗi điều, đương nhiên Quang biết ông không biết đâu là chuyện thông thả, đâu là chuyện gấp gáp, cứ lan man bắt chước người thời nay nghiên cứu kinh Phật chỉ mong thành một bậc đại thông gia đó thôi! Bộ Văn Sao của Quang vẫn tự

201 Lăng-nghiêm Chánh Mạch là tác phẩm chú giải kinh Lăng-nghiêm của đại sư Giao Quang đời Minh.

tuy kém cỏi, vẫn có thể chỉ cho người khác đường lối tu trì. Xưa kia luật sư Đại Trí²⁰² thông hiểu sâu xa giáo pháp của tông Thiên Thai, nghiêm tịnh tỳ-ni (giới luật), hạnh nguyện tinh thuần, chí lực rộng lớn, chỉ đối với Tịnh độ chẳng sanh tin tưởng. Về sau, do bệnh nặng mới biết lỗi trước, từ đó trở đi hơn 20 năm tay chẳng rời kinh, chuyên nghiên cứu Tịnh độ, mới biết pháp này lợi ích siêu việt thù thắng, bèn dám đối trước mọi người xứng tánh phát huy trọn chẳng sợ hãi. Dẫu là đứa trẻ lên ba cũng có thể niệm Phật, ông còn chưa nhận biết rõ ràng đường lối pháp môn này, lại chẳng bị thời hạn giảng giải kinh điển bức bách như vị giảng sư muốn chống đỡ môn đình, cần gì phải nghiên cứu kinh Lăng-nghiêm trước, chẳng coi chuyện biết đường về nhà là cấp bách? Những lời Quang đã nói bất quá nhằm ngăn chặn chuyện sai để khỏi phụ lòng gởi thư đến, chứ nào phải là đã thật sự hiển thị ý nghĩa trọng yếu của kinh Lăng-nghiêm. Đức Như Lai muốn cho hết thảy chúng sanh theo đường về nhà, vì thế bảo 25 vị thánh trình bày túc nhân của chính mình để chúng sanh đời mạt bất luận căn cơ thượng, trung, hạ, đều dùng pháp môn niệm Phật của ngài Thế Chí tự lợi lợi tha, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm nối tiếp, quay lại niệm nơi tự tánh, tánh thành vô thượng

202 Luật sư Đại Trí (1048-1116) là ngài Thích Nguyên Chiếu, tự là Tràm Nhiên, hiệu An Nhân Tử, người xứ Dư Hàng, tỉnh Chiết Giang. Ngài xuất gia từ nhỏ, thọ cụ túc giới năm 18 tuổi, theo học giáo nghĩa Thiên Thai với ngài Thần Ngộ Xử Khiêm, nhưng rất hâm mộ tỳ-ni. Về sau, sư thọ Bồ-tát giới với ngài Quảng Từ, nối tiếp Nam Sơn Luật Tông. Trong thời Nguyên Phong nhà Tống, sư trụ trì chùa Chiếu Khánh, hoàng truyền giới luật. Về già trụ trì chùa Linh Chi, nên thường được gọi là tôn giả Linh Chi. Khi ngài mất, được tôn thụy hiệu là luật sư Đại Trí.



đạo. Đây chính là điều cư sĩ nên dốc sức, còn chuyện “chỉ tâm, biện định cái thấy, phá ám, siêu trước”, hãy đợi đến khi niệm đến mức tâm - Phật bất nhị, tâm lẫn Phật cùng mất, tự chứng niệm Phật tam-muội rồi hãy tính, giống như đức Thế Tôn cầm cành hoa giơ lên, Ca-diếp mỉm cười vậy. Nếu không, vào biển đếm cát đầu choáng váng, tâm mê muội, kể chuyện ăn, đếm của báu, chẳng đỡ đói rét. Người biết tốt xấu quyết chẳng coi thường lời tôi.

66. Thư trả lời cư sĩ Thích Trí Châu (thư thứ ba)

Ý Quang muốn cho các hạ ở yên nơi nhà mình, tu chân ngay trong cõi tục, trên có thể cảm phát bậc trưởng thượng phát sanh lòng tin trong sạch, dưới có thể dắt dìu vợ con đồng thấm ơn Phật. Nếu ông cứ muốn sống nhờ ở chùa người ta thì cũng được. Đối với chuyện nghe kinh không cần phải đến chùa Linh Ấn²⁰³, bởi lẽ pháp sư Huệ Minh thường bỏ bớt, nêu đại lược ý nghĩa kinh văn, chuyện chú trọng dẫn chứng những công án nhà Thiền; có lẽ ích lợi cho bậc đại đạt, chứ kẻ sơ cơ sẽ bị hoang mang, không

203 Chùa Linh Ấn nằm ở núi Linh Ấn tại Tây Hồ, Hàng Châu, tỉnh Chiết Giang. Năm Hàm Hòa nguyên niên (326) nhà Đông Tấn, sa-môn Ấn Độ Huệ Lý đến nơi này, thấy ngọn Phi Lai, khen ngợi: “Ngọn núi nhỏ của Linh Thửu không biết bay đến đây từ năm nào? Hỡi Phật còn tại thế, nhiều vị tiên linh ẩn cư nơi này.” Bèn lập chùa sau núi, đặt tên là Linh Ấn, gọi tên ngọn núi đó là Phi Lai. Năm Cảnh Đức thứ tư đời Tống (1007), đổi tên là Cảnh Đức Linh Ấn Thiền Tự. Đến năm cuối niên hiệu Kiến Viêm, chùa bị hủy hoại trong loạn lạc, trong năm Thiệu Hưng mới được tái lập. Năm Chí Chánh thứ 19 (1359) đời Nguyên, chùa lại bị phá hủy, rồi được tái lập trong niên hiệu Hồng Vũ đời Minh, đổi thành tên hiện đại là Linh Ấn. Trong niên hiệu Khang Hy, chùa được sắc tứ là Văn Lâm Thiền Tự, nhưng dân gian vẫn gọi theo tên cũ.

biết về đâu. Đối với người thông minh đôi chút rất có thể bị xen lăm hỗn độn giữa Tông và Giáo, lỗi ấy quả thật chẳng nhỏ cạn. Mười nguyện Phổ Hiền, một hạnh Văn-thù²⁰⁴, nếu có thể tinh tu dấu chẳng quán thông hết thủy kinh luận vẫn có thể thoát nhanh khỏi lồng rọ phiền não, cao dự hải hội. Nếu đối với pháp cậy vào Phật từ lực này lòng tin không chân thật, không dựa chắc vào, dù có thông Tông, thông Giáo cũng chỉ là tam-muội ngoài cửa miệng. Muốn dùng tam-muội ngoài miệng ấy để liễu sanh tử thì đúng là như muốn dùng bánh vẽ để khỏi đói, ắt đến nỗi cùng đường hối hận sâu xa, chẳng được lợi ích mảy may. Đời, đạo hiện thời chẳng biết tương lai sẽ như thế nào, còn toan dùng quang âm sắp hết để làm chuyện không gấp rút nữa ư?

Tuy trước kia, Quang có ý nguyện tu sửa bộ Sơn Chí²⁰⁵, nhưng nếu không được Đại sĩ thăm gia hộ khiến cho mục lực được sáng quyết chẳng thể theo đuổi được. Nếu mục lực có thừa, ở đâu mà chẳng soạn tập được, cần gì phải muốn sang Hàng Châu ở nhờ chỗ người ta. Mong hãy chuyên tâm niệm Phật, đấy mới là quyền thuộc thật sự trong pháp môn, chớ đừng đến núi này khiến cho đôi bên đều bị khốn khó.

204 Văn-thù nhất hạnh: Túc nhất hạnh tam-muội được dạy trong kinh Văn-thù Bát-nhã: “Thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn hành nhất hạnh tam-muội, nên vào chỗ vắng vẻ, bỏ các loạn ý, chẳng chấp vào hình tướng, dốc lòng chuyên xưng niệm danh hiệu một đức Phật. Tùy theo đức Phật ở phương nào bèn hướng thẳng về đó. Nếu có thể đối với một đức Phật niệm niệm liên tục, thì ở ngay trong ấy sẽ thấy được quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật. Vì sao? Niệm một đức Phật công đức vô lượng vô biên, cùng một công đức với niệm vô lượng chư Phật không hai. Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn vô phân biệt.”

205 Túc bộ Phổ Đà Sơn Chí, tức bộ sách ghi chép lịch sử truyền thừa của núi Phổ Đà.



Còn chuyện ông muốn xuất gia hãy nên lễ thỉnh bậc tri thức cao minh khác, trọn chớ vì Quang ngăn ngại mà bèn chẳng lễ các vị thầy khác, đến nỗi mất lợi ích lớn lao. Pháp sư Đế (ngài Đế Nhân) ở chùa Quán Tông, Ninh Ba, bệnh chưa lành, cũng không cần phải qua đó nghe kinh. Cổ nhân nói: “Thật ít hơn dối nhiều, khéo quá chẳng bằng vụng, nói được một trượng không bằng làm được một tấc.” Người thật lòng vì mình phải suy nghĩ những câu ấy.

67. Thư trả lời cư sĩ Phạm Cổ Nông (thư thứ nhất)

Một pháp Tịnh độ lấy ba pháp tín nguyện hạnh làm tông, chỉ khi nào có đủ lòng tin chân thành, nguyện khẩn thiết thì mới dốc sức thực hành. Khi họa hại bức bách khẩn thiết mới thành khẩn, còn lúc nhàn nhã vô sự bèn hoãn đãi, đấy là bệnh chung của phàm phu. Nhưng trong lúc này, tình hình đời đạo như đang nằm yên trên đồng củi, phía dưới đã bốc lửa mạnh chưa đốt đến thân, nhưng nháy mắt bèn cháy bùng toàn thể, khắp pháp giới không trốn tránh vào đâu được, thế mà vẫn còn hồ hững, coi thường để ngày tháng trôi qua, chẳng thể chuyên chí cầu cứu nơi một câu Phật hiệu thì cái tri kiến ấy nông cạn quá sức vậy!

Tu trì trong các tông của Phật pháp ắt phải đạt đến chỗ hạnh khởi giải tuyệt mới có ích lợi thật sự, chứ chẳng riêng gì tu quán trong Tịnh tông là phải như vậy. Nhà Thiền lấy một câu thoại đầu không có ý nghĩa gì đặt vào trong tâm, coi như bốn mạng nguyên thần, chẳng kể ngày giờ thường

luôn tham cứu câu ấy. Đến khi nào thân tâm, thế giới thấy đều chẳng biết, mới có thể đại triệt đại ngộ, chẳng phải là hạnh khởi giải tuyệt hay sao? Lục tổ nói: “Chỉ xem kinh Kim Cang liền có thể minh tâm kiến tánh”, chẳng phải là hạnh khởi giải tuyệt hay sao? Ngu tôi cho rằng: một chữ *khởi* nên hiểu nghĩa là cực, chỉ có ra sức đến cùng cực thì mới đạt đến năng lẫn sở cùng mất, nhất tâm hiển lộ triệt để. Hạnh nếu chưa cùng cực, đâu có quán niệm vẫn là có năng, có sở. Toàn là phàm tình dụng sự, toàn là tri kiến phân biệt, toàn là tri giải, sao có thể đạt được lợi ích chân thật? Chỉ dùng sức đến cùng cực thì tình kiến năng sở mới tiêu diệt, chân tâm vốn có mới hiển hiện. Vì thế, xưa kia có người đầu như gỗ khô²⁰⁶, về sau đạo phong của vị ấy chói lợi cổ kim. Lợi ích đều chỉ ở một chữ cực mà thôi!

Người đời nay đa phần bàn suông, chẳng trọng thực tiễn, khuyên tu tịnh nghiệp hãy nên nêu cả lý lẫn sự, nhưng cần nhất là phải lấy sự làm phương cách tu trì, vì sao? Vì đối với người hiểu rõ lý thì toàn sự chính là lý, suốt ngày sự trì chính là suốt ngày lý trì. Nếu chưa hiểu trọn vẹn lý - sự, vừa nghe đến lý trì liền cảm thấy nghĩa này thâm diệu, lại còn hợp với cái tánh lười nhác, biếng trễ, sợ trì niệm nhọc nhằn của mình, bèn chấp lý phế sự. Đã phế sự thì lý cũng chỉ thành bàn suông. Mong các hạ đem cái lý “toàn sự chính là lý” của bậc viên ngộ khuyên hết thầy mọi người thì lợi ích lớn lao lắm!

206 Nguyên văn: Mộc đầu nhân, là một thành ngữ chỉ những người ngu độn, ương bướng.



68. Thư trả lời cư sĩ Phạm Cổ Nông (thư thứ hai)

Trung ấm²⁰⁷ là thức thân, không phải là thức thân biến thành trung ấm, thế tục thường gọi là “linh hồn” vậy. Như nói trung ấm cứ bảy ngày lại sống chết một lần, bốn mươi chín ngày bèn đầu thai v.v. chớ nên câu nệ, chấp trước. Nói đến sự sống chết của trung ấm chính là nói đến những tướng sanh diệt được hiện trong cái tâm vô minh của trung ấm; chẳng thể ngờ nghịch đem những tướng sanh tử của người đời để luận. Trung ấm thọ sanh nếu nhanh thì như trong khoảng khảy ngón tay, liền vào trong tam đồ lục đạo; chậm thì bốn mươi chín ngày hoặc hơn bốn mươi chín ngày v.v..

Kẻ mới chết có thể cho người quen biết trông thấy trong ban ngày, ban tối, hoặc tiếp xúc cùng người khác, hoặc nói năng, chuyện này không phải chỉ trung ấm mới như vậy. Dầu đã thọ sanh trong đường lành, nẻo ác, cũng vẫn có thể hiện hình trước người quen biết, thân thiết. Tuy điều này do ý niệm của chính người đó biến hiện, nhưng thực ra do những vị thần kỳ chủ trì quyền tạo hóa làm ra, ngõ hầu tỏ rõ con người chết đi thân mình bất diệt và quả báo thiện ác chẳng dối vậy. Nếu không, người dương gian chẳng biết

207 Còn gọi là *trung hữu*, là khoảng tồn tại trung gian sau khi đã chết, trước khi thọ sanh. Câu Xá tông cho nhất định là có trung ấm, Thành Thập tông bác quan điểm này. Còn Đại thừa cho rằng trung ấm có hay không chẳng nhất định: Người cực thiện hay cực ác sẽ không có thân trung ấm vì sanh thẳng vào thân sau. Còn những người khác sẽ có thân trung ấm. Sách Đại Thừa Nghĩa Chương giảng: “Khi mạng báo đã hết, thì gọi là vô hữu. Sau khi sanh ra, trước khi chết đi thì gọi là bốn hữu. Giữa hai thân ấy thì hình dáng hiện trong cõi âm gọi là trung hữu.”

chuyện cõi âm, cái lý luận mù quáng “con người chết đi thân hình đã mục nát thì thần thức cũng phiêu tán” ắt sẽ được người đời xúm nhau phụ họa; người cả cõi đời bị hãm trong hầm sâu tà kiến “không nhân, không quả, không đời sau, hậu thế”, khiến cho người trông thấy điều thiện chẳng cang dè dặt, gắng sức tu đức, kẻ ác càng cùng hung cực ác muốn tạo ác. Tuy có lời Phật dạy, nhưng không có gì để chứng minh, ai chịu tin nhận? Do có những chuyện hiện hình cho thấy như thế, đủ chứng tỏ lời Phật nói không dối, quả báo phân minh, chẳng những người lành càng thêm hướng đến điều lành, mà tâm kẻ ác cũng bị những tình lý ấy chiết phục, cũng chẳng đến nổi mười phần cạn tào ráo máng. Thiên địa, quỷ thần muốn cho con người biết được điều này, nên mới có chuyện người chết hiện thân trong nhân gian, người cõi dương xử án chốn u minh v.v. đều nhằm để phù trợ Phật pháp, giúp đỡ, khen ngợi trị đạo. Lý này rất vi tế, quan hệ rất lớn. Những chuyện này xưa nay được ghi chép rất nhiều, nhưng chưa thuật rõ quyền ấy do đâu cũng như chưa nêu lên mối quan hệ lợi ích của những chuyện ấy.

Trung âm tuy đã lìa thân xác, nhưng vẫn còn mang tình kiến thân xác như cũ, đã có tình kiến thân xác, cố nhiên cần phải có cơ áo để đắp đổi. Do phạm phu nghiệp chướng sâu nặng, chẳng biết ngũ uẩn vốn không, không khác gì người thế gian. Nếu là bậc có đại trí tuệ sẽ ngay trong lúc thoát xác không nơi nương dựa, ngũ uẩn trống không, các khổ bèn tiêu diệt, nhất chân hiển hiện, nên vạn đức trọn bày. Tuy cảnh giới ấy không nhất định phải giống nhau,



nhưng chẳng ngại tùy tình kiến của mỗi người mà giúp đỡ cho. Như đốt áo giấy cho người chết, trong tâm người sống chỉ có ý nghĩ ban cho áo, tuy lớn, nhỏ, dài, ngắn làm sao vừa vặn, thích hợp cho được, nhưng do tình kiến của người sống và tình kiến của kẻ mất kia tương ứng, nên những áo ấy đều vừa khít, thích hợp. Từ điều này có thể thấy được cái nghĩa lớn lao “hết thấy pháp chuyển biến theo tâm”. Sau khi chết đi, khi chưa thọ sanh trong sáu đường, thì gọi là trung ấm. Nếu đã thọ sanh trong lục đạo thì chẳng gọi là trung ấm. Những hôn dựa vào người khác để nói chuyện khổ, chuyện vui đều là tác dụng của thần thức.

Đầu thai ắt phải do thần thức hòa hợp với tinh huyết của cha mẹ, lúc thọ thai, thần thức đã trụ trong thai. Lúc sanh nở từng có trường hợp tận mắt thấy người ấy (tức người sẽ đầu thai làm con) đi vào nhà mẹ, vì lúc cha mẹ giao cấu đã có thức khác thay thế thần thức của người ấy nhập thai. Đến lúc thành thai, bốn thức (tức thức của người thật sự sẽ đầu thai làm con nhà ấy) đến, cái thức thay thế mới ra đi. Sách Dục Hải Hồi Cuồng quyển ba, trang thứ mười hai, dòng tám, chín, mười, mười một, mười hai đã từng hỏi về chuyện này, nhưng lời đáp chưa trúng lý lắm. Quang bèn sửa cho đúng, hãy nên tra duyệt. Lời đáp nguyên thủy như sau: “Vị như trứng gà, có trứng có cổ, có trứng không có cổ. Khi chưa có thức gá vào thai giống như trứng chưa có cổ vậy.” Chẳng biết trứng không có cổ, dầu đem cho gà ấp cũng chẳng thể nở, làm sao sánh ví cho được? Quang chỉ mong lý được sáng tỏ, chẳng nề hà chuyện tiếm quyền, vượt phạm, nên vì cư sĩ

trình bày duyên do. Bà mẹ của sư Viên Trạch²⁰⁸ mang thai ba năm chính là vì lẽ này. Đây là luận theo lẽ thông thường.

Phải biết nghiệp lực của chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn, như người tịnh nghiệp đã thành, dầu thân chưa chết nhưng thần thức đã hiện nơi Tịnh độ; kẻ ác nghiệp sâu

208 Viên Trạch: Trong lần khai thị tại pháp hội Tức Tài Hộ Quốc ở Thượng Hải, tổ Ấn Quang đã kể chuyện thiên sư Viên Trạch đời Đường như thế này: Do cha của Lý Nguyên làm quan trấn thủ Đông Đô bị An Lộc Sơn làm phản, giết chết. Lý Nguyên chẳng muốn làm quan, bèn biến căn nhà mình ở Lạc Dương thành chùa Huệ Lâm, thỉnh Viên Trạch làm Hòa Thượng; Lý Nguyên cũng tu hành ngay tại đây. Qua mấy năm, Lý Nguyên muốn triều bái Nga Mi, mời Viên Trạch cùng đi. Viên Trạch muốn đi theo đường Thiểm Tây, nhưng Lý Nguyên chẳng muốn đến kinh đô nên nhất định theo đường thủy Kinh Châu. Viên Trạch đã tự biết mình chẳng trở về được nên liền dặn dò hậu sự, rồi cùng Lý Nguyên ngồi thuyền đi. Thuyền bơi đến thượng du Kinh Châu, sắp gần đến Giáp Sơn, thế nước chảy xiết, chưa đến tới đã phải cầm thuyền. Chợt có một người đàn bà mặc quần gấm, ra kéo nước bên sông. Viên Trạch vừa trông thấy, hai mắt ứa lệ. Lý Nguyên hỏi nguyên do, Viên Trạch đáp: “Ta chẳng chịu đi theo đường này là vì sợ bà ta. Bà ta mang thai đã ba năm, chờ ta sanh làm con. Chẳng thấy bà ta còn có thể trốn lánh, chứ nay đã thấy, không cách nào không làm con bà ta được! Ông nên tụng chú, giúp ta mau sanh. Đến ngày thứ ba, hãy đến nhà thăm ta. Ta trông thấy ông, cười một tiếng làm tin. Mười hai năm sau, đêm rằm tháng tám, đến bên bờ giếng Cát Hồng tại Thiên Trúc ở Hàng Châu gặp lại ta.” Nói xong, Viên Trạch tọa thoát. Bà nọ liền sanh con. Ngày thứ ba, Lý Nguyên đến thăm, đứa bé liền cười. Sau đấy, Lý Nguyên quay về chùa Huệ Lâm, thấy trong quyển kinh đã viết sẵn lời dự ngôn về hậu sự, càng thêm tin sư Viên Trạch chẳng phải là thường nhân. Mười hai năm sau, Lý Nguyên đến Hàng Châu. Tới đêm rằm tháng tám, ông đến chỗ ước hẹn chờ đợi; chợt thấy bên sông có đứa bé trai chân trâu, ngồi vắt vẻo trên lưng trâu, dùng roi gõ sừng trâu, hát:

*Trên đá ba sinh, vẫn nguyên hồn
Ngâm gió, thường trăng lộ phải bàn
Thẹn thấy cổ nhân tìm đến gặp
Thân này tuy khác, tánh thường còn.*

Lý Nguyên nghe xong bèn đến chào hỏi. Hàn huyền xong xuôi, đứa bé lại đọc:

*Thân trước, thân sau sự vẫn vương
Bàn chuyện nhân duyên lưỡng đoạn trường
Ngò Việt giang sơn chơi khắp cả
Gác chèo mây khói, ẩn ao chuôm.*

Rồi ruổi trâu đi mất.



nặng, thân còn nằm trên giường bệnh nhưng thần thức đã bị xử phạt nơi U Minh. Mạng tuy chưa tận, thức đã đầu thai. Đợi đến lúc sắp sanh, toàn phần tâm thức mới gieo vào trong thai ấy. Lý này cũng chẳng phải là hoàn toàn không có; nên thông thường, đa phần là có thức thay thế để thọ thai vậy. Các pháp trong tam giới duy tâm sở hiện, chúng sanh tuy mê nhưng nghiệp lực của họ chẳng thể nghĩ bàn chính là do tâm lực chẳng thể nghĩ bàn, cũng là do thần thông đạo lực của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn. Hơn mười năm gần đây, sức nhìn của Quang chẳng ra gì nên chẳng thể dẫn rộng kinh luận để làm chứng, nhưng cố nhiên lý ấy chẳng phải do Quang bịa ra nói mò để phải chuốc lấy tội lệ. Sanh tử là chuyện lớn của chúng sanh, nhân quả là phương tiện giáo hóa lớn lao, nguyện các hạ chẳng tiếc tướng lưỡi rộng dài dùng nhân quả báo ứng chuyển phiên nào sanh tử thành sự trợ giúp cho Bồ-đề Niết-bàn thì pháp môn may lắm, chúng sanh may mắn lắm!

69. Thư trả lời cư sĩ Ngô Hy Chân (thứ thứ nhất)

Một pháp niệm Phật ước có bốn thứ là trì danh, quán tượng, quán tướng, và thật tướng. Trong bốn pháp này, chỉ có mỗi pháp trì danh nhiếp thọ căn cơ phổ biến nhất, hạ thủ dễ dàng nhất, chẳng đến nỗi khởi ma sự. Như muốn quán tướng thì phải đọc kỹ Quán kinh, biết sâu xa “tâm này làm Phật, tâm này là Phật”, và “tâm tịnh Phật hiện, cảnh chẳng từ bên ngoài đến, duy tâm sở hiện”, chẳng sanh chấp trước thì cảnh càng thêm sâu mầu, tâm càng thêm

ting nhất. Làm được như vậy thì sự lợi ích của việc quán tưởng thật chẳng nhỏ nhoi. Nếu quán cảnh không thuần thực, chẳng rõ lý luận, do tâm bộp chộp, vọng động muốn cảnh hiện gấp thì toàn thể là vọng, đều chẳng tương ứng với cả Phật lẫn tâm liền đọa vào thai ma. Do vậy, vọng động muốn thấy cảnh, tâm càng thêm vọng động, ắt đến nỗi khơi động nhiều kẻ oan gia hiện ra cảnh giới. Nhân địa lúc ban đầu đã không thật, làm sao biết những cảnh đó do ma nghiệp hiện ra cho được, bèn sanh lòng hoan hỷ lớn, tình chẳng tự yên, ma bèn dựa thân, mất trí thành cuồng, dầu có Phật sống hiện thân cứu độ cũng không làm gì được. Hãy nên tự lượng căn tánh, chớ có ham cao xa, đến nỗi cầu được lợi ích lại trở thành tổn hại. Hòa thượng Thiện Đạo nói: “Chúng sanh đời mạt pháp thần thức chông chênh, tâm thô, cảnh tế, quán khó thành tựu. Vì thế đại thánh bi mẫn, riêng khuyên chuyên trì danh hiệu, vì xưng danh dễ dàng, niệm Phật liên tục bèn được sanh.” Thật chỉ sợ có kẻ chẳng khéo dụng tâm đến nỗi lạc vào ma cảnh, hãy nên tự suy xét tường tận. Lại nữa, chí thành khẩn thiết chính là pháp mầu nhiệm để tiêu trừ sự vọng động, bộp chộp, ma cảnh, hãy nên tận tâm dốc sức mà hành thì may mắn lắm!

70. Thư trả lời cư sĩ Ngô Hy Chân (thư thứ hai)

Được dự pháp hội Lăng-nghiêm, mừng rỡ, may mắn khôn ngần. Một pháp quán tưởng nếu không hiểu rõ đạo lý, không thông thuộc quán cảnh, tâm vọng động mong gấp đạt được, không có chí vững vàng chẳng dời, ắt sẽ



bị tổn hại nhiều, lợi ích ít. Còn về thật tướng niệm Phật chính là diệu hạnh theo đường lối thông thường của hết thầy pháp môn trong cả một thời giáo hóa của đức Phật. Như pháp chỉ quán của tông Thiên Thai, pháp tham cứu hướng thượng của nhà Thiền đều là nó cả, tức là niệm đức Phật thiên chân²⁰⁹ nơi tự tánh vậy. Kinh Lăng-nghiêm thật sự là pháp niệm đức Phật nơi thật tướng thiết yếu nhất. Lại như trì danh niệm Phật, quyết chí cầu sanh Cực Lạc là vô thượng đại giáo, sao có thể nói gì cho được? Mới thoát đầu mà đã nêu bày cái tâm, biện định cái thấy, thì chỉ e coi vọng là chân, hiểu lầm tin tức. Đợi đến khi ngộ rồi hãy chỉ bày *ấm, nhập, giới, đại* đều là Như Lai tạng diệu chân như tánh, bèn biết pháp nào, sự nào cũng đều thuộc thật tướng. Đã ngộ thật tướng thì trọn chẳng thể tìm được cái tướng của *ấm, nhập, giới, đại*, mà *ấm, nhập, giới, đại* bày ra la liệt cũng chẳng ngại gì. Hai mươi lăm pháp viên thông đã dạy đó, ngoại trừ pháp viên thông của ngài Thế Chí là pháp dạy thẳng vào trì danh và kiêm cả ba pháp niệm Phật kia, những pháp khác đều là pháp môn niệm thật tướng Phật. Còn như nhân quả của bảy đường²¹⁰, địa vị tứ thánh²¹¹, cảnh ngũ ấm ma, không pháp nào chẳng hiển thị duyên do thuận nghịch, mê ngộ lý thật tướng.

Niệm đức Phật nơi thật tướng như thế nói có vẻ dễ

209 Đức Phật thiên chân là tên gọi khác của Pháp Thân.

210 Bảy đường (thất thú): tức là lục thú (nhân, thiên, a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh) và tiên đạo.

211 Tứ Thánh: Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác.

dàng, nhưng tu chứng thật là khó nhất trong những điều khó. Nếu không phải là bậc Đại sĩ tái lai, ai có thể tự chứng ngay trong đời này? Do khó như vậy nên đặc biệt khuyên nhủ, khen ngợi pháp trì danh niệm Phật. Hiểu rõ điều này rồi mà vẫn muốn cậy vào tự lực để đoạn hoặc chứng chân, khôi phục tâm tánh vốn có, chẳng chịu sanh lòng tin, phát nguyện, chấp trì Phật hiệu cầu sanh Tây Phương, quyết chẳng có lẽ ấy! Do thật tướng trọn khắp hết thấy pháp, một pháp trì danh là một đại pháp môn “sự chính là lý, tuy cạn mà sâu, tu chính là tánh, tâm phàm phu chính là tâm Phật” vậy. Do trì danh biết được thật tướng ngay nơi thể, lợi ích ấy rộng sâu. Ngoài cách trì danh, cứ chuyên tu thật tướng thì trong vạn người khó được hai, ba kẻ thật chứng; nếu được quả báo như Tô Đông Pha, Tăng Lỗ Công, Trần Trung Tú, Vương Thập Bằng v.v. vẫn còn là bậc thượng. Một sự liễu sanh thoát tử há có thể dùng chí to, lời lẽ lớn lao để hoàn thành được ư? Hãy nên tự suy xét cạn kẽ thì biết lý thật tướng chẳng thể không biết, dứt lòng nghiên cứu Lăng-nghiêm thì phàm thánh, nhân quả, mê ngộ, tu chứng dù sự hay lý đều rõ như xem ngọn lửa. Tự lực, Phật lực, trì danh, thật tướng lợi ích lớn nhỏ cũng rõ ràng như xem ngọn lửa. Vì thế, dù là mình hay người, đều mong lấy trì danh để tu thật tướng, quyết chẳng đến nỗi ham cao chuộng xa, bỏ pháp trì danh tu thật tướng khiến cho uống có tâm tu, nhưng chẳng chứng quả.



71. Thư trả lời cư sĩ Ngô Hy Chân (thư thứ ba)

Phật thấy chúng sanh đều là Phật, chúng sanh thấy Phật đều là chúng sanh. Phật thấy chúng sanh đều là Phật nên tùy thuận cơ nghi vì chúng sanh thuyết pháp ngộ hầu chúng sanh tiêu trừ vọng nghiệp, tự chứng cái mình sẵn có. Dẫu cho hết thấy chúng sanh đều chứng được Niết-bàn rốt ráo, Phật trọn chẳng thấy ta là người hóa độ, chúng sanh là kẻ được hóa độ; bởi lẽ họ chính là Phật. Chúng sanh thấy Phật đều là chúng sanh nên 95 thứ ngoại đạo ở Tây Thiên (Ấn Độ) và những nho sĩ câu nệ, hủ bại không ai chẳng tận tâm tận lực hủy báng nhiều cách ngộ hầu Phật pháp loạn diệt, trọn chẳng còn tiếng tăm, dấu tích gì nữa, tâm họ mới vui sướng. Mặt trời rạng ngời giữa hư không, toan dùng một tay bưng bít càng khiến quang minh Phật pháp sáng tỏ, càng phơi bày sự thiển cận, hèn kém của chính mình mà thôi. Kẻ có túc căn do nhân duyên báng Phật, chê Phật, bèn lại quy y Phật pháp, làm đệ tử Phật, thay Phật hoằng dương, giáo hóa; kẻ không túc căn sẽ do nghiệp lực vĩnh viễn đọa trong địa ngục A-tỳ. Đến khi nghiệp báo hết, thiện căn “nghe được danh hiệu Phật trong kiếp xưa” bèn phát hiện; do vậy mới nhập Phật pháp, rồi sẽ gieo thiện căn dần dần đến khi nghiệp tận tình không mới hoàn lại cái mình sẵn có mà thôi. Thật là ơn Phật rộng lớn, sâu xa, không thể nào hình dung được!

Một câu nhiễm vào thần thức, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo. Ví như nghe tiếng cái trống đã bôi thuốc độc, dù xa hay gần đều chết. Ăn chút Kim Cang, quyết

định chẳng tiêu. Sanh được lòng tin như thế thì gọi là chánh tín, ông hãy gắng lên. Thêm nữa, kẻ khéo được lợi ích, không gì chẳng phải là lợi ích, kẻ cam chịu tổn hại thì không gì là chẳng tổn hại. Người đời nay hay cậy vào thế trí biện thông nghiên cứu Phật học, vừa biết chút nghĩa lý liền bảo mình đã đích thân chứng đắc, từ đó tự đặt mình lên cao, miệt thị cổ kim: Đừng nói là người thời nay chẳng thềm để vào mắt, dầu bạc cao tăng mấy ngàn, mấy trăm năm trước đa phần là cổ Phật tái lai hoặc là pháp thân Bồ-tát thị hiện đều bị kẻ ấy coi là tầm thường, chẳng đáng học hỏi. Chưa đắc nói là đắc, chưa chứng khoe đã chứng, nghe lời họ nói cao vượt chín tầng trời, xét cái tâm họ hèn tẻ tụt dưới chín tầng đất. Tập nhiễm như thế phải nên trừ gấp, nếu không sẽ như đựng đê-hồ trong đồ chứa có chất độc, sẽ giết được người.

Nếu có thể niệm niệm quay trở lại soi xét tự tâm thì chẳng những được lợi ích nơi những pháp đức Như Lai đã nói, mà với tảng đá, gạch, ngói, đèn, lồng, trụ trống và tất cả mọi hình sắc, âm thanh khắp cõi đại địa không gì chẳng phải là diệu lý *thật tướng đệ nhất nghĩa đế*. Nói “cổ kim không có ai” há từng mộng thấy, mong hãy tin chắc, gắng sức hành.

72. Thư trả lời cư sĩ Lục Giá Hiên

Chiều hôm qua, cư sĩ Hạc Niên đem đến bản kinh Pháp Hoa do cư sĩ Trang chép, thấy bút pháp của ông ta



cứng cáp, tinh xảo, đẹp đẽ, khôn ngoan khôn phục. Nhưng cách viết của ông ta vẫn còn tập khí của kẻ văn nhân, đối với chuyện lưu thông pháp đạo tội hồ chưa thích hợp. Như tục thể, thiếp thể, biến thể²¹² v.v. là thuận theo thói tề thể tục, lại còn chấp nệ vào cổ thể, như chữ ma (魔) viết thành ma (磨), chữ huyền (懸) viết thành huyền (縣), mã não xa cừ (瑪瑙車渠) viết thành mã não xa cừ (馬腦車渠), trận (陣) viết thành trần (陳) v.v. mắc lỗi trái thời²¹³. Nếu nói phải y theo cổ văn thì lúc này phải theo chánh thể, những chữ viết như vậy đều chẳng thích hợp, mỗi chữ đều phải sửa đổi, không dùng được một chữ viết theo lối cổ nào. Ông Dương Nhân Sơn đả phá những người nệ cổ như sau: “Chữ viết phải theo thời, việc gì cứ phải nệ cổ. Nếu như cứ muốn theo lối cổ thì xin trước hết hãy từ hai chữ nhân (人): người; và nhập (入): vào, mà sửa đổi. Chữ nhân viết theo lối cổ là (𠂇), chữ nhập (入) viết là nhân (人). Nếu nhân và nhập không sửa được thì cần gì phải riêng thay đổi những chữ khác. Vả lại, cổ thể cũng chẳng

212 Tục thể là lối viết thường dùng trong dân gian cho nhanh, không đúng với cách viết chánh thức của chữ Hán, như chữ đăng 燈 viết thành (灯), thiên (遷) viết thành (迁) v.v.. Đặc điểm lớn nhất của tục thể là giản lược nét bút, đôi khi biến cải âm thanh. Đa số chữ tục thể biến thành chữ Hán giản thể hiện thời.

Thiếp thể là lối viết trên các tờ thiếp, bình phong, quạt cho đẹp, mềm mại hơn lối viết cứng cỏi dùng để khắc bia.

Biến thể là cách viết biến đổi tự dạng sao cho thật đẹp, thật bay bướm trong thư pháp, gần với lối chữ thảo.

Nói chung, ba thể loại này khiến người không chú ý dễ đọc sai chữ, hoặc hiểu lầm ý nghĩa, thậm chí không nhận được mặt chữ, nên bị tổ quờ.

213 Sở dĩ nói là trái thời vì thời cổ, các chữ ấy được dùng lẫn nhau không phân biệt. Nay nếu viết theo lối cổ, sẽ gây hiểu lầm; ví dụ chữ ma (魔): ma quỷ khác với ma (磨): mài.

phải là những chữ được chế ra thời Thương Hiệt²¹⁴, không biết biến đổi đến thế nào mới thành ra dạng như vậy!”

Ông đã chuộng cổ hầy nên lấy “trùng văn điều thư”²¹⁵ làm chánh thể thì tôi không còn cách nào chỗ miệng vào được nữa. Nếu không, rốt cuộc là vô sự bèn sanh sự, nhọc nhằn vô ích, sống thời bây giờ lại quay về thời cổ, bậc thánh đã có lời minh huấn. Nếu cư sĩ Trang có chí lưu thông, hầy nên quét sạch tập khí văn nhân, chữ nào cũng tuân theo thời bây giờ. Phàm những lối phá thể²¹⁶, tục thể v.v. đều nhất loạt không dùng, ngô hầu mỗi nét bút, mỗi vạch đều có thể làm khuôn mẫu để khắc in, lưu truyền, khiến cho người khác trông thấy, đọc đến, phát khởi tín tâm. Dù Quang hèn tẻ cũng sẽ làm bài tựa khen ngợi. Bản chép kinh này nên giữ trong nhà hòng làm di niệm cho con cháu đời sau. Thêm nữa, phàm chép kinh, những chỗ giấy xếp²¹⁷ giữa hai trang sách nên đề tên kinh, số quyển, số trang để người đọc vừa nhìn vào liền biết ngay. Dẫu có sắp lộn trang cũng xếp lại không khó, sao không theo cách này khiến cho người đời sau xem đến nếu không thông Phật pháp sẽ

214 Thương Hiệt: Theo truyền thuyết, Thương Hiệt là sử quan của Hoàng Đế, ông là người đầu tiên sáng tạo ra chữ Hán.

215 Trùng văn điều thư: chỉ lối chữ Hán theo lối cổ, lối viết ngoằn ngoèo giống như con nòng nọc nên còn gọi là chữ khoa đầu, “trùng văn điều thư” là chữ viết trông giống như con trùng, hoặc vết chân chim.

216 Phá thể là những chữ viết tự sáng chế không tuân theo năm thể loại tục thể, thiếp thể, biến thể, bi thể, cũng như không tuân thủ các loại chữ hành, chân, khải, thảo.

217 Khi xưa chép kinh, chép sách trên một mặt mảnh giấy dài, chép đủ bao nhiêu trang đó sẽ xếp tờ giấy ấy sao cho có mặt có chữ lộ ra ngoài, khâu lại thành sách. Những chỗ xếp giấy giữa hai trang thường có dòng chữ đề tên sách và số trang.



chẳng bị mắc cái vạ điên đảo, lầm lẫn. Mong hãy viết bổ túc vào chỗ giáp trang tên sách, số trang thì công đức chép kinh mới là viên mãn. Quang mục lực không đủ lại thêm không rảnh rỗi, chưa thể xem trọn, chỉ tùy tiện nêu ba bốn chữ trong bản chép ấy, những chỗ khác chưa coi, không thể biết được.

73. Thư trả lời cư sĩ Lưu Trí Không

Hôm qua nhận được thư mới biết bệnh đã lâu nay mới lành, khôn ngăn mừng vui. Sanh tử đại sự, vô thường nhanh chóng. Kẻ nghe đến hoảng sợ không thống thiết bằng người đích thân trải qua, hãy nên phát khởi tâm đại Bồ-đề để dạy người nhà, quyến thuộc và bằng hữu, người quen biết cũ bên ngoài cũng như kẻ hữu duyên thì lợi ích lớn lao vậy. Trong thư ông nói hể niệm Phật gấp thì bị hụt hơi là do ông chưa khéo dụng tâm mà nên nổi. Phàm chuyện niệm Phật phải tùy sức mỗi người, tùy tiện niệm ra tiếng hoặc niệm thầm, lớn tiếng hay nhỏ tiếng, không gì là không được, cứ sao cứ một mực niệm lớn tiếng đến nổi tổn khí mắc bệnh vậy? Chứng bệnh nặng của ông tuy do tổn khí mà ra, nhưng thật ra là vì nghiệp lực từ vô lượng kiếp đến nay biến hiện, do ông tinh tấn niệm Phật nên chuyển hậu báo thành hiện báo (báo trong đời này), chuyển báo nặng thành báo nhẹ. Căn bệnh ấy không biết đã tiêu bao nhiêu tội tam đồ ác đạo mấy kiếp! Phật lực khó nghĩ tưởng, Phật ân khó báo, hãy nên sanh ý tưởng

may mắn, mừng rỡ lớn lao, sanh lòng hổ thẹn lớn lao, sanh lòng tin trong sạch lớn lao, dùng một pháp Tịnh độ để tự hành, dạy người, ngô hầu quyến thuộc trong nhà và hết thảy những ai hữu duyên cùng sanh Tây Phương thì mới chẳng phụ căn bệnh này và Phật vì mình hiện thân vậy. Phổ Đà không cần phải tới, bởi lẽ phí tổn đi về nặng gấp mười lần, ở nhà niệm Phật một là công hạnh dễ tiến, hai là chẳng tốn kém, tốt lắm, hay lắm!

74. Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu

Thưa cư sĩ Chu Mộc! Nhận được thư, biết ông sanh lòng tin trong sạch, muốn quy y Phật pháp. Nhưng quy y Phật pháp thì cần phải dừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, tận lực giữ vey luân thường, tận hết sức mình, sanh lòng tin, phát nguyện, niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Lại còn phải kiêng giết, cứu giúp sanh mạng, ăn chay, nếu chẳng thể ăn chay hoàn toàn thì cũng chớ nên tham ăn là được rồi. Lại nên giữ sáu ngày chay²¹⁸, hoặc thập trai. Nếu không, sẽ trái nghịch với Phật. Nay tôi đặt

218 Sáu ngày chay (lục trai): Còn gọi là nguyên thủy lục trai, tức mỗi tháng ăn chay sáu ngày: mồng tám, mười bốn, rằm, hai mươi ba, hai mươi chín, ba mươi. Theo những kinh trong tạng A-hàm như kinh Tứ Thiên Vương, kinh Tạp A-hàm, kinh Phật Bản Hạnh, luật Thập Tụng, trong sáu ngày này, Tứ thiên vương giáng thế tuần tra nhân gian thiện ác.

Thập Trai: Thập trai chỉ tồn tại trong những truyền thống Phật giáo chịu ảnh hưởng của Phật giáo Trung Quốc, tức là mỗi tháng ăn chay mười ngày để lễ kính một vị Phật hoặc Bồ-tát tương ứng. Mồng một: Định Quang Phật, mồng tám: Dược Sư Như Lai, ngày 14: Phổ Hiền Bồ-tát, ngày 15: A-di-đà Phật, ngày 18: Quán Thế Âm Bồ-tát, ngày 23: Đại Thế Chí Bồ-tát, ngày 24: Địa Tạng Bồ-tát, ngày 28: Tỳ-lô-giá-na Phật, ngày 29: Dược Vương Bồ-tát, ngày 30: Thích-ca Như Lai. Mười ngày chay này đôi khi còn gọi là chuẩn đề thập trai (theo Phật Quang Sơn Đại Từ Điển).



pháp danh cho ông là Trí Mậu, vì tâm tánh như cây cối: do phiền não chướng lấp nên tâm tánh chẳng thể hiện, như cây khô khát. Đã có trí tuệ thì phiền não chẳng sanh, cây tâm tánh cố nhiên sum suê, tươi tốt.

Còn về ngũ giới, hãy tự xét tâm mình, nếu có thể thọ được chẳng phạm thì hãy hỏi Hóa Tam về quy củ thọ giới trước đức Phật, ông ta sẽ dạy cho ông, Quang không viết đầy đủ ra. Đã quy y Phật pháp hãy nên đọc kỹ bộ Văn Sao, hành theo đó, sẽ chẳng đến nỗi bị người tầm thường gây lầm lạc. Còn những chuyện cầu phước báo trong đời sau và luyện đan, vận khí của ngoại đạo để cầu thành tiên v.v., nếu ông thật sự lãnh hội được ý nghĩa của bộ Văn Sao, dù có trăm ngàn ngoại đạo cũng chẳng thể dao động cái tâm ông. Chớ bảo những điều ấy do Quang nói ra chỉ sợ không đủ làm chứng cứ, nên biết rằng Quang chỉ nói dựa theo ý của Phật, Bồ-tát, tổ sư, thiện tri thức, chứ không phải do Quang tự nghĩ ra nói bậy. Mong hãy sáng suốt xét soi thì may mắn lắm thay!

Tâm ông cao như trời, chí hèn như đất, miệng tuy nói “nương theo những gì Quang nói”, nhưng thật ra hoàn toàn dựa theo thiên kiến của chính mình. Pháp môn Tịnh độ chỉ lấy tín làm gốc, tin đến cùng cực thì ngũ nghịch thập ác đều được vãng sanh. Tin chưa tới thì dù là bậc thông Tông, thông Giáo chưa hề đoạn hoặc cũng chẳng có phần! Ông đã không thể thông Tông, thông Giáo, đoạn hoặc chứng chân, cậy vào tự lực để liễu sanh tử, lại không tin Phật lực

chẳng thể nghĩ bàn, tự tánh công đức chẳng thể nghĩ bàn. Nếu có đủ lòng tin chân thành, nguyện khẩn thiết, niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì không một ai không được sanh, pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn viên đốn thẳng chóng vô thượng để liễu sanh tử ngay trong đời này. Nếu còn chưa hiểu rõ phương hướng của pháp môn này, tâm cuồng vọng ham cao chuộng xa bèn nghiên cứu Khởi Tín Luận, Khởi Tín Luận quả thật là cương yếu để học Phật, nhưng đối với kẻ căn cơ kém cỏi và sơ cơ cũng khó được lợi ích nơi luận ấy. Dù nghiên cứu Khởi Tín Luận thông triệt không nghi ngờ, nhưng dụng công vẫn phải nương vào pháp môn niệm Phật cầu sanh thì mới ổn thỏa, thích đáng; huống hồ Pháp Tướng, Thiên, Giáo dù tinh vi, áo diệu, cao sâu, vẫn không thể mong bằng được.

Tâm ông cao như thế, chính là không biết phân lượng của cái cao. Chí ông lại cho rằng mình căn tánh kém yếu, mong chi sanh Tây? Chỉ cần chẳng đọa ác đạo đã rất an ủi rồi! Ông không biết chẳng sanh Tây Phương, tương lai ắt đọa ác đạo, đây chính là trái nghịch lời Phật dạy và những gì đã nói với Quang; sao có thể nói là từ đầu đến cuối phụng hành lời răn dạy, nhất tâm trì niệm Phật Di-đà cho được? Nay đem cái thân của ông hứng lấy thức nghiệp của người, lại không phải là tư cách thượng đẳng, cái chí và tâm ông đã lập ấy thật đáng khiến cho người khác than thở, cười cợt! Ông nên dứt cái lòng cuồng vọng muốn thành bậc đại thông gia, hãy chuyên tâm nghiên cứu những sách thuộc



pháp môn Tịnh độ. Trong Văn Sao, Quang đã nói đầy đủ trong những lá thư gửi cho ông Cao Thiệu Lân hoặc nữ sĩ Từ. Thuận theo những gì đã khai thị, sanh lòng tin, phát nguyện, chẳng vì căn khí của mình hạ liệt bèn đề cao sự vãng sanh là chuyện vượt khỏi sức mình.

Phải thường dù động hay tịnh, lấy một câu Di-đà làm bốn mạng nguyên thân, giữ lòng cư xử phải hợp với tông chỉ “chớ làm các điều ác, vâng làm các điều thiện”. Nếu còn thừa sức thì tùy ý thọ trì, đọc tụng các kinh Đại thừa cũng chẳng trở ngại gì, nên lấy việc chí tâm thọ trì làm gốc, chớ chuyên chú mong gặp được thấu triệt nghĩa lý. Nếu có thể chí thành đến cùng cực sẽ tự thấu triệt giáo lý; nếu cứ muốn thấu triệt trước, chẳng thuận thọ trì đọc tụng, dầu thấu triệt cũng không có lợi ích thật sự, huống hồ thật khó thấu triệt ư? Pháp Tướng, Thiền, Giáo nghiên cứu cả đời cũng khó nắm được chỗ chỉ quy. Dầu được, ai là người có thể chẳng đoạn hoặc nghiệp mà liễu sanh thoát tử? Muốn đoạn hoặc nghiệp, liễu sanh thoát tử, chỉ sợ dù có mộng cũng không thể mộng nổi.

Ông còn chưa đọc kỹ bộ Văn Sao, nên mới nói những lời cao thấu trời thăm, ngô hầu vào được chốn biển rộng. Bộ Văn Sao đã nhiều lần nói đến những sách nên xem và pháp tắc xem kinh, cũng như chỗ khó được lợi ích nơi Pháp Tướng, Thiền, Giáo. Do pháp môn Tịnh độ cậy vào Phật từ lực, các pháp môn khác đều phải cậy vào chính mình, một đẳng là giáo lý thông thường, như kẻ sĩ trong

đời do tư cách bèn làm quan; một đằng là giáo lý đặc biệt như vương tử trong đời, dù có té xuống đất vẫn được hết thầy quan tướng cung kính. Hai thứ pháp môn chẳng thể đem ra đối biện được! Kẻ phàm phu có đủ hoặc nghiệp há nên chẳng cẩn thận chọn lựa ư? Quý lưu thông kinh sách nếu muốn tăng thêm nên làm biện pháp quyên mộ như thế nào ư? Nếu ai có tín tâm có tài lực thì hãy thương lượng với họ, ngô hầu họ giúp đỡ thì cũng được.

Thêm nữa, kinh điển rất nhiều, tâm ông muốn mở rộng môn đình, nhưng ở Trịnh Châu có mấy ai thỉnh! Nên chọn những kinh sách mà người bình thường có thể đọc được, thỉnh về để sẵn. Hãy tính sẵn những sách mà đại đa số người bình thường chưa xem đến, hãy thay họ thỉnh trước thì sẽ giảm được tiền vốn mà cũng chẳng đến nỗi thỉnh về bán không được, tốn tiền nhưng chẳng có lợi ích. Ông tự nói ngày tháng không còn nhiều, thực lực hữu hạn, nên Quang mới nói như thế. Nếu không phải như vậy thì cứ y theo tâm tướng của chính mình mà hành, Quang cũng không miễn cưỡng ông. Làm được một bậc đại thông gia cũng là điều may mắn cho cửa Phật; chỉ sợ ông không thành bậc đại thông gia được, lại tin pháp môn Tịnh độ chẳng tới nơi, cả hai đầu đều hỏng. Đời này tu chút công đức, đời sau nhất định sanh vào nhà phú quý, ông thử chú tâm nghĩ kỹ xem: Người phú quý có mấy ai chẳng tạo nghiệp? Ngày nay vận nước nguy ngập, dân không sống nổi, đều là do những người tu hành không có trí tuệ, đời



sau có phước báo bèn khuấy đảo mà ra. Ông khởi vọng tưởng khó thể cùng tận như thế, muốn chẳng đọa ác đạo, chẳng sanh Tây Phương thì một đời không đọa ác đạo còn may ra, chứ hai đời không đọa thì hiểm lắm.

Phật nói kinh chú rất nhiều, ai có thể trì được hết tất cả? Cổ nhân chọn lấy những thứ trọng yếu gộp thành khóa tụng hằng ngày, buổi sáng thì Lăng-nghiêm, Đại Bi, mười chú nhỏ, Tâm Kinh. Niệm xong bèn niệm Phật bao nhiêu tiếng đó, hồi hướng Tịnh độ. Khóa tối thì kinh Di-đà, Đại Sám Hối, Mông Sơn, niệm Phật hồi hướng. Nay tụng lâm đều muốn giảm bớt công phu, sáng chỉ tụng chú Lăng-nghiêm, Tâm Kinh; khóa tối thì ngày lễ niệm kinh Di-đà và Mông Sơn, ngày chẵn niệm Đại Sám Hối, Mông Sơn. Ông nói Thiền Môn Nhật Tụng kinh chú quá nhiều, không biết ngoài khóa tụng sáng tối còn có phần phụ lục. Cư sĩ tại gia công khóa hoặc chiếu theo Thiền Môn Công Khóa mà hành hoặc cũng có thể tùy ý lập ra, như khóa sáng chuyên niệm kinh Di-đà, chú Vãng Sanh, niệm Phật, hoặc khóa sáng chuyên niệm chú Đại Bi, niệm Phật, khóa tối thì niệm kinh Di-đà, chú Vãng Sanh, niệm Phật, hoặc có người trì kinh Kim Cang cũng được. Bất luận tụng kinh nào, trì chú nào, cũng đều phải niệm Phật bao nhiêu tiếng đó rồi hồi hướng thì mới hợp với tông chỉ tu tịnh nghiệp.

Những điều ông nói chính là thấy khác, nghĩ lệch, dẫu là hảo tâm, nhưng thật ra tâm không có chủ định, bị chuyển theo cảnh. Kinh nào, chú nào chẳng xưng tán công

đức thù thắng? Theo cái tri kiến của ông, hễ xem kinh này ắt phải bỏ kinh kia, trì chú này ắt phải bỏ chú kia, do sức chẳng thể xem hết nên tình thế tất nhiên phải như thế. Như vậy còn được gọi là bậc chân tu hiểu rõ lý hay chăng?

Nói rộng hơn nữa, nếu ông gặp người tham thiền khen ngợi Thiền, chê trách Tịnh độ ắt sẽ theo người ấy tham thiền. Gặp những tông khác như Thiền Thai, Hiền Thủ, Từ Ân²¹⁹, Bí Mật²²⁰, cứ hễ gặp một vị tri thức đề xướng bèn bỏ pháp này tu theo pháp kia, không biết ông thuộc căn tánh nào! Muốn làm bậc đại thông gia pháp nào cũng thông nhưng nghiệp sâu, trí cạn, không làm bậc đại thông gia được, lại gác pháp cây Phật tử lực mang nghiệp vãng sanh ra ngoài, đợi đến lúc lâm chung nếu chẳng tiến vào vạc sôi, lò than, thì chắc cũng đi vào thai lửa, bụng ngựa. Dầu may mắn không mất thân người thì đời này tuy không có chánh trí, nhưng còn có si phước do tu hành. Do hưởng thụ si phước ấy bèn tạo ác nghiệp, một hơi thở ra không hít vào được, bèn vào thẳng tam đồ. Muốn được biết danh hiệu thiên địa, cha mẹ còn không thể, huống gì là biết được pháp môn Tịnh độ nữa ư?

Ông xem bộ Văn Sao của Quang hiểu như thế nào? Phải biết một câu A-di-đà Phật, trì đến cùng cực thì thành Phật vẫn còn dư! Há nên bảo niệm kinh Di-đà, niệm Phật

219 Hiền Thủ là tông Hoa Nghiêm, do ngài Hiền Thủ hoàng dương tông này nên gọi là tông Hiền Thủ. Từ Ân: Tức Pháp Tướng tông hay Duy Thức tông. Tông này do ngài Huyền Trang sáng lập, nhưng đệ tử ngài Huyền Trang là pháp sư Khuy Cơ ở chùa Từ Ân (thuộc kinh đô Trường An đời Đường) cực lực xiển dương nên thường gọi là tông Từ Ân.
220 Bí Mật: Chi Mật tông (còn gọi là Chân Ngôn tông).



chẳng diệt được định nghiệp ư? Phật pháp như tiền, do người khéo dùng, ông có tiền thì làm gì mà chẳng được? Ông chuyên tu một pháp, cầu gì chẳng được? Há cứ khăng khăng trì chú này, niệm kinh này sẽ được công đức này, chẳng được những công đức khác ư? Hãy khéo hiểu lời Quang, tự có thể hiểu rõ một điều thì trăm điều sẽ rõ. Nếu không, dù nói cho nhiều, tâm ông vẫn không có định kiến, có ích gì đâu?

Phàm phu đang mê, tín tâm bất định, nên lúc tin, lúc ngã lòng, lúc tu, lúc tạo nghiệp, cũng do người dạy ban đầu chẳng hiểu đường lối mà ra. Nếu thoát đầu, khởi đầu từ những chuyện nhân quả thiện cận sẽ chẳng đến nỗi có những chuyện mê hoặc, điên đảo như thế. Tội dĩ vãng dẫu cực sâu nặng, nhưng nếu dốc chí nơi chí tâm sám hối, sửa đổi tu tập, dùng chánh tri kiến dốc lòng tu tập tịnh nghiệp, lợi mình, lợi người thì tội chướng như sương tiêu, bầu trời chân tánh rạng ngời. Vì thế kinh nói: “Thế gian có hai hạng người mạnh mẽ: một là không tạo tội, hai là tạo rồi biết sám hối.” Một chữ hối phải từ tâm khởi, tâm không hối thật sự thì nói gì cũng vô ích! Ví như đọc đơn thuốc nhưng không uống thuốc, quyết chẳng mong gì lành bệnh. Nếu có thể theo toa uống thuốc, sẽ được bệnh lành, thân yên. Chỉ sợ lập chí chẳng vững, một ngày nóng mười ngày lạnh, chỉ uống có hư danh, chẳng ích lợi mảy may gì!

75. Thư trả lời cư sĩ X...

Dịch vốn do thánh nhân xem xét hình tượng rồi lập pháp nhằm dạy cho con người cái đạo làm sáng tỏ mình đức, tân dân²²¹, chứ chẳng phải chỉ nhằm để bói tốt xấu mà thôi. Người đời sau học đến, bỏ gốc theo ngọn, Dịch trở thành một nghề khéo, đáng buồn làm sao! Thử xem phần Đại Tượng của mỗi quái (quẻ), lời lẽ thiết thực, tường tận, rõ ràng. Như quẻ Càn thì nói: “Thiên hành kiện, quân tử gắng sức không ngại.” Quẻ Khôn thì là: “Địa thế khôn, quân tử dùng đức dày để chở vật.” Từ những Đại Tượng của 64 quẻ²²², chép thành một bức, có thể dùng làm tiêu chuẩn để lập thân hành đạo. Do những điều ấy có thể kế tục quá khứ, mở mang tương lai, há phải đâu cứ khẳng khẳng biến Dịch thành một nghệ thuật đoán số mạng hồng cầu cơm áo mà thôi? Nếu thấy lời tôi chẳng đủ để thuyết phục, xin hãy thử đọc kỹ phần Đại Tượng của mỗi quẻ, ắt sẽ tự biết, hướng hồ toàn văn của mỗi quẻ và toàn văn của cả bộ Dịch vậy. Dịch chính là cội nguồn của thánh đạo, vì thế Khổng tử đọc kinh Dịch đến nổi ba lần đứt lẽ sách, đến tuổi bảy mươi còn mong trời cho sống thêm

221 Tân dân: Tuy mặt chữ viết là thân dân (親民) nhưng phải đọc là “tân dân”, vì thời cổ tân 新 và thân 親 dùng lẫn nhau. Thông thường, “tân dân” được hiểu là làm cho dân bỏ cũ đổi mới, tức là bỏ điều ác hướng đến cái thiện.

222 Quẻ (quái): Kinh Dịch dùng một vạch liền tượng trưng cho dương, một vạch đứt tượng trưng cho âm (âm và dương gọi là lưỡng nghi). Chồng hai vạch lên nhau, ta có được bốn tượng (hai vạch liền, đứt trên liền dưới, hai vạch đứt, liền trên đứt dưới) đặt tên là thái dương, thiếu dương, thái âm, thiếu âm (gọi chung là tứ tượng). Chồng mỗi vạch âm hay dương lên bốn quẻ này ta có được tám quẻ (gọi là bát quái). Lần lượt chồng tám quẻ ấy lên nhau, ta có được 64 quẻ kép. Chẳng hạn như quẻ Càn trên, quẻ Khôn dưới thì gọi là thiên địa bi. Đối với mỗi quẻ, lại có lời giải thích ý nghĩa của từng quẻ, thường gọi chung là các “đại tượng”.



vài năm để học Dịch hòng tránh được lỗi lớn. Tự gắng sức không ngơi, dùng đức dày chở vật là như thế nào vậy? Xin hãy suy nghĩ cặn kẽ, sâu xa thì may mắn lắm thay!

76. Thư trả lời cư sĩ Hoàng Trí Hải

Nhận được thư biết ông tu trì nghiêm mật, mừng vui vô cùng. Người đã ngoài năm mươi tuổi lại thêm công chuyện đa đoan, chỉ tốt nhất là chuyên tu tịnh nghiệp. Nếu cứ nghiên cứu tràn lan, sợ rằng chẳng thể thông suốt kinh luận, tịnh nghiệp đâm ra trở thành chuyện phụ. Nói đến sự phân biệt giữa tánh, tâm và ý, thì tâm đa phần là ước theo thể mà nói, ý chính là niệm lự, tức là dụng của tâm. Tánh chính là luận trên phương diện bản thể không biến động của tâm. Nếu nói chung chung thì tâm và tánh có thể dùng lẫn cho nhau, nhưng ý thì chỉ có thể chỉ cho niệm lự mà thôi. Nhưng tâm có chân tâm và vọng tâm, nếu ước theo thể thì tâm chỉ chân tâm, vọng tâm cũng thuộc về niệm lự, tức là vọng niệm nơi tâm thể vậy. Bốn giáo Tạng, Thông, Biệt, Viên chính là Như Lai thuận theo căn cơ của chúng sanh nói ra những pháp phù hợp. Do có những nghĩa ấy nên ngài Trí Giả dựa theo ý nghĩa mà lập ra những tên gọi ấy.

1) Tạng giáo là vì căn tánh Tiểu thừa, nói ra ba tạng Kinh, Luật, Luận, do đó gọi là Tạng giáo. Đại thừa cũng có ba tạng, ở đây chỉ nói riêng về Tiểu thừa.

2) Thông giáo là Đại thừa sơ môn, do căn tánh bất đồng, độn căn thông với Tạng giáo ở trên, lợi căn thông với Biệt giáo, Viên giáo ở phần sau, nên gọi là Thông giáo.

3) Biệt là khác biệt, giáo này là pháp để dạy riêng cho Bồ-tát. Tất cả giáo, lý, trí đoạn, hạnh, vị, nhân quả, mỗi mỗi đều khác biệt, chưa thể viên dung bao gồm lẫn nhau như Viên giáo, nên gọi là Biệt giáo.

4) Viên là viên mãn, viên dung. Do pháp nào cũng viên dung, pháp nào cũng trọn đủ, nên gọi là Viên giáo. Giáo này là Phật pháp tối thượng, do đức Phật đem những lý chính mình đã ngộ, đã chứng, giảng cho hết thầy đại căn Bồ-tát. Hãy xem Giáo Quán Cương Tông²²³ sẽ tự biết được nghĩa ấy. Nếu muốn dùng bút mực để trình bày rõ, chẳng những quá tốn công lại còn chẳng bằng xem sách ấy tự hiểu vậy.

Chúng sanh đời mạt căn cơ mỏng ít, muốn được lợi ích chân thật nơi giáo nghĩa Thiên tông hết sức khó khăn, chỉ có pháp môn Tịnh độ là nương cậy được. Hãy thử xem cái chết của Hiễn Ấm²²⁴ kém xa những kẻ ngu phu, ngu

223 Giáo Quán Cương Tông là tác phẩm của ngài Trí Húc Ngẫu Ích (1599-1655) soạn vào đời Minh, được xếp vào quyển 43 của *Đại chánh tân tu đại tạng kinh*, trình bày đại lược những giáo nghĩa trọng yếu của tông Thiên Thai. Do nhận thấy cuốn Thiên Thai Tứ Giáo Nghi của tổ Trí Giả giảng về cách tu hành chỉ quán quá đại lược, nên tổ soạn thêm cuốn này để xiển dương giáo nghĩa ấy.

224 Hiễn Ấm (1902-1925), người xứ Sùng Minh, tỉnh Giang Tô, tự là Đại Minh, đệ tử xuất gia của ngài Đế Nhân, thiên tư thông minh, học thông Tam tạng, giỏi nhất là về mật từ chương. Năm Dân Quốc 12 (1923) cùng với Bao Thừa Chí qua Nhật Bản học Mật tông tại Thiên Đức viện ở núi Cao Dã, được truyền quán đảnh. Năm Dân Quốc 14 quay



phụ, những gì Hiển Âm biết được, kẻ ngu phụ, ngu phụ không sao mong bằng được, nhưng những gì kẻ ngu phụ, ngu phụ đạt được, Hiển Âm lại không sao mong bằng được. Chính là như Quang đã nói: “Tánh thủy lặng trong, do phân biệt bèn xao động, đục ngầu, sóng thức bữa giăng, nhờ Phật hiệu bèn ngừng lặng.” Do vậy, thượng trí chẳng bằng hạ ngu, khéo quá biến thành vụng to. Xin cư sĩ hãy chuyên chí tịnh nghiệp, đừng ham mộ chuyện tông thông, thuyết thông, ngõ hầu chuyện liễu sanh thoát tử chẳng bị biến thành bánh vẽ.

Ông Chu Đức Quảng ngày mồng hai tháng hai, ngôi niệm Phật qua đời, không có tâm tình bi luyến, vẻ mặt vui vẻ, ắt vào thẳng Liên Bang, làm đệ tử Phật Di-đà vậy. Năm ngoài ông Chu sanh bệnh, phát nguyện dùng một vạn đồng mình đã để dành dùng làm điều thiện. Nhân đó, đem bảy ngàn đồng giao cho Quang, ba ngàn bốn trăm đồng dùng in Đại Sĩ Tụng một vạn bộ, một ngàn sáu trăm đồng in bộ Bất Khả Lược²²⁵, hai ngàn đồng để in bộ Tăng Quảng Văn Sao mới san định xong, còn dư ba ngàn đồng làm những thiện sự khác. Bốn người con ông Chu đều không dư giả lắm, nhưng có thể đem tiền cha đã để dành vì cha làm công đức, chẳng chịu dùng tiền đó để tự mình

về Thượng Hải, Hàng Châu truyền thọ Mật pháp, nổi danh một thời, nhưng cũng thị tịch ngay trong năm ấy, chỉ thọ 24 tuổi

225 Bất Khả Lược chính là bộ Thọ Khang Bảo Giám, nội dung khuyên nên tiết chế sắc dục, cũng như nêu những chuyện phước báo do biết chế ngự sắc dục, những ngày tháng nơi chỗ, dịp nào, vợ chồng không nên chung đụng để khỏi bị tổn hại v.v..

xài, cũng đáng nói là đã làm được chuyện khó làm vậy.

Mong ông chuyên chí nơi Tịnh tông, đừng bị lay động bởi thuyết “thành Phật ngay nơi thân này” của Mật tông. Thành Phật ngay trong thân đời này chính là lý tánh, chứ không phải là sự thật. Nếu hiểu là sự thật thì Tây Tạng, Đông Dương (Nhật Bản), Phật nhiều vô kể, đừng nói chi là hạng bình dân, ngay cả tâm hạnh, hành vi của Ban Thiền²²⁶ còn chưa có phong thái của Phật, huống gì bảo là thành Phật được ư? Vì ông ta nhằm lúc dân không lẽ sống, vẫn chẳng biết tiếc thương xương máu của bá tánh, mặc tình bày vẽ hao phí, tiền lọt đến tay quý như tánh mạng, chẳng có mảy may ý niệm từ bi hỷ xả. Hiễn Ẩm tự khoe mình đắc chánh truyền nơi Mật tông, bảo Phật pháp truyền sang Đông đến Trung Quốc, chỉ có mình giáo lý của đại sư Hoằng Pháp²²⁷ là viên diệu, thường chê bai tổ sư các tông

226 Ban Thiền (Panchen Lama): là vị lãnh tụ tôn giáo đứng hàng thứ hai của Tây Tạng sau Đại-lai Lạt-ma. Khi Đại-lai Lạt-ma đời thứ năm (Ngawang Lobsang Gyatso) thống nhất Tây Tạng, ông đã phong cho thầy mình là Lobsang Chokyi Gyatsen tước vị Panchen Lama và truy tặng lên đến ba đời trước đó. Do vậy, Lobsang Chokyi Gyatsen được coi là Ban Thiền Lạt-ma đời thứ tư. Ban Thiền có nghĩa là “đại trí tuệ, đại học giả”. Ông này được coi là hóa thân của vị đệ tử thứ tư (tức Kherabje) của tổ Tông Khách Ba (Tsong Khapa) thuộc Hoàng Giáo (Gelugpa) Tây Tạng. Vua Thuận Trị nhà Thanh phong cho Ban Thiền tước hiệu Bắc-khắc-đa (Bắc-khắc-đa là tiếng Mông Cổ, có nghĩa là Duệ Trí Anh Vũ). Đến đời Ban Thiền thứ năm, lại được Thanh Thánh Tổ (Khang Hy) phong thêm hiệu Ngạch-nhĩ-đức-ni (Erdeni), nghĩa là Quang Hiễn. Ban Thiền thường được coi là hóa thân của Phật A-di-đà vì Đại-lai Lạt-ma thứ năm tự xưng là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ-tát. Ban Thiền đời thứ chín do bất hòa với Đại-lai nên chạy sang Trung Quốc sống ở Bắc Kinh, đến năm 1935 theo lời mời của Đại-lai thứ 13 mới trở về Tây Tạng, nhưng mất trên đường về. Vị Ban Thiền được tổ Ấn Quang nhắc đến ở đây xét theo niên đại chính là vị Ban Thiền thứ chín.

227 Đại sư Hoằng Pháp (Kobo Dashi 774-835): Khai tổ Chân Ngôn tông Nhật Bản. Sư xuất gia năm 12 tuổi tại Hòa Tuyên Trấn Vi Sơn Tự, pháp danh là Giáo Hải, sau đổi là



phái Trung Quốc, đều chê họ chẳng được chánh truyền như đại sư Hoằng Pháp, nhưng lúc chết rồi cuộc trở thành kẻ nghiệp thức mịt mờ, không có cội gốc gì để nương cậy. Ông ta đã thành Phật ngay nơi thân này, sao kết quả lại như thế? Mong ông hãy thấu hiểu thì may mắn lắm!

Tâm Bồ-tát ví như thái hư, không gì chẳng bao gồm, muốn lợi ích chúng sanh làm đủ mọi phương tiện, trước hết dùng dục để lôi kéo, sau dạy họ nhập Phật trí, chớ nên dùng tri kiến phàm phu để suy lường xằng bậy, bởi các ngài đã chứng pháp nhãn, trọn không còn ta người, chỉ muốn nhiếp thọ hết thảy chúng sanh vào trong biển pháp đại giác của Như Lai. Nếu so lường, suy tính sẽ thuộc về tình kiến, chẳng thể ngầm khế hợp với đạo vô nhân ngã cho được. Nói các ngài bố thí đầu, mắt, tủy, não là thật, còn như nói bố thí kỹ nữ, thể nữ v.v., bất quá nhằm diễn tả

Như Không, thọ cụ túc giới ở chùa Đông Đại năm 14 tuổi, được đổi tên là Không Hải. Năm 15 tuổi, trong mộng từng cảm được kinh Đại Nhật, nhưng chưa giải ngộ. Năm 23 tuổi, vượt biển sang Trung Hoa, được thọ pháp Mật tông nơi A-xà-lê Huệ Quả chùa Thanh Long, được quán đánh làm A-xà-lê, mật hiệu Biển Chiều Kim Cang. Năm Đại Đồng nguyên niên (806), sư trở về Nhật Bản, giảng kinh Đại Nhật ở chùa Cửu Mê thuộc Kinh Đô (Kyoto), cực lực hoằng dương Mật tông, biện luận khuất phục các vị Đạo Hùng của Hoa Nghiêm tông, Viên Chứng của Thiên Thai tông nên được triều đình cho phép hoằng dương Mật giáo rộng khắp nước Nhật. Ngài từng truyền thọ Mật pháp Kim Cang Giới cho các vị Tối Trừng (tổ dòng Thai Mật), Hòa Khí, Chân Cương v.v.. Năm Hoằng Nhân thứ bảy (817), sư được vua ban cho Cao Dã Sơn để kiến lập đạo tràng, được ban hiệu là pháp sư Truyền Đăng. Năm thứ 14, vua ban chiếu công nhận Cao Dã Sơn là đạo tràng vĩnh cửu của Mật tông. Sư nhập diệt năm Thừa Hòa thứ hai (835), thọ 62 tuổi. Những trước tác quan trọng nhất Biện Hiển Mật Nhị Giáo Luận, Bí Tạng Bảo Thước, Thập Trụ Tâm Luận, Tức Thân Thành Phật Nghĩa, Thanh Tự Nghĩa, Hồng Tự Nghĩa, Bát-nhã Tâm Kinh Bí Kiện (những tác phẩm này được coi là cơ sở lý luận kinh điển cho Chân Ngôn tông Nhật Bản), Phó Pháp Truyền, Ngự Di Cáo, Đại Tất Đàm Chương, Triện Lệ Vạn Tượng Danh Nghĩa, Văn Bút Nhân Tâm Sao, Tánh Linh Tập v.v..

rộng cái tâm Bồ-tát, chớ vì lời hại ý²²⁸. Nếu chấp chết vào từ ngữ để hiểu đoạn văn “kỹ nữ đầy khắp a-tăng-kỳ thế giới” thì sẽ an trí họ nơi đâu? Điều này nhằm hiển thị Bồ-tát trong ngoài đều bỏ được, trọn chẳng tham tiếc. Trong là đầu, mắt, tủy, não; ngoài là quốc thành, vợ, con, chẳng sanh tham đắm một pháp nào, vì thế trong sanh tử riêng ngài được giải thoát.

Những kẻ nhận bố thí, được nguyện lực của Bồ-tát nhiếp trì sẽ ngay trong lúc ấy hoặc vào đời sau không ai chẳng tự hưởng lợi ích liễu sanh thoát tử. Như vua Ca-lợi²²⁹ cắt chặt thân thể [của tiên nhân Nhãn Nhục], về sau thành người được độ đầu tiên tức ngài Kiều-trần-như. Tâm đại Bồ-đề lượng như thái hư sao có thể dùng tiểu tri tiểu kiến của phàm phu để dò lường cho được? Phải biết: phàm phu chưa đắc pháp nhãn trong tâm hãy nên kính mộ đạo Bồ-tát, nhưng hành động nên học theo những lý thông thường của phàm phu. Nếu không, bèn đối với việc trụ trì pháp đạo rất có thể bị phương ngại. Nếu chưa chứng Vô sanh pháp nhãn tức là chưa trụ trì pháp đạo, cũng chẳng nên

228 Ý nói chớ hiểu lầm văn tự, đến nỗi không hiểu được ý nghĩa chân thật của kinh.

229 Vua Ca-lợi (Kalingarā) là một vị vua trong kiếp quá khứ của Phật, đời chỗ còn phiên âm là Yết-lợi vương, Ca-lăng-già vương, Yết-lăng-già vương, hoặc Già-lam-phù vương, hoặc dịch nghĩa là Đấu Tránh vương, Ác Sanh vương, Ác Thế vương, Ác Thế Vô Đạo vương. Thuở quá khứ, Phật là một vị tiên nhân tu Nhãn Nhục, ông vua này ác nghịch vô đạo. Một hôm, vua rời cung du hành. Khi vua ngủ, các thị nữ bỏ đi chơi, gặp vị tiên nhân đang tọa thiền bên ngồi lại nghe pháp. Vua tỉnh giấc, đi tìm, thấy vậy, ghen tức, sai người chặt chân tay tiên nhân. Tiên nhân vẫn không sân hận, lại còn thể khi thành Phật sẽ độ vua này trước. Vị tiên nhân khi ấy nay là Phật Thích-ca, vua Ca-lợi là ngài Kiều-trần-như.



học theo những chuyện bỏ đầu, mất, tủy, não v.v. của Bồ-tát, bởi sức mình chưa đủ, chẳng kham nhẫn chịu được, dù mình hay người đều không ích lợi gì. Phạm phu phải hành theo những gì mình có thể làm thì mới nên.

77. Thư trả lời cư sĩ Phan Đối Phù

Trước kia đại mộng chưa tỉnh, nên có xung đột, không ngăn hổ thẹn! Nay tỉnh mộng rồi, vốn chẳng muốn nói năng chi, nhưng sợ các hạ có chỗ chưa thấu tỏ nên phải bèn trình bày đại lược. Mạnh tử nói: “Có tiếng tăm không ngờ tới, ắt sẽ bị cái vạ chê trách cầu toàn.” Mạnh tử nói lời ấy hết sức xác đáng, nhưng chưa nêu rõ được nguyên do. Phật nói hết thảy lợi, suy, đề cao, hủy báng, khen ngợi, chê trách, khổ, vui, mỗi điều đều có nhân trước đây nên hiện thời chịu quả. Hiểu rõ điều này thì chỉ nên tự sám hối tức nghiệp, hơi đâu oán trách người khác. Vì vậy, quân tử trên chẳng oán trời, dưới chẳng hờn người, hễ phú quý bèn sống theo phú quý, hễ bần tiện bèn sống theo bần tiện, hễ sống nơi mọi rợ bèn sống theo lối mọi rợ, gặp hoạn nạn bèn thuận theo hoạn nạn, được sung ái bèn sợ, bị nhục chẳng oán, cảnh nghịch xảy đến bèn thuận theo, không gì chẳng tự tại tiêu dao.

Bài truyện ấy²³⁰ viết vào năm Dân Quốc thứ mười ba (1924), ông ta ở công ty Duyệt Lai tại Thanh Đảo, gửi thư cho Quang, chứ quả thật chưa gửi tác phẩm đến, Quang cực lực chê trách, bảo ông ta hãy hủy bản thảo đi. Đến tháng

230 Bài Ấn Quang Pháp Sư Truyện do Mã Khế Tầy viết.

tư năm nay, ông ta đem cuốn Niên Phổ do mình soạn đưa cho Quang xem. Trong phần Niên Phổ năm Dân Quốc thứ mười ba (1924) có chép đoạn văn ấy. Quang xé nát bài truyện ấy, cực lực quở trách, bảo ông ta là người như thế nào mà lại tự soạn Niên Phổ, cố sao lại bịa chuyện hãm Quang vào cái tội cực đại “đem phàm lạm thánh, miệt thị những bậc tri thức Tông, Giáo và những bậc hiền sĩ, đại phu trong thiên hạ”, bảo ông ta vĩnh viễn không được chép nữa! Đến tháng tám, do thúc giục nhà in ấn loát bản Quán Âm Tụng, đến đất Thân (Thượng Hải), từ nơi chỗ bè bạn, trông thấy bản văn của ông ta được in đầu²³¹, Quang đem về xé đi. Khi ấy, ông ta cũng đang ở nhờ chùa Thái Bình, tôi bảo ông ta: “Ông xứng tụng Quang như thế này, thật còn hơn cầm dao giết Quang trăm ngàn vạn lần, chớ nên lưu truyền”, không ngờ bài ấy đã sớm gởi cho tờ Hải Triều Âm²³² đăng báo rồi!

Đến khi các hạ gởi bài tới, Quang vẫn cho rằng mới in chưa lâu, vẫn còn có thể thu thập được, cho nên mới bảo Ủy Như khuyên các hạ tận sức thiêu hủy, mới là yêu thương tôi thật sự. Lại bảo những tờ lâm san²³³, nguyệt san của Thượng Hải Cư Sĩ Lâm, Tịnh Nghiệp Xã đăng bài

231 Du ấn: Một lối in dùng mực pha dầu để in, ta thường gọi là quay ronéo.

232 Hải Triều Âm là tờ tạp chí Phật giáo trừ danh do đại sư Thái Hư, Tướng Tác Bảo, Trần Nguyên Bá, Hoàng Bảo Thương v.v. sáng lập. Thoạt đầu báo có tên là Giác Xã Tùng Thư, ra số đầu vào tháng 11 năm Dân Quốc thứ 7 (1918), cứ ba tháng ra một số, đăng tải những bài nghiên cứu và hoằng dương Phật pháp. Sau khi phát hành được năm kỳ bèn đổi thành nguyệt san và đổi tên là Hải Triều Âm. Tờ báo này hiện vẫn còn đang phát hành tại Đài Loan.

233 Lâm san: Tạp chí của Cư Sĩ Lâm.



thanh minh kéo người không biết tưởng ông ta thuận theo ý Quang mà viết bài đó. Đến khi các hạ gởi thư tới mới biết chẳng thể thu thập, bèn ngộ được sự lý của những lời Mạnh tử, Tử Tư²³⁴, Phật đã nói, trong tâm không còn bận lòng về chuyện ấy nữa. Ấy là do túc nghiệp sai khiến, chỉ có thể oán đời trước ít chịu vun bồi, hơi đâu oán ông ta tạo lời đồn đãi xằng bậy. Đối với hành động ấy của Mã Khế Tây, và đối với hết thấy cảnh trước, Quang đều chẳng bận lòng nghĩ đến, may ra trở lại được với thiên chân của chính mình, rốt cuộc chẳng thẹn với tâm mình thì nhân họa bèn được phước, thật là may mắn lắm.

Các hạ in truyện ấy tùy ý các hạ, đốt đi cũng tốt, vứt đi cũng xong. Nếu như lòng thật yêu thương tôi, xin hãy đem những lời tôi khuyên răn ông ta trình bày tóm tắt độ vài trăm chữ in vào phần giấy trắng ở mặt trong bìa sách, ngõ hầu người không biết khỏi bắt chước theo thì càng tốt, chứ hoàn toàn chẳng phải nhằm rửa sạch lời vu báng ấy để khỏi bị người khác thóa mạ. Vì sao? Người ta thóa mạ càng nhiều, Quang được lợi ích càng sâu, bởi Quang không tự làm, lại bị thóa mạ, bèn được tiêu nghiệp chướng, tăng phước tuệ, như trong phần thứ mười sáu của kinh Kim Cang đã nói. Quang sức lực suy nhược, bận rộn nhiều việc, đến nỗi công phu tịnh nghiệp xao nhãng thật đáng thẹn. Do nhân duyên này, chẳng tu mà được lợi ích, may mắn nào hơn!

234 Tử Tư chính là cháu của Khổng tử, ông tên thật là Khổng Cấp. Tương truyền, Mạnh tử học đạo với ông này.

78. Thư gửi cư sĩ Nhiếp Vân Đài

Nhận được lời của ngài khôn ngoan khâm phục, các hạ đã tiếp thừa được tâm pháp của Văn Chánh Công²³⁵, vì thế có thể thoát ly tập khí phú quý, vui theo cái thiên chân của chính mình, chẳng bị vật chuyển. Còn như cuốn sách của ông X... nọ quả thật là diệu pháp để chấn hưng tình thế suy đồi, chỉ e ông X... nọ không có chí hướng ấy thì trọn chẳng có ích lợi gì. Nhưng phổ biến cho mọi người xem, ắt có người chịu hành theo. Trộm nghĩ nếu thúc đẩy nhân duyên đến cùng cực ắt có thể làm thánh, làm hiền, sẽ là bài văn chí lý để cứu thế; do sách ấy sẽ biết được đạo nhân quả thật sâu, thật xa.

Ông ta cho nhân quả là quyền tiếm Tiểu thừa, toàn là nghe lỏm nói mò đó thôi. Quang thường nói: “Nhân quả là phương tiện lớn lao để bậc thánh nhân thế gian lần xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Trong thời thế hiện tại, nếu chẳng đề xướng nhân quả, báo ứng, dẫn Phật Bồ-tát, thánh hiền cùng xuất hiện trong đời cũng chẳng làm gì được!” Lại nói: “Khéo dạy con cái là cái gốc để bình trị thiên hạ, nhưng dạy con gái là quan trọng nhất.” Lại nói: “Quyền trị quốc bình thiên hạ, hàng nữ nhân chiếm quá nửa.” Đời ít hiền nhân là vì thế gian thiếu hiền

235 Văn Chánh Công là thụy hiệu của danh thần Tăng Quốc Phiên đời Thanh. Nhiếp Vân Đài chính là cháu ngoại của Tăng Quốc Phiên. Ông Tăng học rộng, văn chương tinh áo, có tài chính trị, cùng với Lý Hồng Chương, ông đã tích cực dẹp yên nội loạn dưới thời vua Quang Tự. Những trước tác của ông được tập hợp thành bộ Tăng Văn Chánh Công Toàn Tập rất nổi tiếng.



nữ! Có hiền nữ ắt có hiền thê, hiền mẫu vậy; có hiền thê, hiền mẫu mà chồng, con người ấy chẳng hiền cũng hiếm hoi lắm.

Trường học đề xướng nam nữ bình quyền, thật là chẳng biết thời thế. Phải biết, nam có nam quyền, nữ có nữ quyền, giúp chồng dạy con chính là thiên chức của người nữ, quyền ấy cực lớn. Chẳng thấu hiểu điều đó, cứ đề xướng phụ nữ tham dự chánh trị là bình quyền, đúng là không phân đen, trắng, tạo thành mối loạn. Ngu kiến của Quang là như vậy đó, không biết các hạ có chấp nhận hay không? Nếu không quá sai lầm, trái nghịch, dám mong các hạ hãy ra sức phát huy rộng rãi điều này, cũng là một phương cách hỗ trợ cho thế đạo chưa hẳn là không thể văn hồi được.

79. Thư trả lời cư sĩ Kiều Trí Như

Phàm nhân làm việc phải nghiêm túc làm, chớ nên qua quýt, tắc trách, hướng chi đệ tử Phật làm người giáo hóa trong nhà tù, có cái tâm cảm hóa con người, mang trách nhiệm thành tựu chánh khí. Sách Luận Ngữ nói: “Quân tử chẳng nghĩ ra ngoài địa vị.” Đã nhận lãnh chức ấy ắt phải đặt nặng chuyện mong mỗi tù nhân sửa đổi tấm lòng, nhận lãnh sự giáo hóa thì công đức ấy lớn lắm.

Ông nói ba vị nữ cư sĩ muốn quy y, hãy bảo họ nên ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, chẳng được cầu phước báo trời người trong đời sau, cần phải đừng làm các

điều ác, vâng làm các điều lành, kiêng giết, cứu vớt sanh mạng, khéo dạy con cái. Con cái tuy còn nhỏ, vạn phần chẳng được để chúng nó mặc tình quen thói kiêu ngạo, thường phải nói chuyện nhân quả báo ứng cho chúng biết, khiến cho trong tâm chúng thường mang lòng kính sợ, tự nhiên chẳng đến nổi mai sau làm chuyện thương thiên tổn đức.

Chuyện đề xướng nhân quả báo ứng ấy và khéo dạy con cái chính là căn bản pháp luân khiến thiên hạ thái bình. Đối với hết thảy mọi người đều nên dùng điều này để khuyên lớn, chứ chẳng riêng gì nữ nhân. Bà Trần Ngô Thị pháp danh là Chí Thanh, bà Khang Kim Thị²³⁶ pháp danh là Chí Tịnh, bà Nghê Khang Thị pháp danh là Chí Trùng, nói chung thể hiện ý chí là khỏi thế giới trước ác này, sanh về cõi Phật thanh tịnh kia mà thôi. Mong ông gửi thư đến họ, nói kèm ý cầu chúc của Quang, khiến họ trở thành người chân thật tu hành, cũng như dạy con cái tu hành, ngõ hầu chẳng thẹn với đại sự quy y Phật pháp vậy. Thiên hạ trị hay loạn là do sự rèn luyện trong gia đình có đạo đức hay không, căn bản ấy là điều nghị luận thiết thực vậy.

80. Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên

Nhận được thư biết pháp môn Tịnh độ ở quý địa do

236 Đây là cách nói quen thuộc của người Trung Quốc thời xưa, khi đã có chồng không gọi tên tục (nhũ danh) mà gọi ghép họ chồng và họ mình. Khang Kim Thị nghĩa là bà Kim vợ ông họ Khang.



chính các hạ đề xướng khiến được thịnh hành, tôi lấy làm an ủi lắm. Quang chỉ uống phở trương hư danh, chẳng có may mắn đức hạnh thật sự gì! Nhưng muốn người khác được ích lợi nên vờ phở trương thanh thế, dẫu tổn hại mình, nhưng có ích cho người khác cũng vui lòng. Như nói đến quả mơ miệng thấy chua, nghĩ đến vách đá, chân thấy run; tuy không phải là chuyện thật, nhưng người ta khởi tâm ấy cũng không phải là vô ích. Các hạ toan bắt chước chuyện cũ ở Từ Giác, thật là khiến cho Quang hổ thẹn không còn chỗ nào lánh được, Quang còn mong gởi đi 20 bộ Văn Sao, mong ông gởi cho những ai hữu duyên, cũng như giữ trong thư viện để người ta xem đọc lâu dài.

Lại như nay đề xướng Phật học, nên chuyên trọng pháp môn Tịnh độ và nhân quả báo ứng, dạy người dự vào liên xã ai nấy đều phải kiêng giết, cứu vật, ai nấy khéo dạy con cái. Đất nước hoang loạn do thiếu người hiền, nguyên nhân là do trong gia đình không khéo dạy mà ra, trong sự giáo dục gia đình thì sự giáo dục của mẹ lại càng khẩn yếu. Vì thế, dạy dỗ con gái lại càng quan trọng hơn dạy con trai, có gái hiền ắt có vợ hiền, mẹ hiền. Con người lúc nhỏ có mẹ hiền, lớn lên có vợ hiền, muốn chẳng thành người hiền cũng không được. Đây là “gốc chánh nguồn trong” để mong cầu thái bình yên ổn vậy, mong các hạ lúc đề xướng Phật học, hãy ra rả nhắc đến điều này ngõ hầu Phật pháp lẫn thế gian pháp đều được chấn hưng.

81. Thư trả lời cư sĩ Đường Đại Viên²³⁷

Xem thư ông thấy nói đến chuyện làm học sinh, khó khiến người ta không bật cười. Nay tôi nêu một thí dụ, ví như quan Ngự y ở Thái y viện, phàm là sách thuốc, gốc bệnh, bí quyết xem mạch²³⁸, đọc nhuần như gương sáng hiện bóng, nhưng đến lúc chẩn bệnh bèn rối beng không biết đường nào mà lần, chẳng biết nên dùng thuốc gì, lời hỏi của ông chẳng khác với kiến thức của ông thầy thuốc ấy may mắn nào! Phật pháp vốn dạy người liễu sanh tử, chẳng phải chỉ là một kiểu nói năng cao siêu huyền diệu, những kẻ tri kiến hèn kém kia dùng triết học để nghiên cứu Phật pháp, ắt trước hết phải bảo cho họ biết duyên do Phật thuyết pháp là vì muốn đối trị tập khí của con người, rửa lòng gột ý, giữ vẹn luân thường, tận hết bốn phạm, từ bi, nhân nhượng, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử, tự lợi, lợi tha cùng chứng chân thường, tu tập dần dần, cho đến khi thành Phật đạo. Tất cả kinh giáo đều nhằm nêu tỏ những sự lý như trên vừa nói. Nếu chỉ mong hiểu rõ, chẳng muốn thật hành, khác gì kép hát đóng tuồng, còn nói là học sinh được ư?

237 Ông này là người Vũ Cương, tỉnh Hồ Nam, không rõ năm sanh, mất năm 1941. Thoạt đầu quy y với đại sư Ấn Quang, tu học Tịnh độ, sau ngã theo học Duy Thức, từng đảm nhiệm vai trò giáo vụ của Phật học viện Vũ Xương, chủ biên những tạp chí Hải Triều Âm, Đông Phương Văn Hóa. Ông cũng là trợ thủ trọng yếu cho sự nghiệp hoàng pháp của đại sư Thái Hư trong thời kỳ đầu. Ông viết rất nhiều về Duy Thức như các tác phẩm Phật Học Giảng Diễn Tập, Duy Thức Nghiên Cứu Thuật Yếu, Duy Thức Dị Giải...

238 Chỉ chung các loại sách dạy về cách xem mạch chẩn bệnh như Bình Hồ Mạch Quyết, Vương Thúc Hòa Mạch Quyết.



Như ai thiên tư thông minh, mẫn tiệp, nghiên cứu các tông Tánh, Tướng chẳng trở ngại gì, nhưng vẫn phải lấy pháp môn Tịnh độ làm chỗ nương về, ngô hầu chẳng đến nỗi có nhân không quả, biến diệu pháp liễu sanh thoát tử thành lời nói trơn tru ngoài miệng, không do đâu được lợi ích thật sự. Ất phải trọng lòng kính, giữ lòng thành, xem kinh - tượng như vị Phật sống, chẳng dám chớm chút ý coi thường, ngô hầu tùy lòng thành của mình lớn hay nhỏ sẽ được những lợi ích sâu hay cạn. Đối với người độn căn, hãy nên chuyên nghiên cứu pháp môn Tịnh độ. Nếu quả thật tin cho tới nơi, giữ cho chắc, nhất định trong đời này sẽ liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, so với những kẻ hiểu sâu xa kinh luận chẳng thật hành pháp môn Tịnh độ thì lợi ích đúng là khác biệt một trời một vực. Những điều vừa nói đó, bất luận là tư cách nào, lúc ban đầu cứ cho uống loại thuốc một vị này, bất luận những căn bệnh như tà chấp, thấy biết sai lầm, ngã mạn, phóng túng, đề cao thánh cảnh nhưng tự mình cam phận hèn kém, không bệnh nào kê thuốc *a-già-đà nhất vị* trị chung vạn bệnh này mà chẳng lành.

Ông học đầy một bụng Phật pháp, đối với hai loại học sinh ấy không biết làm sao? Cho thấy ông chỉ biết nói đến thuốc, chứ tự mình chưa từng thực hành; nếu ông thực hành, trọn chẳng đến nỗi ôm mối nghi ấy. Xưa kia, có kẻ coi các ngài Văn-thù, Phổ Hiền như bè bạn ngang hàng, đều là do không thể phân biệt chân ngụy, đến nỗi

bối rối không biết làm sao, rất có thể coi ngục là chân. Cha ông không thể ăn chay là do không chú tâm suy xét, quay trở lại quán thân. Nếu như thấy chính mình là con vật bị giết để ăn, sẽ trọn chẳng mong người ta giết mình ăn thịt. Nay có ngũ cốc để dưỡng mạng, vẫn còn muốn thỏa lòng tham, sanh tử chẳng xong, đến lúc bị người ta giết, thật đáng thương xót, nhưng không thể cứu giúp, buồn thay! Niệm Như đã xuống tóc, thọ giới, đương nhiên là chánh lý, cần gì phải chờ đợi! Chỉ cần xét kỹ tâm mình, và suy xét cảm tưởng trong lúc đối cảnh hằng ngày, nếu có thể tu dưỡng trong sạch bèn thành tựu tăng tướng. Dù có gần gũi khí tượng ấy, nhưng nếu khó trọn cái tâm sắt son trăm lần vấp ngã chẳng lùi thì lấy chồng vẫn tốt hơn, Niệm Quang cũng vậy!

Trong một số báo nào đó, ông cho đăng tải những lời nghị luận của hai người Niệm Như, Niệm Quang, Quang tôi trọn chẳng cho đó là đúng. Dầu quả thật đó là lời của bé gái chín tuổi nói thì không đăng báo có mất gì đâu! Nếu là viết thác ra như thế lại thành dối đời lừa người, trở thành trá ngục, nếu do chính những người đó viết thì chắc là tự kiêu, tự thị, trở thành ngã mạn. Đấy đều là vì ông gặp chứng bệnh không biết cách bốc thuốc vậy. Ông đã không coi Quang là vô tri thì Quang cũng chẳng ngại lấy vô tri làm hữu tri, thừa cùng ông: ông trọn chẳng biết pháp tắc dạy người tiểu căn nên mới làm như vậy, nếu ông biết sẽ trọn chẳng đăng báo! Hiễn Ấm thiên tư cực thông minh, ông



ta vốn háo thắng, háo danh, pháp sư Đế (ngài Đế Nhàn) chẳng thể cắt thuốc để đè nén cái bệnh phô trương, kiêu căng của ông ta, rồi sau ông ta đoán mạng chết đi. Đối với Niệm Quang, ông cũng giống như thế.

Cư sĩ Vô Đắc có cha già 60 tuổi, có nên xuất gia chăng? Nếu không xuất gia không cách nào nghe pháp tu hành, vẫn có cách bổ cứu. Nay những rào ngăn đã dỡ bỏ²³⁹, người tại gia nghiên cứu tu tập nhiều như rừng, mà lợi ích sanh về Tây Phương cũng thường có chuyện như thế, cần gì phải bỏ cha xuất gia? Quang tuyệt đối chẳng tán thành chuyện này. Dựa theo sự thực mà nói, trong việc tu hành hiện thời, tu tại gia vẫn tốt hơn, vì sao? Do hết thấy vô ngại, người xuất gia có nhiều chướng ngại hơn người tại gia. Vì thế, những ai không thật sự phát đạo tâm đều trở thành phùng hạ lưu, không ích lợi gì cho pháp, nhục lây đến Phật!

82. Thư trả lời cư sĩ Uông Vũ Mộc

Đính kèm thư của ông Uông:

“Vũ Mộc niệm Phật mười năm, biết đại lược chỉ thú. Trộm nghĩ, phương pháp niệm Phật dạy bởi các đại sư Linh Phong, Mộng Đông và bộ Văn Sao của thầy tôi đại để đều vì ngu phụ, ngu phụ nói chung mà lập thuyết. Nếu bọn chúng tôi là những

239 Ý nói những hạn chế về việc nghiên cứu kinh giáo đã bị bỏ đi, chẳng hạn như xưa kia tại gia cư sĩ không được nghiên cứu Luật tạng.

người thông hiểu văn tự, tâm tư phức tạp mà vẫn dùng phương pháp niệm Phật của hàng ngu phu, ngu phụ ấy, chắc chắn chẳng thể vãng sanh Tịnh độ. Ý kẻ hèn này cho rằng người niệm Phật cầu được vãng sanh, trước hết phải biết “người niệm Phật là ai”, có thấy được vị chủ nhân ông thì niệm Phật mới có ích lợi, vãng sanh mới nắm chắc được! Chẳng riêng gì niệm Phật phải như thế, ngay cả niệm kinh, trì chú, cũng không thể không như vậy. Người ta bây giờ cứ động đến bèn nói “thật thà niệm Phật, chết lòng niệm Phật liền được vãng sanh”, không biết rằng nếu không biết “người niệm Phật là ai” làm sao thật thà niệm Phật cho được, làm sao chết lòng niệm Phật cho được, dù có ngày đêm niệm mười vạn tiếng, đối với sanh tử nào có liên can chi! Có người đem chuyện “cổ nhân đa phần chuyên chú trì danh, chẳng tham cứu người niệm Phật là ai” để gạt vấn, Vũ Mộc nói: “Đây là chuyện của cổ đức sau khi đã tham cứu xong, kẻ sơ tâm chẳng thể bắt chước được!” Vũ Mộc thấy người niệm Phật ngày nay mười người hết chín chẳng hiểu ý chỉ này, thật đáng thương xót, thường luôn luôn rất miêng khuyên người, nhưng trong hàng cư sĩ có người cho tôi là kẻ tà kiến. Chân nghĩa của Phật pháp chìm tối đến như thế, khôn ngăn buồn đau than thở! Nay riêng tỏ bày nỗi ưu hoài, kính cầu ấn chứng, cũng như khai thị cho rõ thêm thì chúng sanh may mắn lắm, nào phải riêng mình Vũ Mộc may mắn mà thôi!”

Xem kỹ thư ông gửi đến, khôn ngăn khâm phục. Các hạ muốn cho hết thấy mọi người tự thấy được bốn lai, thẳng



lên thượng phẩm. Quán kinh nói “đọc tụng Đại thừa, hiểu đệ nhất nghĩa, phát tâm Bồ-đề, khuyến tấn hành giả” có phải là nói đến các hạ đấng chẳng? Tuy nhiên, thuyết pháp phải xét căn cơ. Nếu chẳng xét căn cơ, trao lầm pháp được, thì chẳng khác gì gã thầy thuốc dốt dùng thuốc giết người. Phải biết hai tông Thiên, Tịnh, quy về gốc là một, nhưng cách tu khác nhau: Thiên lấy thấy thấu triệt bản lai diện mục làm tông, Tịnh lấy tín nguyện niệm Phật cầu sanh làm tông. Nếu cỡi đời đều là thượng căn thì những gì các hạ nói quả thật hữu ích, nhưng thượng căn rất ít, trung căn, hạ căn thật nhiều, chẳng dạy họ lấy tín nguyện cầu sanh mà lại dạy họ tham cứu “người niệm Phật là ai”, tham thấu tỏ được thì may mắn vô cùng, nhưng vẫn phải chú trọng phát nguyện thiết tha cầu được vãng sanh. Nếu tham không thấu, trong tâm giữ hoài ý niệm không biết “người niệm Phật là ai” thì chẳng thể vãng sanh, sẽ trọn chẳng có chuyện cảm ứng đạo giao cùng Phật, đích thân được Phật tiếp dẫn.

Nhưng hiện thời người tham cứu thật sự đạt đến địa vị đại triệt đại ngộ được mấy kẻ? Phàm ai hiểu “người niệm Phật là ai” chính là người đại triệt đại ngộ minh tâm kiến tánh vậy. Đừng nói ai khác, ngay đến các hạ cũng chưa hề đạt đến địa vị ấy! Vì sao biết các hạ chưa đạt? Vì nếu đạt, quyết chẳng dám nói những câu: “Các vị Linh Phong, Mộng Đông vì kẻ ngu phu, ngu phụ mà lập thuyết, không biết người niệm Phật là ai, dù có thật thà niệm Phật, chết lòng niệm Phật, cũng chẳng được gọi là thật thà, chết lòng.

Dù ngày đêm niệm mười vạn tiếng, đối với sanh tử chẳng liên can gì!” Cũng như bảo: “Cổ nhân chuyên chú trì danh vì đã tham cứu xong. Sơ tâm chẳng thể bắt chước theo.” Do vậy tôi nói rằng: tâm các hạ quả thật muốn tự lợi, lợi người, nhưng lời các hạ quả thật là mình lầm, làm người khác lầm, xin hãy nín lặng chớ nói. Nếu không một đại pháp môn phổ độ chúng sanh của Như Lai bị các hạ đóng chặt, lấp kín, không cách gì khai thông được. Tội ấy bằng với tội báng Phật, báng pháp, báng tăng, há chẳng thật trọng ư!

Các hạ thấy biết như vậy là vì chẳng biết kế lý khế cơ, lầm chấp pháp lợi lạc bậc thượng căn, nên khuyên khắp mọi người đều tu tập, thành ra thiên chấp, thấy lầm; đem pháp chẳng hợp căn cơ lầm lạc khuyên người khác tu, cho đó là chân nghĩa của Phật pháp. Quang tuy tầm thường, hèn kém, nào dám tán thành, chấp nhận cái tội báng Phật, báng pháp, báng tăng của các hạ ư? Nếu các hạ cho là không đúng, xin hãy quăng thư này vào ngọn lửa, ai theo đường nấy mà thôi. Quang há có thể cưỡng các hạ bỏ cái học của chính ông để theo cái học của mình được sao? Chẳng qua các hạ hỏi đến, chẳng thể không thẳng thắn dâng lòng ngu thành, mong các hạ thấu hiểu cho thì may mắn lắm!

83. Thư trả lời sư Thịnh Cơ

Hôm qua nhận được thư thầy, khôn ngăn cảm thán. Thầy học Phật, há có nên dùng tri kiến của chính mình để suy lường cảnh giới Phật ư? Suy không thấu bèn nảy



sanh nghi hoặc ư? Phàm chứng chân như thì tam tế²⁴⁰ đều đoạn, mười giới²⁴¹ chìm hết. Do có nhân duyên nên cũng có thể trong một niệm hiện vô lượng kiếp, biến vô lượng kiếp thành một niệm, niệm và kiếp viên dung, nhưng hai thứ chẳng lẫn lộn. Thầy nói “mười sáu tiểu kiếp giống như một bữa ăn, năm mươi tiểu kiếp chỉ như nửa ngày” không thể có sự lý ấy, như vậy những chuyện kinh nói lớn nhỏ vào trong nhau, niệm và kiếp hiện lẫn nhau đều là nói dối ư? Như Lai lúc mới thành Chánh giác, hiện tướng Báo thân viên mãn, vì bốn mươi một địa vị Pháp thân đại sĩ nói kinh Hoa Nghiêm, hàng Nhị thừa trong hội chẳng thấy chẳng nghe, chỉ thấy đức Phật mang hình tướng một vị lão tỳ-kheo, pháp họ được nghe chính là sanh diệt tứ đế. Vì thế, kinh Duy-ma nói: “Phật dùng một tiếng diễn thuyết pháp, chúng sanh tùy mỗi loại đều được hiểu.” Ông nói không có sự lý ấy hay sao? Phải biết, thời không phải là pháp nhất định, tùy mỗi người thấy khác nhau. Hãy gác cảnh giới của Phật, Bồ-tát lại; chỉ lấy cảnh giới của phàm phu, tiểu trí để bàn. Con của Chu Linh Vương là Tử Tấn²⁴² học đạo tiên, qua bảy ngày, xuất hiện tại Hâu Sơn, đã qua đời Tấn. Vì thế có thơ rằng:

240 Tam tế, còn gọi là tam thể, tức quá khứ, hiện tại, vị lai.

241 Mười giới chính là thập pháp giới gồm lục phàm pháp giới (trời, người, súc sanh, a-tu-la, địa ngục, nga quỷ) và tứ thánh pháp giới (Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật).

242 Tử Tấn: theo truyền thuyết ông này vốn là thái tử của Chu Linh Vương, thường được gọi là Vương Tử Tấn, tính thích thổi tiêu, vào Tung Sơn tu luyện 30 năm, sau cỡi bạch hạc bay lên tận đỉnh Hâu Sơn. Về sau thành tiên. Hâu Sơn nay thuộc huyện Yển Sư, tỉnh Hà Nam.

*Vương tử khú cầu tiên,
Đan thành nhập cửu thiên,
Động trung phương thất nhật,
Thế thượng kỳ thiên niên.*

(Vương tử học đạo tiên,
Đan thành²⁴³ lên trời thăm,
Trong động vừa bảy bữa,
Ngoài đời gần ngàn năm.)

(Chữ ký 幾 đọc âm bình thanh, có nghĩa là gần. Từ Chu Linh Vương đến đời Tấn gần một ngàn năm).

Lại như Lữ Thuần Dương²⁴⁴ gặp Chung Ly Quyền nơi quán trọ Hàm Đan, họ Chung khuyên học đạo tiên, ông Lữ muốn được phú quý rồi mới học, ông Chung đưa cho một cái gối bảo nằm ngủ. Họ Lữ mộng thấy làm quan chức từ nhỏ đến lớn, làm đến Tể tướng, 50 năm phú quý vinh hoa hiếm có trong đời, con cháu đầy nhà, vui sướng không tai ương. Về sau chỉ do một chuyện không hợp ý bề trên, bèn bị giáng. Tỉnh dậy, thấy lúc mới ngủ, chủ quán trọ

243 Những người tu tiên về sau theo thuyết của Cát Hồng thường nấu luyện thủy ngân, chì, vàng, lưu huỳnh... theo những phương thức bí truyền thành một loại thuốc họ tin là uống vào sẽ trường sanh bất tử, thành tiên bay lên trời, gọi là kim đan. Vì thế, khi ai tu thành tiên cũng gọi là “đan thành” (luyện kim đan thành công). Rất nhiều người đã trúng độc chết do uống những thứ kim đan này.

244 Lữ Thuần Dương: Tức Lữ Nham, tự Động Tân, đạo hiệu Thuần Dương Tử, là người huyện Vĩnh Lạc, Phố Châu. Trong thời Đường Vũ Tông (841-846), ông hai lượt thi rớt tiến sĩ, lúc ấy đã 64 tuổi, ở Trường An (Hàm Đan), gặp được tiên sinh Văn Phòng (Chung Ly Quyền), thị hiện giấc mộng như tổ Ấn Quang đã thuật trong đoạn văn trên. Họ Lữ tỉnh mộng, theo Chung Ly Quyền tu học, sau thành tiên.



nấu nồi cháo kê vàng; ra vào làm tướng, trong giấc mộng bao nhiêu là chuyện suốt cả 50 năm, đến lúc tỉnh, nồi cháo kê vàng vẫn chưa chín. Đấy chẳng qua là những cảnh do tiên hiện, trong một niệm còn hiện được những sự nghiệp cảnh giới trong 50 năm, hướng chi là cảnh giới của Phật là trời của các vị trời, thánh của các thánh, cảnh giới của các vị Bồ-tát đã chứng pháp thân ư?

Vì thế, Thiện Tài vào lầu gác của Di-lặc Bồ-tát, vào trong lỗ chân lông của ngài Phổ Hiền, đều trong mười phương thế giới hành lục độ vạn hạnh, trái Phật sát vi trần số kiếp²⁴⁵. Ông xem đoạn kinh văn ấy có suy lường được hay không? Phải biết tam tế không có thật thể, phàm phạm phu chỉ thấy được những cảnh phạm phu có thể thấy, chẳng nên vin vào cảnh được thấy bởi phạm phu rồi cho là Phật, Bồ-tát cũng giống như thế, trọn chẳng khác gì. Nay tôi dùng thí dụ để luận rõ, như tấm gương chiếu mấy mươi tầng nước non, lầu gác, thật không có gần xa, nhưng lại thấy xa gần rành rành. Sắc pháp thế gian còn được như thế, huống gì tâm pháp đã chứng duy tâm tự tánh? Bởi thế nói: “Trong một đầu lông, hiện cõi Bảo Vương²⁴⁶, ngồi trong vi trần chuyển đại pháp luân.” Mười đời xưa nay, đầu

245 Cuối phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, sau khi tham học với năm mươi một vị thiện tri thức, Thiện Tài gặp vị thiện tri thức thứ 52 là ngài Di-lặc Bồ-tát. Di-lặc Bồ-tát dẫn Thiện Tài vào Tỳ-lô-giá-na tạng lâu các của mình. Thiện Tài quán sát những cảnh tượng trong ấy bèn tự chứng ngộ pháp thân.

246 Bảo Vương là một danh hiệu tôn xưng đức Phật, nói đủ là Bảo Vương Như Lai, ý nói đức Phật quý báu không gì bằng. Cõi Bảo Vương tức là phạm vi hóa độ của đức Phật (tối thiểu là một tam thiên đại thiên thế giới).

cuối chẳng lìa cái niệm hiện tại, vô biên cõi nước, ta người chẳng cách đầu một sợi lông. Thấy đã phát tâm bố quan, hãy nên khẩn thiết chí thành lễ bái, trì tụng cầu tam bảo gia bị khiến cho nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, phước cao.

Phàm những gì thuộc cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, chỉ nên ngửa tin lời Phật, chớ suy lường xằng. Nếu có thể khẩn thiết đến cùng cực, sẽ tự có thể hiểu rõ, cũng không cần phải hỏi ai khác. Nếu chẳng dốc sức khẩn thiết, chí thành lễ bái, trì tụng, suốt ngày lăm lặc suy lường những cảnh giới mà phàm phu chẳng thể suy lường được sẽ đi vào vết xe đổ của pháp sư Huyền Nhân²⁴⁷, muốn chẳng vướng lấy tội báo báng Phật, báng pháp, báng tăng, há có được chẳng? Mong hãy sáng suốt suy xét thì may mắn lắm.

84. Thư trả lời cư sĩ Phương Viễn Phàm

Người thế gian bệnh tật phần nhiều đều do chính họ tự tạo, ngay cả căn bệnh của lệnh nghiêm²⁴⁸ là do chẳng biết cẩn thận bụng miệng, ham ăn trái cây và những thứ lạnh mát mà ra. Đến khi mắc bệnh lại chẳng khéo dưỡng sức để khôi phục, cứ một mực thay đổi nhiều thầy thuốc. Mỗi khi thấy thuốc gặp được người bệnh giàu có liền hoan hỷ quá đỗi, bèn dùng đủ mọi phương pháp bày vẽ, rồi mới làm cho bệnh bớt đi, ngõ hầu thầu được nhiều tiền. Nhưng người giỏi thuốc

247 Pháp sư Huyền Nhân là một nhà sư sống cùng thời tổ Ấn Quang. Sư không tin Tịnh độ, thường chê cười Tịnh độ. Trong Thái Hư Đại Sư Toàn Tập cũng có cho biết vị này từng tranh biện với tổ Ấn Quang.

248 Lệnh nghiêm: tiếng gọi tỏ vẻ kính trọng cha người khác.



cũng chỉ chữa được bệnh, chẳng thể chữa được nghiệp. Ngay như Tử Trọng mắc bệnh loét ruột, bác sĩ bảo không giải phẫu không được, bà thím Tư của ông chẳng cam lòng, bèn không chữa, cùng Đức Chương liễu mạng niệm Phật, niệm kinh Kim Cang, năm ngày bèn khỏi. Căn bệnh ấy có thể nói là ngặt nghèo nhất, nguy hiểm nhất, nhưng không trị năm ngày bèn khỏi. Tử Tường bị điên là do tức nghiệp, do bà thím Tư của ông chí thành lễ tụng, nửa năm bèn khỏi. Cha ông đã quy y Phật pháp, hãy nên y theo lời Phật, chớ tin tưởng bác sĩ Tây y phải đến chữa tại y viện của họ.

Nếu như hết thầy bệnh đều do y học chữa lành, không chữa sẽ không lành thì hoàng đế và những kẻ đại phú quý xưa nay đều vĩnh viễn không đỡ bệnh, cũng vĩnh viễn không chết mất. Nhưng kẻ nghèo khó lại ít bệnh, thường sống lâu, kẻ phú quý lắm bệnh, lại hay đoán thọ. Nguyên nhân vì đâu? Do một là tự gây ra bệnh, hai là do thầy thuốc gây nên bệnh. Có hai công năng tạo bệnh như thế mà muốn thoát khỏi bệnh khổ há có được ư? Mong ông hãy bảo cùng cha, không cần phải lên Thượng Hải cầu Tây y, cứ ở nhà cầu A-di-đà Phật, Quán Thế Âm Bồ-tát đại y vương, sẽ tự có thể không dùng thuốc mà bệnh lành. Cầu Tây y thì lành hay không chỉ có một nửa, cầu đại y vương thì hoặc là thân lành bệnh, hoặc là thân chưa lành nhưng thần thức chắc chắn thấy tốt hơn.

Nếu muốn được khỏe ngay, hoàn toàn phế bỏ những giới đã giữ trước kia, thật giống như khoét thịt thành vết

thương, bị tổn hại vô ích. Khi Tây y chưa truyền vào Trung Quốc, người Trung Quốc có bệnh đều chẳng thể trị lành ư? Vì thế, phải buông vọng tưởng xuống, để khởi chánh niệm, sẽ cảm ứng đạo giao, có thể tự khỏi hoàn toàn. Như nói “trời lạnh thân yếu, phải mặc áo tơ lụa; nếu không, chẳng thể sống được!” Nếu mượn cơ lạnh yếu để tự mong cầu loại vải nhẹ nhàng, hoa mỹ thì là kẻ không biết hổ thẹn, bởi phải giết mạng tầm quả thật không ít. Còn như chuyện uống a giao²⁴⁹ càng không nên hỏi, có khác gì ăn thịt dâu! Uống a giao có khỏi lạnh được chẳng? Nếu hằng ngày lễ bái thân thể tự nhiên sẽ mạnh mẽ, cần gì phải dùng a giao? Những người nghèo khó kia họ cũng sống qua được mùa đông, có ai cần dùng vải lụa, a giao dâu? Một lời tóm gọn hết: “không biết hổ thẹn” và “chẳng biết mình là hạng người gì” mà thôi! Mong hãy thấu hiểu thì may mắn lắm!

85. Thư trả lời cư sĩ Huệ Lãng

Nhận được thư khôn ngăn cảm khái, thẹn thùng. Quang là một ông tăng tầm thường chỉ biết đến cơm cháo, sao có thể cùng các vị luận bàn ngoại điển²⁵⁰? Nhưng đã nhờ cậy đến, chỉ đành nói đại lược duyên do. Muốn biết nghĩa lý ấy và chủ trương của Liệt Tử²⁵¹ thì trước hết phải

249 A giao: tên một loại thuốc, đặc sản của huyện A tỉnh Sơn Đông. Thuốc chế bằng cách dùng nước giếng A Tỉnh nấu da con lừa đen thành keo, nên gọi là a giao.

250 Ngoại điển: Những kinh sách không phải của Phật giáo đều gọi là ngoại điển.

251 Liệt Tử: Tức Liệt Ngự Khẩu, một tư tưởng gia thời Chiến Quốc. Tác phẩm của ông ta cũng được gọi là Liệt Tử, hay gọi theo truyền thống Đạo gia là Xung Hư Kinh. Thiên văn sách được nói đến trong lá thư này chính là thiên Lực Mạng của sách Liệt Tử.



biết mạng là vật gì, lực là vật gì, cũng như nơi ý ông ta hiểu hai chữ ấy nghĩa là gì, rồi mới bàn đến chủ trương thì mới là ngôn luận hữu ích cho thế đạo nhân tâm. Nếu điều gì cũng không biết thì cái thuyết lực mạng ấy, cả Nho lẫn Phật đều không chấp thuận.

Mạng là gì? Chính là quả báo của những gì đã làm trong đời trước, lại là những gì có được do thuận theo đạo nghĩa mà hành thì mới gọi là mạng. Cái gì có được do chẳng theo đạo nghĩa mà hành đều chẳng được gọi là mạng, bởi sau khi đạt được, cái khổ đời sau sẽ chẳng nở thấy nghe được nổi. Như trộm cướp tiền tài của người ta, dường như tạm thời giàu có, một mai quan phủ biết được, ắt phải đầu một nơi, thân một nẻo, sao có thể lấy cái vui tạm thời gọi là mạng cho được?

Lực là gì? Là những gì đã làm trong đời này. Nhưng cái làm ấy có hai thứ, một đằng là chuyên dùng tài trí mưu mô dối trá, một đằng là chuyên dùng khắc kỷ, giữ lễ để tu trì. Liệt Tử nói đến mạng lẫn lộn chẳng phân biệt, nói đến lực đa phần chú trọng đến mảnh khỏe, lừa dối. Vì thế, khi bị bắt bẻ “dầu dốc sức nhưng sao vẫn bị mạng đè nén”, không thể trả lời được! Liệt Tử xem chuyện Khổng tử bị khốn đốn ở đất Trần, đất Sái, xem chuyện Điền Hằng²⁵² chiếm nước Tề là mạng, như vậy còn có thể bảo là biết

252 Năm 418 trước Công nguyên, Điền Hằng đánh bại tướng của Tề Giản Công. Tề Giản Công phải bỏ trốn, sau bị giết, Điền Hằng trở thành vua nước Tề. Tề Giản Công là hậu duệ của Khương Thượng (Khương Tử Nha).

mạng được chăng? Khổng tử chẳng gặp được vua hiền, chẳng thể làm cho thiên hạ bình trị yên vui, là do nghiệp lực của dân chúng trong thiên hạ cảm vờ, nào có liên can gì đến Khổng tử! Nhan Uyên chết yếu, nghĩa cũng giống như thế. Điền Hằng có được nước Tề là do soán đoạt mà được, sao có thể gọi là mạng? Nay tuy là vua Tề, nhưng một hơi thở ra không hít vào được, liền thành tù nhân trong địa ngục A-tỳ. Gọi đó là mạng thì chính là dạy người đừng tu đạo nghĩa mà hãy mặc sức cướp đoạt vậy!

Vì thế tôi nói: “Liệt Tử không biết mạng! Chẳng thấy Mạnh tử luận về mạng hay sao?” Cái mạng ắt phải do cùng lý tận tánh mà đạt được mới gọi là chân mạng. Nếu chẳng y theo đạo nghĩa mà được, hoặc chẳng y theo đạo nghĩa mà mất đều chẳng thể gọi là mạng. Liệt Tử luận về lực, đa phần thuộc về tài trí mánh khéo, biến trá, thánh hiền không thềm nói đến. Hiền thánh đều nói chuyện khắc kỷ, giữ lễ để tu trì: “Chỉ vì thánh mất niệm thành cuồng, nhưng cuồng khắc chế được niệm sẽ thành thánh. Nhà tích thiện ắt điều mừng vui có thừa, nhà chất chứa bất thiện ắt tai ương có thừa. Làm lành trăm điều lành giáng xuống, làm điều chẳng lành trăm họa ương giáng xuống. Cửa cây dôi theo dây mực ắt thẳng, vua nghe theo lời can gián nên thành thánh, thuận theo đạo dẫn đến điều tốt lành, trái nghịch lại là xấu, chỉ là do ảnh hưởng vậy. Đến năm mươi tuổi biết bốn mươi chín năm trước là sai, muốn giảm bớt lỗi nhưng chưa thể, cho ta sống thêm vài năm, năm mươi



tuổi học Dịch hòng tránh lỗi lầm lớn. Ai cũng đều có thể là Nghiêu, Thuấn, kiêng dè cẩn thận ngay cả khi không bị nhìn thấy, kinh sợ ngay cả khi không bị nghe thấy”, đấy đều là lực. Đấy chính là những gì đạo Nho nói.

Còn như Phật giáo thì hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật, dạy sám hối nghiệp cũ, cải ác tu thiện, phải mong sao đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, dùng giới để giữ thân, chẳng làm điều phi lễ, dùng định để nhiếp tâm, chẳng khởi vọng niệm, dùng tuệ đoạn hoặc, thấy rõ bản tánh, đều dùng cái lực khắc kỷ, giữ lễ tu trì. Hành theo cái lực ấy còn thành được Phật đạo, hưởng gì những thứ thấp hơn ư? Vì thế, kinh Lăng-nghiêm nói: “Cầu vợ được vợ (cầu vợ là cầu người vợ hiền lành, trí tuệ, trinh tịnh; nếu không như thế, làm sao hướng về Bồ-tát cầu cho được) cầu con được con, cầu trường thọ được trường thọ, cầu tam-muội được tam-muội, như thế cho đến cầu đại Niết-bàn đắc đại Niết-bàn.” Đại Niết-bàn chính là Phật quả rốt ráo, đều do y giáo tu trì mà được, lực ấy lớn lắm, nào có hạn lượng!

Viên Liễu Phàm gặp Khổng tiên sinh đoán những chuyện trước việc sau, nhất nhất ứng nghiệm, bèn cho rằng “mạng có nhất định”; về sau gặp thiền sư Vân Cốc²⁵³

253 Hòa thượng Vân Cốc không rõ năm sanh và mất, là một vị cao tăng thuộc tông Lâm Tế, sống vào thời Nam Tống. Thoạt đầu theo học với Thạch Khê Nguyệt Tâm, được nối pháp vị này. Năm Bảo Hựu thứ 4 (1256) đời Tống Lý Tông, sư trụ trì chùa Thánh Thọ ở Tô Châu, rồi chùa Bản Giác ở Gia Hưng, chùa Khai Nguyên ở Kiến Ninh (Giang Tây), cuối cùng trụ trì chùa Vân Nham tại núi Hồ Khâu ở phủ Bình Giang, còn

khai thị, bèn ra sức tu trì cẩn thận, những điều ông Khổng đã đoán, không ứng nghiệm mấy may nào. Liễu Phàm là người hiền, dù ông ta có làm xằng, làm bậy, lời đoán của ông Khổng cũng chẳng linh. Do vậy biết rằng: Hiền thánh răn đời chỉ chú trọng tu trì, Như Lai dạy người cũng giống như thế. Vì vậy, Phật nói pháp môn Quyển, Thật, Đại, Tiểu, không gì chẳng nhằm làm cho chúng sanh đoạn trừ hoặc nghiệp huyễn vọng, chứng triệt để Phật tánh vốn sẵn có. Vì trong đời có kẻ cực ngu, cực độn, tu trì lâu ngày liền trở thành đại trí tuệ, đại biện tài. Liệt Tử quy hết thầy về mạng chính là ngăn trở cái chí mong thành thánh, thành hiền của người khác, khen ngợi cái tâm soán đoạt, gian ác, khiến kẻ thấp hèn bị họa hại vô cùng, người bậc thượng cũng nhụt chí phấn đấu gắng công cùng thời thế, đến nỗi suốt đời chẳng được dự vào hàng thánh hiền, trở thành một kẻ tầm thường xoàng xĩnh. Thiên văn sách ấy (tức thiên Lực Mạng trong sách Liệt Tử) hoàn toàn vô ích cho đời, nào có giá trị gì đáng để nghiên cứu! Quang lúc nhỏ không nỗ lực, tuổi già chẳng biết gì, ngẫu nhiên có ai hỏi đến, cứ mặc tình đáp theo ý mình, đúng hay sai mặc người chỉ dạy. Hơn nữa, Quang tuổi gần bảy mươi, tinh thần suy lụn, lại thêm bận việc quá nhiều, thật chẳng thể gắng gượng được, xin đừng đem những chuyện như thế này lại hỏi. Nếu còn hỏi nữa sẽ gởi lại nguyên thư, quyết chẳng hồi đáp kéo dài vô ích cho người, tổn hại cho mình. Mong hãy sáng suốt xét soi thì may mắn lắm.



86. Thư trả lời Bàng Khế Trinh

Thiền sư Đạo Tế²⁵⁴ là bậc thánh nhân đại thần thông, muốn cho hết thảy mọi người sanh tâm chánh tín, nên thường hiện những chuyện chẳng thể nghĩ bàn, như uống rượu, ăn thịt để che giấu cái đức của bậc thánh nhân, ngộ hầu kẻ ngu thấy ngài là người điên cuồng, chẳng theo khuôn phép, do đó chẳng thể tin tưởng. Nếu không, ngài sẽ chẳng thể ở trong thế gian này. Phàm Phật, Bồ-tát hiện thân, nếu thị hiện giống như phàm phu thì chỉ dùng đạo đức để giáo hóa người khác, trọn chẳng hiển lộ thần thông. Còn nếu hiển lộ thần thông sẽ chẳng thể ở trong thế gian này. Chỉ khi nào thị hiện điên cuồng mới có thể hiển lộ thần thông không trở ngại gì, chứ không phải là người tu hành đều nên uống rượu, ăn thịt vậy! Người lành trong thế gian còn chẳng nên uống rượu ăn thịt, huống gì đệ tử Phật. Nếu muốn giáo hóa chúng sanh nhưng chính mình chẳng y giáo phụng hành thì chẳng những chẳng thể làm cho người khác sanh lòng tin, trái lại còn khiến họ thoái thất tín tâm. Vì thế, chẳng thể học đòi uống rượu, ăn thịt.

254 Đạo Tế (1150-1209), người huyện Lâm Hải (tỉnh Chiết Giang) đời Tống, thuộc phái Dương Kỳ tông Lâm Tế. Sư họ Lý, tên Tâm Viên, tự là Hồ Ẩn. Năm 18 tuổi, xuống tóc tại chùa Linh Ẩn, thị hiện cuồng điên, ăn thịt chó, uống rượu, nên người đời gọi là Tế Điên. Trước sau, sư tham học với các vị Pháp Không Nhất Bản chùa Quốc Thanh, Đạo Thanh ở chùa Kỳ Viên, Đạo Tịnh chùa Quán Âm, sau trở thành môn hạ của ngài Hột Đường Huệ Viên ở núi Hồ Khâu, nối pháp vị này. Sư lại ở nhờ chùa Tịnh Từ, khi chùa bị cháy, sư bèn đi quyền mộ xây dựng lại. Sư thường hiện nhiều chuyện thần dị. Chẳng hạn như sư dân ở Tân Hồ ăn ốc chặt bỏ phần đuôi vỏ ốc. Sư thường nhặt lấy bỏ xương hổ, ốc sống lại không có đuôi. Năm Gia Định thứ hai (1209), sư đoan tọa nhập diệt, thọ 60 tuổi.

Ngài ăn thứ chết vào, mưa ra thứ sống, ông ăn thứ chết vào còn chẳng thể mưa ra miếng thịt nguyên dạng, làm sao học đòi ngài ăn thịt cho được? Ngài uống rượu vào, bèn có thể biến thành vàng để thếp tượng Phật, có thể khiến cho vô số cây gỗ lớn từ trong giếng trời lên. Ông uống rượu vào, khiến cho nước giếng còn chẳng trời lên nổi, sao học đòi ngài cho được? Truyện Tế Công có mấy thứ, chỉ có truyện Túy Bồ-đề là hay nhất. Gần đây, truyện ấy được lưu truyền đến tám loại, đa phần do người đời sau thêm thắt. Túy Bồ-đề cả văn lẫn nghĩa đều hay, thuật những chuyện đều là sự thật khi ấy. Người đời chẳng biết nguyên do, nếu không học đòi xằng bậy thì lại lầm lạc hủy báng, học xằng sẽ quyết định đọa địa ngục A-tỳ, hủy báng bậy bạ chính là đem tri kiến phàm phu dò lường bậc thánh nhân thần thông, cũng là tội lỗi. So với những kẻ học đòi, còn nhẹ hơn nhiều lắm! Thấy chỗ chẳng thể nghĩ bàn, nên sanh kính tín, thấy chỗ uống rượu ăn thịt trọn chẳng chịu học, sẽ được ích lợi chẳng bị tổn hại, mong hãy thấu hiểu thì may mắn lắm!

87. Thư trả lời cư sĩ Viên Văn Thuần

Nhận được thư của Đại Viên cho biết cư sĩ và phu nhân cùng lệnh lang đều muốn quy y với Quang, nhưng Quang là một ông tăng chỉ biết cơm cháo hủ bại không ra gì, Đại Viên chẳng xét tường tận nên lầm lạc quy y. Sao cư sĩ lại noi theo cái sai lầm ấy, chẳng coi đó là nhơ bẩn vậy?



Tuy nhiên, tượng Phật bằng đất nặn, gỗ chạm, kính trọng cũng có thể sanh phước, ông đã phát tâm, bèn đem lăm lặc đập tạ lăm lặc, một mai ngộ ra đó chẳng phải là Phật thật cũng chẳng ngại gì chuyển sang kính trọng vị Phật thật, cố nhiên chưa hề không thể được!

Nay đặt cho ông pháp danh là Trí Thuần, lệnh phu nhân là Trí Bốn, bởi chúng sanh vốn sẵn có Phật trí, do phiền não xen tạp như vàng trong quặng, chẳng thể thật sự thọ dụng nên cái trí sẵn có ấy biến thành vọng tri. Tuy vọng tri ấy từ bốn trí mà khởi, nhưng thể và dụng của bốn trí hoàn toàn bị mất. Nếu xoay ngược lại, niệm Phật để nhiếp tâm thì trí sẽ dần dần quy về thuần, đạt được bốn. Đây là đại ý đặt tên cho vợ chồng ông vậy, chẳng biết có hợp ý ông hay không? Thêm nữa, Trí Bốn đã có thể một tháng ăn chay mười ngày, một năm ăn chay ba tháng, sao không trường trai? Ăn thịt loài vật để nuôi thân ta, con người ta vốn đã quen nên yên lòng; hãy thử nghĩ lại, ắt sẽ run sợ chẳng yên, huống gì thật sự giết chúng để ăn hay sao? Mạnh tử nói: “Nếu biết điều gì là phi nghĩa thì nó sẽ mau kết thúc.” Chồng và con đều trường trai, sao bà nữ chẳng ăn chay trường? Chánh nhân tịnh nghiệp lấy từ tâm không giết, tu thập thiện nghiệp làm điều đầu tiên, người ăn thịt, dầu chẳng tự giết cũng khó tránh khỏi sát nghiệp, bởi không giết sẽ không có thịt, dùng tiền ép người giết thay cho mình.

Phù Cầu nên gọi là Phước Cầu, cái họa trên hoàn cầu

là do không biết sự lý nhân quả báo ứng sanh tử luân hồi, nên tâm mình mặc tình dã man, gây nên thảm sự kẻ mạnh ăn thịt kẻ yếu, tàn hại lẫn nhau. Ông đã quy y Phật pháp, chính mình hãy nên thực hành sự này, do mình tự hành sẽ dần dần thấu đến người khác, khiến cho hết thảy trong là quyến thuộc, ngoài là xóm giềng, làng nước và hết thảy những ai quen biết cùng biết đến lý này, cùng đều chẳng làm các điều ác, cùng vâng làm các điều thiện, kiêng giết, bảo vệ sanh vật, ăn chay, niệm Phật thì sát nghiệp tiêu, phong tục thuần hậu, thân và người hòa thuận, thiên hạ thái bình.

Hai câu “đừng làm các điều ác...” chính là Giới kinh nói giản lược của ba đời chư Phật, chớ nên coi thường, phải xét kỹ từ nơi khởi tâm động niệm. Nếu có thể thực hiện điều này đến cùng cực sẽ còn có thể thành Phật đạo, hưởng là những quả vị phước tuệ khác. Trong kinh Đại thừa, Phật đã nói đến nhiều lần, chứ không phải câu này trích từ bài Âm Chất Văn, mà chính là Văn Xương Đế Quân trích dẫn kinh Phật vậy. Còn những thuyết tu trì tịnh nghiệp khác trong Văn Sao đã nói đủ, không cần phải viết cặn kẽ. Đường đời hiện thời chính là tình thế hoạn nạn, nếu chẳng lấy A-di-đà Phật, Quán Thế Âm Bồ-tát để làm chỗ nương tựa mà thường niệm, khi họa hoạn xảy tới, hoặc gặp chuyện bất trắc và những chuyện thành linh xảy tới, kêu sưông ích gì? Nếu trì niệm sẵn ắt sẽ được ngấm chuyển đời, hưởng khi sanh tử xảy đến, ai cũng phải có ngày này, vì thế phải nên thường nghĩ đến khi lâm chung thì sẽ chẳng



phí sức theo đuổi hết thảy những vọng tưởng trái phận và những pháp môn chẳng giúp ích gì cho việc liễu sanh tử, bỏ phước không tu pháp quyết định có thể nương cậy để liễu sanh tử này. Nguyên vợ chồng, cha con ông cùng không cho lời Quang là hủ bại thì may mắn lắm.

Chúng sanh đời mạt căn cơ hèn kém, chẳng nương theo pháp môn Tịnh độ, quyết định chẳng nhờ đâu liễu thoát được. Những phường ham cao chuộng xa, đa phần vượt quá phận mình, tự kiêu, biết được sự uyên thâm của lý tánh Thiên, Giáo, bèn chẳng chú trọng Tịnh độ. Do vậy, bỏ Phật lực cậy vào tự lực, hóa ra đến lúc kết cục đều trở thành gieo cái nhân xa, trợn chẳng được lợi ích thật sự. Trí Bản đã kết nghĩa vợ chồng cùng ông, nếu ông thật hành, lâu ngày chầy tháng bà ta trông thấy sẽ được cảm hóa, không còn phải lo lắng nữa. Đàm Bích Vân ham gấp thành tựu, không phải mình ông ta mắc căn bệnh này, hết thảy người học Phật, đa phần phạm phải căn bệnh ấy. Đã có căn bệnh ấy, nếu không chiêu cảm ma cảnh cũng sẽ chưa đắc nói là đã đắc. Phải biết tâm vốn là Phật, do chưa trừ phiền não nên phải oan uổng làm chúng sanh, hễ tiêu diệt được phiền não, Phật tánh sẵn có sẽ tự nhiên hiển hiện giống như mài kính vậy, chỉ mong trừ sạch chất bẩn, đừng lo không có ánh sáng. Giống như chữa bệnh mắt, trừ được màng mòng, mắt tự sáng lại; khi chưa trừ sạch cấu uế, chưa khử được màng mòng, muốn cho quang minh sáng tỏ há có được ư? Nếu quang minh có phát thì chỉ là yêu ma hiển hiện, quyết chẳng

phải là quang minh thật sự của kính hay mắt vậy. Phàm với những ai mới phát tâm đều nên đem ý này bảo rõ.

88. Thư trả lời cư sĩ Viên Phước Cầu

Ông nói do Phật Học Toát Yếu²⁵⁵ chột nảy sanh chánh tín thì một là do thiện căn đời trước, hai là do nghiêm từ²⁵⁶ un đúc nên được như vậy. Ấn Quang là một ông tăng tầm thường, đối với pháp đạo chẳng hiểu biết gì, chỉ tin tưởng chắc chắn nơi Tịnh độ mong mang nghiệp vãng sanh; với những ai có chí nguyện tương đồng bèn tùy tiện lấy việc đối đáp làm sự nghiệp của chính mình. Về ý tợ hồ có thể dùng được nhưng văn bút nông cạn, kém cỏi, thật đáng bị bậc cao minh chê cười, khôn ngăn hổ thẹn, bàng hoàng, sao dám nhận tiếng khen “văn từ lẫn nghĩa lý đều viên diệu” cho được. Chẳng sợ vì thế phải vướng lấy tội khiên “đem phàm lạm thánh” hay sao?

Như nói đến niệm Phật tam-muội, nói có vẻ dễ, đạt được thật khó! Chỉ nên thường nhiếp tâm, khẩn thiết niệm, lâu ngày sẽ tự đạt được. Dù chẳng thể đạt được, vẫn do công đức tin tưởng chân thành, nguyện thiết tha, nhiếp tâm tịnh niệm ắt sẽ ngầm được đức Phật tiếp dẫn, mang nghiệp vãng sanh. Sự nhất tâm, nếu ước về lý theo như đại

255 Tác phẩm này do ông Đinh Phước Bảo biên soạn. Trong Ấn Quang Văn Sao Tam Biên, quyển 4, phần thư gởi cho Đinh Phước Bảo, tổ có khen ngợi: “Sách này từ cạn vào sâu, sự tích nhân quả, luân hồi báo ứng và vãng sanh Tây Phương đều như đèn soi cho người đang ở trong nhà tối.”

256 Nghiêm từ: tiếng gọi tỏ vẻ kính trọng cha mẹ người khác.



sư Ngẫu Ích đã phán định thì còn chưa phải là thân phận của người tu hành hiện thời, hướng gì lý nhất tâm ư? Vì đoạn kiến tư hoặc mới gọi là sự nhất tâm; phá vô minh chứng pháp tánh mới gọi là lý nhất tâm. Nếu là bậc trong ngàm tu hạnh Bồ-tát, ngoài hiện làm phàm phu thì với hai thứ nhất tâm này cố nhiên đều chẳng khó khăn gì, nhưng nếu thật sự là hạng phàm phu đầy dẫy phiền não thì sự nhất tâm còn chưa mấy ai đạt được, hướng gì lý nhất tâm? Xin hãy xem kỹ bức thư trao đổi thật dài giữa Ấn Quang và vị cư sĩ X... ở Vĩnh Gia ắt sẽ biết.

Còn như sau khi ngộ Vô sanh, hộ trì, gìn giữ, tiêu dung tập khí còn thừa sót, lúc ấy sẽ tự hiểu rõ, cần gì phải hỏi trước? Như người uống nước, lạnh nóng tự biết. Nếu không, dù người uống có mô tả đến mười phần đích xác, người chưa uống rốt cuộc vẫn chẳng biết mùi vị ra sao! Vì cư sĩ xem chuyện ngộ Vô sanh nhận là dễ dàng, lại sợ mình ngộ rồi chẳng biết gìn giữ hộ trì đến nỗi các tập khí khác lại khởi lên, được rồi lại bị mất đi nên mới hỏi như thế. Chân vô sanh nhận, kẻ tiểu căn thật không thể đạt được, vì phải phá vô minh chứng pháp tánh, thấp nhất là bậc Sơ trụ Bồ-tát trong Viên giáo, hoặc bậc Sơ địa trong Biệt giáo mới hòng làm được, nói dễ dàng sao! Xin hãy hành theo những gì đã nói trong Ấn Quang Văn Sao, đợi đến khi nào biết được gốc ngọn của pháp môn Tịnh độ cũng như tín nguyện hạnh chẳng bị các dị thuyết của hết thầy tri thức lung lạc, khi ấy nếu còn thừa sức sẽ chẳng ngại gì

ngiên cứu kèm thêm các kinh luận Đại thừa để mở mang trí thức hòng làm căn cứ hoằng dương Tịnh độ. Như thế dẫu là phàm phu, vẫn có thể tùy cơ lợi sanh, hành Bồ-tát đạo, đừng lầm mong cao xa, sợ rằng chẳng rõ sự lẫn lộn, khó khỏi bị ma dựa. Lá thư dài trả lời vị cư sĩ X... ở Vĩnh Gia chuyên trị căn bệnh ấy. Bệnh ông và bệnh ông ấy tuy tên gọi khác nhau, nhưng tánh chất là một. Cổ nhiên Quang chẳng muốn nói nhiều, mong ông sẽ lãnh hội nơi lá thư đó.

Phải biết người đã ngộ rồi và người chưa ngộ tu trì vẫn giống nhau, nhưng tâm niệm lại khác. Người chưa ngộ Vô sanh thì cảnh chưa xảy đến bèn săn đón, cảnh hiện tiền bèn nắm níu, cảnh qua rồi bèn nghĩ nhớ (hai chữ “*phan lām*” (攀攬) (tạm dịch là “nắm níu”) chỉ chung những ý niệm yêu ghét, ưa nhàm, đừng nói là yêu mến mới là nắm níu, còn ghét nhàm không phải là nắm níu). Người ngộ Vô sanh thì cảnh tuy sanh diệt nhưng tâm không sanh diệt, giống như gương sáng, đến không dính, đi không lưu dấu. Tâm đối cảnh như gương hiện hình, trọn chẳng có mảy may tư tưởng chấp trước đam luyến. Tuy là đối cảnh vô tâm, nhưng sóng trào biển hạnh, mây phủ cửa từ, phàm mọi cương thường luân lý thế gian và những chuyện thượng hoằng hạ hóa mỗi mỗi đều nỗ lực thực hành. Dẫu mất thân mạng, cũng chẳng trái vượt. Lại đừng tưởng “đối cảnh vô tâm” là đối với những chuyện tu trì tự lợi, lợi tha, thượng hoằng hạ hóa đều bỏ sạch; nếu hiểu vậy là dính sâu vào *không ma*, đọa vào *ngoan không*. Do vậy, bác không nhân quả, mặc tình làm điều tối tăm, trở thành đem phàm



lạm thánh, hoại loạn Phật pháp, gây nghi ngờ, lầm lạc, là hạt giống địa ngục A-tỳ. Chuyện này quan hệ rất sâu, do vậy Quang chẳng thể không trình bày đại lược sự lợi hại vậy. Con người hoằng được đạo, chứ không phải đạo hoằng người, thế gian loạn là do ác nghiệp của chúng sanh đồng phạm cảm vờ, các thuyết tà vạy, hủy báng cũng thế. Phong tục cõi đời biến đổi thoát đầu là do một hai người phát khởi; trị loạn, tà chánh, không gì đều chẳng phải vậy. Sao không luận nơi sức người có thể chuyển biến mà lại chuyên quy về Phật, Bồ-tát hiển lộ thần thông biến hóa? Không phải là Phật, Bồ-tát chẳng thể hiển lộ thần thông biến hóa, nhưng vì chúng sanh nghiệp nặng nên cũng không làm gì được. Ví như mây dày sương phủ kín, mờ mịt chẳng thấy được mặt trời, há có thể nói là mặt trời không có hay sao?

Con người cùng trời đất gọi là tam tài; tăng, Phật và pháp gọi là tam bảo, gọi như thế là vì ý nghĩa tham dự hỗ trợ công cuộc sanh trưởng, hoằng dương pháp đạo, ông muốn chuyên vớt bỏ sức người, phó mặc cho sức của Phật, Bồ-tát, thiên địa, thì còn có thể được gọi là biết đạo hay chẳng? Đời đại loạn, đại bi Bồ-tát thị hiện cứu giúp cũng chỉ cứu được người hữu duyên, do loạn là đồng nghiệp, còn những túc nhân (nhân trong đời trước), duyên hiện thời chính là biệt nghiệp. Có biệt nghiệp cảm được Bồ-tát thì sẽ được Bồ-tát gia bị cứu giúp, há nên bàn luận hỗn độn. Phương tiện thuận nghịch của Bồ-tát, sự cứu giúp chúng

sanh, chẳng phải là chỗ thấy biết của kẻ thấy lầm biết sai.

Nay tôi vì ông nêu một thí dụ, do đây sẽ suy ra, đừng nói chi Bồ-tát, dầu là oan gia thật sự cũng có thể khéo tạo thành nền tảng để nhập đạo thành Phật. Chư Phật lấy tám khổ làm thấy, thành vô thượng đạo, khổ là cái gốc để thành Phật. Thêm nữa, Phật dạy đệ tử lúc ban đầu phải tu quán bất tịnh, quán lâu ngày sẽ đoạn hoặc chứng chân, thành A-la-hán, như vậy bất tịnh lại chính là cái gốc của thanh tịnh. Người châu Bắc Câu-lô²⁵⁷ trọn không có khổ, vì thế chẳng thể nhập đạo; Nam Diêm-phù-đề sự khổ quá nhiều nên người nhập đạo liễu sanh tử chẳng thể tính nổi số. Giả sử thế gian trọn không có những nỗi khổ sanh lão bệnh tử, đao binh, thủy, hỏa v.v. thì ai nấy sống say chết mộng trong vòng dục lạc, ai chịu phát tâm xuất thế để cầu liễu sanh thoát tử? Còn như nói người nắm giữ quân mạnh, ở địa vị cao, gây ra đủ mọi chuyện khổ não chúng sanh cũng rất có thể là bậc đại bi thị hiện đó chăng? Nghĩa này chỉ

257 Châu Bắc Câu-lô (Uttara-kuru), còn phiên là Bắc Uất-đan, Bắc Đan-việt, Uất-đan-việt, Uất-đa-la-la-cứu-lưu, Ốt-đát-la-câu-lô, dịch nghĩa là Thắng Xứ, Thắng Sanh, Cao Thượng. Theo các kinh Trường A-hàm, kinh Đại Lâu Thán, kinh Khởi Thế, kinh Đại Pháp Cốc, Lập Thế A-tỳ-đàm Luận và Câu-xá Luận thì Uất-đan-việt là một trong bốn đại châu ở quanh núi Tu-di, thuộc vùng biển nước mặn ở phía Bắc Tu-di. Châu này vuông vắn, mỗi bề rộng hai ngàn do-tuần, hình dáng như nắp hộp, được bao quanh bởi bảy núi vàng và núi Đại Thiết Vi. Vàng ròng làm đất, ngày đêm luôn sáng sủa. Nhân dân cõi ấy mặt mũi giống nhau, luôn an vui, không có những khổ nạn, người ác, tranh chấp. Đồ vật toàn bằng chất báu như vàng bạc, lưu ly... Mọi tài sản là của chung. Nam nữ sống riêng mỗi nơi, nếu khởi dâm dục bên ân ái cùng nhau. Người nữ mang thai bảy ngày bèn sanh con, đặt bên vệ đường, mọi người đều đến nuôi dưỡng, dùng đầu ngón tay dứt cho liền tiết sữa. Bảy ngày liền khôn lớn, bằng với người hai mươi tuổi ở Diêm-phù-đề, sống thọ ngàn năm. Đến khi lâm chung sanh lên trời Đao-lợi hoặc trời Tha Hóa Tự Tại. Ba châu khác đều có địa ngục, riêng châu này không có (theo Phật Quang Sơn Tự Điển).



có thể nói với người thông hiểu, chẳng thể nói cùng kẻ vô tri thức. Nếu là người thông suốt thì dù gặp ác ma thật sự cũng được lợi ích; kẻ vô tri nếu biết nghĩa này sẽ chẳng biết phát tâm tu hành, trái lại còn hủy báng Phật pháp. Ví như dùng thuốc, trẻ nít chẳng chịu uống thuốc, bèn bôi lên vú, trẻ không uống bèn thành ra uống. Ông muốn làm bậc thông nhân phô rộng nghĩa này thì hại người nhiều, lợi người ít, xin hãy im lặng, chớ bàn nói xằng. Cảnh giới của Phật, Bồ-tát, phàm phu chẳng thể dò lường được!

Trung Quốc nghèo yếu là do chẳng nương vào lễ nghĩa, nếu y theo lễ nghĩa đâu đến nỗi yếu nghèo. Thử hỏi đến cái nhân của sự yếu nghèo chẳng phải điều thứ nhất là do bọn tham quan ăn hối lộ làm lợi cho ngoại nhân đó ư? Ông chưa nhận rõ nguồn bệnh, nên mới nói thuốc không kiến hiệu, có thể gọi là trí hay chẳng? Ngoại quốc mạnh là vì nước họ nhỏ, nếu chẳng đồng tâm hiệp lực, sẽ chẳng thể tự lập. Trung Quốc mỗi người một ý, dù có đồng tâm, nhưng hễ ngoại nhân đem lợi ra dụ, bèn bị của hối lộ xoay chuyển, chẳng những không đoái đến nước, đến dân, ngay cả chính bản thân mình cũng chẳng đoái hoài, rồi bảo là do phụng hành lễ nghĩa nên bị thua thiệt, há có được chẳng? Xưa Lâm Văn Trung Công²⁵⁸ đuổi kẻ mọi rợ,

258 Lâm Văn Trung Công chính là Lâm Tắc Từ (1785-1850), người Hâu Quan, tỉnh Phước Kiến, đỗ tiến sĩ dưới đời vua Gia Khánh, tự là Thiệu Mục và Nguyên Vũ. Ông lo việc chính sự sốt sắng, chăm lo để điều rất hiệu quả nên rất được Thanh Triều coi trọng. Do tận lực bài trừ nha phiến, tháng 6/1840, ông đã chủ trương tấn công tô giới Hương Cảng, tịch thu và đốt các rường đựng thuốc phiện. Dưới áp lực của Anh, nhà Thanh cách chức ông đẩy đi Y-lê. Do Hoàng Hà vỡ đê, ông lại được triệu về Hà Nam đốc thúc

chính là chứng cứ. Bất cứ chuyện lớn nhỏ nào về sau, có chuyện nào chẳng phải là thay mặt cho Trung Quốc chu toàn đó ư? Người Trung Quốc quá nửa là hạng người quên mất tám chữ (tức hiếu, đễ, lễ, nghĩa, trung, tín, liêm, sỉ), cho nên ngoại quốc mới mạnh như thế, Trung Quốc yếu ớt như thế. Nếu như ai nấy đều tuân thủ lễ nghĩa thì những hàng hóa vô ích của ngoại quốc tiêu thụ vào đâu, Trung Quốc mỗi năm tiết kiệm được mấy ngàn vạn vạn đồng. Người Trung Quốc không làm, nhưng thật sự có thể nói là làm đến cùng cực. Mạnh tử nói: “Kẻ làm quan không được sủng ái, đưa con dòng thứ, thương bận lòng về những nguy cơ, lo lắng hoạn nạn sâu xa, cho nên thông đạt”²⁵⁹.

Ông tuy đọc sách trải đời, nhưng không biết cái đạo đọc sách thấu hiểu đời nên mới có lời hỏi như thế. Kế sách ngày nay là phải nên đề xướng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi và cải ác tu thiện, tín nguyện vãng sanh là kế bậc nhất để vãn hồi kiếp vận, cứu nước cứu dân. Đàm huyền thuyết diệu còn phải xếp vào loại kém hơn. Nhưng muốn cứu thế mà chính bản thân không tận lực hành, trọn chẳng có hiệu quả thật sự, từ bản thân đến cả nhà, từ cả nhà đến cả ấp, từ ấp đến nước. Phong hóa ấy vừa xướng, rất có thể

đập đề rồi lại trở về Y-lê (Tân Cương). Mãi đến năm 1845, mới được xá tội, thăng chức. Hiện ông còn miếu thờ ở Phước Kiến, dân gian gọi là Lâm Văn Trung Công Từ (miếu thờ Lâm Văn Trung Công).

259 Nguyên văn: “Độc cô thần nghiệt tử kỳ tháo tâm dã nguy, lự hoạn dã thâm, cố đạt.” Chúng tôi dịch câu này theo cách giải thích của sách Tứ Thư Dị Giải. Ở đây, “ngiệt tử” theo từ điển Từ Hải là đứa con dòng thứ, nghiệt có nghĩa là ngành nhánh, không thuộc dòng chính.



sẽ có hiệu quả chẳng thể nghĩ tưởng được nổi, nếu không sẽ khó thể mộng thấy được!

89. Thư gởi Chu Pháp Lợi đồng tử

Con người một đời thành hay bại đều do lúc niên thiếu nhiều phen tài bồi mà ra. Người đã thành đồng²⁶⁰, phải biết tốt xấu, trợn chẳng được học đòi những thói thời thượng, hãy nên học hiếu, học lễ, học trung hậu, thành thật. Trong lúc tuổi trẻ này, tinh lực cường tráng, nên nỗ lực đọc sách, phàm đọc qua những sách gì nên nghĩ đến những điều sách đã nói, phải hành theo điều đó, chẳng phải là đọc xong rồi thôi. Những điều sách nói nếu chẳng dễ lãnh hội thì Âm Chất Văn, Cảm Ứng Thiên v.v. đều là nói thẳng, hãy khéo lãnh hội. Hãy nên thường đọc, thường ngẫm nghĩ, sửa lỗi hướng thiện, trong lúc rảnh nên niệm A-di-đà Phật và Quán Thế Âm Bồ-tát để mong tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước tuệ, chớ cho như vậy là nhọc nhằn. Cổ ngữ nói: “Trẻ khỏe không nỗ lực, già lớn luống buồn thương!” Lúc này nếu để lỡ làng quang âm, sau này dù có nỗ lực cũng khó thành tựu, bởi thời giờ đã qua, sức nhớ đã kém, học phải dùng sức nhiều nhưng hiệu quả ít ỏi.

Thứ nhất phải làm một người tốt, thấy người hiền mong được bằng, thấy người không hiền trong lòng tự

260 Thành đồng: tuổi chuyển tiếp từ thiếu niên sang thanh niên, từ 15 tuổi trở lên, 19 tuổi trở xuống.

cảnh tình. Thứ hai là phải biết nhân quả báo ứng, nhất cử nhất động chớ mặc tình phóng ý, cần phải nghĩ việc này có ích gì cho mình, cho người thân và cho mọi người hay không? Chẳng những làm việc như thế, mà ngay cả suy nghĩ động niệm cũng nên như thế. Khởi tâm tốt sẽ có công đức, khởi tâm xấu sẽ mắc tội lỗi. Phải nghĩ mong được quả báo tốt, phải giữ tâm tốt, nói lời tốt, làm chuyện tốt, có lợi cho người và vật, vô hại cho mình và người mới nên. Nếu không thể như vậy, há có báo tốt gì để mà mong? Ví như đem hình tượng xấu đặt trước gương sáng, quyết định chẳng thể có hình ảnh đẹp để xuất hiện, hình bóng hiện ra trọn chẳng khác gì hình tượng xấu xí ấy. Nếu người hiểu sâu xa nghĩa này, tương lai ắt thành một bậc chánh nhân quân tử, khiến cho hết thảy mọi người đều tôn trọng ái mộ. Mong hãy suy nghĩ cẩn thận, xét nghĩ kỹ càng thì may mắn lắm thay!

90. Thư gửi Mã Khế Tây

Con người sống trong thế gian phải biết giữ yên bốn phận, làm chuyện vượt phận cũng như khen ngợi những chuyện đó đều là cội nguồn chiêu họa, chuốc nhục. Quang là một ông tăng tầm thường, hèn kém, chỉ biết cơm cháo, vì đâu ông lại soạn truyện cho tôi, bạo gan dám viết bốn câu: “Nay cách thánh đã xa, bậc chân tu hành ít ỏi...”, gán cho tôi khiến tôi đắc tội với bậc thiện tri thức, hiền sĩ, đại phu trong Tông, Giáo. Ý ông cho rằng càng nói dễ nghe là càng vinh hạnh ư? Chẳng biết mình đã đem phạm lạm



thánh, tội chẳng thể dung! Ông cũng đã từng xem kinh Lăng-nghiêm, sao chẳng biết phạm đại vọng ngữ, tội ấy nặng hơn tội sát, trộm, dâm trăm ngàn vạn ức lần sao? Ông biết sai cứ làm, chẳng những chính ông tội lỗi quá sức, ngay cả Quang cũng đang bị người sáng mắt thóa mạ, tương lai phải chịu khổ báo nơi địa ngục A-tỳ, không có ngày ra. Ví như thứ dân xưng bừa là đế vương, tội ắt phải diệt tộc. Ấy là vì đại vọng ngữ hoại loạn Phật pháp, gây nghi ngờ, lầm lạc chúng sanh. Ông có nên bày ra lời bịa đặt ấy chẳng?

Mong hãy đem bản thảo ấy thiêu đi, từ nay về sau chớ nên viết gì nữa. Tôi chỉ mong được sanh Tây Phương, muốn truyền lại truyện ấy để làm gì? Ông cho rằng do vậy mới có thể lưu tiếng thơm trăm đời ư? Không biết mù quáng soạn cuốn truyện bịa đặt ấy, chẳng những để tiếng xấu vạn năm lại còn phải chịu khổ vĩnh kiếp. Nếu cho lời tôi nói là sai thì chính là quyến thuộc của ma vương, xin từ nay hãy đoạn tuyệt!



MỤC LỤC



LỜI GIẢI BÀY	5
I. THƯ TỪ	9
1. Thư gửi hòa thượng Thể An chùa Đại Hưng Thiện	9
2. Thư bàn luận cùng bạn hữu về cương yếu của việc giáo chánh kinh điển	17
3. Thư gửi đại sư Dung Minh	20
4. Thư gửi sư Ngộ Khai	21
5. Thư trả lời sư Hải Thự	24
6. Thư gửi sư Căn Kỳ chùa Tứ Minh Quán Tông	27
7. Thư gửi tòa báo Phật Học	30
8. Thư trả lời cư sĩ Bộc Đại Phàm	40
9. Thư trả lời cư sĩ Tạ Dung Thoát ở Thái Thuận (thư thứ nhất)	48



10. Thư trả lời cư sĩ Tạ Dung Thoát ở Thái Thuận (thư thứ hai)	50
11. Thư trả lời cư sĩ Đặng Bá Thành (thư thứ nhất)	52
12. Thư trả lời cư sĩ Đặng Bá Thành (thư thứ hai)	58
13. Thư trả lời cư sĩ Đặng Tân An	63
14. Thư gởi cư sĩ Lưu Đình Thành ở Phước Kiến	66
15. Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân (thư thứ nhất)	67
16. Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân (thư thứ hai)	71
17. Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân (thư thứ ba)	76
18. Thư trả lời cư sĩ Cao Thiệu Lân (thư thứ tư)	82
19. Thư gởi cư sĩ Trần Tích Châu	89
20. Thư gởi cư sĩ Tâm Nguyên	100
21. Thư gởi cư sĩ Vệ Cẩm Châu	102
22. Thư trả lời cư sĩ Lâm Giới Sanh ở Thái Thuận (thư thứ nhất)	110
23. Thư trả lời cư sĩ Lâm Giới Sanh ở Thái Thuận (thư thứ hai)	114
24. Thư gởi cư sĩ Lâm Chi Phần ở Thái Thuận (thư thứ nhất)	119
25. Thư gởi cư sĩ Lâm Chi Phần ở Thái Thuận (thư thứ hai)	122
26. Thư trả lời anh em cư sĩ X... ở Vĩnh Gia	134
27. Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ nhất)	141
28. Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ hai)	144
29. Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ ba)	147
30. Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ tư)	153
31. Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ năm)	161

32.	Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ sáu)	186
33.	Thư gửi nữ sĩ Từ Phước Hiền	191
34.	Thư gửi sư Khang Trạch	202
35.	Thư gửi pháp sư Đế Nhàn	205
36.	Thư gửi sư Ngọc Trụ	207
37.	Thư gửi cư sĩ Hứa Khoát Nhiên ở Quảng Đông	209
38.	Thư trả lời cư sĩ Đinh Phước Bảo luận về chuyện tỵ hương	216
39.	Thư gửi hiệu liêm Tiêu Vĩnh Hoa ở Quảng Đông	218
40.	Thư gửi cư sĩ X... (viết thay sư Liễu Dư)	221
41.	Thư gửi phu nhân X... ở Hải Diêm	223
42.	Thư gửi Cố mẫu Từ phu nhân ở Hải Diêm	224
43.	Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ nhất)	226
44.	Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ hai)	229
45.	Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ ba)	232
46.	Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ tư)	232
47.	Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ năm)	236
48.	Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ sáu)	238
49.	Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ bảy)	240
50.	Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ tám)	242
51.	Thư trả lời cư sĩ X... ở Vĩnh Gia (thư thứ chín)	244
52.	Thư trả lời cư sĩ Chu Quần Tranh ở Vĩnh Gia	245
53.	Thư trả lời sư Hoằng Nhất	248
54.	Thư trả lời cư sĩ Vưu Tích Âm ở Vô Tích	249
55.	Thư dự định trả lời vị cư sĩ X...	252
56.	Thư gửi cư sĩ Cao Hạc Niên	256



57.	Thư hỏi thăm bệnh pháp sư Đế Nhân	262
58.	Thư trả lời thầy Hoằng Nhất (thư thứ nhất)	265
59.	Thư trả lời thầy Hoằng Nhất (thư thứ hai)	270
60.	Thư trả lời cư sĩ Uông Mộng Tùng	272
61.	Thư trả lời cư sĩ Trần Huệ Siêu	276
62.	Thư trả lời ông Ly Ấn Tẩu	278
63.	Thư trả lời cư sĩ Vưu Hoằng Như	289
64.	Thư trả lời cư sĩ Thích Trí Châu (thư thứ nhất)	291
65.	Thư trả lời cư sĩ Thích Trí Châu (thư thứ hai)	293
66.	Thư trả lời cư sĩ Thích Trí Châu (thư thứ ba)	296
67.	Thư trả lời cư sĩ Phạm Cổ Nông (thư thứ nhất)	298
68.	Thư trả lời cư sĩ Phạm Cổ Nông (thư thứ hai)	300
69.	Thư trả lời cư sĩ Ngô Hy Chân (thư thứ nhất)	304
70.	Thư trả lời cư sĩ Ngô Hy Chân (thư thứ hai)	305
71.	Thư trả lời cư sĩ Ngô Hy Chân (thư thứ ba)	308
72.	Thư trả lời cư sĩ Lục Giá Hiên	309
73.	Thư trả lời cư sĩ Lưu Trí Không	312
74.	Thư trả lời cư sĩ Chu Trí Mậu	313
75.	Thư trả lời cư sĩ X...	321
76.	Thư trả lời cư sĩ Hoàng Trí Hải	322
77.	Thư trả lời cư sĩ Phan Đối Phù	328
78.	Thư gởi cư sĩ Nhiếp Văn Đài	331
79.	Thư trả lời cư sĩ Kiều Trí Như	332
80.	Thư trả lời cư sĩ Giang Dịch Viên	333
81.	Thư trả lời cư sĩ Đường Đại Viên	335
82.	Thư trả lời cư sĩ Uông Vũ Mộc	338
83.	Thư trả lời sư Thịnh Cơ	341

84.	Thư trả lời cư sĩ Phương Viễn Phàm	345
85.	Thư trả lời cư sĩ Huệ Lăng	347
86.	Thư trả lời Bàng Khế Trình	352
87.	Thư trả lời cư sĩ Viên Văn Thuần	353
88.	Thư trả lời cư sĩ Viên Phước Cầu	357
89.	Thư gửi Chu Pháp Lợi đồng tử	364
90.	Thư gửi Mã Khế Tây	365



ẤN QUANG PHÁP SƯ VĂN SAO

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Địa chỉ: 65 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

*

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc Bùi Việt Bắc. Chịu trách nhiệm nội dung: Tổng biên tập
Lý Bá Toàn. Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh. Thiết kế mỹ thuật: Trần Nguyên Hải - 0989100421.
Sửa bản in: Minh Trí

*

Đối tác liên kết: Công ty TNHH NIP Production
Liên hệ ấn tổng: 0989100421

*

In 2.000 cuốn, khổ 16cm x 24cm tại Xí nghiệp in, văn phòng phẩm, bao bì Fahasa.
Địa chỉ: Lô B26/II-B27/II Đường số 5 Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Tân, TP.HCM.
Số XNĐKXB: 2801-2025/CXBIPH/17-102/HĐ, ngày: 25/07/2025;
QĐXB: 298/QĐ-NXBHĐ, cấp ngày: 19/08/2025. In xong và nộp lưu chiểu: 2025

ISBN: 978-632-01-0053-8



9 786320 100538